TRẦN THÚC VIỆT

DIỆN MẠO VĂN HỌC CẬN HIỆN ĐẠI LÀO

(TẬP 2)

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

TRẦN THÚC VIỆT

DIỆN MẠO VĂN HỌC CẬN HIỆN ĐẠI LÀO

(TẬP 2)

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Lời nói đầu

Hai dân tộc Việt Nam - Lào vốn có quan hệ cội nguồn và tiếp xúc lâu đời. Nhất là từ khi bị thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, truyền thống đoàn kết thuỷ chung giữa nhân dân hai nước lại được nhân lên gấp bội và đó cũng là một trong những nhân tố quan trọng quyết định thắng lợi của cách mạng mỗi nước. Việc nghiên cứu một cách toàn diện về đất nước Lào anh em, trong đó, văn học nghệ thuật là một biểu hiện phong phú của đời sống lịch sử, văn hoá và tinh thần dân tộc, là một đóng góp thiết thực nhằm tăng cường tình hữu nghị và sự hiểu biết tin cậy lẫn nhau giữa nhân dân hai nước.

Nằm trong nền văn hoá của cộng đồng khu vực Đông Nam Á, văn học Lào mang những đặc điểm chung của nền văn học vùng. Song, sinh ra trên xứ sở của sự kết hợp hài hoà giữa sông suối tươi đẹp, trữ tình với núi rừng hùng vĩ, thơ mộng, nền văn học dân tộc Lào thể hiện giai điệu riêng, bản sắc riêng độc đáo.

Văn học thành văn Lào ra đời muộn hơn các nước trong khu vực Đông Nam Á. Vào giữa thế kỷ

XIV, nền văn học viết truyền thống Lào mới xuất hiện cùng với sự xuất hiện của nhà nước phong kiến độc lập thống nhất đầu tiên trong lịch sử Lào - Vương quốc Lạn Xạng (Triệu Voi). Năm 1893, thực dân Pháp đặt ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân cũ phương Tây vào Lào thì nền văn học trung đại Lào kết thúc, nền văn học cận hiện đại dần dần xuất hiện.

Nền văn học cận hiện đại Lào xuất hiện chính trong khói lửa của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, nó không trải qua bước quá độ, mà hầu như bị đứt quãng và có sự đột biến. Đặc biệt, sự ra đời của nó lại do chính dòng văn học yêu nước cách mạng xây dựng nên. Văn học yêu nước và cách mạng Lào tạo thành dòng chủ thể bao trùm suốt từ thời kỳ chống Pháp đến chống Mỹ và sau ngày đất nước giải phóng, bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Để góp phần tăng cường tình hữu nghị anh em của mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào, đồng thời, tìm hiểu đặc điểm phát triển của thể loại văn xuôi hiện đại trong mối quan hệ giữa truyền thống và cách tân, dân tộc và hiện đại, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông phối hợp với các tác giả xuất bản Bộ sách ***"Diện mạo văn học cận hiện đại Lào"***.

Bộ sách chia làm 2 tập:

Tập I: *Diện mạo văn học cận hiện đại Lào* (GS,TS Nguyễn Đức Ninh - Viện nghiên cứu Đông Nam Á-Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam viết).

Tập II: *Nhận diện văn xuôi Lào hiện đại - quá trình hình thành và đặc điểm phát triển của thể loại*. (GVC Trần Thúc Việt - Khoa Văn học - Trường Đại học KHXH&NV - Đại học Quốc gia Hà Nội viết).

Ngoài ra, trong mỗi tập sách cũng được các tác giả tuyển chọn, giới thiệu một số tác phẩm thơ ca, truyện ký, tiểu thuyết tiêu biểu nền văn học cận hiện đại Lào.

Hy vọng, đây sẽ là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích đối với bạn đọc trong và ngoài nước cũng như các bậc đào tạo nghiên cứu của Việt Nam về một thời đại văn học mới ở Lào.

Trân trọng giới thiệu Bộ sách cùng bạn đọc!

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

NHẬN DIỆN VĂN XUÔI LÀO HIỆN ĐẠI - QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN CỦA THỂ LOẠI

Chương 1

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ THÀNH TỰU CỦA VĂN XUÔI LÀO HIỆN ĐẠI

Không thể so với nền văn xuôi thế giới, chỉ so với khu vực Đông Nam Á thì nền văn xuôi hiện đại Lào có lẽ ra đời muộn nhất trong khu vực. Những mầm mống đầu tiên của nền văn xuôi nghệ thuật Lào đã phôi thai từ thời kỳ 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) và giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1955 - 1965). Nhưng sự xuất hiện của văn xuôi hiện đại theo đúng nghĩa là một thể loại thực thụ của nền văn học hiện đại Lào thì mới chỉ bắt đầu từ năm 1965. Và điều đặc biệt là nền văn xuôi hiện đại Lào chỉ có thể ra đời trong vùng giải phóng dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Mặt trận Lào yêu nước. Nói cách khác, "văn học cận hiện đại Lào chủ yếu do văn học yêu nước và cách mạng gây dựng nên"[1] và văn xuôi hiện đại Lào cũng chỉ có thể bắt đầu từ nền văn xuôi cách mạng Lào.

[1] Đức Ninh,"Thử dựng lại tiến trình phát triển của văn học cận hiện đại Lào" Tạp chí *Văn học*, số 3 -1987. tr 100 - 107.

Ra đời và phát triển gắn chặt với cuộc đấu tranh cách mạng của dân tộc, nền văn xuôi hiện đại Lào chưa có một bề dày lịch sử, song, nó đã đạt được thành tựu cả về nội dung và nghệ thuật đáng trân trọng. Nền văn xuôi non trẻ Lào đã trình bày trước độc giả hàng loạt các truyện ngắn, ký, tiểu thuyết phản ánh một cách trung thực và sinh động hiện thực cuộc đấu tranh cách mạng ở Lào cũng như đời sống tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của người dân các bộ tộc Lào.

Ở chương thứ nhất này, chúng tôi sẽ trình bày chặng đường gần 40 năm hình thành và phát triển của nền văn xuôi Lào hiện đại, từ những tiền đề của sự ra đời văn xuôi đến những thành tựu của truyện ký và tiểu thuyết, nhằm làm cơ sở cho việc đi sâu khảo sát những đặc điểm phát triển của thể loại.

1. Những tiền đề của sự ra đời văn xuôi hiện đại

Như đã nói ở trên, thời kỳ nhân dân các bộ tộc Lào tiến hành cuộc đấu tranh chống ách đô hộ của thực dân Pháp, nền văn học hiện đại Lào coi như chưa có văn xuôi. Bởi chính sách văn hoá - giáo dục của Pháp hết sức thâm độc đối với Lào: bóp nghẹt nền văn nghệ tốt đẹp của dân tộc, miệt thị, chà đạp hòng xoá bỏ tiếng nói và chữ viết dân tộc, phổ biến thứ văn hoá nô dịch, phản động của chủ nghĩa thực dân cũ vào Lào, nên hơn năm mươi năm thuộc Pháp, ở Lào đã không thể xuất hiện được một tầng lớp trí

thức dân tộc có học vấn. Văn học viết bị cấm đoán, sinh hoạt văn hoá văn nghệ nghèo nàn và sống lay lắt trên vốn cũ. Dòng văn học yêu nước và cách mạng phát triển chủ yếu với thể loại thơ ca mang tính chất truyền khẩu dân gian, ngầm chảy trong lòng nhân dân. Thời kỳ này có xuất hiện một số tác phẩm văn xuôi trong vùng địch tạm chiếm (Viêng Chăn) như *Tượng Phật linh thiêng, Nhớ ơn Pháp* của Chinđa Mani, *Hồ ma quái, Bột ga ri* của Thạo Kền. Nhưng đây là những tác phẩm của người Lào lại được viết bằng tiếng Pháp, thường mô phỏng, mượn cốt truyện của văn học nước ngoài (Pháp, Thái Lan) và được coi là những ấn phẩm "chính thống" công khai trên văn đàn. Là những tác phẩm được viết theo đơn đặt hàng của Pháp, nên các tác giả đều tập trung ca ngợi "Thàn phạ lẫng" (quan thầy Pháp) trong cái sứ mạng "khai hoá văn minh" của "mẫu quốc". Thậm chí có những tác phẩm tuyên truyền chủ nghĩa phân biệt chủng tộc hoặc tư tưởng mê tín dị đoan. Đáng chú ý là tác phẩm *Tượng Phật linh thiêng* (1944) của Chinđa Mani. Tác giả gián tiếp ca ngợi Pháp thông qua ca ngợi sự tài giỏi của một nhân vật tên là Ăng Toan (con lai: bố Pháp, mẹ Lào). Bằng tài trí "xuất sắc"của mình, Ăng Toan đã lập công lớn: tìm ra thủ phạm của vụ trộm một bức tượng Phật linh thiêng ở chùa Xỉ xa kệt (Viêng Chăn). Cũng qua tác phẩm này, tác giả tích cực tuyên truyền cho tư tưởng mê tín dị đoan.

Hồ ma quái của Thạo Kền lại mô phỏng từ một tác phẩm văn học Pháp nhưng tên nhân vật và địa danh thì đã được Lào hoá. Dựa vào một câu chuyện của nước ngoài (La Mare au Diable - cái ao ma của George Sand) để xây dựng thành một tác phẩm hiện đại về xã hội Lào, Thạo Kền đã thể hiện khá đậm nét tư tưởng lãng mạn tiêu cực, mê tín dị đoan. Tác giả này thường viết các tác phẩm phục vụ cho âm mưu chia rẽ, phân biệt chủng tộc. Rõ ràng, loại văn học này không thể tạo ra một tiền đề cho sự ra đời của văn xuôi hiện đại Lào, khi nền văn xuôi đó đòi hỏi phải phản ánh những vấn đề hiện đại của chính dân tộc mình bằng tiếng nói và chữ viết dân tộc. Có nghĩa là, nền văn xuôi hiện đại ra đời "phải phản ánh được tư tưởng, tình cảm của những giai cấp, những tầng lớp người trong xã hội hiện đại, phải đặt ra được những vấn đề có ý nghĩa đối với thời đại"[(1)].

Bước sang thời kỳ 9 năm kháng chiến chống Pháp, nền văn học Cách mạng - Văn học Ít-xa-la (văn học do Mặt trận Lào tự do lãnh đạo) vẫn chưa có văn xuôi. Thể loại "xung kích" "thường trực" của văn học là Kon-lăm (thơ ca). Rải rác trên các số báo kháng chiến ở các miền, vùng có xuất hiện một số truyện như: *Lòng mẹ, Bất khuất, Lính Pháp trốn trại, Binh sỹ tỉnh ngộ*... Nhưng cũng chỉ là những ghi chép các

[(1)] Phan Cự Đệ,Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại,Tập I, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H. 1975, tr 14.

mẩu chuyện có thực xảy ra trong chiến tranh. Đây là những phôi thai của văn xuôi nghệ thuật.

Mười năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nền văn học hiện đại Lào cơ bản cũng chỉ có thơ ca. Thơ ca vẫn là thể loại hàng đầu, thể loại chủ lực của văn học cách mạng. Văn xuôi mang tính chất ký, báo chí, chính luận, kể chuyện người thật việc thật đã xuất hiện nhiều hơn. Đặc biệt là một loạt các truyện của Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông viết về hình ảnh người phụ nữ tham gia kháng chiến như *Y tá, Một quả mìn, Những lời hứa hẹn không quên...* hay các mẩu chuyện về sự thức tỉnh của các binh sỹ nguỵ trở về với chính nghĩa như: Về với mẹ, Anh em gặp lại nhau, Xin đầu hàng, Trở về với chính nghĩa... Đây chưa phải là những truyện ngắn theo đúng đặc trưng thể loại của nó. Nhưng đó là những mầm mống đầu tiên của một nền văn xuôi sẽ ra đời vào giai đoạn tiếp sau.

Nền văn xuôi hiện đại Lào thực sự ra đời từ năm 1965 với hai tác phẩm truyện ngắn *Sóng Mê Kông*, của Khăm ma Phôm-cong và tự truyện *Ánh sáng cách mạng*, của Chăn-thi Đươn-xa-vẳn. Đến năm 1968, tác phẩm "Bé Xỉ" (Tập I) của Khăm-liêng Phôn-xê-na ra đời đánh dấu sự xuất hiện của thể loại tiểu thuyết, thể loại "công nghiệp nặng" của nền văn học hiện đại Lào.

Như vậy, nền văn học cách mạng hiện đại Lào phải trải qua một quá trình "thai nghén" suốt 20 năm (1945 - 1965) mới bắt đầu có nền văn xuôi.

Văn xuôi hiện đại Lào ra đời rất muộn so với thơ ca hiện đại Lào và so với nền văn xuôi ở các nước khu vực Đông Nam Á. Nhưng ngay sau khi ra đời, văn xuôi, nhờ bắt ngay vào mạch chính, mạch chủ đạo của nền văn học tiên tiến, ưu việt - văn học cách mạng, nên nó đã đuổi kịp và phát triển song hành cùng thơ ca. Khoảng cách ra đời của ký, truyện ngắn, truyện vừa, tiểu thuyết gần như đồng thời nói lên sự phát triển mang tính chất đột biến, nhảy vọt của nền văn xuôi hiện đại Lào.

Sự ra đời muộn màng và sự phát triển nhanh chóng, vững chắc của văn xuôi Lào chỉ có thể lý giải từ những tiền đề về lịch sử - xã hội, tiền đề văn hoá - văn học và những cơ sở nhận thức lý luận chỉ đạo nền văn xuôi. Ở đây, có tiền đề giữ vai trò ảnh hưởng trực tiếp và cũng có tiền đề chỉ tác động gián tiếp tới sự ra đời của văn xuôi hiện đại mà thôi.

1.1. Tiền đề lịch sử xã hội

Lào là một quốc gia phong kiến phân quyền gồm nhiều tiểu vương quốc và nhiều bộ tộc với nền kinh tế hết sức thấp kém lạc hậu. Địa bàn cư trú của người Lào lại nằm sâu trong nội địa, không có biển, địa hình rừng núi hiểm trở, sông suối chia cắt, đi lại khó khăn nên người Lào giao lưu, tiếp xúc với thế giới bên ngoài, đặc biệt là với các nền văn hoá lớn

phương Đông như Trung Quốc, Ấn Độ khá muộn, chậm và sự tiếp thu ảnh hưởng, giao thoa văn hoá ấy thường thông qua một quốc gia trung gian khác. Tuy cách biệt với những vùng quần cư lớn nhưng "các bộ tộc Lào - Thái xưa kia cũng như sau này, luôn nằm ở vị trí "vùng đệm" giữa một bên là các cư dân Môn - Khmer phía Nam, bên kia phía Bắc là các cư dân Hán - Tạng; tiếp giáp với hai nền văn hoá lớn Châu Á: Ấn Độ về phía Tây Nam; Trung Hoa về phía Bắc, giữa hai chế độ thuộc địa: Anh và Pháp... một vị trí đầy biến động; trong khi đó, con đường phát triển tự nhiên của cư dân Lào - Thái là xây dựng một xã hội nông nghiệp lúa nước ổn định. Toàn bộ lịch sử của Thái Lan và Lào đã phát triển trong mối quan hệ có vẻ nghịch lý đó"[(1)]. Những cảm nhận của GS Phạm Đức Dương về Văn hoá Lào trên đây đã chỉ ra sự phát triển thống nhất trong tính đa dạng và phong phú của lịch sử xã hội Lào.

Quả như vậy, không chỉ từ trong quá khứ mà ngay khi xã hội Lào bước vào thời kỳ hiện đại, sự tiếp nhận những ảnh hưởng từ bên ngoài đối với Lào là rất chậm muộn. Ở vào vị trí "vùng đệm" và nằm giữa một khu vực "đầy biến động" nhưng người Lào vẫn "khòi khòi pay" (từ từ mà đi). Cho nên, đến những

[(1)] Phạm Đức Dương,"Đôi điều cảm nhận về văn hoá Lào", Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 4. 1996, tr 57.

năm giữa thế kỷ XX, một số nơi ở Lào vẫn tồn tại hình thức kinh tế của thời kỳ tiền phong kiến. Lào thuộc nhóm các quốc gia trẻ ở khu vực Đông Nam Á. Mãi đến giữa thế kỷ XIV, Phạ Ngừm mới thống nhất được các mường cổ đại, thành lập quốc gia phong kiến độc lập đầu tiên ở Lào. Xã hội phong kiến Lào tồn tại khá dài và đến khi nhân dân Lào giành được độc lập (1945) rồi hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ (1975) mới vứt bỏ được những quan hệ của một xã hội "tiền phong kiến".

Trong báo cáo chính trị đọc tại Đại hội II Đảng nhân dân cách mạng Lào (3-02-1972) đồng chí Tổng Bí thư Cay-xỏn Phôm-vi-hản đã chỉ rõ những đặc điểm cơ bản của Lào: Lào là một nước nhỏ, trình độ mọi mặt còn thấp, kinh tế phổ biến còn là tiểu nông, lạc hậu, có tính chất tự cấp tự túc dựa vào thiên nhiên theo hình thức kinh tế của thời kỳ trước phong kiến nhưng lại có bộ phận đã phát triển như kinh tế tư bản chủ nghĩa thực dân kiểu mới trong vùng địch tạm kiểm soát và kinh tế dân chủ nhân dân trong vùng giải phóng... giai cấp phân hoá chưa sâu sắc, mặc dù xã hội Lào đã trải qua chế độ thực dân cũ và mới. Ngoài hai giai cấp chủ yếu là nông dân và phong kiến, trong xã hội Lào xuất hiện những giai cấp mới: giai cấp tiểu tư sản, giai cấp tư sản (chủ yếu

là tư sản mại bản) và giai cấp công nhân. Văn hoá phát triển chậm. Đạo Phật là quốc đạo có ảnh hưởng sâu sắc trong nhân dân, tình trạng mê tín dị đoan còn nặng nề, nhất là ở vùng địch tạm kiểm soát. Dân số đã ít lại có nhiều bộ tộc. Trình độ phát triển không đồng đều, ý thức quốc gia dân tộc thống nhất phát triển chậm..."[1].

Có thể nói, từ 1893 khi Pháp chính thức đặt ách thống trị ở Lào thì trên bề mặt xã hội thể chế chính trị và tính chất xã hội đã có nhiều biến đổi. Nhưng những nền tảng của một xã hội truyền thống thì vẫn còn bám rễ sâu chắc trong lòng xã hội hiện đại. Hơn 60 năm thuộc Pháp, Lào vẫn là một quốc gia với nền kinh tế phân tán, tự cung tự cấp trong phạm vi cả nước.

Đế quốc Mỹ vào Lào đã làm xuất hiện tầng lớp tư sản và tiểu tư sản thành thị và đồng thời với nó giai cấp công nhân bắt đầu phát triển. Xã hội đã xuất hiện yếu tố thị dân thì văn xuôi trở thành một nhu cầu cấp thiết. Nền công nghiệp hình thành và bắt đầu có kinh tế hàng hoá, các thể loại khác nhau của văn xuôi ra đời đáp ứng đòi hỏi của công chúng mới.

---

[1] Cay-xỏn Phôm-vi-hản, *Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào*, Nxb Sự thật, H. 1986, tr 61.

Tuy nhiên, như chúng tôi đã khẳng định, đặc điểm bao trùm của sự ra đời và phát triển văn học hiện đại Lào nói chung và văn xuôi nói riêng chính là vai trò hết sức to lớn của Mặt trận yêu nước Lào, Đảng Nhân dân cách mạng Lào ở trong vùng giải phóng.

Nhờ có Đảng, có cách mạng mà nền văn học hiện đại Lào mới có phương tiện, công cụ đầu tiên của nó đó là tiếng nói và chữ viết Lào. Nhờ có sự ra đời của nền văn học cách mạng mà nền văn xuôi hiện đại mới có điều kiện ra đời và phát triển.

Do vậy, có thể coi sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương và về sau là sự ra đời của Đảng Cách mạng Lào là những tiền đề trực tiếp của văn xuôi hiện đại Lào.

Giai đoạn 1930 - 1945, lịch sử cách mạng Lào và lịch sử văn học Lào gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông Dương mà trực tiếp là sự lãnh đạo của các chi bộ thuộc Xứ uỷ Ai Lao.

Sau ngày có Đảng, nhiều cuộc đấu tranh chính trị, vũ trang ở Lào đã lần lượt nổ ra. Những năm 1936 - 1939, phong trào Bình dân ở Pháp, phong trào Đông Dương đại hội lên cao, báo chí của Đảng công khai hoạt động. Những biến động lớn lao này đã ảnh hưởng tích cực tới tình hình đấu tranh ở Lào. Ở Lào nổi lên phong trào "Phục hưng văn hoá dân tộc", ở

các địa phương thành lập các câu lạc bộ văn hoá - thể thao. Đứng về bình diện văn nghệ mà xét, phong trào này có tác dụng thúc đẩy công tác sáng tác, thu hút được một số thân, nhân sĩ, trí thức, học sinh tham gia, phần nào đã khơi dậy lòng tự tôn dân tộc. Nhưng hoạt động của "phục hưng văn hoá dân tộc" cũng chỉ dừng lại ở việc ra được một tờ báo "Lao nhay" (Đại Lào) in bằng hai thứ tiếng Pháp - Lào, đặt dưới sự kiểm duyệt của Pháp. Dẫu sao thì tiếng nói và chữ viết Lào đã bắt đầu xuất hiện công khai trên văn đàn.

Cũng trong thời kỳ 1940 - 1944, xuất hiện một sự kiện văn học đáng chú ý, đó là việc thành lập đoàn kịch "Lao nhay" với một số vở diễn tiêu biểu như *Bạ nhột* (Hám danh), *Nem năm xồng* (Duyên số) và *Bạp lày vên thăn* (Quả báo). Các vở kịch phần nào đã nêu cao lòng tự tôn dân tộc, phê phán và đả kích giai cấp phong kiến, quí tộc. Phong trào "Đại Lào" đã dấy lên một hoạt động sáng tác có chiều hướng cởi mở hơn, mặc cho Pháp cố lái vào quĩ đạo chống Nhật - Thái. Từ đây, không chỉ có kịch mà một số tác phẩm thơ ca, hò, vè, truyện đã xuất hiện tuy nghệ thuật còn giản đơn và nội dung tư tưởng còn xa rời các cuộc khởi nghĩa của quần chúng nhân dân.

Cuộc Cách mạng *Xíp Xỏng Tula* (12 -10 -1945) thành công, nước Lào tuyên bố nền độc lập dân tộc trước toàn thế giới. Nhưng ngay sau đó, nhân dân

Lào lại phải bước vào một cuộc chiến đấu lâu dài gian khổ chống hai đế quốc to là Pháp và Mỹ để giải phóng đất nước, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ và đưa cả nước tiến vào giai đoạn cách mạng mới, cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Trải qua 30 năm nước Lào tiến hành cuộc chiến tranh chống xâm lược (1945 - 1975), có Đảng Mác - Lê-nin lãnh đạo, cách mạng Lào có những bước tiến mới và ở Lào hình thành hai vùng có chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá đối địch nhau: Vùng giải phóng; vùng địch và tay sai tạm chiếm đóng. Và dĩ nhiên, ở Lào hình thành hai nền văn học: Văn học cách mạng ở trong vùng giải phóng và văn học nô dịch ở trong vùng địch tạm kiểm soát.

Nền văn học cách mạng ở trong vùng giải phóng chính là tiền đề trực tiếp cho sự ra đời của văn xuôi hiện đại Lào như đã nói ở trên.

1.2. Tiền đề văn học

Như nhiều nền văn học khác trên thế giới, văn học hiện đại Lào nói chung và văn xuôi nói riêng ra đời và phát triển là sự tiếp nối thành tựu nền văn học dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn học thế giới.

Văn học dân gian Lào là một bộ phận văn học rất phong phú, có vai trò vị trí hết sức quan trọng trong tiến trình lịch sử văn học dân tộc. Văn học dân gian

Lào là cội nguồn của văn học dân tộc, có mối quan hệ khăng khít với văn học thành văn và có ảnh hưởng trực tiếp đến văn học hiện đại. Nhờ có tính dân gian và sức mạnh dân gian hoá của nền văn học dân gian nên văn học hiện đại Lào có sự gần gũi với văn học dân gian.

Văn học trung đại Lào ra đời cùng với sự ra đời của nhà nước phong kiến thống nhất đầu tiên ở Lào vào giữa thế kỷ XIV và kéo dài đến cuối thế kỷ XIX. Cũng như các nền văn học khác ở Đông Nam Á, thể loại hàng đầu của văn học trung đại Lào là truyện thơ. "Đặc điểm lớn nhất của thể loại này là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa văn học nói và văn học viết, giữa chất dân gian và bác học"[1]. Thế kỷ XV, XVI, XVII là những thế kỷ nở rộ của truyện thơ Lào với các tác phẩm tiêu biểu: *Xỉn Xay*, *Kalakệt*, *Nang Tengon*, *Chămpaxitộn*, *Chănthạkhát*, *Thạo Hùng Thạo Chương*...

Tuy không phải là tiền đề trực tiếp của văn xuôi hiện đại nhưng với "thể truyện", các tác phẩm truyện thơ là sự gợi ý cho văn xuôi hiện đại về xây dựng nhân vật, cốt truyện, kết cấu, về miêu tả xung đột... Truyền thống văn học trung đại Lào cũng không nằm ngoài loại hình văn học Đông Nam Á, đó là thơ ca. Truyện thơ Lào phát triển phong phú, văn vần

[1] Nguyễn Tấn Đắc (chủ biên) *Văn học các nước Đông Nam Á*, Viện Đông Nam Á xuất bản, H. 1983, tr 15.

nhiều, còn văn xuôi rất ít. Hiện nay, người ta tìm thấy trong kho tàng văn học trung đại Lào chỉ có hai tác phẩm văn xuôi, đó là truyện ngụ ngôn *Nàng Tăn Tay* bắt nguồn từ tác phẩm *Phancha tantra* của Ấn Độ và *Chàng Xiêu xa vạt*. Văn học 3 thế kỷ đầu của thời kỳ nhà nước phong kiến Lạn Xạng hình thành phát triển đến độ cực thịnh chủ yếu tiếp nhận vốn văn học Ấn - Phật, văn học chủ yếu mang tính Phật giáo, tính giáo huấn, tính trữ tình và tính chất sử biên niên. Những tính chất này đã ảnh hưởng rõ rệt trong văn xuôi hiện đại Lào.

Thế kỷ XVIII - XIX, văn học Lào có sự chuyển biến mạnh mẽ. Từ những tác phẩm chủ yếu lấy đề tài từ kho Phật thoại hay các tác phẩm cổ điển Ấn Độ, nay đã xuất hiện những tác phẩm viết về tình yêu đất nước, văn học gắn với vận mệnh dân tộc. *Cạp mương Phuôn* (Vè mương Phuôn) và *Xán lựp bò xún* (Bức thư xoá không nhoà) là những tác phẩm viết về nỗi thống khổ của người dân Lào sống dưới ách thống trị của phong kiến Xiêm, phản ánh khát vọng giải phóng quê hương đất nước của người dân yêu nước. Văn học trước đây chỉ quen phản ánh những đề tài xa lạ, tưởng tượng, huyền thoại, nhân vật trung tâm là chàng hoàng tử hay nàng công chúa thì nay đã phản ánh những vấn đề thuộc về thế giới hiện thực. Các tác phẩm này tuy không phải là sự chuẩn bị trực tiếp cho

văn xuôi viết về cuộc đấu tranh cách mạng sau này ở Lào nhưng chủ nghĩa yêu nước chống xâm lược thì đã được văn xuôi hiện đại kế thừa và phát triển nâng cao thêm những phẩm chất mới, từ chủ nghĩa yêu nước đến tư tưởng giải phóng nhân dân.

Vè mương Phuôn và *Bức thư xoá không nhoà* là hai tác phẩm văn học cổ đầu tiên của Lào viết về hiện thực đất nước và tình yêu đất nước, nó đặt nền móng tư tưởng cho sự xuất hiện một dòng văn học yêu nước và cách mạng giai đoạn sau. Tuy nhiên, đây là những tác phẩm mở đầu cho một giai đoạn mới trong văn học nhưng không được tiếp tục.

Thực dân Pháp đô hộ Lào với chính sách văn hoá - giáo dục rất thâm độc, phản động nên không khí văn học thời Pháp thuộc bị phong bế, bóp nghẹt và không có sinh khí. Phong trào "Lao nhay" có vẻ cởi mở hơn nên có dịch được một số tác phẩm văn học phương Tây, sáng tác được một số thơ, kịch, chữ Lào đã xuất hiện trên mặt báo, nhưng tất cả chỉ là những thể nghiệm, không để lại dấu ấn và chóng bị lãng quên.

Chúng ta có thể thấy rõ văn xuôi hiện đại Lào bắt đầu thai nghén từ trong cuộc kháng chiến chống Pháp và thực sự ra đời trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với những tiền đề trực tiếp.

Trước hết phải kể đến quy mô phát triển của vùng giải phóng và những hoạt động văn hoá - văn nghệ ở trong đó.

Vùng giải phóng ở Lào ngày càng được xây dựng với "qui mô như một quốc gia, trở thành căn cứ vững chắc của cách mạng cả nước"[1]. Trong vùng giải phóng đã thành lập nhà xuất bản, nhà in, ra nhiều tờ báo, xây dựng trường học, tổ chức các đợt thi sáng tác văn nghệ, các lớp tập huấn sáng tác... Những hoạt động này là điều kiện cần có và là môi trường thuận lợi cho văn xuôi ra đời. Có hai hoạt động ở trong vùng giải phóng đã tạo tiền đề trực tiếp cho văn xuôi.

Thứ nhất: Báo chí cách mạng, nơi hồi sinh tiếng nói và chữ viết dân tộc, công cụ đầu tiên của văn học, trong đó có văn xuôi.

Sau ngày thành lập Mặt trận Lào Ít-xa-la (Tự do) ngày 13 -8 - 1950, trong vùng giải phóng lần lượt xuất hiện nhiều tờ báo cách mạng. Việc ra đời các tờ báo, cơ quan ngôn luận của phong trào kháng chiến ở các miền, vùng tuy hình thức và nội dung còn đơn giản nhưng nó đã kích thích phong trào sáng tác văn nghệ phục vụ kháng chiến. Mặt khác, từ các tờ báo, tiếng nói và chữ viết dân tộc dần dần được phục hồi và trở về với địa vị độc tôn của nó. Chính phủ kháng chiến

[1] Cay-xỏn Phôm-vi-hản,*Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào*, sđd, tr 62.

và Mặt trận Ít-xa-la đã phải bắt đầu làm lại từ đầu một sự nghiệp tưởng rất giản đơn nhưng rất quan trọng và đầy ý nghĩa, đó là việc củng cố, phát triển ngôn ngữ dân tộc, công cụ giao tiếp và là công cụ của sáng tác văn nghệ trong đó có văn xuôi.

Như mọi người đều biết, tiếng Lào có một quá trình lịch sử tồn tại và phát triển khá lâu dài. Từ những năm 60 đầu công nguyên trở về trước, tiếng Lào chỉ tồn tại như một ngôn ngữ nói mà chưa có chữ viết. Vào quãng năm 70 đầu công nguyên Lào bắt đầu có chữ viết khi có sự tiếp xúc với Ấn Độ và chịu ảnh hưởng chữ Săngxkrit. Từ giữa thế kỷ XIV với một kiểu chữ được Lào hoá từ tiếng Pali đã ra đời chữ Thăm. Đây là thứ chữ viết chủ yếu được phổ biến trong các chùa chiền Phật giáo tiểu thừa, là thứ chữ độc quyền của sư sãi trong một thời gian dài, dân chúng khó tiếp nhận. Nửa đầu thế kỷ XVI, vương quốc Lạn Xạng chính thức dùng hai kiểu chữ viết: Một kiểu chữ theo tiếng Săngxkrít được dùng trong các công việc hành chính và kiểu chữ Thăm dùng trong Phật giáo tiểu thừa. Đây là những kiểu chữ viết Lào cũ, do chịu ảnh hưởng tiếng Pali - Săngxkrit, nên có một khoảng cách nhất định với tiếng nói thông thường, gây khó khăn cho việc đọc và viết của đại bộ phận dân chúng. Do vậy, người dân không được trang bị thứ công cụ đầu tiên đó của văn học nên họ cũng không thể mở rộng khả năng cảm thụ và sáng tác văn học.

Hơn nửa thế kỷ thực dân Pháp đô hộ, tiếng Lào bị Pháp coi là tiếng nói của một dân tộc "da vàng, nhược tiểu", bị đẩy xuống hàng một "thổ âm" không được sử dụng ở các công sở, trường học, báo chí[1]. Tiếng Pháp giữ vị trí thống trị ở Lào.

Tiếng Lào thực sự được hồi sinh và trở lại vị trí chủ nhân của nó là từ năm 1945, khi Lào tuyên bố nền độc lập giành được từ tay Pháp - Nhật. Đặc biệt từ sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng (1975) tiếng Lào càng có điều kiện để phát triển thành một ngôn ngữ thống nhất, phong phú hơn.

Báo chí cách mạng ở trong vùng giải phóng đã có tác dụng to lớn vừa làm sống lại công cụ đầu tiên của văn học vừa đăng tải các sáng tác văn học.

Như đã nói, đến năm 1941, trước sự đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân, tiếng Lào lần đầu tiên xuất hiện với tư cách song ngữ cùng tiếng Pháp trên tờ báo "Lao-nhay" (Đại Lào). Đến đầu 1945, tờ "Chạ-lơn" (Văn minh) thay thế Đại Lào. Năm 1948, báo "Xa-ma-khi-thăm" (Đoàn kết) ra hàng tháng do ông Nu-hắc Phum-xa-vẳn tổ chức, thuộc Ủy ban kháng chiến ở phía Đông. Báo đăng tải các bài bình luận chính trị, tin tức, đặc biệt đăng nhiều sáng tác thơ của các nhà thơ cách mạng như Phu-mi Vông-vi-chít, Utạ-mạ, Xôm-xỉ

[1] Lê Duy Lương, *Văn học Lào xưa và nay*, Tư liệu văn học Lào, số 1-1974, Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật, tr9-43.

Đê-xa... Cũng năm 1948, trong vùng kháng chiến II (Xay-nhạ-bu-li) ra báo *"Cù-xạt"* (Cứu quốc) tháng 2 số do ông Phu-mi Vông-vi-chít lãnh đạo. Trên tờ báo này xuất hiện khá nhiều "Kon-lăm-tò-tạn" (thơ ca kháng chiến) của các nhà thơ, nghệ sĩ, nhà lãnh đạo cách mạng. Năm 1950, báo *"Lao Ít-xa-la "* (Lào tự do), tiếng nói của Mặt trận Lào tự do ra đời. Tờ báo ngoài đăng tải các bài thơ kháng chiến, có mục kể chuyện kháng chiến. Đây là những ghi chép các câu chuyện thực xảy ra trong kháng chiến và nó là một loại văn xuôi có ít nhiều tính chất văn học. Từ 1956, tờ "Lao Ít-xa-la" đổi tên thành *"Lao hắc xạt"* (Lào yêu nước).

Nhìn chung, báo chí ở trong vùng tập kết thời kỳ chống Pháp đã làm sống lại tiếng nói dân tộc một thời bị Pháp chà đạp, dè bỉu và bị lãng quên. Hình thức văn xuôi đơn sơ đã bắt đầu phôi thai trên diễn đàn báo chí cách mạng. GS Nguyễn Tấn Đắc nhận xét về vai trò của báo chí cách mạng ở Lào: "Đóng góp to lớn của báo chí là thúc đẩy sự hình thành của văn xuôi. Nếu Kon-lăm có thể nghe hát, kịch nói có thể xem diễn mà thôi, thì văn xuôi phải được đọc bằng chữ viết. Chữ viết không phải là điều gì mới mẻ ở Lào. Nó đã có mặt ở Lào sớm hơn một số nước khác ở vùng Đông Nam Á. Tuy vậy, chữ viết trước đây không được phổ biến trong quần chúng. Giờ đây tờ

báo Lào It xala tạo điều kiện thuận lợi cho văn xuôi nảy sinh"[1].

Thứ hai: Văn chính luận thúc đẩy sự phát triển của tiếng Lào hiện đại, cơ sở của sự ra đời văn xuôi.

Báo chí cách mạng ngoài đăng tải các tin tức thời sự, các sáng tác Kon-lăm, các mẩu chuyện kháng chiến... thì có một phần không nhỏ đăng tải các tác phẩm chính luận: đường lối, nghị quyết của Đảng, Mặt trận, lời kêu gọi, huấn thị của các nhà lãnh đạo, đặc biệt là các chủ trương, chính sách văn hoá - văn nghệ.

Văn chính luận đã bám sát lời nói của đời sống, có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của tiếng Lào hiện đại, do vậy, nó có tác dụng thúc đẩy sự nảy nở của văn xuôi.

Nhờ sử dụng nhuần nhuyễn vốn ngôn ngữ dân tộc, lời văn trong sáng, uyển chuyển, lập luận súc tích, chặt chẽ, những bài chính luận thực sự trở thành cơ sở, tiền đề của văn xuôi cách mạng.

Tiêu biểu cho loại văn chính luận thời kỳ chống Pháp là "Bản tuyên ngôn của Đại hội quốc dân Pa-thét Lào" và "Lời kêu gọi của Mặt trận Lào Ít-xa-la". Những văn kiện này đã khơi dậy lòng yêu nước nồng nàn, lòng căm thù giặc cao độ, tuyên truyền đường

[1] *Hợp tuyển văn học Lào*, Nxb Văn học, H.1981, tr 37.

lối đoàn kết dân tộc và quốc tế, ý chí độc lập tự do và chủ trương trường kỳ kháng chiến để giải phóng dân tộc.

Tuy nhiên, văn chính luận thời kỳ chống Pháp vẫn mang nặng tính chất cổ động, kêu gọi. Bước sang giai đoạn chống Mỹ, văn chính luận tiếp tục phát triển, mang tính khoa học, giáo dục và tính chiến đấu cao. Các bài phát biểu, huấn thị của các nhà lãnh đạo Đảng và Mặt trận như Cay-xỏn Phôm-vi-hản, Xu-pha-nu-vông, Nu-hắc Phum-xa-vẳn, Phu-mi Vông-vi-chít, Khăm-tày Xi-phăn-đon, Xa-lì Vông-khăm-xao... thực sự trở thành những tác phẩm chính luận tiêu biểu, đúc rút kinh nghiệm, chỉ đạo công tác văn hoá - văn nghệ.

Đảng và Mặt trận Lào yêu nước rất quan tâm đến việc xây dựng nền văn hoá - giáo dục mới có tính dân tộc, khoa học và đại chúng "Xây dựng nền giáo dục cách mạng theo 3 nguyên tắc lớn: dân tộc, khoa học, đại chúng nhằm nhanh chóng nâng cao trình độ mọi mặt của nhân dân các bộ tộc. Giáo dục và văn hoá phải đi trước một bước để phục vụ nhiệm vụ cứu nước và xây dựng đất nước theo hướng dân tộc, dân chủ. Xoá bỏ văn hoá nô dịch của đế quốc, văn hoá lạc hậu của phong kiến, tư sản, văn hoá lai căng phản dân tộc. Xây dựng nền văn hoá nghệ thuật của dân tộc Lào thống nhất có tính Đảng, tính dân tộc và tính

nhân dân sâu sắc. Bảo vệ và phát huy truyền thống văn học của mỗi bộ tộc. Nghiên cứu, học tập có chọn lọc văn hoá nghệ thuật của thế giới"[1].

Vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về văn học nghệ thuật, các tác phẩm chính luận đã xác định tính chất, chức năng, nhiệm vụ cho nền văn học mới, tạo điều kiện thuận lợi cho những nhà nghiên cứu, giảng dạy, sáng tác văn học vận dụng và xem xét giá trị của những tác phẩm văn học đã và đang ra đời, thúc đẩy sự nảy nở của văn xuôi hiện đại.

Ngoài ra, những hiện tượng mới của đời sống văn hoá trong vùng giải phóng đã đóng vai trò to lớn đối với sự ra đời và phát triển của văn xuôi. Vùng giải phóng với mục tiêu và lý tưởng sáng ngời đã thu hút biết bao tầng lớp người trong xã hội hăng hái tham gia, từ các trí thức, thân nhân sĩ ở nước ngoài trở về, các học sinh, sinh viên, binh sĩ, cảnh sát ở trong vùng địch tạm kiểm soát trốn vào vùng giải phóng đến những người nông dân, phụ nữ, em bé mồ côi sống tha phương cầu thực... tất cả tụ hội về vùng giải phóng để đứng trong hàng ngũ của những người kháng chiến chống xâm lược.

---

[1] Cay-xỏn Phôm-vi-hản, *Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào*, Nxb sự thật, H. 1986, tr 82-83.

Do vậy, trong văn học cách mạng Lào xuất hiện một loại hình tượng nhân vật "bỏ trốn" "ra đi" "trở về" với "ánh sáng cách mạng", chúng ta sẽ đề cập ở những phần sau.

Sự kiện đánh dấu sự ra đời và phát triển nhanh chóng của văn xuôi là sau hội nghị văn hoá - văn nghệ tháng 4 - 1966 tại khu giải phóng Sầm Nưa, Đảng và Mặt trận đã có sự chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức nhiều đợt thi sáng tác văn nghệ, trong đó có 3 đợt thi sáng tác văn xuôi, mỗi đợt có từ 60-70 cây bút tham gia, chỉ tính trong đợt một đã có 47 truyện ngắn có nội dung tốt.

Trong vùng giải phóng đã xuất hiện một tầng lớp công chúng mới, đã có một lực lượng sáng tác văn xuôi và hiện thực cuộc chiến tranh cách mạng bước vào một giai đoạn mới ngày một quyết liệt hơn, ngần ấy yếu tố đòi hỏi phải có một thể loại văn học mới ra đời.

Văn xuôi hiện đại Lào ra đời từ trong khói lửa của cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước. Nó ra đời dường như không có sự kế thừa, tiếp nối truyền thống văn học dân tộc một cách liên tục, trực tiếp mà là một bước nhảy vọt, một sự đột biến từ truyền thống của một nền văn học phát triển theo loại hình văn học phương Đông với thể loại thơ ca là chính đến nay đã có văn xuôi đích thực.

Văn xuôi là thể loại mới mẻ của nền văn học hiện đại Lào trên cả hai bình diện hình thức và nội dung. Hiện tượng "bình cũ rượu mới" của thơ ca cách mạng Lào xét trong mối quan hệ giữa hình thức và nội dung là điều đơn giản, dễ chấp nhận. Còn cái mới mẻ trong hình thức và nội dung của văn xuôi lại phải gắn liền với tính dân tộc và hiện đại, sự cách tân của nó so với truyền thống. Nội dung mới đã đành, hình thức phải hoàn toàn mới mẻ. Cho nên, sự ra đời của văn xuôi mang tính đột biến, không qua bước chuyển tiếp, quá độ vừa chịu sự tác động của các yếu tố bên trong lẫn bên ngoài.

Ở các nước Đông Nam Á, nền văn xuôi hiện đại ra đời sớm hơn Lào và thường trải qua thời kỳ quá độ với nhiều khuynh hướng và trào lưu sáng tác, đồng thời đều chịu sự tác động từ bên ngoài (Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.). Ở Lào, do vị trí địa hình, đặc điểm lịch sử, việc tiếp xúc với thế giới bên ngoài chậm muộn hơn. Từ 1956, khi ở Lào thành lập Mặt trận Lào yêu nước, quan hệ quốc tế bắt đầu được mở rộng thì nền văn học Lào mới có điều kiện giao lưu tiếp xúc với văn học khu vực và thế giới. Để có nền văn xuôi phát triển và tiến nhanh, hoà nhập vào quĩ đạo của nền văn xuôi khu vực, ở Lào không thể không có sự tiếp nhận ảnh hưởng từ bên ngoài.

1.3. Cơ sở nhận thức lý luận và những ảnh hưởng từ bên ngoài đối với sự ra đời của văn xuôi hiện đại Lào

Kết luận bài nghiên cứu "Văn học cách mạng Lào "tác giả Nguyễn Năm viết: "Văn học cách mạng Lào biết tìm nguồn cảm hứng trực tiếp từ thực tiễn cách mạng của đất nước, lại biết phát huy vốn văn nghệ truyền thống của dân tộc vào cuộc chiến đấu mới. Vì vậy, nó vừa rất dân tộc vừa rất quần chúng. Và trong điều kiện khó khăn trước đây, sách vở dịch thuật chưa có bao nhiêu, văn học cách mạng Lào chưa chịu một ảnh hưởng trực tiếp nào từ bên ngoài, trừ một ít tiếp xúc ban đầu với các nền văn học láng giềng và văn học cách mạng các nước xã hội chủ nghĩa"[1].

Quả vậy, văn xuôi cách mạng Lào ra đời dường như là xuất phát từ nhu cầu tự thân, nội tại, từ việc phải phản ánh hiện thực cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc chứ nó ít được chuẩn bị trước về mặt lý thuyết hoặc ít chịu ảnh hưởng của các yếu tố từ bên ngoài.

Trong nền văn học hiện đại Lào nói chung và văn xuôi nói riêng, cái được xem như cơ sở lý luận mỹ học Mác - xít trang bị trước cho văn xuôi ra đời và phát triển là không rõ rệt như một số nước khác ở trong khu vực.

---

[1] *Tìm hiểu lịch sử văn hoá nước Lào, Tập I*, Nxb Khoa học xã hội, H. 1978, tr 323.

Những tiền đề lý luận văn học nghệ thuật Mác - Lê-nin mới được phổ biến ở trong vùng giải phóng từ những năm 1960 trở về sau, trước đó chưa thấy xuất hiện. Các lớp tập huấn sáng tác, trường học ở trong khu giải phóng đã được tìm hiểu những nguyên lý Mỹ học Mác-xít, các ý kiến bàn về văn học của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, Goocky... nhưng chỉ trong một chừng mực nhất định, các nội dung của khái niệm chưa được giải thích sâu, còn đơn giản và sơ lược.

Đáng chú ý là các ý kiến phát biểu, chỉ đạo hướng dẫn hoạt động sáng tác của các đồng chí lãnh đạo kháng chiến, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Mặt trận yêu nước Lào đã cụ thể hoá những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác trên lĩnh vực văn hoá, văn nghệ góp phần chỉ đạo về mặt lý thuyết cho sự ra đời và phát triển văn xuôi.

Phương châm xây dựng một nền văn học mới, những nhiệm vụ cụ thể của nền văn học cách mạng và những yêu cầu về phẩm chất và trình độ chuyên môn của văn nghệ sỹ đã dần dần được nêu ra và làm sáng tỏ trong các văn kiện chính luận.

Chẳng hạn, Đảng và Mặt trận đã chỉ ra những yêu cầu, nhiệm vụ của nền văn học cách mạng là:

- Các tác phẩm cách mạng phải làm tròn chức năng tuyên truyền vận động nhân dân các dân tộc, bộ

tộc kiên trì tiến hành cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước giành thắng lợi cuối cùng.

- Văn học cách mạng phải tập trung ca ngợi tinh thần đấu tranh anh dũng, tinh thần xả thân vì độc lập tự do của Tổ quốc của cán bộ, chiến sỹ quân giải phóng nhân dân Lào của dân quân du kích đang ngày đêm chiến đấu trên các chiến trường.

- Văn học cách mạng phải phản ánh tinh thần lao động sản xuất của anh chị em công nhân, nông dân, trí thức, chiến sỹ đồng bào ngày đêm xây dựng vùng giải phóng vững mạnh.

- Các tác phẩm văn học cách mạng phải phản ánh cuộc đấu tranh kiên cường của nhân dân trong vùng địch tạm chiếm.

Đây là những yêu cầu rất cụ thể đối với nền văn học cách mạng nhưng cũng chính là những mảng chủ đề, đề tài lớn, những hình tượng nhân vật trung tâm mà nền văn học cách mạng phải phản ánh trong các tác phẩm, trong đó có văn xuôi.

Những khái niệm về tính dân tộc, tính nhân dân, tính Đảng của nền văn học mới đã được Tổng Bí thư Cay-xỏn Phôm-vi-hản chính thức nêu lên trong văn kiện của Đại hội Đảng Nhân dân cách mạng Lào lần thứ II (1972). Nhiệm vụ của người làm công tác văn nghệ đã được Chủ tịch Xu-pha-nu-vông phát biểu

trong hội nghị tổng kết thi sáng tác văn nghệ cách mạng lần thứ IV tại khu giải phóng Sầm Nưa (1970), quy tụ có 4 điểm chính[1]:

- Người sáng tác phải có tinh thần yêu nước, có lập trường tư tưởng và sự giác ngộ cách mạng cao, phải mang phẩm chất cách mạng cao đẹp.

- Người sáng tác phải có kiến thức, có sự hiểu biết sâu rộng, có một vốn sống dồi dào.

- Phải nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng và thực tế cách mạng.

- Người sáng tác phải nắm vững nghệ thuật sáng tác.

Nhìn chung lại, những văn kiện, những lời phát biểu trên đây ngoài ý nghĩa chỉ đạo trực tiếp các hoạt động sáng tác, nó còn có ý nghĩa về mặt lý luận đối với văn học nghệ thuật.

Ở Lào, khi bắt đầu xây dựng nền văn xuôi hiện đại thì công tác dịch thuật, giới thiệu nền văn học thế giới có tiến hành nhưng còn ít và chậm. Hiệp nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương được ký kết, lực lượng cách mạng Lào có hai tỉnh tập kết Sầm Nưa và Phông-xa-li, tựa lưng vào miền Bắc Việt Nam và Trung Quốc, nối liền với các nước xã hội chủ nghĩa

[1] *Hợp tuyển văn học Lào*, sđd, tr 304.

trước đây. Sự kiện này mở ra một thời kỳ mới để nền văn học Lào có điều kiện giao lưu, tiếp xúc với văn học các nước láng giềng, khu vực và thế giới. Văn xuôi Lào chịu nhiều ảnh hưởng của văn học Việt Nam, văn học Nga - Xô viết qua Việt Nam. Nhiều học sinh, sinh viên, cán bộ chiến sỹ đã từ vùng giải phóng Lào ra nước ngoài đào tạo, học tập, trao đổi trên nhiều lĩnh vực khoa học, giáo dục, văn hoá, kinh tế, chính trị... Đây cũng chính là cầu nối để một số tác phẩm tiêu biểu của văn học thế giới được phổ biến ở Lào: *Người mẹ* của M.Goocki, *Thép đã tôi thế đấy* của N. A. Ôxtrốpsky, *Những người Xô viết chúng tôi* của B. Pôlêvôi, *Những người khốn khổ* của Vích to Huy gô, *Eugenie Grander* của H. Balzac, *Cái sân gạch* của Đào Vũ ...

Một số nhà văn đã được đào tạo từ các nước xã hội chủ nghĩa trước đây như ở Việt Nam, Liên Xô.., một số khác bằng những con đường và hoàn cảnh khác nhau, họ đã từ các nước phương Tây trở về nước, vào khu giải phóng, tham gia kháng chiến vừa cầm súng vừa cầm bút. Họ trước hết là những nhà văn - chiến sỹ, ít nhiều được đào tạo, có quá trình chuẩn bị về phương diện nhận thức lý luận văn nghệ tiên tiến như Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông, Kẹo-ma-ni Xỉ-vông-xay, Xốm-bun Thạ-vị-xay... hoặc là những nhà văn từ phương Tây trở về, có lòng yêu Tổ

quốc lại được tôi luyện trong ngọn lửa đấu tranh cách mạng như Khăm-liêng Phôn-xê-na...

Xu-văn-thon Bu-pha-nu-vông, tiểu thuyết gia lớn nhất của nền văn học hiện đại Lào là một trường hợp điển hình. Có thể nói, ông là người chịu nhiều ảnh hưởng của nền văn học Việt Nam và văn học Nga, văn học Pháp qua các tác phẩm dịch ở Việt Nam.

Xu-văn-thon thuộc thế hệ nhà văn tham gia cách mạng từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp, nhưng sự nghiệp sáng tác của ông thực sự được khẳng định trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước. Hồi nhỏ, ông học tiểu học ở quê nhà, sau đó sang học trung học ở Huế (Việt Nam). Chiến tranh thế giới II nổ ra, ông trở về nước, làm việc trong một cơ quan thuộc Pháp. Nhật vào Lào, ông bị bắt, rồi trốn tù sang Thái Lan hoạt động trong phong trào của những người Lào yêu nước ở Thái. Từ 1948, ông trở về Lào tham gia kháng chiến. Suốt mấy chục năm tham gia cách mạng, Xu-văn-thon là cán bộ quân sự tham gia công tác tuyên truyền của Mặt trận Lào yêu nước như phụ trách đài phát thanh, nhà in, phóng viên mặt trận. Sau giải phóng làm cục trưởng cục xuất bản và là Chủ tịch Hội nhà văn đầu tiên của Lào (1990). Xu-văn-thon là tác giả có nhiều trải nghiệm trong cuộc sống, lại có cơ hội được học tập, đào tạo nghiệp vụ ở nước ngoài.

Những năm tham gia kháng chiến, ông có một số lần sang Việt Nam học nghiệp vụ báo chí, tập huấn sáng tác, được tiếp xúc với nền văn học Việt Nam và gặp gỡ các nhà văn, nhà thơ lớn của Việt Nam như Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Huy Tưởng... Điều này chứng tỏ, Xu-văn-thon là một trường hợp điển hình, trong quá trình sáng tác đã được bồi dưỡng những kiến thức lý luận và chịu ảnh hưởng từ bên ngoài trong một chừng mực nhất định.

Nếu Xu-văn-thon chịu nhiều ảnh hưởng của nền văn học từ các nước xã hội chủ nghĩa thì Khăm-liêng Phôn-xê-na lại là một tác gia tiểu thuyết lớn chịu nhiều ảnh hưởng từ văn học phương Tây, đặc biệt là văn học Pháp.

Khăm-liêng không phải là một nhà văn chuyên nghiệp, ông là một bác sỹ. Ông xuất thân trong một gia đình trí thức, dòng họ có người làm quan to ở Lào, hồi nhỏ du học ở Pháp và tốt nghiệp Đại học Y khoa ở bên đó. Hồi ở Pháp, ông là một trong những trí thức Lào chịu nhiều ảnh hưởng của phong trào đấu tranh của Đảng Cộng sản Pháp, ông thường xuyên theo dõi tình hình của đất nước ông. Năm 1956, sau khi thành lập Mặt trận Lào yêu nước, nghe theo tiếng gọi của Chủ tịch Hoàng thân Xu-pha-nu-vông, ông tình nguyện trở về Tổ quốc, vào khu giải phóng tham gia cách mạng, ông không chỉ đem hết sức mình phục

vụ công cuộc kháng chiến bằng nghề thầy thuốc (làm Thứ trưởng rồi Bộ trưởng Y tế Lào sau giải phóng) mà còn say mê sáng tác văn học. Tiểu thuyết *Xỉ-nọi* (Tập I) của ông ra mắt độc giả năm 1968, đánh dấu sự mở đầu của thể loại tiểu thuyết hiện đại ở Lào. Lòng yêu Tổ quốc, vốn sống phong phú cùng với những tiếp nhận ảnh hưởng từ bên ngoài đã tạo nên một tiểu thuyết gia Khăm-liêng bộc lộ phong cách của mình.

Có thể thấy, Xu-văn-thon là nhà tiểu thuyết sử thi, chịu nhiều ảnh hưởng của nền văn học cách mạng Việt Nam, còn Khăm-liêng là nhà tiểu thuyết tính cách, chịu nhiều tác động của nền văn học Pháp.

Qua hai tác giả Xu-văn-thon và Khăm-liêng và một số cây bút văn xuôi khác nữa, chúng ta thấy văn xuôi hiện đại Lào ra đời chịu sự chi phối cả yếu tố bên trong lẫn bên ngoài. Tuy nhiên, ngay khi xuất hiện, nó không chờ hội đủ các yếu tố mà nó từng bước được bổ sung và hoàn thiện.

2. Thành tựu của văn xuôi từ truyện ký đến tiểu thuyết hiện đại

2.1. Lực lượng sáng tác văn xuôi

Không phải là qui luật nhưng là hiện tượng khá phổ biến của các nền văn học hiện đại ở khu vực Đông Nam Á: Thơ ca là thể loại ra đời sớm hơn văn xuôi và trong văn xuôi, truyện ký xuất hiện trước tiểu

thuyết. Tất nhiên, thời điểm ra đời và khoảng cách giữa các thể loại đó ở các nền văn học trong khu vực là không giống nhau.

Văn học hiện đại Lào ra đời và phát triển không ngoài đặc điểm đó. Nhưng điều khác biệt của văn học hiện đại Lào nói chung và văn xuôi nói riêng chính là sự ra đời quá muộn màng của nó và nó ra đời không trải qua thời kỳ "quá độ", không có sự chuẩn bị trước về đội ngũ sáng tác. Văn xuôi hiện đại Lào nảy sinh từ chính nền văn học hiện đại cách mạng Lào và do những người chiến sỹ trực tiếp chiến đấu sáng tạo ra. Văn xuôi hiện đại đã thực sự có một cuộc lên đường nhưng không thấy xuất hiện đội ngũ những nhà văn chuyên nghiệp. Nói về đội ngũ sáng tác văn học ở Lào, nhà thơ Vi-lay Kẹo-ma-ni nhận xét: "Phần đông các nhà văn vốn là những cán bộ cách mạng hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Họ sáng tác theo yêu cầu của cách mạng. Lẽ dĩ nhiên, họ là những con người say mê văn học. Cho nên, có thể nói, họ là lớp người sáng tác hoàn toàn mới. Họ có thuận lợi là không trải qua một quá trình giáo dục cải tạo tư tưởng và chuyển đổi về phương pháp sáng tác"[1]. Giáo sư Nguyễn Tấn Đắc cho rằng: "Ở Lào không hề diễn ra những cuộc chuyển mình của người nghệ sỹ cũ, cũng không xảy ra những cuộc tranh luận giữa

[1] Vi-lay Kẹo-ma-ni,"Văn học Lào hôm qua và hôm nay", Tạp chí *Văn học*, số 5-1971, tr 92.

"nghệ thuật vị nghệ thuật" hay "nghệ thuật vị nhân sinh xã hội" như đã xảy ra ở một số nước Đông Nam Á: In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Việt Nam... Ở Lào cũng không có hiện tượng những người cầm bút nói hộ những người cầm gươm"[1].

Thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược, nền văn học hiện đại Lào non trẻ mới chỉ có một số người sáng tác thơ, những nhà lãnh đạo cách mạng như Phu-mi Vông-vi-chít, những nghệ sỹ kháng chiến như Xi-xạ-nạ Xi-xản, Ut-ta-mạ Chun-lạ-mun-ty, hay "mỏ lăm" Xôm-xỉ Đê-xa... mà chưa thấy xuất hiện những người viết văn xuôi.

Bước sang thời kỳ chống Mỹ, nền văn học hiện đại Lào đã có một lực lượng sáng tác văn xuôi tương đối đông đảo bao gồm nhiều thế hệ khác nhau. Có lớp nhà văn tham gia cách mạng từ thời 9 năm chống Pháp, sự nghiệp sáng tác khẳng định trong thời chống Mỹ, họ là những nhà văn đầu tiên xây nền đắp móng nền văn xuôi hiện đại Lào: Khăm-ma Phôm-cong, Chăn-thi Đươn-xa-vẳn, Khăm-liêng Phôn-xê-na, Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông... Có lớp nhà văn trẻ trưởng thành trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, họ xuất thân từ nhiều tầng lớp, dân tộc khác nhau trong xã hội như nông dân, công nhân, sinh viên, bộ đội... một số người được đào tạo từ nước ngoài trở

[1] *Tìm hiểu lịch sử văn hoá nước Lào*, Tập I. sđd, tr 306.

về như: Kẹo-ma-ni Xỉ-vông-xay (Bua-kẹo Chạ-lơn-lăng-xi), Xổm-bun Thạ-vi-xay, khăm-phái Vi-la-vông, Bun-thong Ma-ni-la, Nang Viêng-xăm Khăm-phon Phim-mạ-xón), Đuông-khăm Xỉ-vị lay, Nang Viêng Hương... Có lớp nhà văn trưởng thành trong chế độ mới sau ngày đất nước giải phóng: Thong-xới Khốt-vông-xá, Nang Viêng-phim (Xi-lay-viêng), Xốm-bùn Xẻng-ma-ni, Bun-thạ-nong Xổm-xay-phốn, Xúc-xa-văn Phôn-thê-va, Pạc-ca-đeng (Bun-thong Xín-mạ-chắc), Đao Nửa, Đuông-xay Luông-pha-xí, Khăm-peng Phết-đa-la-vông, Nêng Xay-vang... Đặc biệt, có lớp nhà văn trước đây sáng tác ở vùng địch và tay sai tạm chiếm, sau ngày giải phóng họ chuyển mình đi theo cách mạng, sáng tác của họ quen nhìn về cái cũ, cảm hứng phê phán, tố cáo xã hội cũ trội rõ trong tác phẩm: U-thin Bun-nhạ-vông, Đuông-chăm-pa, Đa-la, Đoọc-kệt, Phiền Chun-lạ-nun-ty, Xê-li-phạp...

Nhìn chung, lực lượng sáng tác văn xuôi ở Lào bao gồm "một đội ngũ gồm nhiều thành phần, nhiều nghề nghiệp và đủ mặt con em các bộ tộc Lào. Sự đa dạng đó sẽ tạo ra nhiều tiếng nói khác nhau làm cho văn xuôi phong phú[1].

[1] *Kẻ dừng lại giữa đường*, Tập truyện (Xôm-xỉ, Đinh Việt Anh, Đinh Kim Cương dịch), Nxb Tác phẩm mới, H.1987, tr 4.

Tháng 10 - 1990, ở Lào mới thành lập Hội Nhà văn. Từ đó, những người hoạt động sáng tác và nghiên cứu văn học Lào mới có một tổ chức nghề nghiệp. Tuy nhiên, thành tựu của nền văn xuôi hiện đại Lào không chỉ chờ đến lúc phải có những nhà văn chuyên nghiệp. Sự ra đời và phát triển nhanh mạnh của văn xuôi từ truyện ký đến tiểu thuyết của những cây bút không chuyên đã khẳng định vai trò tích cực chủ động của văn xuôi trong đời sống văn học dân tộc.

2.2. Vai trò mở đầu của thể loại truyện ký

Thông thường, khi một thể loại văn xuôi của một nền văn học mới được hình thành thì truyện ký bao giờ cũng có mặt ngay từ buổi đầu. Nền văn xuôi cách mạng Việt Nam trước khi có *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi, *Vùng mỏ* của Võ Huy Tâm hay *Con trâu* của Nguyễn Văn Bổng thì đã có các truyện ngắn tiêu biểu trước đó của Nam Cao, Trần Đăng, Kim Lân... Tuy không phải là qui luật, nhưng chúng ta cũng thấy rõ đặc điểm này trong nền văn xuôi Lào. Để có tiểu thuyết "chín bói" đầu tiên như *Xỉ-nọi* của Khăm-liêng Phôn-xê-na thì trước đó đã có các truyện ký của Khăm-ma Phôm-cong, Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông... Những năm 1970 trở về sau, Xu-văn-thon cho ra đời liên tiếp nhiều bộ tiểu thuyết sử thi về đề tài chiến tranh cách mạng thì ông đã trải qua một thời kỳ thai nghén và thể nghiệm ngòi bút của mình bằng

nhiều truyện ngắn tập hợp in trong *Đất nước chúng ta* (3 quyển). Từ truyện vừa *Ánh sáng cách mạng*, một trong những tác phẩm văn xuôi mở đầu của nền văn học hiện đại Lào với dung lượng 5 chương, ra đời năm 1965, Chăn-thi Đươn-xa-vẳn đã phát triển thành tiểu thuyết *Con đường sống* gồm 15 chương, xuất bản lần đầu vào năm 1970. Con đường phát triển của nền văn xuôi hiện đại Lào là từ truyện ký đến tiểu thuyết. Duy có điều, cái "khoảng cách" "độ lùi"của tiểu thuyết so với truyện ký ở Lào là không cách xa bao nhiêu. Năm 1965, truyện ngắn chính thức xuất hiện thì năm 1968 tiểu thuyết ra đời.

Truyện ngắn Lào ra đời trong ngọn lửa của cuộc chiến tranh cách mạng lại do chính những người chiến sỹ trực tiếp sáng tạo nên, do đó, nó luôn bám chắc vào hiện thực cuộc chiến tranh cách mạng Lào.

Truyện ngắn không như tiểu thuyết, nó thường nắm bắt và phản ánh hiện thực không phải trong toàn bộ quá trình, quy mô của đời sống, mà chỉ nắm bắt cái khoảnh khắc, cái lát cắt hiện thực được cô đúc ở những đặc điểm nổi bật nhất. Khảo sát diện mạo truyện ngắn Lào hiện đại hơn ba thập kỷ qua chúng ta thấy truyện ngắn phát triển ngày càng nhiều, đa dạng và hoàn thiện dần về hình thức. Từ những tác phẩm mang nặng tính chất ký, báo chí, kể chuyện người thật việc thật với lối kết cấu truyền thống, coi

trọng cốt truyện, chú ý nhiều đến tình tiết, đến những tác phẩm có xu hướng phác thảo một vài nét đặc sắc của cuộc sống hiện thực để vươn tới sự khái quát hoá cao hơn, miêu tả phân tích tâm lý.

Chúng ta có thể tạm phân chia truyện ký Lào thành ba thời kỳ với những đặc điểm phát triển tương ứng rõ rệt.

Truyện ký từ năm 1965 đến 1970 là thời kỳ hình thành và xác lập vị trí của nó trong nền văn học mới. Đa số truyện về hình thức còn đơn giản, thô sơ, giàu chất liệu hiện thực và nặng tính chất ký báo chí. Ấn tượng in đậm trong người đọc là sự chân thật của câu chuyện kể, ít hư cấu và gia công về nghệ thuật. Chỉ cần đọc qua một số tiêu đề của các tập truyện chúng ta đã thấy tính chất "người tốt việc tốt, người thật việc thật" của nó. *"Ánh sáng cách mạng"* (Chăn-thi Đươn-xa-vẳn - 1965), *"Bánh tét chỉa lấy súng"* (Khăm-ma Phôn-cong - 1965), *"Người con vinh quang của tổ quốc"* (nhiều tác giả -1966) ,*"Dưới lá cờ cách mạng"* (nhiều tác giả - 1968) *"Em bé dũng cảm"* (nhiều tác giả - 1969) *"Trên đường phố Viêng Chăn"* (Văn-xay và Phôn-chăn - 1969) *"Tôi luyện trong khói lửa"* (nhiều tác giả - 1969) *"Rời khỏi Xi phăn đon"* (Viêng Hương - 1969) *"Một đêm ngoài tiền tuyến"* (Khăm-xing - 1969) *"Đội 97"* (nhiều tác giả - 1969)...

Truyện ký từ năm 1970 - 1975 phát triển mạnh về số lượng và chất lượng. Một số tác giả đã khai thác những xung đột mâu thuẫn cao, tình huống truyện được đặt ra gây sự thu hút cho độc giả như *"Bông hoa rừng"* của Xốm-bun Thạ-vi-xay, *"Người kế tục"* của Kẹo-ma-ni Xỉ-vông-xay...

Truyện ký từ 1975 trở lại nay phát triển với nhiều cây bút trẻ, một số tác giả sáng tác từ chế độ cũ chuyển mình đi theo chế độ mới, mảng đề tài mở rộng. Nếu trước đây truyện ngắn thường tập trung hai chủ đề chính là "Đi tìm ánh sáng cách mạng" và đấu tranh giải phóng thì nay phản ánh nhiều mảng hiện thực phong phú: trở lại đề tài chiến tranh cách mạng ở điểm nhìn mới ngợi ca về công cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới an ninh Tổ quốc...

Chủ đề cách mạng hay nói chính xác hơn là chủ đề *"Đi tìm ánh sáng cách mạng"* là một chủ đề mới mẻ không chỉ của truyện ngắn mà cả các tác phẩm văn xuôi thuộc thể loại khác. Đây là một chủ đề lớn của văn xuôi hiện đại Lào. Hầu như nhà văn nào cũng có một vài tác phẩm, một vài tuyến nhân vật trong tác phẩm hoặc cả những bộ tiểu thuyết dài hơi đề cập đến chủ đề Đi tìm ánh sáng cách mạng vai trò giải phóng của cách mạng đối với người dân lao khổ ở Lào.

Truyện ngắn cách mạng không chỉ đơn thuần miêu tả cuộc sống nghèo hèn, cơ cực của những người

nô lệ sống dưới ách áp bức bóc lột của thực dân, rồi họ được cách mạng giải phóng đem lại cuộc sống tự do, hạnh phúc. Vấn đề quan trọng là văn xuôi cách mạng Lào đã miêu tả được sự chuyển biến ý thức, giác ngộ cách mạng của bao lớp người nghèo khổ trong xã hội vùng lên làm cách mạng để tự giải phóng mình. Bằng các con đường khác nhau, trong những hoàn cảnh khác nhau, họ đã tìm đường về với cách mạng hoặc được cách mạng cưu mang, giải phóng. Họ là người nông dân cơ cực lầm than bị đế quốc phong kiến bóc lột đến tận xương tuỷ, là em bé sống cù bất cù bơ, tha phương cầu thực (Di trong *Ánh sáng cách mạng"*, Pa trong *"Bông hoa rừng*), là người phụ nữ bị vùi dập về phẩm giá, bị xã hội thực dân đày đoạ khinh rẻ, sống cuộc đời chìm nổi (Xải xa món trong *"Rời khỏi Xi phăn đon"*) là người thanh niên trí thức tràn đầy nhiệt huyết nhưng sống bế tắc tù túng không có tương lai ở trong vùng địch tạm chiếm (Khăm Đi trong *"Tiếng mẹ"*), là người binh sỹ buộc phải cầm súng cho giặc, uất ức nhục nhã (Bua Kẹo trong *"Trên đường phố Viêng Chăn"*, tên thổ phỉ trong *"Mưa rừng"*)...

Về chủ đề cách mạng trong truyện ngắn Lào giai đoạn 1965 - 1975 phải kể đến các tác giả tiêu biểu như: Kẹo-ma-ni Xỉ-vông-xay, Xốm-bùn Thạ-vị-xay, Viêng Hương...

Bông hoa rừng là một truyện ngắn khá hay của Xổm-bùn Thạ-vị-xay viết về cuộc đời của một bé gái

người dân tộc Lào Xủng, có một số mô típ và tình tiết truyện gần giống với *"Vợ chồng A Phủ "* của nhà văn Tô Hoài. Pa, cô bé 13 tuổi mồ côi mẹ phải cùng bố đi ở để gán nợ cho tên địa chủ Phìa Ly. Một hôm, thấy trước sân nhà Phìa Ly có một thanh niên bị trói chặt ở cột, đến tối Pa bí mật cởi trói cho người thanh niên đó trốn thoát. Mấy năm sau Pa trở thành một cô gái xinh đẹp, tên địa chủ tìm cách chiếm đoạt thể xác cô, ép cô làm lẽ cho hắn. Pa đã cùng bố bỏ trốn vào rừng và người bố già yếu đã qua đời. Cô lang thang trong rừng, đi về phía tiếng súng nổ và kiệt sức ngất xỉu. Chính đơn vị vũ trang do Vi Xiên chỉ huy (người thanh niên mà cô cứu thoát mấy năm trước) đã cứu sống cô. Cô như con chim nhỏ sổ lồng tung bay trong bầu trời cách mạng, trở thành một cán bộ dân vận. Và 5 năm sau trong một chiến dịch cô đã gặp lại Vi Xiên.

Tác giả sử dụng cốt truyện kiểu truyện cổ dân gian của người Lào Xủng, kết thúc có hậu, một số yếu tố xuất hiện có vẻ như ngẫu nhiên. Nhưng thực ra đây là một truyện ngắn mang yếu tố hiện đại. Đặc biệt, tác giả đã sử dụng kết cấu thời gian tâm lý, hiện tại và quá khứ đan cài theo qui luật phát triển của tâm lý nhân vật.

Xây dựng thành công nhân vật Pa, tác giả đã khái quát được bức tranh hiện thực tương đối tiêu biểu ở Lào: Những người phụ nữ, những em bé mồ côi sống dưới ách áp bức của địa chủ phong kiến chỉ có

thể được giải phóng khi họ giác ngộ lý tưởng cách mạng đi theo cách mạng, làm cách mạng để tự giải phóng mình.

Cũng viết về số phận của người phụ nữ trong xã hội cũ, Viêng Hương trong *Rời khỏi Xi-phăn-đon* đã tập trung khai thác cái số phận "ba chìm bảy nổi "của người phụ nữ Lào sống trong vùng địch và tay sai tạm chiếm, nhằm tập trung tố cáo sự tàn bạo của xã hội thực dân mới đối với người phụ nữ.

Xải xa món (nhân vật chính trong truyện) là một cô gái xinh đẹp ở Xi-phăn-đon. Chị có người yêu đang tham gia hoạt động cách mạng là anh Khăm-ma-ni. Nếu sống trong một đất nước thanh bình thì cuộc đời của chị sẽ hạnh phúc biết bao. Nhưng phải sống trong chế độ thực dân mới, số phận "hoa trôi bèo dạt" của chị chẳng khác gì số phận của nàng Kiều trong tác phẩm *Truyện Kiều* của thi hào dân tộc Nguyễn Du. Chị bị tên đại uý nguỵ Phu-vông rình bắt hãm hiếp rồi hắn cưỡng bức chị lên Thà-khẹc. Khi chị sinh đứa con đầu lòng thì hắn bỏ chị lên Viêng Chăn. Chị ôm con lên Viêng Chăn tìm chồng thì bị Phu-vông ruồng bỏ. Bế tắc không lối thoát chị đã nhảy xuống sông Mê Kông tự vẫn để có thể kết thúc số phận bi thương của mình. Nhưng cái xã hội đó vẫn chưa chịu buông tha chị. Chị được cứu sống và lại phải rơi vào chốn "lầu xanh". Mê sắc đẹp của chị tên đại uý cảnh sát Khăm-tăn mua chị

qua một cuộc mặc cả như kiểu Mã Giám Sinh mua nàng Kiều. Sống trong nhà tên cảnh sát, chị bế tắc và tuyệt vọng, lại định treo cổ tự tử thì chị gặp một thanh niên cách mạng đang bị địch lùng bắt, chị cứu anh và được anh giác ngộ, chị quyết định rời khỏi thành phố nhơ bẩn vùng Mỹ-nguỵ chiếm đóng, tìm đường về khu giải phóng "đi đến chỗ mọi người đều có quyền làm chủ cuộc đời mình, dù cuộc sống có gặp khó khăn gian khổ biết mấy cũng mặc, khổ hôm nay vì hạnh phúc ngày mai".

Viết về số phận "ba chìm bảy nổi" của người phụ nữ Lào không phải là một đề tài mới mẻ. Văn học cổ trung đại đã có nhiều tác phẩm đề cập đến đề tài này, tiêu biểu như truyện *Nang Tèng On*. Cái mới mẻ của truyện ngắn này chính là sử dụng mô típ của cốt truyện xưa cũ nhưng nó được gắn với thời đại đấu tranh cách mạng, gắn công cuộc giải phóng phụ nữ với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Cuộc sống bế tắc, cùng quẫn đến tột độ buộc Xải Xa Món phải kết thúc cuộc đời một cách tiêu cực, cảnh mua bán phẩm giá của người phụ nữ hoá ra không chỉ diễn ra trong xã hội cũ mà ngay trong xã hội thực dân mới vẫn là hiện tượng phổ biến. Tác phẩm chất chứa giá trị tố cáo phê phán xã hội Mỹ - nguỵ đầy bất nhân và hết sức tàn bạo.

Cốt truyện của *Rời khỏi Xi-phăn-đon* gần với cốt truyện của *Truyện Kiều*. Nói một cách, khác tác giả

đã đưa một cốt truyện của một tác phẩm văn học của nước ngoài vào một tác phẩm truyện ngắn hiện đại Lào, nên tác phẩm còn nhiều hạn chế trong việc phản ánh người phụ nữ mới trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, một số yếu tố ngẫu nhiên, sự xếp đặt chủ quan của người viết lộ rõ trong một số chi tiết, tình huống truyện.

Truyện ngắn cách mạng Lào không chỉ tập trung miêu tả số phận của em bé mồ côi, của người phụ nữ sống trong xã hội cũ bị áp bức đày đoạ họ đã đi tìm ánh sáng cách mạng, được cách mạng cưu mang giải phóng mà các tác phẩm còn miêu tả các hình tượng nhân vật thuộc tầng lớp sinh viên, trí thức, binh sỹ, cảnh sát sống trong xã hội tạm chiếm từ bỏ xã hội cũ nhơ nhớp tìm đường về với ánh sáng cách mạng.

Truyện ngắn *Trên đường phố Viêng Chăn* của Văn xay và Phôn chăn và *Tiếng mẹ* của Bua kẹo là những tác phẩm tiêu biểu. Truyện *Tiếng mẹ* phản ánh những suy tư day dứt của giới học sinh, trí thức sống trong vùng địch tạm chiếm, chuyển biến ý thức, tự nguyện từ bỏ cuộc sống phồn hoa giả tạo nơi đô thành để đi vào khu giải phóng, đi theo tiếng gọi của đất Mẹ. Khăm đi đang học trung học năm thứ 3 ở Viêng Chăn anh có người yêu cùng lớp là Phim pha. Cuộc đời anh sẽ đầy hứa hẹn nếu anh an phận tiếp nhận nền giáo dục thực dân, sau khi tốt nghiệp sẽ trở thành công

chức phục vụ cho chính quyền Mỹ - nguỵ. Nhưng hàng ngày phải tiếp xúc với thứ văn hoá lai căng phản động, truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc bị dè bỉu chà đạp, thành phố nhan nhản tiệm nhảy gái điếm, trường học không được dùng tiếng Lào, anh cảm thấy chán nản. Một vài lần được tiếp xúc với phim ảnh giải phóng, anh quyết định ra đi. Sự ra đi của Khăm đi là sự đoạn tuyệt dứt khoát với xã hội vùng Mỹ - nguỵ chiếm đóng, ra đi để tìm lẽ sống chân chính cho cuộc đời

Tiếng mẹ là tác phẩm đầu tay của Bua kẹo. Tuy miêu tả sự chuyển biến của nhân vật chưa có những tình huống, những quá trình nhưng tác phẩm được thể hiện dưới cách kể giản dị, giàu chất trữ tình và khai thác được nội tâm của nhân vật.

Trên đường phố Viêng Chăn phản ánh sự quay súng trở về với chính nghĩa của những cảnh sát lầm đường lạc lối cầm súng đánh thuê cho giặc. Cuộc sống của gia đình Bua Kẹo, một cảnh sát ở Viêng Chăn đang bị dồn vào con đường bế tắc không lối thoát: vợ ốm nặng không thuốc thang, đàn con đói lả nheo nhóc thì tên đồn trưởng Khun đã đến kéo anh đi làm thêm một nhiệm vụ đặc biệt: đêm đêm canh gác cho một sòng bạc tại nhà tên chủ nhiệm cảnh sát. Bua Kẹo hăm hở cầm súng làm tay sai cho giặc với hy vọng sẽ làm giàu. Ngày ngày đi làm nhiệm

vụ trật tự trên đường phố Viêng Chăn anh đã tận mắt chứng kiến bao cảnh giàu nghèo ở Thủ đô: từng đoàn người Lào rách rưới đi ăn xin bị quan thầy Mỹ vứt mẩu thuốc lá vào mặt, cảnh một cô gái ngoại ô bị mấy người nước ngoài kéo lên xe và những đồng đô la vung vãi. Đối với đồng bào anh, anh hiểu sự giàu nghèo là vậy. Còn với bản thân anh, đồng đô la có sức mạnh biết nhường nào. Anh là người duy trì cái trật tự trên đường phố Viêng Chăn nhưng hễ anh làm trái cái trật tự kiểu Mỹ thì ngay lập tức chính anh cũng là nạn nhân đáng thương hại. Anh bị đuổi việc vì đã đứng ra bênh vực cho mấy người Lào bị một xe nhà binh của Mỹ cán chết. Ảo vọng dựa vào "người bạn giàu có" để làm giàu của Bua Kẹo bị đổ vỡ tan tành. Cái trật tự trên đường phố mà hàng ngày anh cung cúc tận tuỵ bảo vệ nó đã đẩy anh về cuộc đời thất nghiệp, đói rách. Đang lúc khủng hoảng chưa tìm ra lối thoát, anh gặp người thợ điện Đuông Đi. Được cơ sở cách mạng giác ngộ cộng với bài học xương máu, Bua Kẹo trốn vào khu giải phóng đi theo tiếng gọi của cách mạng.

Trên đường phố Viêng Chăn là một truyện ngắn có ý đồ tư tưởng tốt nhưng nghệ thuật thể hiện chưa thành công lắm, kết cấu truyện đơn giản, miêu tả sự chuyển biến tính cách quá nhanh và hoàn cảnh, vai

trò của cách mạng trong việc biến cải tính cách nhân vật còn mờ nhạt.

Nhìn chung, mảng truyện ngắn về đề tài "đi tìm ánh sáng cách mạng" đã phần nào phản ánh được một số đặc điểm lớn của chiến tranh cách mạng ở Lào, xoáy sâu vào đặc thù của giai đoạn lịch sử 1950 - 1975, giai đoạn nhân dân Lào tiến hành cuộc đấu tranh chống Pháp, Mỹ, mở rộng vùng giải phóng và tiến tới giải phóng đất nước.

Bằng các bút pháp nghệ thuật khác nhau, mỗi truyện một vẻ, tất cả các tác phẩm đều tập trung tố cáo tội ác tàn bạo của kẻ thù, phơi bày bộ mặt xấu xa của xã hội thực dân phong kiến, xã hội vùng địch và tay sai tạm chiếm, ủng hộ và ca ngợi sự cao đẹp của xã hội mới ở trong vùng giải phóng, vạch ra con đường đi tất yếu, con đường đi đến ánh sáng cách mạng của bao lớp người sống trong xã hội cũ.

Một số tác phẩm miêu tả được sự đổi đời của các số phận, nhân vật công nhân, chiến sỹ giải phóng đã xuất hiện tiêu biểu cho lực lượng tiên tiến của thời đại. Tuy nhiên, số nhân vật này chưa nhiều và chưa trở thành nhân vật trung tâm của tác phẩm. Các tác phẩm truyện ngắn thường nghiêng về mô tả sự cùng khổ hơn là phản ánh sự chuyển biến ý thức mạnh mẽ của quần chúng giác ngộ đi theo cách mạng, cảm hứng phê phán xã hội cũ vẫn là cảm hứng chủ đạo.

Một số nhân vật còn sơ lược, một số điển hình xã hội chưa nâng lên thành điển hình nghệ thuật, cốt truyện lỏng lẻo, dễ dãi. Các nhà văn tỏ ra còn thiếu vốn sống cần thiết khi viết về cuộc đấu tranh của nhân dân trong vùng địch tạm kiểm soát. Đây là những hạn chế tất yếu, những bỡ ngỡ ban đầu của một nền văn xuôi cách mạng mới ra đời, phản ánh một đề tài hết sức mới mẻ.

Truyện ký cách mạng Lào đạt được thành tựu lớn hơn, có sự đổi mới nhiều hơn lại ở những tác phẩm viết về đề tài chiến đấu chống xâm lược. Hình ảnh cuộc chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc của bao lớp người trong xã hội được truyện ký khắc hoạ khá sinh động. Từ người nông dân trên đầu đã điểm hai thứ tóc, mưu trí tay không bắt giặc *(Trận mưa cuối mùa)* đến em bé dũng cảm thông minh trong chiến đấu *(Em A Nụ, Thạo Đệt)*, từ chị y tá lăn lộn trong đạn lửa không sợ hiểm nguy *(Y tá, Bạn của tôi)* đến những bà mẹ kiên quyết đấu tranh binh vận ở trong vùng địch *(Lá phiếu số 15)*... Nhưng lẽ dĩ nhiên, nhân vật trung tâm, hình tượng tiêu biểu vẫn là người chiến sỹ giải phóng Lào.

Truyện *Sóng sông Mê Kông* là một trong những tác phẩm mở đầu của nền văn xuôi hiện đại Lào viết về đề tài đấu tranh giải phóng. Khăm-ma Phôm-cong đã mô tả cuộc vượt sông ban đêm của hai chiến sỹ Pa-thét Lào ở trong vùng địch tạm kiểm soát. Đặt nhân

vật vào một hoàn cảnh đặc biệt, chọn tình huống có sức dồn nén, tác giả đã lột tả được tinh thần anh dũng, tình thương yêu đồng đội, sự mưu trí quyết đoán của các chiến sỹ giải phóng quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

Bằng một nét phác hoạ ngắn gọn, truyện *Sóng sông Mê Kông* đã đề cập ngay vào chủ đề bao trùm của văn xuôi, phản ánh hình tượng trung tâm của cuộc chiến đấu: Hình tượng người chiến sỹ.

Người kế tục (Hợp tuyển Văn học Lào dịch là *Tiếp bước cha anh)* của Kẹo-ma-ni Xỉ-vông-xay là truyện ngắn tiêu biểu hơn cả viết về chủ đề chiến đấu. Tác giả là một trong số ít nhà văn Lào có thời gian được đào tạo, chuẩn bị trước về nhận thức lý luận cần thiết khi bước vào con đường sáng tác. Những năm từ 1966 - 1970, Kẹo-ma-ni học ở khoa Ngữ văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội. Trở về nước, tác giả có chuyến đi thực tế vào vùng Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng. *Người kế tục* (1972) là "bản thu hoạch" của chuyến đi thực tế đó.

Cuộc chiến đấu hết sức ngoan cường dũng cảm của các chiến sỹ Pa-thét Lào bảo vệ đồi Phu Cút là sự kiện chính để tác giả xây dựng, triển khai cốt truyện của mình. Nhưng chủ đề chính của truyện lại là vấn đề "tiếp bước cha anh", các thế hệ cùng cầm súng tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Từ mối liên hệ vợ - chồng, cha - con của 3 nhân vật Bua-Lay (bố) Xỉ-Phon (mẹ) và Ít-xa-la (con), tác giả triển khai cốt truyện trong một bối cảnh hết sức bất ngờ, tình cờ và lí thú: Cha con cùng chiến đấu trong một chiến hào mà không nhận ra nhau, vợ trong đoàn Hội mẹ chiến sỹ lên thăm các chiến sỹ thương binh ở trạm quân y tiền phương mà không biết có chồng mình. Câu chuyện kết thúc khi vợ chồng, bố con nhận ra nhau nhưng cốt truyện lại bắt đầu mở ra, người con tiếp tục lên Phu Cút thay thế người cha, tiếp tục cuộc chiến đấu mới.

Với *Người kế tục*, Kẹo-ma-ni đã có đóng góp nhất định trong việc tạo dựng một cốt truyện mới mẻ, hiện đại, thể hiện được tư tưởng, tình cảm của con người trong thời đại mới. Tác giả đã khắc hoạ được một số tính cách nhân vật tương đối điển hình tiêu biểu cho các thế hệ cầm súng đánh giặc. Hình tượng Bua-Lay là sự quy tụ những phẩm chất cao đẹp của lớp cán bộ tham gia kháng chiến chống Pháp, tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mỹ. Đó là bản lĩnh của người chỉ huy bình tĩnh, quyết đoán, giàu kinh nghiệm chiến đấu và sự lựa chọn niềm tin vào lớp chiến sỹ trẻ, những người kế tục sự nghiệp cách mạng của cha anh. Ít-xa-la tiêu biểu cho lớp chiến sỹ trưởng thành trong khói lửa của cuộc chiến tranh chống Mỹ. Họ là những con người được sự giáo dục, dìu dắt của thế

hệ trước, lại có văn hoá, có lý tưởng, thông minh, sắc sảo trong chiến đấu.

Để khắc hoạ thành công hình tượng Ít-xa-la, thế hệ nối tiếp, kế tục sự nghiệp cách mạng của cha ông, tác giả thường sử dụng biện pháp miêu tả ngoại cảnh để nói lên sự trưởng thành trong tính cách nhân vật. Sau lần gặp cha ở trạm quân y tiền phương, Ít-xa-la trở lại Phu Cút và "cái bóng đổ dài lên trên sườn đồi dưới ánh nắng chiều soi" đã gợi cho người đọc về sự trưởng thành nhanh chóng của thế hệ trẻ, phản ánh một qui luật tất yếu "tre già măng mọc".

Người kế tục là một truyện ngắn tiêu biểu thể hiện được sự kết hợp giữa các yếu tố truyền thống và cách tân, dân tộc và hiện đại trong kết cấu - cốt truyện, trong xây dựng tính cách nhân vật và trong miêu tả thời gian tâm lý của nhân vật... Chúng tôi sẽ trở lại tác phẩm này sâu hơn ở những phần tiếp theo.

Nhìn chung, hầu hết các truyện ký Lào giai đoạn 1965 - 1975 đều có nội dung tư tưởng tiến bộ và hình thức dân tộc rõ rệt. Nó đã góp phần tích cực trong việc biểu dương những tấm gương chiến đấu anh dũng, vạch mặt tội ác kẻ thù và cổ vũ nhân dân không ngừng vươn lên trong cuộc đấu tranh giành thắng lợi cuối cùng.

Tuy nhiên, hầu hết các truyện còn gần với lối kể chuyện người thật việc thật, nghệ thuật thể hiện còn yếu "Ở mức độ nào đó, nhà văn đã biết chọn lọc những con người, sự việc tiêu biểu, nhưng nói chung do khả năng có hạn nên tính khái quát còn bị hạn chế, điển hình xã hội thì nhiều nhưng các tác giả chưa nâng nó lên thành điển hình nghệ thuật được"[1].

Dẫu sao, sự xuất hiện của văn xuôi với sự mở đầu của thể loại truyện ký trong nền văn học ở một nước mà quần chúng nhân dân và những người sáng tác vốn chỉ quen biết và ưa chuộng thơ ca thì đây quả là một điều hết sức đặc biệt, mới mẻ.

Văn xuôi từ sau ngày giải phóng (1975) nói chung và truyện ngắn nói riêng vẫn tiếp tục phát triển mạnh. Có thể nóin đây là giai đoạn nở rộ của tiểu thuyết và giai đoạn phát triển với nhiều đề tài mới của truyện ngắn. Truyện ngắn giai đoạn chống Mỹ chỉ tập trung vào hai mảng đề tài lớn là ánh sáng cách mạng và đấu tranh giải phóng thì nay nó đã bắt đầu đề cập đến nhiều mảng hiện thực mới với những giọng điệu, phong cách khác nhau: Trở lại đề tài chiến tranh cách mạng với điểm nhìn mới và lối viết mới, đề cập đến đề tài cải tạo, xây dựng xã hội mới, phong trào hợp tác hoá, giáo dục, đoàn kết quốc tế, số phận những người di tản...

---

[1] Vi-lay Kẹo-ma-ni, "Văn học Lào hôm qua và hôm nay", Tạp chí *Văn học*, sđd, tr 99.

Các truyện ngắn *Chung một dòng máu* (Khăm-phới Luông-phạ-xí), *Hồi sinh* (Viêng-phim) *Vượt ngục* (Thong-xới Khốt-vông-xá) tiếp tục đề tài chiến tranh cách mạng; *Cồn cát đon chăn* (Bun-thạ-nong Xay-xốm-phốn) viết về cuộc chiến đấu bảo vệ chế độ mới; *Mặt trời trên Đon Nang* (U-thin Bun-nhạ-vông) viết về sự đổi đời của các cô gái giang hồ, tệ nạn của xã hội cũ để lại; *Nụ cười ấy* (U-thin Bun-nhạ-vông), *Quê hương yêu dấu* (Viêng-phim) phản ánh cuộc sống nhục nhã của những kẻ di tản, chạy trốn cách mạng; *Kẻ dừng lại giữa đường* (Thệt-thun Thạ-vi-xay) phê phán hiện tượng tiêu cực; *Ánh sáng ngày mới* (Khăm-pheng Phết-xa-đa-vông) viết về công cuộc lao động xây dựng đất nước; *Bông hoa hồng ở đèo Mon* (Nêng Xay vang) ca ngợi tình đoàn kết quốc tế Việt - Lào... Trên đây là những truyện ngắn khá tiêu biểu được độc giả chú ý.

Truyện ngắn thời hậu chiến đã khắc hoạ được nhiều hình ảnh đẹp của người chiến sỹ cách mạng trong cuộc đấu tranh giải phóng, người phụ nữ, thanh niên trong cuộc sống chiến đấu lao động sản xuất xây dựng chế độ mới. Nhưng cũng như truyện ngắn giai đoạn trước, những tác phẩm thành công hơn ở giai đoạn này vẫn là những tác phẩm viết về đề tài chiến tranh cách mạng. Hình ảnh những con người mới trong lao động xây dựng còn mờ nhạt và không điển hình.

2.3. Sự phát triển đột biến của tiểu thuyết Lào hiện đại

Tiểu thuyết hiện đại Lào ra đời trong một nền văn học dân tộc mà truyền thống văn vần mạnh hơn văn xuôi, tính chất trữ tình nổi hơn tự sự, trong một xã hội mà nền kinh tế phát triển chậm chạp, hết sức thấp kém và trong một đất nước mà sự giao lưu tiếp xúc với thế giới bên ngoài hết sức chậm, muộn quả là một bước tiến quan trọng, một sự "đột biến" của nền văn học. Tuy tiểu thuyết xuất hiện chưa nhiều, nhưng nó đánh dấu mốc quan trọng: khẳng định vai trò to lớn của nền văn học trong việc phản ánh những vấn đề lớn của hiện thực đời sống, văn học đi vào hướng lớn, giải quyết những vấn đề lớn trong mối quan hệ giữa con người và xã hội, tính cách và hoàn cảnh.

Năm 1968, tập I cuốn tiểu thuyết *Xỉ-nọi* (Bé Xỉ) của nhà văn Khăm-liêng Phôn-xê-na ra đời. Đây là tác phẩm đầu tay của tác giả và cũng là tác phẩm đầu tiên của nền tiểu thuyết Lào hiện đại. Sau đó hai năm, Chăn-thi Đươn-na-vẳn cho ra đời tiểu thuyết tự truyện *Con đường sống* (1970) phát triển trên cơ sở truyện vừa *Ánh sáng cách mạng* của ông viết năm 1965. Hai năm sau, 1972, Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông xuất bản tiểu thuyết *Hồi tưởng lại* (Tập I) rồi tập II vào năm 1974, Khăm-liêng cho ra đời tập II Xỉ-nọi với tiêu đề *Mười bảy năm sau*. Đó là những cuốn

tiểu thuyết viết trong chiến tranh, khẳng định sự ra đời thực sự của nền tiểu thuyết Lào hiện đại.

Từ sau ngày đất nước giải phóng năm 1975, Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông cho ra đời hàng loạt bộ tiểu thuyết sử thi đã được tác giả thai nghén và bắt tay viết từ trong chiến tranh: *Tiểu đoàn Hai* (4 tập; Tập I: 1975, Tập II: 1977, Tập III: 1980, Tập IV: 1983). *Hai chị em* (3 tập; 1975, 1976). *Hai bên bờ sông* (2 tập; Tập I: 1978, Tập II: 1982). *Người con gái của Đảng* (1982). Bác sỹ Bộ trưởng Y tế Lào kiêm nhà văn Khăm-liêng Phôn-xê-na cho ra đời tiểu thuyết thứ 2 của ông: *Tình yêu* (1981), Đao Nứa (Thệp vông pa cai) xuất bản tiểu thuyết đầu tay: *Giông tố cuộc đời* (1979).

Từ bình diện chủ đề, đề tài chúng ta có thể nhận xét tổng quát rằng: Các tác phẩm viết về hai cuộc chiến tranh chống Pháp, Mỹ nhiều hơn và thành công hơn các tác phẩm viết về công cuộc cải tạo và xây dựng đất nước. Và ngay trong số các tác phẩm viết về chiến tranh cách mạng thì số tác phẩm viết về cuộc chống Mỹ nhiều hơn chống Pháp. Đến nay, mới chỉ có một tiểu thuyết duy nhất *Người con gái của Đảng* của Xu-văn-thon viết về đề tài xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Lào. Nhưng đây lại là tác phẩm không mấy thành công của nhà văn.

Cho đến nay số người viết tiểu thuyết của Lào còn rất ít. Tiểu thuyết bắt đầu xuất hiện từ những

năm 1970, phát triển ở những năm 1980 và sau 1990 có xu hướng suy giảm. Một số tiểu thuyết gia đã thành danh như Khăm-liêng, sau vài bộ tiểu thuyết viết trước và sau chiến tranh, đến nay không thấy tiếp tục sáng tác nữa. Tuy nhiên, các nhà tiểu thuyết Lào như Khăm-liêng, Xu-văn-thon, Chăn thi,... đã tạo cho mình những "vùng đất" quen thuộc, những phong cách sáng tác mang dấu ấn riêng và sáng tác của họ đã khẳng định được vị trí của mình trong quá trình xây dựng và phát triển nền tiểu thuyết Lào hiện đại.

Nếu như Khăm-liêng chỉ quen viết về cuộc kháng chiến chống Pháp ở những vùng đất tận cùng của Tổ quốc với những tính cách nhân vật khá điển hình, với không - thời gian nghệ thuật không rộng lớn, tác phẩm ít tuyến nhân vật và không nhiều tính cách thì ngược lại Xu-văn-thon chỉ viết về cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước với những bộ tiểu thuyết có tầm sử thi, miêu tả nhiều sự kiện, biến cố lịch sử với nhiều tính cách, nhiều tuyến nhân vật.

Khăm-liêng Phôn-xê-na sáng tác không nhiều. Cho đến nay ông chỉ để lại hai cuốn tiểu thuyết *Xỉ-nọi* (2 tập) và *Tình yêu. Mười bảy năm sau*, tập II của Xỉ-nọi là tác phẩm quá ngắn và không thể coi là một tiểu thuyết được. Tuy nhiên, sáng tác của ông đánh dấu sự ra đời của thể loại và do đó nó có vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển nền văn xuôi hiện đại Lào.

Xỉ-nọi được Khăm liêng sáng tác năm 1968, nhưng những sự kiện xảy ra trong tác phẩm là vào những năm 1950, khi thực dân Pháp đang tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Lào lần thứ hai, khi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào đang rung chuyển dưới sự tác động sâu sắc và mạnh mẽ của lý tưởng Ít-xa-la , lý tưởng cách mạng.

Tiểu thuyết mô tả cuộc sống nghèo khổ, cơ cực của một gia đình nông dân ở vùng Thượng Lào - gia đình Pho Xa-lì, dưới ách áp bức bóc lột tàn bạo của bọn phong kiến quan lại mà đại diện là tên lý trưởng Mủi ở bản Phô và em gái hắn - Mòm Chăn ở bản Hay. Đồng thời, tác phẩm phản ánh quá trình chuyển biến ý thức, từng bước giác ngộ cách mạng của quần chúng nhân dân, nổi dậy khởi nghĩa cướp chính quyền, đánh đổ bọn thực dân phong kiến để giải phóng đất nước. Những người nông dân nghèo khổ như Xa lì, Thit No, Chan Phệt, bà La Ky, bác Phăn... chỉ có thể được giải phóng khi họ rũ bỏ được tâm lý nô lệ, sợ hãi kẻ thù, khi họ nhận thức được chân lý cách mạng, tự mình đứng lên đấu tranh chống lại bọn thực dân phong kiến, dưới sự lãnh đạo của lực lượng cách mạng.

Từ nước ngoài trở về tham gia kháng chiến và lần đầu tiên cầm bút sáng tác về một đề tài và một thể loại hết sức mới mẻ, Khăm-liêng tỏ rõ là một tác giả

khá am hiểu về những đặc điểm của cuộc chiến tranh cách mạng Lào. Qua cuộc đời của một cô gái, một gia đình nông dân, ông muốn khái quát cả một giai đoạn lịch sử của cuộc cách mạng giải phóng ở Lào. Cuốn truyện được xây dựng trên sự hư cấu theo phương pháp điển hình hoá, với một bút pháp miêu tả lạnh lùng khách quan, nhưng rất hiện thực tỉnh táo. Tác giả đã xây dựng được một số nhân vật khá điển hình, có tính cách rõ nét. Xỉ-nọi là hình tượng điển hình vừa có tính chất tạo hình lại vừa đặt ra được những vấn đề xã hội có tầm khái quát nhất định. Xỉ-nọi của Khăm liêng đã trở thành một tiểu thuyết đánh dấu sự ra đời một thể loại lớn của văn xuôi vừa có khả năng khái quát được bức tranh hiện thực rộng lớn vừa mô tả được những tính cách nhân vật cụ thể, sinh động mang hơi thở nóng hổi của cuộc đời.

Cũng như *Xỉ-nọi*, tiểu thuyết *Tình yêu* tiếp tục viết về cuộc kháng chiến chống Pháp ở vùng đất cực Nam của đất nước. Chủ đề chính của tác phẩm là ca ngợi tinh thần hy sinh vì lý tưởng cách mạng cao đẹp của tầng lớp thanh niên Lào. Trong lời đề tựa ở ngay dòng đầu tiên cuốn tiểu thuyết, tác giả đã thể hiện rõ ý tưởng của mình: "Tôi đặc biệt yêu thích một đoạn thơ mà Xăng đo Pê tô phi viết: "Tự do và tình yêu cả hai tôi đều cần. Tôi có thể hy sinh cả cuộc đời vì tình yêu. Và tôi cũng có thể hy sinh tình yêu vì tự do...".

Để ca ngợi lý tưởng đẹp đẽ và cao cả ấy, tôi viết cuốn tiểu thuyết *Tình yêu* này.

Như tên gọi của tác phẩm, cốt truyện *Tình yêu* được triển khai trên mối tình của đôi nam nữ Phả và Đuông, một mối tình đầy thơ mộng, lãng mạn nhưng cũng không kém cay đắng và xót xa. Phả và Đuông yêu nhau tha thiết và hứa hẹn một cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nếu như thực dân Pháp không trở lại xâm lược Lào lần thứ hai. Chiến tranh nổ ra, Phả theo Ít-xa-la chiến đấu chống kẻ thù, rồi bị bắt, bị tra tấn tù đày nhưng nhờ sức mạnh tình yêu mà anh đã vượt qua tất cả. Ngày hoà bình, Phả trở về gặp Đuông thì Đuông đã lấy chồng vì nghe tin Phả đã hy sinh. Hạnh phúc tan vỡ và sự mất mát lớn lao mà đôi nam nữ phải chịu đựng là lời tố cáo tội ác chiến tranh do thực dân gây ra, đồng thời, sự hy sinh tình yêu của Phả thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí độc lập tự do của các chiến sỹ cách mạng Ít-xa-la.

Tình yêu là một tiểu thuyết tính cách. Tác phẩm bước đầu thực hiện được sự tổng hợp giữa tính lý tưởng và tính hiện thực, thể hiện sự cách tân đáng kể trong kết cấu cốt truyện, trong xây dựng tính cách nhân vật, đặc biệt trong việc xây dựng ngôn ngữ văn xuôi, ngôn ngữ tiểu thuyết Lào hiện đại.

Qua hai tác phẩm *Xỉ-nọi* và *Tình yêu*, ta thấy nét nổi bật trong phong cách của Khăm-liêng là thiên về

miêu tả tính cách. Có thể coi ông là nhà tiểu thuyết tính cách đã đặt viên gạch đầu tiên xây dựng nền tiểu thuyết Lào hiện đại. Khăm liêng ít miêu tả biến cố, sự kiện lịch sử. Trong tác phẩm, sự kiện chỉ là bối cảnh lịch sử xã hội của tính cách điển hình.

Sáng tác của Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông bộc lộ một phong cách khác. Xuyên suốt các tác phẩm của ông là hiện thực cuộc chiến tranh cách mạng Lào trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước. Có thể coi Xu-văn-thon là "người thư ký trung thành của thời đại" là nhà viết "biên niên sử" Lào bằng hình tượng nghệ thuật. Hầu hết sáng tác của ông nghiêng về "tiểu thuyết sự kiện". *Hồi tưởng lại, Tiểu đoàn Hai, Hai chị em, Hai bên bờ sông*... đều phản ánh một cách trung thực, cụ thể sinh động các bước ngoặt lịch sử lớn quan trọng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của nhân dân Lào.

Tiểu thuyết của Xu-văn-thon thường sử dụng kết cấu sử thi. Cơ sở của các tác phẩm của ông là yếu tố lịch sử - chủ yếu bắt nguồn từ hiện thực cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân các bộ tộc Lào. Các biến cố lịch sử được nhà văn đặc biệt chú ý và mô tả nhiều trong tác phẩm. Từ đó, một nguyên tắc thẩm mỹ được Xu-văn-thon sử dụng có tính nhất quán trong sáng tác của ông là sự miêu tả kết hợp giữa các tính cách nhân vật với lịch sử, kết hợp hình

tượng điển hình với bức tranh toàn cảnh của thời đại. Cho nên, dung lượng hiện thực trong tác phẩm của Xu-văn-thon bề bộn, tác phẩm mang một âm hưởng hào hùng, nhiều nhân vật và nhiều tuyến nhân vật, không gian thời gian rộng dài hơn.

Hồi tưởng lại là cuốn tiểu thuyết đầu tay của Xu-văn-thon, ra mắt độc giả năm 1972 (tập I) và năm 1974 (tập II) với tên gọi *Hại nhân, nhân hại*. Đây là cuốn tiểu thuyết sự kiện. Cốt truyện được triển khai từ những biến cố lịch sử có thật và dựa vào cuộc đời của nhiều nhân vật lịch sử vào thời điểm những năm 1960, với điểm tựa trung tâm là cuộc hoà hợp dân tộc thứ hai ở Lào (1962).

Tiểu thuyết phản ánh sự phân hoá của lực lượng trung lập trong chính phủ hoà hợp ba phái, đồng thời, lên án âm mưu của đế quốc Mỹ và tay sai hòng phá hoại sự đoàn kết, hoà hợp dân tộc ở Lào.

Đây là cuốn tiểu thuyết đầu tiên ở Lào xây dựng một cốt truyện với nhiều tuyến nhân vật: Tuyến các sĩ quan trung lập có tư tưởng yêu nước, tiến bộ, đứng về phía dân tộc cùng tham gia chống Mỹ, tiêu biểu là các nhân vật Thạo Khôm, Thạo Liêng, Thạo Khăm... Tuyến các sĩ quan trung lập biến chất, ôm gót đế quốc chống lại nhân dân như Congle, Kẹoxaná, Khăm lóm... Tuyến các nhân vật C.I.A và tay sai như Xả hiêng, tên Xủ, tên T.O, Quy ly, Kủomanivăn... Tuyến

nhân vật chính diện là các cán bộ chiến sĩ "Neo lao hắc xạt" tiêu biểu là Khăm-xỏn và tuyến nhân vật lịch sử như Chủ tịch Hoàng thân Xu-pha-nu-vông, Hoàng thân Xu-văn-na Phu-ma.

Thành công của cuốn tiểu thuyết này là đã bước đầu xây dựng được một cốt truyện có nhiều tuyến nhân vật chính diện và phản diện. Một số ít nhân vật có tính cách rõ nét, có số phận kể cả những nhân vật hư cấu và nhân vật lịch sử. Nhiều sự kiện, biến cố lịch sử được tác giả miêu tả hết sức trung thực. Tuy nhiên, tác phẩm bộc lộ sự lúng túng của người viết trong việc xử lý các chất liệu lịch sử, chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tuyến sự kiện và tuyến tính cách. Do đó, nhiều nhân vật còn sơ lược, không rõ nét, thiên về miêu tả hành động và dáng vẻ bề ngoài mà ít miêu tả nội tâm, tâm lý. Trung thành quá mức với các chi tiết chính xác của lịch sử nên nhân vật khô cứng, thiếu sự cá thể hoá về nghệ thuật.

Tiểu đoàn Hai là bộ tiểu thuyết lớn nhất của Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông, đồng thời là bộ tiểu thuyết dài nhất của nền văn học Lào, gồm 4 tập. Tác giả bắt đầu viết từ những năm trước giải phóng và đến năm 1983 thì hoàn thành.

Tác giả khai thác từ một sự kiện lịch sử có thật, xảy ra vào giai đoạn đầu của cuộc chiến tranh chống Mỹ: miêu tả cuộc rút quân thắng lợi của Tiểu đoàn

Hai Pathét Lào khỏi vòng vây của địch ở Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng về căn cứ địa cách mạng "nổ phát súng báo hiệu cho toàn dân tộc biết cuộc chiến đấu mới của Đảng[1]. Bản thân câu chuyện lịch sử mà đến nay vẫn còn rung động lòng người mang ý nghĩa khái quát rộng lớn: Trong cuộc chiến đấu đầy gian khổ, cam go, phức tạp sau những năm thành lập chính phủ hoà hợp dân tộc lần thứ I (1957) ở Lào, vấn đề cấp bách đặt ra cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Lào là xác định cho được hướng đi và phương pháp cách mạng. Sự kiện lịch sử Tiểu đoàn Hai phá vòng vây, về căn cứ địa an toàn đã khẳng định được hướng đi, thể hiện được sự chuyển hướng của cuộc cách mạng, từ cuộc đấu tranh chủ yếu là hiệp thương, chính trị, chuyển sang đấu tranh vũ trang.

Trung thành với sự kiện lịch sử, biết khai thác những xung đột gay cấn, những tình huống căng thẳng, phức tạp của cuộc chiến đấu, biết kết nối, xâu chuỗi và mở rộng nhiều biến cố lịch sử xảy ra trong chiến tranh, Xu-văn-thon đã xây dựng được một bộ tiểu thuyết dài hơi, phản ánh được những diễn biến phức tạp của cuộc chiến tranh cách mạng Lào những năm đầu thập kỷ 60, khắc hoạ được chân dung những người chiến sĩ giải phóng Lào trong cuộc đấu tranh giải phóng.

[1] Cay-xỏn Phôm-vi-hản, *Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào*, sđd, tr 50.

Chủ đề chính của tác phẩm là ca ngợi chiến công oanh liệt của Tiểu đoàn Hai bộ đội Pathét Lào, đơn vị anh hùng đã kiên quyết đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao, mưu trí táo bạo phá vòng vây địch, bảo toàn lực lượng để tiếp tục cuộc chiến đấu mới, ca ngợi sự trưởng thành nhanh chóng của lực lượng vũ trang cách mạng và phong trào yêu nước của nhân dân các bộ tộc Lào. Đồng thời, tác phẩm lột trần bản chất hiếu chiến xâm lược của đế quốc Mỹ và tay sai trong âm mưu phá hoại chính sách hoà hợp dân tộc ở Lào.

Để thể hiện chủ đề đó, tác giả đã xây dựng một cốt truyện nhiều tuyến nhân vật với nhiều lớp người trong xã hội tham gia chiến tranh. Tuyến nhân vật Tiểu đoàn Hai từ lớp sĩ quan chỉ huy đã từng tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp như chỉ huy trưởng Thao Tụ, chính uỷ Chăm Niên đến các chiến sĩ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ như Khăm Đeng, Khăm Mẩn, Xô Pha. Thạo Di... Tuyến lực lượng phái hữu, tay sai đế quốc Mỹ có Khăm Xúc, Khăm Cong, Kệt xạ na, Xỉng Cọc... Tuyến lực lượng trung gian đi theo cách mạng có Xổm Phon, Nhọt Xí... Và tuyến nhân vật lịch sử có Vàng Pao, Cong Le, và một số nhà lãnh đạo Mặt trận Lào yêu nước.

Với một cốt truyện được khai triển trên nhiều tuyến nhân vật như vậy, *Tiểu đoàn Hai* mang tính sử

thi rõ rệt. Tác phẩm vừa chứa đựng những sự kiện lịch sử kéo dài 6 - 7 năm từ Hiệp định hoà hợp dân tộc lần I (1957) đến lần II (1962), vừa bao quát một không gian rộng lớn từ Cánh đồng Chum, đến Viêng Chăn, sang Hà Nội.

Có thể nói, Tiểu đoàn Hai vừa là một bài ca chiến đấu và chiến thắng của quân giải phóng nhân dân Lào vừa là một bản tình ca ngợi ca sức mạnh của tình yêu và tuổi trẻ. Thành công lớn nhất của tác phẩm là tác giả đã khắc hoạ được chân dung của một tập thể anh hùng, tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng của người chiến sĩ Pa-thét Lào trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước. Cũng vì vậy mà tác giả chưa xây dựng được nhiều những nhân vật điển hình. Nhân vật còn hơi nguyên mẫu, thiên về hành động, nhoà trong cái chung. Vận dụng thủ pháp mô tả đối sánh, châm biếm trào lộng đối với nhân vật phản diện chỉ có tác dụng vạch được những dục vọng thấp hèn, những hành động trắng trợn và hợm hĩnh của địch chứ chưa lột tả được bản chất thâm độc, thủ đoạn nham hiểm bên trong của kẻ thù. Những hạn chế này chúng ta còn tiếp tục thấy xuất hiện ở những tác phẩm khác của Xu-văn-thon.

Hai chị em là bộ tiểu thuyết 3 tập viết về đề tài phụ nữ sáng tác song song cùng *Tiểu đoàn Hai* từ trong chiến tranh và đến năm 1978 hoàn thành.

Hai chị em chủ yếu mô tả những sự kiện xảy ra ở tỉnh Xiêng Khoảng anh hùng, trong chiến tranh có nhiều tấm gương chiến đấu và phục vụ chiến đấu anh dũng tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đặc biệt là hình tượng người phụ nữ.

Cốt truyện *Hai chị em* được xây dựng trên cơ sở mối quan hệ giữa hai chị em sinh đôi Vông Phết và Vông Phăn, người chị là phóng viên của đài phát thanh trung lập ở Viêng Chăn và người em là tiểu đội trưởng du kích ở trong vùng giải phóng. Tác phẩm miêu tả hai tuyến xung đột chính: Tuyến xung đột đối kháng giữa lực lượng cách mạng và trung lập yêu nước với đế quốc Mỹ và tay sai; tuyến xung đột thứ hai được coi là xung đột trong nội bộ dân tộc giữa Mặt trận Lào yêu nước và những người ở lực lượng trung lập.

Thông qua miêu tả những phẩm chất cao đẹp của người phụ nữ: Tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc, tinh thần chiến đấu kiên cường bất khuất, tình yêu trong sáng thuỷ chung, tình bạn tình đồng chí chân thành thắm thiết, nhà văn khẳng định sự đóng góp quan trọng, vai trò to lớn của người phụ nữ Lào trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước. Đồng thời, tác giả ca ngợi ánh sáng kỳ diệu của cách mạng, ca ngợi vai trò giáo dục, cải tạo của cách mạng đối với những người lầm đường lạc lối trở về với chính

nghĩa, với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Tôi luyện trong ngọn lửa chiến tranh cách mạng, những người phụ nữ như Vông Phết mới có cơ hội để trở về với cuộc chiến đấu của dân tộc, trưởng thành trong đội ngũ cách mạng, những phụ nữ như Vông Phăn mới có điều kiện cống hiến máu xương của mình cho nền độc lập tự do của Tổ quốc, trở thành chiến sĩ kiên cường, bất khuất.

Cũng như những mặt hạn chế ở những tiểu thuyết khác, *Hai chị em* bộc lộ sự lúng túng của người viết trong quá trình xử lý mối quan hệ giữa tuyến sự kiện và tuyến tính cách. Tác phẩm thường là sự xâu chuỗi các sự kiện; nhân vật, hành động, tình huống tiểu thuyết còn đơn giản; yếu tố ngẫu nhiên can thiệp vào cốt truyện khiến nhân vật phát triển thiếu tính logic nội tại.

Chúng ta đã làm quen với lối dựng truyện và cách viết của Xu-văn-thon qua các bộ tiểu thuyết *Hồi tưởng lại, Tiểu đoàn Hai, Hai chị em,* nay gặp lại lối viết chân thực, dí dỏm, giàu chất hài hước dân gian ấy trong bộ tiểu thuyết mới của ông sáng tác sau chiến tranh: *Hai bên bờ sông*(có người dịch là *Đôi bờ*). Hai bên bờ sông vẫn tiếp tục đề tài chiến tranh cách mạng như những sáng tác trước trong một hoàn cảnh mới, nội dung mới. Xu-văn-thon đã khai thác hiện thực đất nước Lào trong bước chuyển dữ dội của lịch sử

để làm cơ sở cho nội dung tác phẩm: Hiệp định hoà hợp dân tộc lần thứ III đã được ký kết (1973), đế quốc Mỹ đã rút khỏi Lào, chính quyền tay sai đã thất bại nhưng vẫn ngoan cố chống phá cách mạng, lực lượng cách mạng bắt đầu nắm quyền lãnh đạo đất nước. Trong bối cảnh phức tạp đó, bọn phản động tuyên truyền lôi kéo một số người Lào nhẹ dạ cả tin, rời bỏ quê hương, vượt biên sang bên kia sông, sống một cuộc đời nhục nhã nơi đất khách quê người.

Dựa vào sự kiện "người di tản", tác giả miêu tả số phận của nhiều lớp người trước bước chuyển dữ dội của lịch sử: Có kẻ chạy trốn ra nước ngoài để tiếp tục chống phá cách mạng; có người nhẹ dạ đi đến "miền đất hứa" chuốc lấy cuộc sống tha phương, tuyệt vọng. Chỉ có Tổ quốc mới là nơi mọi người có được tình thương yêu và hạnh phúc. Đó là điều mà tác giả muốn gửi gắm trong tiểu thuyết của mình.

Điểm nổi bật trong *Hai bên bờ sông* là giá trị phản ánh hiện thực của tác phẩm. Bám sát các sự kiện một thời kỳ lịch sử của đất nước Lào, tác giả đã lấy chính hiện thực đó làm bối cảnh cho tiểu thuyết của mình. Xu-văn-thon đã khai thác hiện thực sa đoạ, sống gấp của những kẻ trong chính quyền cũ ở Lào, âm mưu xảo quyệt và sự ngoan cố chống phá cuộc sống mới đang hồi sinh của nguỵ quân, nguỵ quyền Viêng Chăn, tiêu biểu là tướng Thọt, Đoọc Kẹo, Xổng, Đáo

Viêng... miêu tả tâm trạng phập phồng lo âu của những người ra đi và cuộc sống nhục nhã nơi đất khách quê người như vợ chồng Đại uý Nác - MaLy, Xẻng Đươn...; đồng thời, tác giả khắc hoạ được những nét chân thực và sinh động về cuộc sống mới ở Lào bắt đầu từ ngày chính quyền cách mạng được thành lập, miêu tả hình tượng những chiến sĩ cách mạng trong sự nghiệp cải tạo và xây dựng cuộc đời mới như Lợt, Lâng Ba mảng hiện thực này đã là cơ sở cho tác giả xây dựng ba tuyến nhân vật trong tiểu thuyết. Ba tuyến nhân vật cùng song song phát triển, hỗ trợ cho nhau để bộc lộ chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

Tuy không miêu tả hiện thực cuộc kháng chiến vĩ đại chống Mỹ, cứu nước như *Tiểu đoàn Hai* và *Hai chị em,* nhưng *Hai bên bờ sông* cũng như phần lớn các tác phẩm khác của Xu-văn-thon đều sử dụng kết cấu sử thi truyền thống, lấy biến cố lịch sử làm điểm tựa cho cốt truyện và sự phát triển của cốt truyện. Tất cả các nhân vật, các tuyến nhân vật đều được nhà văn miêu tả đặt trong mối quan hệ mật thiết với sự kiện "người di tản" qua lại hai bên bờ sông Lào - Thái Lan. Dòng biên niên vẫn là dòng chảy chính trong thời gian nghệ thuật của *Hai bên bờ sông*.

Có thể nói, *Hai bên bờ sông* là sự tiếp tục hoàn thiện phong cách viết tiểu thuyết của Xu-văn-thon, phong cách sử thi. Cùng với Khăm-ma Phôm-cong,

Khăm-liêng Phôn-xê-na, Chăn-thi Đươn-xa-vẳn, Kẹo-ma-ni Xí-vông-xay, Xốm-bùn Thạ-vị-xay, Bun-thong Ma-ni-la, Đao-Nứa... Xu-văn-thon có đóng góp to lớn vào quá trình xây dựng và phát triển nền tiểu thuyết Lào hiện đại bằng nét riêng của mình.

Văn xuôi hiện đại Lào, đặc biệt là tiểu thuyết đã trải qua ba thập kỷ xây dựng và phát triển, thời gian đó quá ngắn ngủi so với tiến trình sáu, bảy trăm năm của sự hiện diện nền văn học thành văn Lào. Nhưng để có được thành tựu khiêm tốn như đã phân tích ở trên, nền văn xuôi Lào đã biết kế thừa những truyền thống trong di sản văn học dân tộc, lại biết tiếp thu những thành tựu của văn học thế giới để từng bước đổi mới và hiện đại hoá nhằm thoả mãn nhu cầu thẩm mĩ ngày càng cao của công chúng.

Chương 2

VĂN XUÔI LÀO HIỆN ĐẠI VỚI SỰ TIẾP NHẬN ẢNH HƯỞNG TỪ VĂN HỌC DÂN GIAN

1. Mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết trong văn học nói chung và văn học Lào nói riêng

Văn học dân gian và văn học viết là hai nền văn học xuất hiện ở những thời điểm khác nhau, với hai hệ thống quan điểm thẩm mỹ và hai hệ thống thi pháp không giống nhau. Thế nhưng mối quan hệ và sự tác động qua lại giữa chúng lại hết sức mật thiết với nhau.

Mỗi một nền văn học dân tộc hình thành và phát triển đều có một quá trình xuất phát từ nền văn học truyền miệng đến nền văn học viết với những nét đặc trưng riêng biệt. Ở bất cứ một châu lục nào, văn học dân gian luôn luôn là bộ phận văn học ra đời sớm nhất trong tiến trình lịch sử văn học một dân tộc.

Nhưng sự ra đời của chữ viết đánh dấu một bước tiến quan trọng trong tất cả các ngành khoa học nói chung và đánh dấu một bước ngoặt đối với văn học

nói riêng. Chữ viết không chỉ là công cụ giao tiếp của con người mà nó chính là tiền đề, cơ sở cho sự ra đời của nền văn học viết (còn gọi là văn học thành văn). Văn học viết ra đời đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao của đời sống con người, diễn đạt được những trạng huống tư tưởng tình cảm tinh tế và phức tạp, truyền đạt và lưu giữ thông tin, ghi lại được tất cả những sáng tác truyền khẩu của dòng văn học dân gian trước đó.

Khi chưa có văn học viết thì văn học dân gian giữ vị trí độc tôn, nó có vai trò hết sức to lớn trong đời sống cộng đồng. Khi có văn học thành văn rồi thì văn học dân gian không bị loại trừ, nó vẫn còn tồn tại và tiếp tục phát triển bên cạnh dòng văn học viết nhưng ở một mức độ nhất định, và xã hội càng phát triển, văn học viết càng có ưu thế trước văn học dân gian. Bởi chỉ có văn học viết mới có thể đi sâu khai thác bức tranh hiện thực đời sống ở chiều sâu và bề rộng, với mọi tính cách và hoàn cảnh, mọi hành động và tâm trạng mà văn học dân gian không có khả năng vươn tới được.

Ranh giới để khu biệt văn học dân gian và văn học viết trước hết là ở sự khác nhau, ở cái "khoảng cách" giữa hai *hệ thống quan điểm thẩm mỹ*. Văn học dân gian là sản phẩm sáng tạo của nhiều người, qua nhiều thế hệ khác nhau, mang tính cộng đồng của

một tập thể người, được lưu truyền bằng phương thức truyền miệng, trong đó, dấu ấn của cá nhân nhòa trong cộng đồng. Sáng tác dân gian mang quan điểm thẩm mỹ của tập thể, còn sáng tác của dòng văn học viết mang dấu ấn của cá nhân, sáng tác của cá nhân, phản ánh quan điểm thẩm mỹ của một trào lưu, một phương pháp sáng tác nhất định. Ngược lại, văn học dân gian không có phương pháp sáng tác. Hoạt động sáng tác là hoàn toàn tự nhiên, tự phát, người sáng tác không có ý thức nghệ thuật. Sáng tác dân gian được lưu truyền bằng miệng trong dân gian, người ta không cần biết ai là người đã làm ra tác phẩm đó. Trong khi đó, sáng tác thuộc dòng văn học viết là sáng tác của một người cụ thể, có tên tuổi, niên đại rõ ràng. Dấu ấn của tác giả văn học viết in đậm vào tác phẩm. Đại thi hào dân tộc Nguyễn Du viết kiệt tác *Truyện Kiều* từ những câu thơ mở đầu đã thấy rõ "nỗi đau" của thi sĩ, dấu ấn chủ quan của tác giả thể hiện rõ trong đó: *Trải qua một cuộc bể dâu/ Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*

Nói đến sáng tác dân gian là nói đến môi trường điều kiện sống, sinh hoạt, sản xuất, chiến đấu của quần chúng nhân dân mà tập thể tác giả dân gian phải luôn luôn gắn bó mật thiết với nó. Không như sáng tác của dòng văn học viết, môi trường diễn xướng của sáng tác văn học dân gian là hết sức quan trọng.

Một câu truyện kể, một làn điệu dân ca, một dòng thơ dân gian sẽ có sức sống và sức truyền cảm mãnh liệt khi người sáng tác làm sống dậy khung cảnh môi trường bằng những cử chỉ, hành động, bằng ngôn ngữ nói. Trong khi đó, tác giả văn học viết có thể tạm thời tách xa cuộc sống thực tế, để suy ngẫm, tổ chức, hư cấu, sáng tạo về những vấn đề mà mình đã ấp ủ và trăn trở.

Sự khác nhau giữa văn học dân gian và văn học viết không chỉ ở hệ thống quan điểm thẩm mỹ, một bên là sáng tác tập thể, truyền miệng gắn với môi trường diễn xướng và một bên là sáng tác, của cá nhân, mang dấu ấn cá nhân một cách rõ rệt mà còn ở hai *hệ thống thi pháp* của nó.

Có thể nói, thi pháp của văn học dân gian không phải là thi pháp của văn bản cụ thể, không chỉ riêng thi pháp của ngôn ngữ mà còn thể hiện ở những yếu tố ngoài văn bản. Ngược lại, thi pháp của văn học thành văn nằm trong văn bản. Sáng tác văn học dân gian mang tính nguyên hợp. Nghĩa là, nó mang tính nghệ thuật nhưng nhiều khi không thuần tuý là nghệ thuật, nó là nghệ thuật ngôn từ nhưng không chỉ có vậy mà nó còn gắn với các loại hình nghệ thuật khác của văn hoá dân gian như nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật biểu diễn.

Cả hai loại hình sáng tác văn học dân gian và văn học viết đều dùng chất liệu ngôn từ. Nhưng nghệ thuật ngôn từ trong văn học dân gian không tách rời nghệ thuật tạo hình và nghệ thuật biểu diễn. Còn sáng tác văn học viết, chất liệu duy nhất để làm nên tác phẩm là ngôn từ. Do đó, ngôn từ trong sáng tác văn học viết là hết sức quan trọng. Nghiên cứu văn học dân gian, vì vậy, không chỉ dựa vào ngôn từ (văn bản) mà còn phải chú ý đến các yếu tố khác phi ngôn từ (chẳng hạn, không gian, thời gian biểu diễn).

Tác giả của sáng tác dân gian thường là người trực tiếp thể hiện, biểu diễn những sáng tác đó. Còn tác giả của sáng tác văn học viết lại không phải kiêm nhiệm như vậy. Nhà sáng tác có thể cho ra đời một tiểu thuyết, một vở kịch, một bài thơ, một kịch bản sân khấu hay điện ảnh nhưng họ sẽ không tham gia thể hiện, biểu diễn nó, hoạt động của nhà văn "tách rời" hoạt động của nhà nghệ thuật.

Trong sáng tác tập thể của thể loại văn học dân gian, cái riêng, cái cá thể luôn luôn được nhận thức và phản ánh qua cái chung và cái riêng ở đây không thể trở thành cái độc đáo. Bởi vì, hướng nỗ lực sáng tạo của cá nhân là làm sao hoà lẫn tâm trạng của cá nhân với tâm trạng cộng đồng và tìm cách thể hiện tâm trạng ấy bằng nghệ thuật được cả tập thể chấp nhận. Cho nên, những hình tượng tổng quát trong sáng tác

tập thể thường mang tính phiếm định, không cụ thể, không xác định nhân vật, hoàn cảnh, không gian và thời gian... Nhân vật trong truyện kể dân gian hay thơ ca dân gian đều là những nhân vật không tên, tuổi, quê quán. Môi trường sống của họ không rõ ràng, thường là một miền quê nào đó mà khi sáng tác tác giả không có mục đích miêu tả hoàn cảnh để bộc lộ tính cách. Rõ ràng, nghệ thuật xây dựng hình tượng của văn học dân gian là thiên về khái quát hoá và coi nhẹ cá thể hoá. Nhân vật trong sáng tác dân gian chỉ đại diện cho một loại chung chung mà không có sự cá thể hoá để trở thành những hình tượng điển hình. Nhân vật *"Kăm phạ"* (mồ côi) xuất hiện khá nhiều trong văn học dân gian Lào cũng chỉ khái quát chung một số đặc điểm của một loại người mà không chỉ ra được một nhân vật cụ thể nào với những đường nét, dáng vẻ mang tính cá thể hoá.

Tóm lại, giữa văn học dân gian và văn học viết luôn có sự khác nhau giữa hai hệ thống thẩm mỹ, hai hệ thống thi pháp. Nhưng chỗ giống nhau cơ bản nhất giữa chúng chính là nghệ thuật ngôn từ. Văn học dân gian hay văn học thành văn đều phải coi ngôn từ là công cụ quan trọng nhất. Vì vậy, mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết là hết sức mật thiết. Sự tác động và ảnh hưởng qua lại giữa hai thể loại văn học này ở các nền văn học dân tộc khu vực Đông

Nam Á nói chung và ở Lào nói riêng lại càng đặc biệt hơn.

Tiếp xúc với Đông Nam Á, các nhà nghiên cứu văn học khu vực thường nói tới một sức mạnh dân gian, một tính dân gian hoá của các nền văn học. Điều đó càng chứng tỏ mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết là hết sức khăng khít. Bởi lẽ, từ xa xưa ở Đông Nam Á đã từng phát sinh, phát triển một nền văn minh nông nghiệp lúa nước. Đây chính là nền tảng, cơ sở qui định sự phát triển văn hoá tinh thần, văn hoá vật chất, cơ cấu xã hội và đời sống tâm linh, tư duy, lối nghĩ của con người Đông Nam Á trong suốt quá trình vận động từ xưa cho đến tận bây giờ. Nền văn minh nông nghiệp lúa nước này có cội nguồn và bản sắc riêng, phát triển liên tục trong lịch sử, dẫu cho khu vực đã trải qua biết bao thăng trầm thay đổi. Đó chính là cơ tầng, là cội nguồn của văn hoá Đông Nam Á. Một trong những đặc điểm nổi trội của cơ tầng văn hoá khu vực Đông Nam Á chính là sự phát triển hết sức mạnh mẽ của nền văn hoá dân gian, trong đó, văn học dân gian luôn được coi là cội nguồn của các nền văn học dân tộc và luôn giữ vị trí quan trọng, chi phối đến quá trình hình thành và phát triển của văn học thành văn, thậm chí ảnh hưởng trực tiếp đến văn học hiện đại.

Mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học thành văn trong nền văn học Lào không nằm ngoài

những đặc điểm chung đó của nền văn học Đông Nam Á.

Vốn bị chi phối sâu đậm nền văn minh nông nghiệp lúa nước, văn học dân gian Lào là bộ phận văn học phong phú nhất, có quá trình phát triển dài lâu nhất và giữ vị trí quan trọng nhất trong tiến trình lịch sử phát triển của nền văn học dân tộc. Sự phát triển mạnh mẽ và lâu bền của văn học dân gian Lào đã có tác động to lớn đến văn học viết, làm biến đổi nhiều sáng tác thuộc dòng văn học viết.

Trong tiến trình phát triển, văn học Lào đồng thời xuất hiện hai xu hướng trái ngược nhau nhưng luôn hỗ trợ cho nhau: Đó là xu hướng *dân gian hoá các tác phẩm thành văn* và *thành văn hoá các tác phẩm dân gian*. Hiện tượng đưa *văn học viết* thành *văn học nói* và biến *văn học truyền miệng* dân gian thành *văn chương bác học* đã làm cho việc khu biệt ranh giới giữa văn học dân gian và văn học viết ở Lào là hết sức khó khăn.

Ở Lào, rất nhiều sáng tác dân gian được người ta ghi chép, sửa chữa, sáng tác lại và trở thành những tác phẩm thành văn có tác giả và niên đại rõ rệt.

Nhưng chiều hướng các tác phẩm thành văn bị dân gian hoá tỏ ra mạnh mẽ hơn. Ở Lào, nhiều tác phẩm thành văn, rõ ràng là sáng tác của cá nhân, khi lưu truyền trong dân gian đã bị sửa đổi, dần dần mất

tên tác giả và người ta cũng không thể nhớ được thời điểm ra đời của tác phẩm. Cho nên, khi nghiên cứu văn học Lào, đặc biệt là văn học viết truyền thống thì vấn đề xác định tác giả, niên đại tác phẩm, văn bản là rất khó khăn và phức tạp. Tình trạng một tác phẩm văn học tồn tại ở nhiều dạng văn bản và giữa các văn bản có sự khác nhau nhiều là khá phổ biến.

Xu hướng dân gian hoá các tác phẩm thành văn không chỉ diễn ra đối với các tác phẩm bản địa mà nó còn xảy ra cả với các tác phẩm ngoại lai. Những tác phẩm văn học viết cổ đại Ấn Độ vào Lào đã bị đời sống dân gian vô cùng phong phú và sôi động ở đây biến cải đi, nó được tái sinh trong dân gian và chính nó làm giàu thêm kho tàng văn học dân gian. Sử thi Ấn Độ *Ramayana* vào Lào được trả về cho văn học dân gian với cái tên *Phạ lắc Phạ lam*, truyện ngụ ngôn Ấn Độ Phanchatantra trở thành *Nang Tăn Tay* của Lào.

Như vậy, khá nhiều tác phẩm văn học cổ trung đại Lào xuất hiện ở hai khu vực dân gian và văn học viết. Tính chất "lưỡng thể" đó của các tác phẩm cho thấy mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết là rất khăng khít.

Ngược trở lên, chúng ta thấy ảnh hưởng, tác động qua lại giữa văn học dân gian và văn học viết truyền thống là một biểu hiện mạnh mẽ của sức sống

dân gian, tính dân gian hoá. Sự chi phối của yếu tố dân gian đối với nền văn học Lào hiện đại có khi là gián tiếp, có nơi là trực tiếp khá mạnh. Bởi vì, không như các nước có nền kinh tế - xã hội phát triển, văn học dân gian truyền thống chỉ được lưu giữ trong sách vở và bảo tàng, ở Lào "văn học dân gian còn được bảo lưu gần như nguyên vẹn, còn "sống" trong lòng nhân dân các bộ tộc"[1]. Văn học dân gian vẫn tiếp tục phát huy vai trò tích cực, hữu hiệu trong việc xây dựng nền văn hoá, văn học hiện đại. Nhiều nhà văn, nhà thơ hiện đại Lào đã tìm về cội nguồn, thấy ở kho tàng văn học dân gian nhiều chất liệu quí cho sáng tác của họ.

Thơ ca hiện đại, thơ ca cách mạng Lào tiếp thu và kế thừa ở thơ ca dân gian trên nhiều bình diện: Thể thơ, vần điệu, tiết tấu... Có thể nói, hầu hết các nhà thơ lớn ở Lào đều sử dụng hình thức có sẵn của thơ ca dân gian.

Nếu như trong thơ ca hiện đại, nhịp điệu, tiết tấu, hình thức thơ đều có âm hưởng và chịu sự tác động mạnh của thơ ca dân gian thì trong văn xuôi hiện đại từ kết cấu, cốt truyện, đến cách xây dựng tính cách nhân vật, thủ pháp mô tả, ngôn ngữ... hầu như chịu sự chi phối, qui định của thi pháp truyện kể dân gian

[1] Lưu Đức Trung (chủ biên), *Văn học Đông Nam Á*, Nxb Giáo dục, H. 1998, tr 21.

phần không nhỏ. Tiểu thuyết với cốt truyện kể theo mạch thẳng thời gian, kết cấu trực tuyến, xâu chuỗi nhiều sự kiện, biến cố, kết thúc thường có hậu; nhân vật thường được miêu tả ở dáng vẻ bề ngoài, miêu tả hành động nhiều hơn là miêu tả bên trong, phân tích tâm lý; thủ pháp nghệ thuật thường là đối chiếu, so sánh, ví von... là chịu sự tác động của nhiều nhân tố, trong đó văn học dân gian giữ vai trò đáng kể. Tiểu thuyết Lào ra đời rất muộn, (những năm 70 của thế kỷ XX) nhưng nó vẫn bắt mạch từ văn học dân gian và chịu nhiều ảnh hưởng của văn học dân gian.

Vấn đề đặt ra là tại sao ở Đông Nam Á nói chung, ở Lào nói riêng, mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết lại khăng khít đến vậy và vì sao sức mạnh dân gian hoá ở đây không chỉ diễn ra trên lĩnh vực văn học mà hầu như nó diễn ra ở trên nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Cắt nghĩa cho hiện tượng này, tất nhiên phải xem xét đối tượng ở nhiều góc độ, nhưng có lẽ cái nội lực làm nên sức mạnh đó không gì khác hơn là nền tảng của văn hoá dân gian, trong đó văn học dân gian phát triển đa dạng phong phú vẫn còn sống động, vẫn còn lưu giữ, chi phối đến đời sống tinh thần và thị hiếu thẩm mỹ của người dân Lào thời hiện đại. Xã hội Lào bước vào thời kỳ hiện đại kể từ khi thực dân Pháp đặt ách đô hộ năm 1893. Trên bề mặt xã hội từ đó đến nay đã

có biết bao biến đổi. Nhưng xã hội Lào nhìn ở phần "chìm", phần "tiềm ẩn" thì những sinh hoạt của đời sống văn hoá dân gian như lễ hội truyền thống, tôn giáo, phong tục tập quán, nghi lễ cổ truyền, kiến thức tư duy... hãy còn bám rễ sâu chắc trong lòng xã hội hiện đại, không thể nhanh chóng thay đổi được, dẫu cho bề mặt xã hội với thiết chế chính trị thay đổi đến mức nào.

Tóm lại, mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết là mối quan hệ hai chiều giữa hai thể loại văn học thuộc hai hệ thống thẩm mỹ, hai thi pháp sáng tác khác nhau nhưng luôn gắn bó mật thiết với nhau. Tuy nhiên, sự tác động qua lại giữa hai thể loại văn học đó không phải lúc nào cũng ở thế cân bằng nhau. Tuỳ từng thời kỳ lịch sử, từng vùng văn hoá khác nhau mà thế mạnh thuộc về thể loại này hay thể loại kia. Khi chưa có văn học viết ra đời, văn học dân gian là thể loại độc tôn, bao trùm lên toàn bộ đời sống văn học. Nhưng khi văn học viết đã xuất hiện, phát triển qua thời trung đại và bước vào thời kỳ hiện đại thì văn học dân gian lùi xa dần. Tuy nhiên, ảnh hưởng của nó ở mức độ đậm nhạt khác nhau ở trong từng nền văn học của các quốc gia - dân tộc thì vẫn còn mãi mãi.

Như đã trình bày ở chương 1, văn xuôi Lào hiện đại ra đời rất muộn so với thơ ca Lào và so với nền

văn xuôi của các nước trong khu vực Đông Nam Á. Mãi đến những năm đầu thập kỷ 60 ở Lào mới thực sự có văn xuôi và đến những năm 70 của thế kỷ XX, tiểu thuyết với tư cách là một thể loại lớn của văn học mới xuất hiện.

Văn xuôi hiện đại Lào hình thành và phát triển có tính chất đột biến, nhảy vọt, từ một nền văn học truyền thống theo loại hình văn học khu vực với thể loại thơ ca là chủ yếu, bỏ qua bước quá độ chuyển tiếp, bắt mạch từ văn học dân gian chuyển thẳng lên xây dựng nền văn xuôi hiện đại. Điều này chứng tỏ những yếu tố của văn học dân gian sẽ chi phối hết sức mạnh mẽ nền văn xuôi hiện đại.

Sự chi phối của các yếu tố truyền thống trong đó có văn học dân gian đối với nền văn xuôi hiện đại Lào sẽ diễn ra ở cả trên hai mặt tích cực và tiêu cực, ở cả trên hai bình diện nội dung và nghệ thuật. Bởi vì, bất cứ một nền văn học viết của một dân tộc nào trong quá trình xây dựng và phát triển cũng phải tiếp thu, kế thừa những yếu tố truyền thống có trong văn học dân gian tất yếu sẽ được vận dụng, bảo lưu trong nền văn học viết. Chỉ có điều, mức độ ảnh hưởng của văn học dân gian hay sự tiếp thu của nền văn học viết sẽ diễn ra như thế nào còn tuỳ thuộc vào nhiều điều kiện mang tính đặc thù của từng nền văn học. Ở những nước mà trong quá trình phát triển xã hội

không trải qua bước gián cách lịch sử thì văn học cũng không trải qua quá trình phát triển gián cách, ảnh hưởng của văn học dân gian đến văn học hiện đại sẽ mờ dần đi. Còn đối với những nước như Lào (và nhiều nước khác ở Đông Nam Á) do xã hội phát triển có bước gián cách lịch sử: Từ một xã hội phong kiến (thậm chí có nơi còn hình thái "tiền phong kiến") bỏ qua giai đoạn phát triển Tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên xây dựng một xã hội mới, Xã hội chủ nghĩa thì những yếu tố của xã hội truyền thống vẫn còn bảo lưu, in dấu khá sâu đậm trong lòng xã hội hiện đại.

Mặt khác, mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết trong nền văn học Lào diễn ra hết sức khăng khít, văn học hiện đại có sự tiếp xúc, gần gũi với văn học dân gian. Đây là đặc điểm vừa có tính phổ quát cho nhiều nền văn học nhưng lại vừa có tính đặc thù cho một số nền văn học Đông Nam Á trong đó Lào là hiện tượng tiêu biểu.

Ảnh hưởng của văn học dân gian Lào đối với nền văn học hiện đại nói chung và văn xuôi Lào nói riêng là hết sức sâu đậm. Những ảnh hưởng đó diễn ra trong từng tác phẩm qua mỗi tác giả từ cách nhìn các hiện tượng đời sống bằng con mắt dân gian, triết lý dân gian đến phong cách dân gian, nghệ thuật sáng tạo dân gian. Đó là những quan niệm, những khát vọng chân lý về thiện thắng ác, chính thắng tà,

đẹp thắng xấu, nghèo gặp may, hiền gặp lành... đó là lối kết cấu trực tuyến, thời gian nghệ thuật xuôi chiều, ngôn ngữ vận dụng nhiều ca dao tục ngữ, lối kể chuyện của cổ tích... Những yếu tố đó được các nhà văn hiện đại Lào vận dụng khá nhuần nhuyễn, tất cả thấm vào tác phẩm một cách tự nhiên, không gò ép, khiên cưỡng.

2. Sự tiếp nhận văn học dân gian của văn xuôi Lào hiện đại từ bình diện chủ đề, đề tài

Ra đời và trưởng thành vào thời điểm xã hội Lào có những biến cải thật to lớn, văn xuôi, một thể loại mới của nền văn học cách mạng phải được huy động vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Những đề tài xa xưa của văn học truyền thống như ngợi ca tình yêu tự do chung thuỷ, nhưng đầy ngang trái, hay những đề tài lấy từ kho Phật thoại, những nhân vật lịch sử, truyền thuyết đều không còn thích hợp, không thể phản ánh được hiện thực cuộc sống mới. Rõ ràng, thời đại mới, cuộc sống mới sẽ quy định đề tài, nội dung văn học phải đổi mới. Tuy nhiên, những mô típ, những chủ đề trong kho tàng văn học dân gian được các nhà văn khai thác dưới ánh sáng của những tư tưởng mới. Đó là tư tưởng nhân văn, chủ nghĩa nhân đạo được phát triển nâng cao gắn liền với tư tưởng yêu nước chống xâm lược, tư tưởng yêu nước chống xâm lược gắn liền với tư tưởng đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng nhân dân.

Đề tài bao trùm và có thể nói là đề tài duy nhất của văn xuôi Lào hiện đại là *đề tài chiến tranh cách mạng*. Các bộ tiểu thuyết sử thi nhiều tập của Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông đều tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của cuộc cách mạng Lào. *Hồi tưởng lại* (2 tập) khai thác sự kiện lịch sử Lào vào thời điểm thập kỷ 60, khi ba lực lượng chính trị ở Lào ký Hiệp định hoà hợp dân tộc lần thứ hai nhằm phản ánh sự phân hoá của lực lượng trung lập trong quá trình đi theo cách mạng. *Tiểu đoàn Hai* (4 tập) dựa vào sự kiện lịch sử có thật về Tiểu đoàn Hai Pathét Lào vượt vòng vây địch về căn cứ địa cách mạng, tác phẩm miêu tả bối cảnh lịch sử trong thời kỳ ở Lào ký kết Hiệp định hoà hợp dân tộc lần thứ nhất (1957) đến lần hai (1962). *Hai chị em* (3 tập) viết về đề tài người phụ nữ dựa vào bối cảnh lịch sử trước sau chiến dịch *Cù kiệt* (1968) để ca ngợi phẩm chất anh hùng của người phụ nữ Lào trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. *Hai bên bờ sông* dựa vào sự kiện "người di tản" vào thời điểm Lào ký Hiệp định hoà hợp dân tộc lần thứ ba (1973). Hầu hết các biến cố lịch sử lớn trong cuộc chiến tranh chống Mỹ ở Lào đều được Xu-văn-thon mô tả trong tác phẩm của ông. Khăm-liêng Phôn-xê-na có hai bộ tiểu thuyết thì đều tập trung viết về đề tài cách mạng trong thời kỳ chống Pháp ở hai cực Bắc - Nam của Tổ quốc

(*Xỉ-nọi* và *Tình yêu*), các nhà văn Chăn-thi Đươn-xa-vắn, Đao Nứa... đều có những sáng tác của mình về "Ánh sáng cách mạng" , vai trò to lớn của cách mạng trong sứ mệnh giải phóng những người dân nô lệ khỏi ách áp bức bóc lột của phong kiến thực dân (*Con đường sống, Bão táp cuộc đời*). Rất nhiều truyện ngắn của Khăm-ma Phôn-cong, Kẹo-ma-ni Xỉ-vông-xay, Xốm-bun Thạ-vị-xay... tập trung phản ánh về đề tài "đi tìm ánh sáng cách mạng" và đấu tranh giải phóng.

Xu-văn-thon là nhà tiểu thuyết lớn nhất của nền văn học hiện đại Lào, người vận dụng khá nhuần nhuyễn những yếu tố của văn học dân gian vào sáng tác của mình. Ông là nhà văn trưởng thành trong khói lửa của cuộc chiến tranh cách mạng, am tường lịch sử dân tộc và có nhiều kiến thức về văn học dân gian.

Nhờ có cái nhìn dân gian và lối triết lý dân gian trên cơ sở của chủ nghĩa lạc quan cách mạng, lạc quan biện chứng (chứ không phải chủ nghĩa lạc quan kinh nghiệm) nên các tác phẩm của ông đều toát lên một tinh thần lạc quan, một niềm tin vững chắc vào nhân dân, vào cách mạng, vào sự chiến thắng mọi kẻ thù, kể cả những lúc lực lượng cách mạng còn non yếu, chưa đủ sức mạnh để chiến thắng. Đồng thời, các tác phẩm của ông đều có cái "có hậu", không rơi vào bế tắc, bi quan mà luôn mở ra một viễn cảnh tốt đẹp.

Tiểu đoàn Hai rõ ràng là viết về một cuộc rút quân, một cuộc chiến đấu hết sức gay go, quyết liệt giữa một tiểu đoàn bộ đội Pathét Lào bị 6,7 tiểu đoàn địch bao vây, trong tình thế ngàn cân treo sợi tóc, chỉ cần một hành động tự phát manh động thì cả tiểu đoàn sẽ bị tiêu diệt. Thế nhưng, tiểu đoàn II anh hùng đã mưu trí, dũng cảm, táo bạo vừa đấu tranh hiệp thương, ngoại giao vừa chuẩn bị lực lượng bất ngờ rút khỏi vòng vây địch và dũng cảm kiên cường chiến đấu suốt 25 ngày đêm trên đường rút lui về căn cứ địa an toàn và tiếp tục cuộc chiến tranh vũ trang để giải phóng đất nước.

Tác giả đã mô tả được một tập thể nhân vật anh hùng từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu dù phải trải qua bao gian nan thử thách nhưng cuối cùng họ đã làm nên chiến thắng.

Cùng đề tài như *Tiểu đoàn Hai, Hai bên bờ sông*, tiếp tục viết về cuộc chiến tranh cách mạng Lào thời điểm bước ngoặt của lịch sử với một nội dung mới và hoàn cảnh mới - Dựa vào sự kiện "người di tản" tác giả đã phản ánh một bức tranh hiện thực của cuộc chiến tranh cách mạng Lào ở vào thời điểm gay go nhất: Mỹ đã cút, nguỵ chưa nhào, lực lượng cách mạng chưa hoàn toàn nắm quyền kiểm soát đất nước, lực lượng thù địch tiếp tục chống phá cách mạng, lôi kéo nhiều người Lào nhẹ dạ cả tin di tản sang "miền

đất hứa" để rồi chuốc lấy cuộc sống nhục nhã nơi đất khách quê người. Tác phẩm miêu tả nhiều tuyến nhân vật trong đó có một tuyến nhân vật đại diện cho những con người mới, gắn bó với Tổ quốc, trung thành với lý tưởng cách mạng, dẫu cuộc sống còn gặp vô vàn khó khăn nhưng chiến thắng cuối cùng vẫn thuộc về họ.

Cảnh kết thúc chiến thắng trong *Tiểu đoàn Hai*, cái tất thắng của lực lượng cách mạng trong *Hai bên bờ sông*, hay cái cảnh đoàn viên tuyệt đẹp của một gia đình bị phân ly mỗi người về một phe phái chính trị trong chiến tranh ở *Hai chị em* hoàn toàn là hiện thực. Ở đây vừa thể hiện qui luật tất yếu của cuộc chiến tranh chính nghĩa, vừa thể hiện nỗi khát vọng, niềm lạc quan của quần chúng nhân dân, bắt nguồn sâu xa từ cách nhìn dân gian, triết lý dân gian.

Nếu như cái nhìn và triết lý dân gian mang lại cho các tác phẩm một tinh thần lạc quan trong sáng thì mặt khác nó cũng làm cho việc mô tả các hiện tượng đời sống có phần giản đơn, mộc mạc, thậm chí dễ dãi, trùng lặp và sáo mòn. Nhìn vào hệ thống đề tài thì văn xuôi Lào đã có sự đổi mới rõ rệt, nhưng chưa đa dạng và phong phú, nhiều mảng hiện thực còn bị bỏ trống, nhiều vấn đề mới nảy sinh trong cuộc sống chưa được văn xuôi phản ánh. Hầu hết các tác phẩm viết về đề tài "Ánh sáng cách mạng" đều na

ná giống nhau. Nghĩa là, tác phẩm mô tả nỗi thống khổ của người dân sống trong xã hội cũ (vùng địch tạm chiếm) dưới ách thống trị của thực dân, đế quốc, phong kiến, được giác ngộ cách mạng hoặc cách mạng cưu mang giải phóng và cuối cùng họ trưởng thành trong đội ngũ cách mạng (*Xỉ-nọi, Con đường sống, Bông hoa rừng*,...). *Xỉ-nọi*, tiểu thuyết hai tập của Khăm-liêng Phôn-xê-na viết về cuộc đời đi ở làm thuê của bé Xỉ đại diện cho bao người nghèo khổ khác ở Lào sống dưới ách áp bức bóc lột của thực dân phong kiến, được cách mạng cưu mang, giải phóng, từ thân phận của kẻ nô lệ, Xỉ-nọi trở thành một cán bộ cách mạng. *Con đường sống* của Chăn-thi Đươn-xa-vẳn mô tả cuộc sống cơ cực lầm than của cậu bé Di sống tha phương cầu thực dưới đáy xã hội, gặp cách mạng và trở thành chiến sĩ giải phóng. Những mảng hiện thực đời sống đó mang tính đặc thù của giai đoạn cách mạng Lào những năm đấu tranh chống xâm lược để giải phóng đất nước. Nhưng cách khai thác và nhận thức về nó thì hầu hết các tác phẩm từ truyện ngắn đến tiểu thuyết đều đặt vấn đề xử lý không khác nhau bao nhiêu. Cái triết lý dân gian khổ sẽ sướng, hiền sẽ gặp lành, thiện sẽ thắng ác... và cái nhìn dân gian đối với các hiện tượng cuộc sống trong sự đối sánh, tương phản đã hạn chế đến quá trình nhận thức hiện

thực một cách đơn giản mà không thấy sự đa dạng phong phú và phức tạp muôn hình muôn vẻ của nó.

Cho nên, khi đọc các tác phẩm văn xuôi Lào chúng ta thấy những nhân vật, những cảnh đời rất hồn nhiên, thuần phác như những nhân vật trong truyện cổ tích, trữ tình, trong sáng và đẹp ý nhị như ca dao dân ca. Có thể nói, các tác phẩm văn xuôi đã biết khai thác và phát triển nâng cao những chủ đề truyền thống có trong văn học dân gian và văn học cổ điển như miêu tả những đề tài về người phụ nữ tình nghĩa thuỷ chung, khí tiết *(Hai chị em)*, người đàn bà sống cuộc đời ba chìm bảy nổi, bèo dạt hoa trôi trong xã hội cũ *(Rời khỏi Xi phăn đon)*, hay những em bé mồ côi sống cù bất cù bơ hiền lành và may mắn trong xã hội thực dân phong kiến *(Ánh sáng cách mạng)*.

Các tác phẩm văn xuôi khi khai thác những mảng hiện thực của đời sống, miêu tả những đề tài quen thuộc gần với truyền thống nhưng chưa khắc phục được những hạn chế của truyền thống, gần với dân gian, dân tộc nhưng chưa thật hiện đại. Đây là những hạn chế tất yếu của một nền văn xuôi ra đời chậm muộn trong một đất nước có truyền thống văn vần mạnh hơn văn xuôi, có một công chúng văn học thích văn học nói hơn văn học viết, mê kể chuyện, nghe hát và biểu diễn hơn xem sách và đọc truyện.

3. Sự tiếp nhận văn học dân gian của văn xuôi Lào hiện đại từ bình diện kết cấu và cốt truyện

Trong các tác phẩm tự sự như truyện ngắn và tiểu thuyết thì tổ chức kết cấu có quan hệ chặt chẽ với việc xây dựng cốt truyện. Cốt truyện chặt chẽ có ảnh hưởng tốt đến kết cấu và ngược lại kết cấu hợp lý, cân đối sẽ có tác dụng triển khai tốt cốt truyện.

Với nhận thức đó, trong quá trình phân tích những ảnh hưởng của yếu tố dân gian vào trong tổ chức kết cấu và triển khai cốt truyện các tác phẩm văn xuôi Lào hiện đại, chúng tôi không phân chia chúng ra mà khảo sát tác phẩm trong tổng thể của cả hai yếu tố để tạo thành một chỉnh thể nghệ thuật.

Như mọi người đều biết, ở Lào cũng như ở một số nước Đông Nam Á khác, sức mạnh dân gian hoá và dân tộc hoá của các nền văn học là hết sức mạnh mẽ. Sức mạnh dân gian hoá đã làm cho nhiều tác phẩm thành văn trở thành tác phẩm dân gian. Và ngược lại, nhiều sáng tác dân gian lại biến thành sáng tác thành văn. Ranh giới giữa văn học dân gian và văn học viết tỏ ra rất mờ nhạt. Sức mạnh dân tộc hoá đã biến cải các tác phẩm ngoại lai trở thành những tác phẩm bản địa. Và ngay cả các tác phẩm văn học viết ngoài vào cũng bị dân gian hoá và trở thành tác phẩm dân gian. Đây là nguyên nhân sâu xa làm cho nền văn xuôi hiện

đại Lào chậm ra đời, chậm cách tân, ảnh hưởng sâu nặng những yếu tố truyền thống.

Đọc các tác phẩm văn xuôi hiện đại Lào, chúng ta thấy, sự cách tân, hiện đại về kết cấu và cốt truyện là rất chậm. Các tác phẩm văn xuôi Lào thường triển khai *cốt truyện theo mạch thẳng thời gian xuôi chiều*, kiểu kết cấu của một tác phẩm dân gian. Lối kể chuyện theo trình tự trước sau của thời gian (thời gian hình tuyến) của các truyện kể dân gian đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết cấu của rất nhiều tác phẩm của Xu-văn-thonBup-pha-nu-vông,Chăn-thiĐươn-xa-vẳn, Khăm-liêng Phôn-xê-na, Đao-nứa... và nhiều cây bút truyện ngắn khác.

Ngoài các truyện ngắn *Bông hoa rừng* của Xốm-bùn Thạ-vị-xay, *Người kế tục* của Kẹo-ma-ni Xi-vông-xay, *Cùng một dòng máu* của Đuông-xay và tiểu thuyết *Hai chị em* của Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông, *Tình yêu* của Khăm-liêng Phôn-xê-na... có lối kết cấu đảo lộn trật tự thời gian, thời gian đồng hiện, số tác phẩm còn lại cơ bản vẫn là lối kể chuyện xuôi chiều, thời gian vật lý.

Bộ tiểu thuyết dài hơi của Xu-văn-thon *Tiểu đoàn Hai* 4 tập, quãng 800 trang có khá nhiều nhân vật ở nhiều tuyến khác nhau nhưng cốt truyện cũng chỉ xoay quanh một trục thời gian thuận chiều với

các sự kiện lịch sử lớn ở Lào từ năm 1957 đến 1964: Sự kiện ký Hiệp định Hoà hợp dân tộc hai phái lần thứ nhất (1957), tiểu đoàn Hai về Cánh đồng Chum tham gia quân đội hoà hợp và bị bao vây; sự kiện các lãnh tụ Neo Lào-hắc-xạt vượt ngục về căn cứ địa, rồi tiểu đoàn Hai cũng phá vòng vây về khu căn cứ cách mạng; sự kiện đảo chính của đại uý dù Cong le; sự kiện ký Hiệp định Hoà hợp dân tộc ba phái lần thứ hai (1962) và cuộc chiến đấu của liên quân lực lượng cách mạng và trung lập yêu nước chống Mỹ và tay sai... Biết bao sự kiện lịch sử lớn với nhiều biến cố quan trọng của cuộc cách mạng Lào được tác giả kể lại theo trật tự thời gian và các nhân vật, các tuyến nhân vật nằm trong dòng chảy xuôi chiều đó.

Hai bên bờ sông, bộ tiểu thuyết hai tập viết về đề tài những người di tản Lào, phản ánh một bức tranh hiện thực của cuộc chiến tranh cách mạng Lào ở vào thời điểm diễn ra nhiều biến cố dữ dội nhất: Cách mạng đã thành công nhưng chưa kiểm soát trên toàn vẹn lãnh thổ, Mỹ đã cút, nhưng nguỵ chưa nhào, Hiệp nghị Hoà hợp dân tộc lần thứ ba (1973) được ký kết nhưng các thế lực ngoan cố vẫn lôi kéo người chạy ra nước ngoài để tiếp tục chống phá cách mạng. Tác phẩm miêu tả nhiều sự kiện dồn dập xảy ra nhưng cũng tường thuật theo kiểu thời gian tuyến tính.

Như chúng ta đã biết, một điều nổi bật trong thi pháp tiểu thuyết hiện nay trên thế giới là sự xáo trộn dữ dội về không gian - thời gian nghệ thuật, đặc biệt là sự đảo lộn thời gian nghệ thuật nhằm tạo nên một không - thời gian nghệ thuật năng động, một kiểu kết cấu mới của tiểu thuyết. Cốt truyện không triển khai theo mạch thẳng thời gian mà nó là sự chắp nối các mảnh hồi ức, dẫn đến sự đảo lộn giữa quá khứ và hiện tại, nhà tiểu thuyết đã thay dòng thời gian sự kiện bằng dòng thời gian tâm lý, thời gian đồng hiện.

Nhưng các tác phẩm văn xuôi Lào, đặc biệt là tiểu thuyết của Xu-văn-thon, dòng biên niên vẫn là dòng chảy chính trong thời gian nghệ thuật. Nhìn chung, các tiểu thuyết của Xu-văn-thon đều sử dụng một kết cấu *biên niên truyền thống*, các sự kiện được tác giả miêu tả nối tiếp nhau theo dòng chảy của lịch sử. Ở đây, người sáng tác hết sức tôn trọng thời gian khách quan của câu chuyện, tính khách quan của các sự kiện. Kết cấu của các tiểu thuyết Xu-văn-thon thường theo kiểu truyền thống lấy một sự kiện lịch sử làm trung tâm câu chuyện, các nhân vật, các số phận quay xung quanh sự kiện trung tâm đó. Trong tiểu thuyết *Hai bên bờ sông*, tác giả chọn sự kiện "người di tản" làm sự kiện chính. Các nhân vật đại diện cho các tuyến như Nác, Ma Ly, Xẻng Đươn, Vaniđa,... Thợt, Hầu Hóm... Lợt, Lâng... đều hiện lên trong mối liên

hệ mật thiết với biến cố đó. Tiểu thuyết *Tiểu đoàn Hai*, tác giả dựa vào sự kiện lịch sử có thật, đó là cuộc rút quân thắng lợi của Tiểu đoàn Hai làm sự kiện trung tâm để nối kết nhiều biến cố khác nhau và nhiều nhân vật trong nhiều tuyến xoay quanh điểm trung tâm đó. Có Hiệp định hoà hợp dân tộc lần I thì Tiểu đoàn Hai mới về tham gia quân đội hoà hợp, các lãnh tụ Neo Lào-hắc-xạt vượt ngục Phôn khênh thành công thì Tiểu đoàn Hai bị bao vây và đe doạ bị tiêu diệt. Tiểu đoàn Hai rút quân thắng lợi thì có sự phân hoá trong lực lượng chính trị ở Lào dẫn đến ký Hiệp định hoà hợp lần hai và sau đó là sự thức tỉnh của lực lượng trung lập ngả về cách mạng để chống Mỹ... Những sự kiện lịch sử được đánh dấu bằng các biến cố lớn và nhiều nhân vật cuốn vào dòng chuyển của các bước ngoặt lịch sử, các biến cố.

Chúng ta vẫn biết sự đảo lộn không gian - thời gian nghệ thuật trong tác phẩm là một sự cách tân lớn của tiểu thuyết hiện đại, song không phải bất cứ một tác phẩm hiện đại nào cũng có thể sử dụng lối kết cấu xáo trộn không - thời gian một cách thành công. Hơn nữa, một kiểu kết cấu, một cách triển khai cốt truyện còn phản ánh truyền thống văn học của mỗi dân tộc, phản ánh những thành tựu văn học của từng thời kỳ lịch sử, thể hiện tài năng, phong cách của nhà văn. Nói cách khác, ở đây không phải chỉ là vấn đề

cá tính của tác giả, phong cách của từng nhà văn có thích hay không thích kết cấu tâm lý, thời gian đa chiều, đồng hiện, tường thuật phi tụ điểm... mà còn do truyền thống văn học, tâm lý thị hiếu công chúng quyết định phần quan trọng.

Nền văn xuôi Lào còn hết sức non trẻ, chưa có bề dày phát triển, thành tựu còn rất khiêm tốn lại hình thành và phát triển bắt mạch từ văn học dân gian tiến lên xây dựng nền văn xuôi hiện đại mà gần như không qua giai đoạn chuyển tiếp, quá độ. Nền văn xuôi đó ra đời và phát triển trong một môi trường xã hội mà người dân thường có thói quen thích văn học kể hơn văn học viết. Đặc biệt, người dân Lào lại chịu ảnh hưởng khá sâu đậm của tư tưởng Phật giáo, sống ngay thẳng, thật thà, hoà đồng, bác ái. Bởi vậy, lối kể chuyện quanh co, đảo lộn thời gian, miêu tả các xung đột xã hội, các số phận tính cách với diễn biến tâm lý phức tạp, kết thúc tác phẩm không có hậu đều gây bỡ ngỡ đối với số đông công chúng lâu nay vẫn sống trong truyền thống thích thơ ca, diễn xướng hơn là xem sách hay đọc tiểu thuyết.

Như vậy, để đổi mới và hiện đại một cốt truyện hay một kết cấu là một quá trình lâu dài và phức tạp, chứ không thể giải quyết chóng vánh trong ngày một ngày hai mà được.

Nhiều tác phẩm văn xuôi Lào đều có một kết thúc viên mãn. Kiểu kết thúc "có hậu" của các truyện cổ dân gian đã ảnh hưởng rất lớn đến cách mở nút của các tác phẩm văn xuôi hiện đại Lào. Văn học dân gian Lào nói chung và truyện cổ dân gian nói riêng thể hiện cái nhìn hồn hậu của con người Lào đối với thế giới và con người, một cái nhìn mang đậm bản sắc văn hoá Lào. Như chúng ta biết, Lào là một xã hội ít mâu thuẫn, đấu tranh và phân hoá giai cấp không mãnh liệt như nhiều xã hội khác ở khu vực. Đặc điểm lịch sử - xã hội này đã ảnh hưởng không nhỏ đến cách giải quyết mâu thuẫn xã hội trong các truyện cổ dân gian. Truyện cổ tích Lào có nói đến những đòi hỏi về công lý xã hội, về đấu tranh thiện - ác, giàu - nghèo, phê phán những thói hư tật xấu của giai cấp thống trị nhưng điểm mạnh nhất toát lên vẫn là sự đề cao những phẩm chất tốt đẹp của con người, là sự tất thắng của cái thiện đối với cái ác, là nỗi niềm, khát vọng về một cuộc sống êm ả thanh bình của nhân dân các bộ tộc.

Các nhà văn xuôi hiện đại Lào đã tiếp thu những đặc điểm nổi bật đó từ kho tàng văn học dân gian, nên cách miêu tả xung đột, giải quyết mâu thuẫn trong tác phẩm thường dẫn đến một kết thúc hoàn thiện, hoàn mĩ. Bé Xỉ trong Xỉ-nọi của Khăm-liêng Phôn-xê-na, Di trong *Con đường sống* của Chăn-thi

Đươn-xa-vẳn, Pa trong *Bông hoa rừng* của Xốm-bùn Thạ-vị-xay... đều trải qua những năm tháng sống kiếp tôi đòi, tủi nhục, cơ cực dưới đáy xã hội cũ, tất cả họ đều đã được cách mạng cưu mang, giải phóng và cuối cùng họ đều trưởng thành, có cuộc sống hạnh phúc. Kiểu kết thúc có hậu của *Hai chị em* của Xu-văn-thon, cuối cùng thì cả nhà Vông phết, Vông phăn đoàn tụ sau bao năm trường gia đình phân ly mỗi người một ngả, mỗi người một phe phái chính trị đối địch, xem ra thì nó phản ánh được hiện thực phức tạp của cuộc sống, nhưng ở đây không phải không có yếu tố truyền thống: tác phẩm phải thể hiện nguyện vọng tha thiết của người dân Lào muốn có một cuộc sống hoà hợp, thanh bình, êm ấm và hạnh phúc.

Tuy nhiên, một số tác phẩm văn xuôi Lào đã có sự cách tân đáng kể trong xây dựng một cốt truyện tâm lý với kết thúc mở, như truyện ngắn *Người kế tục* của Kẹo-ma-ni Xỉ-vông-xay hay tiểu thuyết *Tình yêu* của Khăm-liêng Phôn-xê-na. Cốt truyện *Người kế tục* được xây dựng theo mối liên hệ giữa ba nhân vật chính trong một gia đình vợ, chồng, con cùng tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên một chiến hào đánh Mỹ mà không nhận ra nhau. Bua-lay (người chồng) từ ngày tham gia bộ đội Ít-xa-la chống Pháp cho đến những ngày tham gia quân đội hoà hợp ở Tiểu đoàn Hai chưa có dịp về thăm vợ con.

Tại trận địa Phu Cút nóng bỏng bom đạn, anh chiến đấu bên cạnh con trai là Ít-xa-la mà không nhận ra con mình. Anh bị thương và được đưa về trạm quân y tiền phương. Tại đây, Xỉ phon (người vợ) sau bao năm xa cách chồng đã lặn lội trong bom đạn đưa con vào chiến dịch và là thành viên trong đoàn Hội mẹ chiến sĩ ra mặt trận thăm hỏi động viên chiến sĩ, đã bất ngờ gặp Bua lay. Ít-xa-la đến thăm đại đội trưởng Bua-lay, gặp mẹ mới biết Bua-lay là cha mình. Câu chuyện tưởng chừng đã kết thúc hết sức viên mãn ở đây nhưng đây mới chỉ là điểm nút của cốt truyện. Cốt truyện được mở ra một hướng khác và gần như không bao giờ khép kín. Ít-xa-la, trở lại Phu Cút thay cha tiếp tục cuộc chiến đấu mới... Đây là một cốt truyện mới mẻ, hiện đại thể hiện được tư tưởng, tình cảm của con người trong thời đại mới. Các sự kiện, biến cố không kể theo mạch thẳng thời gian mà là sự đan cài giữa biến cố và tính cách, tâm lý, là sự bất ngờ, xáo trộn, tính cách vận động không ngừng.

Tình yêu của Khăm-liêng cũng có một kết cấu mở và là một trong số ít những tác phẩm văn xuôi Lào mạnh dạn miêu tả những mất mát đau thương trong chiến tranh, một kết thúc không có hậu. Tại một tỉnh cực Nam của Tổ quốc trong thời kỳ thuộc Pháp, đôi thanh niên nam nữ Phả - Đuông yêu nhau tha thiết và chờ đón một cuộc sống hạnh phúc gia đình sắp đến.

Giặc Pháp trở lại xâm lược Lào lần thứ hai, chàng trai bị bắt đi phu rồi bị tù đày và đã vượt ngục tham gia hoạt động cách mạng. Cô gái ở lại trong vùng địch tạm chiếm bị cưỡng bức làm lẽ lại nghe tin người yêu hy sinh cô đành phải lấy người khác để chạy trốn một cuộc hôn nhân ép buộc. Hoà bình lập lại, họ bất ngờ gặp lại nhau trong tình cảnh thặt éo le, họ không còn là của nhau nữa. Trong mất mát và đau khổ họ đành chấp nhận sự hy sinh hạnh phúc cá nhân, họ nhận thức rõ cội nguồn của sự bất hạnh này là do chiến tranh gây ra. Lối kết thúc không có hậu này thật hiếm thấy trong văn xuôi Lào.

Xỉ-nọi cũng là một tiểu thuyết của Khăm-liêng viết về sự hy sinh, những cái chết thật sự của các nhân vật. Pho-xa-li từ một người nông dân sống cuộc sống nô lệ, cam chịu nhẫn nhục sau khi được giác ngộ cách mạng đã quả cảm ôm bộc phá, cắt ngắn dây cháy chậm để nổ tung chiếc cầu tiêu diệt đoàn xe của Pháp vào làng càn quét và đã hy sinh anh dũng. Thit-no, con trai Pho-xa-li, một chàng thanh niên hăm hở từ đấu tranh tự phát, manh động đến đấu tranh tự giác, mang ý thức giai cấp rõ rệt đã mang thư của cơ sở cách mạng vượt qua nguy hiểm liên lạc với bộ đội Ít-xa-la và đã chiến đấu chống trả quyết liệt với tên mật vụ Phim-pha, bảo toàn được tài liệu và hy sinh trước khi đơn vị Ít-xa-la kịp đến nhận tài liệu.

Trong nền văn xuôi Lào hiện đại, có lẽ Khăm-liêng là một trong những tác giả tập trung miêu tả nhiều sự mất mát hy sinh của nhân dân Lào trong cuộc chiến tranh cách mạng. Tiểu thuyết của ông không ôm đồm nhiều sự kiện mà tập trung miêu tả những tính cách nhân vật có quá trình vận động, chuyển dịch những mâu thuẫn xung đột xã hội thành những số phận và tính cách liên đới hoặc đối lập. Tuy nhiên, sự cách tân và hiện đại kết cấu và cốt truyện, đặc biệt là sử dụng kết cấu tâm lý và cốt truyện với kết thúc mở không có hậu trong nền văn xuôi còn rất ít.

Nhiều tác phẩm văn xuôi Lào thường sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu kiểu văn học dân gian trong miêu tả những bức tranh, hoàn cảnh, sự kiện, tính cách, hành động tương phản nhau hoặc bổ sung hỗ trợ cho nhau nhưng được nâng cao hơn cho phù hợp với hoàn cảnh mới. Thủ pháp này thể hiện rất rõ trong quá trình xây dựng cốt truyện *Con đường sống* của Chăn-thi Đươn-xa-vắn.

Con đường sống là một tiểu thuyết tự truyện nên kết cấu tác phẩm cơ bản đã được kể theo trật tự thời gian, nhân vật phát triển thuận chiều theo một mạch thẳng. Đó là câu chuyện về đường đời của một con người, từ bé đến lớn, từ trong cuộc sống tủi nhục nghèo khổ, cô đơn đi đến cuộc sống ấm cúng, tự do, hạnh phúc. Nhưng ngay trong kết cấu mạch thẳng ta

vẫn thấy một sự sắp xếp các tình tiết sự kiện theo một vòng tròn khép kín: Ánh sáng - bóng tối - ánh sáng, gặp gỡ - chia ly - tái hợp.

Mở đầu tác phẩm tác giả miêu tả cuộc sống tươi vui, ấm áp của bản Na, quê hương Di (nhân vật chính trong truyện và cũng là nhân vật người kể chuyện) dưới ánh sáng của cách mạng, của đất nước vừa giành được độc lập từ tay Pháp - Nhật. Tiếp sau là một quãng đời đen tối đầy cơ cực và lầm than, đầy bất hạnh và đau thương của Di và gia đình Di khi Pháp trở lại xâm lược Lào lần thứ hai và kết thúc tác phẩm là sự tái ngộ, đoàn tụ: Di được gặp bố và trưởng thành trong đội ngũ. Tác giả không chỉ miêu tả đường đời của nhân vật trải qua một quá trình từ bóng tối ra ánh sáng, một sự đối chiếu so sánh giữa hai cảnh sống nô lệ lầm than dưới ách áp bức của thực dân phong kiến và cuộc đời tự do, ấm áp tình cảm cách mạng trong vùng giải phóng mà còn miêu tả những bức tranh hiện thực lặp lại và được nâng cao về giá trị thẩm mĩ.

Nếu như trước đây ở bản Na, cậu bé Di được chứng kiến một cuộc chia tay ấm tình quân dân cá nước, cuộc chia tay lưu luyến đến trào nước mắt, đầy bất ngờ và vẫn để lại một nỗi lo, một niềm bùi ngùi vì chính quyền cách mạng đang đứng trước những thử thách ác liệt thì sau bao năm trường sống tha phương

cầu thực, Di đã trưởng thành trong đội ngũ, tại vùng Pha kháo Di lại bồi hồi xúc động sống lại trong không khí chia tay giữa đồng bào và bộ đội. Nhưng cuộc chia tay lần này diễn ra trong niềm tự hào tin tưởng, bầu trời bản Mẹo lúc này không phải mây mù bao phủ giăng đầy như bản Na trước đây. Hai cuộc chia tay giữa bộ đội và nhân dân diễn ra trong hai thời điểm với sắc thái thẩm mĩ khác nhau đã có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của tính cách nhân vật.

Đọc tác phẩm, hai lần chúng ta bắt gặp hình ảnh lá cờ Tổ quốc và chân dung Chủ tịch Xu-pha-nu-vông ở những trang mở đầu và kết thúc tác phẩm. Hình ảnh lá cờ và bức chân dung mà Di trông thấy ở cuộc mít tinh ở bản Na thật xa lạ đối với Di. Nhưng trải qua một chặng đường dài, trưởng thành trong đội ngũ những người cách mạng, may mắn được gặp lại người bố kính yêu sau 10 năm xa cách, xúc động nhìn lên lá cờ Tổ quốc và bức ảnh Chủ tịch Xu-pha -nu-vông treo trên vách tường chiêu đãi sở ở khu giải phóng, Di không còn ngạc nhiên và xa lạ nữa. Hình ảnh đó như là tượng trưng của sức mạnh đoàn kết, biểu tượng của ánh sáng cách mạng mà bấy lâu nay Di khao khát trông chờ.

Việc tác giả miêu tả những bức tranh hiện thực đối sánh những sự kiện, hình ảnh chi tiết lặp lại trong kết cấu cốt truyện đã có tác dụng bộc lộ chủ đề tư

tưởng: khẳng định ánh sáng cách mạng và phê phán, tố cáo tội ác của giai cấp thống trị.

Để thể hiện được chủ đề tư tưởng thì tác phẩm phải xây dựng kết cấu cân xứng, hợp lý. Để bộc lộ được tính cách và miêu tả được những xung đột xã hội thì tác phẩm phải xây dựng một cốt truyện chặt chẽ, hấp dẫn. Một số tác phẩm văn xuôi Lào chưa tạo được một kết cấu chặt chẽ bởi cốt truyện lỏng lẻo. Sự can thiệp của kiểu kể chuyện của các tác phẩm dân gian vào văn xuôi Lào nhiều khi còn quá liều lượng. Yếu tố ngẫu nhiên, bàn tay sắp đặt của tác giả đã phá vỡ sự liên kết của các thành phần trong cốt truyện. Đọc *Xỉ-nọi* của Khăm-liêng chúng ta ghi nhận thành công nhất định của tác giả trong việc xây dựng tính cách nhân vật, miêu tả hoàn cảnh điển hình, một bước tiến mới của tiểu thuyết Lào. Nhưng chúng ta không cảm thấy đó là một cốt truyện chặt chẽ. Nhiều đoạn bình luận phụ đề dài dòng lộ rõ thái độ thiếu khách quan của người kể chuyện. Các nhân vật trong tiểu thuyết của Xu-văn-thon thường được miêu tả kỹ càng hình dáng bề ngoài từ cách ăn mặc, đi lại, nói năng, hành động. Do vậy, một số nhân vật khi xuất hiện chưa kịp miêu tả hình dạng thì tác giả đã phải vội mở ngoặc ("xin độc giả đừng sốt ruột... rồi sẽ rõ là ai".. hay " "Người đàn ông đó là ai, xin bạn đọc đừng vội,

sau sẽ biết"...)[1]. Lối "trần thuật biết hết" hay cách kể chuyện "thật thà như chú voi con"[2] trong văn xuôi hiện đại Lào là kết quả của sự tiếp nhận lối kể chuyện của văn học dân gian mà chưa được phát triển nâng cao cho phù hợp với thời đại mới.

Tóm lại, những ảnh hưởng của văn học dân gian đối với kết cấu và cốt truyện các tác phẩm văn xuôi Lào quả là sâu đậm. Những truyền thống của văn học dân gian Lào, đặc biệt là nghệ thuật tự sự của truyện cổ dân gian hiển nhiên là rất quí báu, nhưng so với tiêu chí hiện đại nó không tránh khỏi những nhược điểm như kết cấu đơn tuyến, thời gian vật lý xuôi chiều, cốt truyện chú ý sự kiện, biến cố mà xem nhẹ tính cách... Để có một nền văn xuôi Lào hiện đại thực sự "hiện đại" nhưng vẫn đậm đà bản sắc dân tộc thì ngoài việc kế thừa các yếu tố truyền thống, nó còn phải tiếp thu những thành tựu của văn xuôi thế giới. Nền văn xuôi hiện đại Lào bước đầu đã xuất hiện một số tác phẩm có cốt truyện số phận và tính cách, kết cấu đa tuyến, thời gian tâm lý... Nhưng đây chưa phải là hiện tượng phổ biến đối với tất cả các tác giả văn xuôi. Xem ra yếu tố truyền thống trong đó sức

[1] Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông, *Hai bên bờ sông*, (Tiểu thuyết 2 tập), Nxb Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, tập I (1982), tập II (1984). Văn-pênh Phay-a-mát và Trần Thúc Việt dịch, Tư liệu khoa Văn học - Đại học KHXH&NV, tr 38.

[2] Vi-lay Kẹo-ma-ni, "Văn học Lào hôm qua và hôm nay". Tạp chí *Văn học*, số 5-1971, tr100.

mạnh của văn học dân gian vẫn bảo lưu khá mạnh trong nền văn xuôi hiện đại Lào.

4. Sự tiếp nhận văn học dân gian của văn xuôi Lào hiện đại từ bình diện nghệ thuật khắc hoạ nhân vật

Định nghĩa "Văn học là nhân học" là định nghĩa quan trọng và không bao giờ cũ, bởi văn học là khoa học nghiên cứu và thể hiện con người một cách đặc thù. Văn học vừa không ngừng khám phá và chiếm lĩnh những biểu hiện muôn màu muôn vẻ của con người vừa đem lại khả năng làm giàu vô tận cho tư tưởng, tình cảm, tâm hồn con người. Miêu tả con người, đó chính là việc xây dựng nhân vật của nhà văn. "Nhân vật là then chốt của câu chuyện, giữ vị trí trung tâm trong việc thể hiện đề tài, chủ đề và tư tưởng tác phẩm"[(1)]. Nhưng nội dung hiện thực và chủ đề tư tưởng của tác phẩm chỉ có thể được bộc lộ khi nhà văn sử dụng tốt các phương thức và biện pháp nghệ thuật để khắc hoạ nhân vật. Như vậy, nghiên cứu những ảnh hưởng của văn học dân gian trong xây dựng nhân vật của các tác phẩm văn xuôi Lào hiện đại, chính là tìm hiểu quá trình nhà văn tiếp nhận, kế thừa những yếu tố của văn học dân gian cả trên hai bình diện *nội dung xã hội và phương thức thể hiện nhân vật*.

(1) Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, H. 1997, tr 190.

Do những quy định của thi pháp và hệ thống thẩm mỹ mà trong truyện kể dân gian người ta thường chú ý đến cốt truyện nhiều hơn là nhân vật và trong nhân vật thì hành động được miêu tả nhiều hơn tâm lý, miêu tả bề ngoài hơn là bên trong. Nhân vật thường bị cốt truyện qui định một cách chặt chẽ. Những đặc trưng này của văn học dân gian tất nhiên đã được các tác giả văn xuôi tiếp thu và vận dụng nâng cao nhưng sự đổi mới, hiện đại xem ra chưa mạnh và chưa đồng đều ở tất cả các cây bút văn xuôi Lào hiện đại.

Nếu xét ở nhiệm vụ trọng tâm của nghệ thuật văn xuôi đặc biệt là tiểu thuyết là phải xây dựng những tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình thì rất nhiều tác phẩm văn xuôi Lào hiện đại chưa thực hiện được yêu cầu đó. Nhiều nhân vật chưa điển hình, chưa được cá thể hoá, bản chất tạo hình của nhân vật ít được quan tâm đúng mức. Nhân vật ít được mô tả đời sống nội tâm mà thường được mô tả ngoại hình, hành động, đối thoại kết hợp với các sự kiện biến cố của cốt truyện.

Hầu hết các nhân vật của Xu-văn-thon khi xuất hiện bao giờ tác giả cũng cung cấp cho độc giả những nét chi tiết về hình thức, dáng điệu, lý lịch, sắc áo, màu quần... Cô giáo tiểu học Xổm Phon xuất hiện trước độc giả là được tác giả tả ngoại hình ngay "cô

mặc chiếc áo ngắn màu xanh da trời bó sát ngực căng phồng, chiếc váy màu chàm, đầu quấn chiếc khăn màu hoàng yến, trông xinh đẹp hẳn lên" (Tiểu đoàn Hai, trang 7)". Còn chiến sĩ Khăm Mẳn xuất hiện với lý lịch trích ngang: "Khăm Mẳn năm nay 21 tuổi, người hơi tầm thước, khoẻ mạnh, hoạt bát, mặt hơi vuông, tóc cứng như rễ tre, ngực nở, mắt sáng" (*Tiểu đoàn Hai*, trang 14). Ngay những dòng đầu tiên của tiểu thuyết *Hai bên bờ sông*, Xu-văn-thon khi cho hai vợ chồng tên tướng nguỵ xuất hiện đã tả ngay "Tướng Thọt chủ bữa tiệc cùng vợ đứng ngoài cửa đón khách. Vợ ông ta tên là Khăm, người thấp béo, trang điểm loè loẹt, áo váy và tấm khăn vắt qua vai đều màu xanh nhạt. Tướng Thọt người to cao, tóc rẽ ngôi thẳng, quần đen , áo sơ mi tím" (*Hai bên bờ sông*, trang 2). Người đọc có thể căn cứ vào ngoại hình nhân vật là biết được ngay nhân vật đó thuộc tuyến nào, chính diện hay phản diện, tính cách của họ ra sao. Với Xu-năn-thon cũng như các tác giả khác do tiếp thu cách mô tả của văn học dân gian, nên nhân vật chính diện, tích cực bao giờ cũng là những con người đẹp đẽ, từ phẩm chất đến hình thức, còn nhân vật phản diện bao giờ cũng xấu xí, ghê sợ. Hãy xem tác giả tả nhân vật chính diện Vông Phăn trong cuộc chiến đấu: "Chiếc áo màu chàm và váy vải thô của cô cùng màu với rừng cỏ. Khuôn mặt trắng mịn với hai má hồng hồng hoà màu với hai cánh tay mềm

mại... người ta tưởng chừng như cô đang lướt trên đám mây xanh..." (*Hai chị em*, trang 48). Và chiến sỹ bộ đội giải phóng Bun Mi, người yêu của Vông Phăn "Bun Mi là một con người hiếm có, là một chàng trai nhanh nhẹn khoẻ mạnh cả về thể xác lẫn tinh thần, là con người có tấm lòng rộng như biển cả..." (*Hai chị em*, trang 76). Và đây là bức biếm hoạ về nhân vật phản diện, cảnh lớp học tiếng Anh ở vùng địch tạm chiếm Viêng Chăn: "... ở ngoài hiên bên trái có cặp trai gái người Anh Mỹ gì đó (nghe chúng nó nói chuyện với nhau bằng tiếng Anh). Cô gái mặc váy in hoa, đi dép lê, mặc áo thun, đầu quấn nơ đỏ bằng hai ngón tay. Cô này khác với với mụ giáo dạy trong lớp ở những điểm: đít cong, ngực nở, mặt dài, mồm rộng. Còn anh con trai thì mặc quần soóc, ống chân đầy lông. Hắn mặc áo may ô đỏ..." (*Hai chị em*, trang 151). Miêu tả đối - sánh giữa hai loại nhân vật ta và địch, chính diện và phản diện, tích cực và tiêu cực là thủ pháp mà nhiều nhà văn thường sử dụng. Đó là sự đối lập một trời một vực như bóng tối và ánh sáng, kiểu mô tả của truyện cổ dân gian. Những nhân vật nữ chiến sĩ cách mạng được tác giả Xu-năn-thon miêu tả xinh đẹp tuyệt vời: "làn da trắng mịn, môi hồng, dáng người thon thả như những nàng tiên" còn bọn gái phục vụ trong hàng ngũ địch thì xấu xí "gầy như nhái bén phơi khô" hoặc "má phúng phính như quả đu đủ" (*Hai chị em*, trang 54). Hay các chiến sĩ

giải phóng nhân dân Lào thì "thông minh, lanh lợi, khoẻ mạnh hoạt bát" còn bọn sĩ quan địch thì "cái mặt phèn phẹt" "mắt lợn luộc" "con quỉ dâm dục" "giống như quỉ Kum phăn trong Xỉn xay"... (*Tiểu đoàn Hai*, trang 26).

Các nhân vật trong tiểu thuyết Lào thường được miêu tả ở diện rộng của sự hoạt động mà thiếu chiều sâu của tâm lý, ít có sự dằn vặt về nội tâm, kể cả những nhân vật trung gian mà tính cách cần có sự chuyển biến mạnh mẽ như Vông Phết (*Hai chị em*) Xốm Phon (*Tiểu đoàn Hai*). Do một sự ngẫu nhiên mà cô phóng viên đài trung lập ở Viêng Chăn Vông Phết buộc phải vào khu giải phóng. Lẽ ra, tác giả phải khai thác chiều sâu tâm lý, miêu tả quá trình chuyển biến ý thức, từng bước gột rửa nếp sống, lối nghĩ cũ để chân đất đi theo cách mạng thì tác giả lại cho nhân vật chuyển biến quá nhanh và chủ yếu miêu tả hành động. Cô giáo trường làng Xốm Phon chưa có nhận thức gì về bộ đội Pa-thét Lào mà khi được tiếp xúc với Tiểu đoàn Hai thì nhanh chóng chuyển biến và trở thành chiến sĩ giải phóng mẫu mực.

Văn xuôi hiện đại Lào chưa xây dựng được nhiều nhân vật phong phú đa dạng trong tính cách mà thường chỉ được tô đậm nét đặc trưng thẩm mỹ, thậm chí lý tưởng hoá nhân vật làm cho nhân vật đơn giản, khô cứng, không phát triển hợp lôgic khách quan của

cuộc sống. Có lẽ vì quá cảm phục và yêu mến người phụ nữ mà Xu-văn-thon đã dồn cho các nhân vật nữ của mình quá nhiều phẩm chất tốt đẹp, hành động quả cảm đến mức thánh thiện. Trong cuộc chiến đấu sinh tử một mất một còn với một kẻ thù độc ác thâm hiểm như đế quốc Mỹ và tay sai mà ba lần bị địch bắt tra tấn tù đày, bao lần bị bao vây giữa làn đạn địch mà Vông Phăn vẫn chiến thắng tất cả và "lành lặn" trở về. Phim Pha (Người con gái của Đảng) là một cô giáo trẻ mới ra trường từ miền xuôi lên miền núi công tác mà đã có thể diễn thuyết giữa đám đông như một nhà chính trị, một nhà văn hoá lớn! Lại nữa, để chống lại đàn hổ dữ đang ăn trâu dân bản, cô cùng Thạo Tăm Luông đi vào rừng và trong chốc lát đã giết được 3 con hổ. Hành động cô Xẻng Đươn đánh chết tên Xổm Chít trên đất Thái hay Xổm Phết đánh tên lái buôn người Tàu trong *Hai bên bờ sông* thật quá đơn giản và dễ dàng. Nhân vật tô đậm tính lý tưởng thì dễ xa rời hiện thực và dẫn đến lý tưởng hoá. Và để cho nhân vật phát triển thì yếu tố ngẫu nhiên, can thiệp quá liều lượng.

Trong truyện cổ dân gian, khi giải quyết các xung đột, mâu thuẫn thì tác giả dân gian thường phải mượn một lực lượng siêu nhiên phù hộ (như Tiên, Phật, Đạo sĩ.. .) với tiểu thuyết Lào hiện đại , một vài nhân vật muốn phát triển thì phải nhờ bàn tay sắp

xếp của tác giả. Người viết có thể tạo ra những tình thế, kiến thiết các pha gay cấn và "đón lõng" trước các hành động sẽ xảy ra. Có thể thấy, với Vông Phăn, Xu-văn-thon nhiều lần cứu sống nhân vật của mình. Ba lần Vông Phăn bị địch bắt, bị những tên đại uý tâm lý chiến hỏi cung trong sự canh gác cẩn thận với hệ thống quân đội trang bị vũ khí hiện đại mà Vông Phăn vẫn trốn thoát dễ dàng. Cô dễ dàng trói kẻ thù, dễ dàng nhảy qua cửa sổ và dễ dàng trốn trong đống rơm... tất cả như được sắp xếp từ trước. Việc Vông Phết bị vào khu giải phóng cũng hết sức ngẫu nhiên với lý do chiếc xe giải tù binh Bun Mi bị chết máy giữa đường và rồi cô cởi trói cho Bun Mi để cùng vào khu giải phóng.

Tuy nhiên, một số tác phẩm văn xuôi Lào đã xây dựng được những nhân vật có cá tính, phát triển hợp với logic khách quan và miêu tả chiều sâu tâm lý. Ở đây, trước hết phải kể đến nhà tiểu thuyết Khăm-liêng Phôn-xê-na. *Xỉ-nọi* của Khăm-liêng đã miêu tả một số nhân vật có cá tính rõ rệt như bà La Ky, Thit No, Xỉ-nọi. Với một bút pháp miêu tả lạnh lùng khách quan, một lối viết hiện thực tỉnh táo, tác giả đã miêu tả những diễn biến tâm lý và hành động chống trả quyết liệt của Xỉ-nọi trước mụ chủ Mòm Chăn thật điển hình. Khi nghe tiếng súng nổ ngày càng gần, Xỉ-nọi tin rằng, quân giải phóng đang đến gần. Mụ

chủ độc ác chạy vào bếp bắt Xỉ-nọi lên xe tẩu thoát, cô bé Xỉ 10 tuổi đã "nổi loạn" khác thường, cầm dao chống lại mụ chủ: "mày muốn chết thì lại đây!". Hành động tự vệ quyết liệt đó hoàn toàn theo bản năng nhưng nó phù hợp với logic, phát triển tâm lý của nhân vật. Bị bắt về làm đứa ở trong nhà "Nha ta xẻng" Xỉ-nọi bị lăng nhục đánh đập hành hạ đến kiệt sức. Lúc đầu em sợ hãi, rồi nhẫn nhục cam chịu. Nhưng em dần dần nhận thức được sự độc ác của mụ chủ và em nuôi chí phục thù. Hành động Mòm Chăn giết chết con chim nhỏ của em hình thành trong em sự liên tưởng hành động chúng bắn chết Phò Đa, một người yêu nước vô tội. Sự nhẫn nhục đó như một chiếc lò xo bị nén lại, chỉ chờ thời cơ đến thì "tức nước vỡ bờ". Và cái giờ phút đó đã đến. Nhưng khi kẻ thù bỏ chạy, tâm lý trẻ em sợ hãi lại xâm chiếm trong lòng em. Em vứt dao chạy ra sân, ôm lấy anh trai khóc nức nở và bảo anh hãy nhanh chóng đi khỏi nơi này, đi thật xa. Với Xỉ-nọi, tác giả đã chú ý những đặc điểm tâm lý, đến qui luật vận động của tính cách, đặc biệt là tâm lý trẻ em. Rất tiếc là loại nhân vật như Xỉ-nọi trong nền văn xuôi Lào không nhiều. Bởi vì, những ảnh hưởng của yếu tố truyền thống trong nghệ thuật mô tả nhân vật ở văn xuôi Lào còn rất lớn.

Nhân vật chưa điển hình, có lẽ một yếu tố cũng rất quan trọng, đó là vấn đề *ngôn ngữ văn học*. Văn

xuôi Lào đã đưa được những người bình dân, bình thường mà vĩ đại vào văn học trở thành những nhân vật trung tâm thì cũng sẽ đưa được lời ăn tiếng nói, ngôn ngữ thường ngày của quần chúng nhân dân vào tác phẩm. Xét về mặt chất liệu để xây dựng tác phẩm thì đây quả là một sự đổi mới thực sự.

Tuy nhiên, trong văn xuôi Lào, ngôn ngữ dân gian, lối nói ví von, so sánh trong mô tả nhân vật vẫn được các nhà văn sử dụng khá nhiều. Cách miêu tả nhân vật chính diện của Xu-văn-thon thường là "Nàng xinh đẹp như đoá hoa rừng", "Khuôn mặt đẹp như một đoá hoa", "Đôi mắt đại bàng bay trên chín tầng mây chứ không phải người có con mắt lợn luộc" (*Hai chị em*, trang 89, 48, 112). Cách nói "Xu pha xit" tục ngữ được tác giả vận dụng linh hoạt : "Chao ôi, bông hoa vừa chớm nụ sao đã vội nhạt hương thơm", "chọn rau lắm thì được ăn sâu đấy" (*Hai chị em*, trang 19,15).

Nhược điểm rõ nhất trong văn xuôi Lào hiện đại là ngôn ngữ vẫn còn in đậm tính chất báo chí, ngôn ngữ người kể chuyện dài dòng và trùng lặp. Tự truyện "*Con đường sống*" của Chăn-thi vì để thể hiện tấm lòng của mình đối với sự cưu mang giải phóng của cách mạng, để nhấn mạnh cảm hứng tố cáo phê phán xã hội cũ trong sự đối chiếu với cuộc sống mới nên tác giả tả quá nhiều những cảnh nhân vật khóc

lóc, tủi nhục mà chỉ thể hiện trong một số câu, từ trùng lặp. Ngôn ngữ trong tiểu thuyết Xu-văn-thon nặng tính chất thống kê, mô tả dài dòng, thiếu chắt lọc, ngôn ngữ nhân vật chưa được đặc tả. Do ngôn ngữ mô tả nhân vật chưa lột tả được tính cách, chưa đặc tả được nhân vật nên người đọc dễ quên, không gây ấn tượng.

Nhìn chung, tiếp thu những yếu tố tích cực của truyền thống văn học, trong đó văn học dân gian có ảnh hưởng rất lớn, các tác giả văn xuôi Lào đã vận dụng và nâng cao, xây dựng được một số nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình. Tuy nhiên, về phương diện khắc hoạ nhân vật, văn xuôi Lào chưa có sự cách tân, hiện đại mạnh mẽ. Muốn đổi mới một nền văn học nói chung và một nền văn xuôi nói riêng thì phải giải quyết hàng loạt vấn đề từ đặc trưng, thi pháp, đến hình tượng, ngôn ngữ... Đây là một vấn đề hết sức khó khăn đối với một nền văn học như văn học hiện đại Lào mới có quá trình xây dựng và trưởng thành trong ba bốn thập kỷ.

Chương 3

VĂN XUÔI LÀO HIỆN ĐẠI VỚI SỰ KẾ THỪA VÀ CÁCH TÂN TRUYỀN THỐNG VĂN HỌC VIẾT THỜI KỲ TRUNG ĐẠI

1. Từ truyền thống yêu nước chống ngoại xâm trong văn học trung đại đến chủ nghĩa yêu nước chống xâm lược đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp trong văn xuôi hiện đại

Lịch sử Lào từ ngày thành lập Nhà nước phong kiến Lạn Xạng (1353) cho đến năm 1945 là lịch sử của nhiều cuộc chiến tranh chống ngoại xâm để bảo vệ Tổ quốc, là lịch sử của quá trình đấu tranh, củng cố và xây dựng đất nước. Trong gần 700 năm tồn tại và phát triển, nhân dân Lào đã nhiều lần chống lại sự xâm lăng của phong kiến Xiêm, Miến Điện, giặc Hò từ Trung Quốc, thực dân Pháp, phát xít Nhật vv... Tinh thần yêu nước chống xâm lược đã được văn học truyền thống phản ánh dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau. Do nhiều nguyên nhân mà đến nay số tác phẩm đó còn lại không nhiều. Tuy nhiên, nền văn học trung đại Lào còn để lại những tác phẩm quý

giá, phản ánh nội dung yêu nước chống xâm lược, tư tưởng độc lập, thống nhất chủ quyền dân tộc.

Lịch sử có những sự trùng hợp kỳ lạ. Chính người đặt nền móng đầu tiên cho sự ra đời của nền văn học viết Lào thời kỳ vương quốc Lạn Xạng lại là Chậu Phạ Ngừm, người sáng lập nhà nước phong kiến độc lập đầu tiên trong lịch sử nước Lào, với một tác phẩm duy nhất được sử sách ghi lại, đồng thời được lưu truyền trong dân gian cho đến tận ngày nay, đó là *Khămôvạt* (Lời huấn thị) của ông đọc trong ngày lễ long trọng ăn mừng chiến thắng tại mường Viêng Chăn (1353). Lời huấn thị được giới nghiên cứu lịch sử - văn hoá trong và ngoài nước Lào coi là một tác phẩm văn học có giá trị, một bản Tuyên ngôn lập quốc và một bản Hiến pháp đầu tiên của nhà nước phong kiến Lạn Xạng.

Sức hấp dẫn của *Khămôvạt* chính là những tư tưởng lớn của nó. Trước hết, đó là tư tưởng coi trọng nền độc lập thống nhất của đất nước. Lời huấn thị yêu cầu thần dân phải có nghĩa vụ bảo vệ đất nước "Nếu kẻ địch ở ngoài bờ cõi rục rịch chuẩn bị thực hiện những ý đồ hiểm ác đối với đất nước, hễ ai biết tin các ngươi hãy tâu ngay về triều đình, chớ giấu những điều quan hệ ấy ở trong bụng... Phải thấy rõ hành động xâm lấn đất nước ta của những kẻ khác

bản khác mường"[1]... Ngoài ra, *Khăm ôvạt* còn thể hiện tư tưởng coi trọng quyền sống của người dân, xác lập ý thức hệ dân tộc và đề cập đến vấn đề công bằng xã hội. Phạ Ngừm chủ trương xây dựng một nước Lạn Xạng "Không có trộm cắp lẫn giết người, không có cả phản nghịch nữa". Để xây dựng một đất nước như vậy, ông khuyên các thống lĩnh, những người sắp nhận việc trông coi phong tục tập quán và giữ gìn công lý trong nước Lạn Xạng, không được giết và đánh đập nô lệ.

Những tư tưởng lớn trong lời huấn thị được diễn đạt với lời lẽ chân chất, giản dị, xuất phát từ tình hình thực tế của xã hội Lào lúc mới thống nhất, có tác dụng chỉ đạo toàn bộ lịch sử đất nước Lào sau này.

Cuối thế kỷ XV đầu XVI, để khẳng định tinh thần dân tộc và đề cao chủ nghĩa yêu nước, vua Vixunxarạt đã cho biên soạn cuốn *Nithan Khún-Bu-lôm* (Truyện Khủn-Bu-lôm). Thực chất, đây là cuốn sử biên niên. Tác phẩm một mặt ghi chép về các truyền thuyết về nguồn gốc hình thành và quá trình diễn biến của quốc gia phong kiến Lào từ khi Khún Lò con trai Khủn-Bu-lôm đến xây dựng mường Xoa cho đến vương triều trước Vi Xun; mặt khác, tác phẩm kể

[1] Đức Ninh (chủ biên), Đỗ Thu Hà, Trần Thúc Việt, Võ Đình Hường, *Văn học các nước Đông Nam Á*. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, H. 1999, tr 206.

về các nhân vật lịch sử mang tính huyền thoại trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm như truyện *Xi-khốt tạ-boong*. Những truyền thuyết dân gian nói về các chiến công của các anh hùng dân tộc trong cuộc đấu tranh chống xâm lược mang nhiều màu sắc thần kỳ, nhưng vốn bắt nguồn sâu xa từ cơ sở hiện thực của những hình tượng đó, tác phẩm nói lên tinh thần đấu tranh của dân tộc, lòng tự hào về sức mạnh của cộng đồng trong cuộc đấu tranh để bảo vệ đất nước.

Thế kỷ XVI, XVII đánh dấu quá trình xây dựng nền văn hoá văn học dân tộc phát triển đến đỉnh cao, văn học mang nhiều nội dung và tính chất, nhiều khuynh hướng như văn học Phật giáo, giáo huấn, trữ tình nhưng không thấy sự có mặt của những tác phẩm mang nội dung yêu nước chống xâm lược.

Thế kỷ XVIII, XIX, nước Lào bước vào thời kỳ phân tranh, cát cứ. Trong bối cảnh lịch sử đó, xã hội cũng như văn học có nhiều biến động. Riêng văn học viết thời kỳ đầu lắng xuống về sau có chiều hướng vươn lên. Nhưng văn học dân gian vẫn là dòng văn học phát triển tác động mạnh đến văn học viết và tiếp sức cho văn học viết.

Thế kỷ XVIII - XIX không để lại nhiều tác phẩm văn học, nhưng những tác phẩm ra đời trong hai thế kỷ này lại có giá trị hiện thực sâu sắc: Tố cáo trực

tiếp, trực diện bọn phong kiến Xiêm tàn ác và khơi gợi lòng yêu nước của nhân dân hướng vào sự phục hưng dân tộc, sự vùng dậy đấu tranh giành lại chủ quyền cho đất nước, độc lập dân tộc và tự do cho nhân dân.

Suốt 2 thế kỷ xã hội phong kiến Lạn Xạng phân tranh cát cứ, lại 5 lần bị phong kiến Xiêm và giặc Hò thống trị, không chỉ chùa chiền, lăng tháp, cung điện thành phố làng mạc bị phá huỷ mà các tác phẩm văn học thành văn, những "nắng xứ phục" cũng bị đốt phá hoặc bị cướp mang đi mất.

Tuy nhiên, đến nay chúng ta vẫn còn một số tác phẩm văn học viết tiêu biểu như *Xán liệp phạ xún, Cạp mương Phuôn, Lạn Xạng biên niên, Cạp xiêng xỉ, Phừn viêng*... Trong đó, *Xán liệp phạ xún* và *Cạp mương Phuôn*, là 2 tác phẩm tiêu biểu nhất của thời kỳ này. Sự ra đời của 2 tác phẩm này đánh dấu một xu hướng văn học mới: văn học yêu nước chống xâm lược. Nền văn học Lào đã bắt đầu rời bỏ những đề tài truyền thống rút ra từ kho Phật thoại mà xuất phát từ những vấn đề lớn của thời kỳ lịch sử sôi động nhất: vấn đề vận mệnh của đất nước và số phận của người dân.

Xán liệp phạ xún (có bản ghi Xán liệp bò xủn (Bức thư xoá không nhoà) được trình bày dưới dạng một thể loại quen thuộc là thư gửi (Xản).

Tác giả đích thực của tác phẩm này đến nay chưa xác định dứt khoát là ai, nhưng căn cứ theo nội dung của bài thơ với phong cách diễn đạt tràn đầy không khí bi phẫn, với ngôn ngữ vừa dân gian gần gũi với nhân dân vừa trau chuốt với những điển tích, cổ điển bác học lại ra đời và lưu truyền trong hoàn cảnh cụ thể, giới nghiên cứu và nhân dân Lào đều cho rằng chính vua Anụ là tác giả của bài thơ và nhà thơ sáng tác trong hoàn cảnh bị vua Xiêm giam cầm ở ngục Băng Cốc, sau khi cuộc khởi nghĩa vũ trang do ông lãnh đạo chống phong kiến Xiêm thất bại.

Xán liệp phạ xún có dạng kết cấu trữ tình gồm 3 đoạn nối tiếp nhau. Đoạn 1 gọi là Bí mật (*Băng lạ hắt*), đoạn 2 là "Hết sức suy nghĩ" (Xổm thì khít), đoạn 3 là "Hết sức mong ước" (*Xút thì ao*). Toàn bộ bài thơ thể hiện tâm tư tình cảm sâu kín và những khát vọng cháy bỏng của tác giả hơn là phản ánh hiện thực khách quan cuộc sống.

Truyện thơ Lào trong văn học truyền thống thường thiên về miêu tả những đối tượng khách quan trong cuộc sống và nặng về mô phỏng theo những công thức có tính ước lệ. Nhưng đến *Xán liệp phạ xún*, thơ ca Lào đã bắt đầu khai thác các khía cạnh phong phú của cái tôi trữ tình.

Bài thơ phản ánh hai nỗi đau của tác giả hoà nhập vào nhau: nỗi đau riêng nằm trong nỗi đau chung,

vừa mất người yêu lại vừa mất nước, mất độc lập tự do. Chậu Anụ xót xa cho mối tình riêng, lại đau buồn vì bản mường quê hương bị kẻ thù chiếm đoạt.

Mượn hình ảnh quen thuộc trong tín ngưỡng dân gian để nói cảnh người yêu tạm thời bị kẻ thù giam giữ hoặc là cảnh đất nước - Mặt trăng - biểu tượng của xứ sở Viêng Chăn, bị giặc xâm chiếm. Nhưng cái đó chỉ là tạm thời. Vì không thể để "quỷ Ra hử" nuốt mất mặt trăng, nuốt mất nguồn sáng, nhất định phải hiến dâng cuộc đời cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập cho dân tộc.

Khi nào Tổ quốc chưa về tay

Đi lại chưa được tự do

Khi đó phải lo cứu lấy trăng ngà...[1]

Trong đoạn *"Băng lạ hắt"* ý thơ ngày càng bộc lộ một nội dung trữ tình mãnh liệt, một ý thức chính trị sâu sắc, lời thơ hiện lên cảnh bản mường loạn lạc, đất nước đảo điên:

Núi non ngã sập liên tiếp

Quả đất quay cuồng

Bản làng loạn lạc đầy khói mây

Bóng tối che lấp mặt trăng

[1] Đức Ninh (chủ biên), Đỗ Thu Hà, Trần Thúc Việt, Võ Đình Hường,*Văn học các nước Đông Nam Á*, sđd, tr 228.

Vũ trụ lung lay, tất cả đảo điên...[1]

Và đến đây thì không còn gì phải giữ bí mật nữa. Tác giả đã nói thẳng ra:

Suy nghĩ đến đại dương, đến người xa cách

Muốn nắm quay quả đất lật nhào

Giơ kiếm chặt đổ cả núi, làm tan cả khoá...[2]

Trong *Xán liệp phạ xún* ta thường gặp những câu thơ thể hiện hệ thống hình tượng được cô đúc như những mô típ truyền thống: Chăn (mặt trăng) tượng trưng cho Viêng Chăn, Nác (rồng) biểu tượng của dân tộc Lào, Khút (loại chim ác) biểu tượng cho bọn xâm lược Xiêm.

Với những đặc điểm về nội dung và kết cấu tứ thơ cùng hệ thống hình tượng nghệ thuật, *Xán liệp phạ xún* đã đánh dấu sự phát triển của thơ ca trữ tình Lào, thơ ca chính trị xã hội. Đây là bài thơ dài đầu tiên đề cập đến cuộc sống con người và vận mệnh dân tộc.

Cạp mương Phuôn là một tác phẩm viết theo thể vè (cạp) đến nay vẫn chưa xác định được tác giả. Ra đời sau thất bại của Chậu Anụ, bối cảnh mường Phuôn gặp cảnh loạn ly. Lãnh chúa mường Phuôn xin quân

---

[1] Đức Ninh (chủ biên), Đỗ Thu Hà, Trần Thúc Việt, Võ Đình Hường, *Văn học các nước Đông Nam Á*, sđd, tr 229.

[2] Đức Ninh (chủ biên), Đỗ Thu Hà, Trần Thúc Việt, Võ Đình Hường,*Văn học các nước Đông Nam Á*, sđd, tr 229.

Xiêm đến trợ giúp nhưng lại gặp phải cảnh "Cõng rắn cắn gà nhà, rước voi dày mả tổ".

Quân Xiêm tràn vào mường Phuôn cướp phá, vơ vét của cải, bắt người dân sang Noọng Khai làm nô lệ. Tội ác của kẻ thù chồng chất không sao kể xiết.

Cạp mương Phuôn không phải là một tác phẩm văn học riêng rẽ. Nó được chép ở phần cuối cuốn sách lịch sử địa phương (*Phông xá vạ đan mương Phuôn*) nên nó có ý nghĩa không chỉ về mặt văn học mà cả về lịch sử. Tác phẩm trực diện tố cáo tội ác của quân Xiêm, biểu thị sự phản kháng của nhân dân đối với bọn xâm lược.

Cạp mương Phuôn có kết cấu 3 phần:

Phần 1: Tố cáo tội ác giặc Xiêm vơ vét của cải, bắt nhân dân đi làm nô lệ.

Phần 2: Nỗi khổ cực của nhân dân phải chịu cảnh ăn đói mặc rét, chết chóc, bệnh tật.

Phần 3: Sự phản kháng của người dân trên đường đi, bỏ trốn vào rừng, thà chết còn hơn làm kiếp tôi đòi.

Tác phẩm có sức truyền cảm mạnh mẽ, khơi gợi lòng căm thù giặc sâu sắc, thức tỉnh lòng yêu nước nồng nàn, và bao trùm lên toàn bộ tác phẩm là tư tưởng "thà chết chứ nhất định không chịu làm nô lệ".

Kết thúc mấy thế kỷ bị phong kiến Xiêm nhiều lần xâm lược, thống trị, nước Lào bị thực dân Pháp đặt ách đô hộ từ 1893. Buổi đầu của thời kỳ thuộc Pháp, văn học viết tỏ ra vắng bóng (vì bị Pháp cấm đoán, bóp nghẹt). Nhưng văn học truyền miệng do nhân dân sáng tác thì không hề im ắng. Các thể loại văn học truyền thống như Xản (thư gửi) Kạp (vè) Kon lăm (thơ múa hát) vẫn được quần chúng nhân dân sử dụng để một mặt hối cố chặng đường oanh liệt mà dân tộc vừa đi qua, mặt khác, ngợi ca chiến công của các lãnh tụ khởi nghĩa chống Pháp.

Đặc biệt trong thời kỳ này, hình tượng người anh hùng dân tộc, vị tướng tài giỏi Lát-xa-vông dưới triều vua Anụ vẫn luôn được nhân dân ngợi ca, ngưỡng mộ. Nhiều sáng tác thơ ca, hò vè, truyền thuyết thêu dệt về sự thiên tài của Lát-xa-vông, nổi bật là bài thơ *"Nhớ Lat xa vông anh hùng"*. Hình tượng Lát-xa-vông trong bài thơ là hình tượng nhân dân chiến đấu, biểu tượng của lòng yêu nước.

Gương chiến đấu ngoan cường dũng cảm của các lãnh tụ khởi nghĩa như: O-ông Kẹo, Com-ma-đăm, Phò-cà-đuột, Chậu-pha-phắc-hay, Chậu Khăm-Bàng vv... đã thực sự trở thành nguồn đề tài mới mẻ, chất liệu phong phú cho các sáng tác dân gian. Văn học yêu nước thời kỳ này thường sử dụng các hình tượng ước lệ để tránh sự đàn áp của kẻ thù. Nhân dân gọi Phò-

cà-đuột là "Phụ-mi-bun" (người có công đức), gọi kẻ thù là Nhắc (quỷ) khút (đại bàng đen). Một số bài thơ chống Pháp, Thái được viết trên lá cây rồi bí mật mang vào chùa để các sư sãi đọc trong dịp bun than tuyên truyền tư tưởng yêu nước chống xâm lược (Len lăm). Đặc biệt, xuất hiện trong dân gian loại truyện "Nắng xứ in tôốc" (chữ trời rơi xuống) tựa sấm, ký để tố cáo tội ác kẻ thù thể hiện niềm tin của nhân dân sẽ có ngày quét sạch lũ giặc, đất nước giải phóng:

Thời đại đến rồi

Ông Phạ nha thăm sẽ đến

Phạ nha khút sẽ quay về chỗ cũ

Rồng sẽ dương oai phun lửa cháy

Phạ nha thăn là thủ lĩnh của người Lào, Khút là quân xâm lược Thái và Rồng ám chỉ nhân dân Lào. Nhân dân vẫn tấn công kẻ thù bằng trí tuệ sắc sảo, đả kích kín đáo:

Hủa lộn ma, hủa lạn khẩu pà

(Đầu hói đến, đầu trọc vào rừng)

Đây là câu nói có tính chất chơi chữ, đối sánh, chỉ Nhật đến thì Pháp cuốn gói, chỉ cảnh bại trận của Pháp và cảnh đất nước loạn ly, hết Pháp hoành hành lại Nhật thống trị. Ngoài các tác phẩm văn học còn lưu truyền lại, thời kỳ này xuất hiện cả những tập

sử diễn ca dài như *Sử mường Viêng Chăn* (Phết phửu mương Viêng Chăn) dùng hình thức kể lại lịch sử đất nước để khơi gợi lòng yêu nước và kêu gọi nhân dân đoàn kết chống ngoại xâm.

Nhìn lại 7 thế kỷ văn học truyền thống Lào kể cả văn học dân gian và văn học viết, tinh thần yêu nước chống ngoại xâm, tư tưởng độc lập thống nhất dân tộc luôn là nội dung nổi bật của các tác phẩm văn học. Tuy nhiên, có những giai đoạn, lịch sử Lào trải qua nhiều cuộc đấu tranh chống ngoại xâm văn học lại không thấy xuất hiện (hoặc đã có mà bị mất?) những tác phẩm phản ánh chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc chống ngoại xâm (thế kỷ XVI, XVIII). Nếu như nền văn học viết, đặc biệt là các tác phẩm xuất hiện ở thế kỷ XIX đề cập trực diện cuộc chiến đấu của dân tộc, thể hiện tinh thần yêu nước và lòng căm thù giặc sâu sắc thì dòng văn học dân gian lại xây dựng những nhân vật lịch sử mang tính huyền thoại, văn học mang nội dung yêu nước chống xâm lược thường được thể hiện dưới hình thức thơ ca, một thể loại mang tính loại hình của văn học khu vực mà ít thấy xuất hiện các tác phẩm văn xuôi. Dẫu sao thì đây cũng là một di sản rất quý báu về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật mà văn xuôi Lào hiện đại sẽ tiếp nối truyền thống, kế thừa, chọn lọc để xây dựng nền văn học hiện đại Lào phù hợp với bối cảnh lịch sử mới.

Lịch sử Lào bước vào thời kỳ hiện đại là lịch sử của một dân tộc anh hùng liên tiếp chiến đấu và chiến thắng 2 đế quốc to là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Đây là thời kỳ đấu tranh quyết liệt, cam go phức tạp và gian khổ nhất của cách mạng Lào, đồng thời là thời kỳ giành được thắng lợi to lớn nhất trong lịch sử dân tộc. Do vậy, có thể nói, đề tài chiến tranh cách mạng là một đề tài nổi bật, bao trùm, xuyên suốt toàn bộ nền văn học hiện đại Lào, trong đó văn xuôi, một thể loại mới mẻ của nền văn học cách mạng đã được huy động vào cuộc đấu tranh chống xâm lược.

Bằng các thể loại khác nhau, văn xuôi đã tập trung phản ánh hầu hết các lớp người trong xã hội tham gia kháng chiến, đề cập đến cuộc chiến tranh trên nhiều mặt trận: đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị, đấu tranh ngoại giao...

Những tác phẩm văn xuôi từ ký, truyện ngắn, truyện vừa đến tiểu thuyết như *Người kế tục, Trên đường giải phóng, Hạnh phúc, Em Anụ, Rực lửa căm thù của Kẹo-ma-ny Xỉ-vông-xay, Trận mưa cuối mùa* của Thạ-nụ-xay, *Chiến thắng* của Thao-khăm Phôm-vi-hản, *Một đêm ngoài tiền tuyến* của Khăm-xíng Xạ-cun-lao, *Ma đen* của Hủa-phăn, *Xi thoong bất tử* của Bun-lin, *Bun chăm pa* của Thoong BC, *Chung một dòng máu* của Đuông-lay Luông-pha-xí *Vượt ngục* của Thoong-xới Khốt-vông-xá, *Thạo đệt, Y tá, Bạn của tôi* của Xu-văn-thon,

đặc biệt là các tiểu thuyết sử thi của Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông như: *Tiểu đoàn Hai, hai chị em, Hai bên bờ sông*... tất cả đều là những tác phẩm viết về đề tài chiến tranh, thấm nhuần chủ nghĩa yêu nước chống xâm lược kế thừa từ truyền thống đấu tranh của dân tộc trong lịch sử.

Chủ nghĩa yêu nước là một giá trị truyền thống hết sức quý báu được nhân dân Lào phát huy trong suốt tiến trình dựng nước và giữ nước. Tuy nhiên, trong từng thời kỳ lịch sử cụ thể, giá trị truyền thống đó biểu hiện ở những mức độ khác nhau. Nếu như chủ nghĩa yêu nước thời trung đại gắn với chủ nghĩa trung quân, cuộc đấu tranh chống thù trong giặc ngoài nhằm bảo đảm sự thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ thì đến thời hiện đại, cuộc đấu tranh chống xâm lược không chỉ để giành độc lập thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ mà còn gắn liền với những tư tưởng tiến bộ của thời đại: chống ngoại xâm giải phóng nhân dân lao động, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Kế thừa văn học truyền thống và phát triển nâng cao hơn, văn xuôi hiện đại đã thể hiện sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước với tư tưởng giải phóng nhân dân, giải phóng giai cấp. Cùng với đề tài chiến tranh cách mạng, đề tài ánh sáng cách mạng trở thành một đề tài lớn, nổi bật, mang tính đặc thù của văn xuôi Lào hiện đại. Hầu như nhà văn nào cũng có hoặc một

vài truyện ngắn, hoặc những bộ tiểu thuyết 2,3 tập đề cập đến chủ đề "Đi tìm ánh sáng cách mạng", "vai trò giải phóng của cách mạng" đối với người dân lao khổ bị áp bức.

Chúng ta đều biết, Lào là một quốc gia trải qua thời kỳ phong kiến khá dài, mãi đến khi tuyên bố độc lập (1945) rồi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội (1975) mới thực sự vứt bỏ được tàn tích của quan hệ xã hội "tiền phong kiến". Đấu tranh để vươn lên, gạt bỏ hoàn toàn những tập tục của "một xã hội còn mang nhiều vết tích của thời kỳ tiền phong kiến lại bị chủ nghĩa đế quốc thống trị nặng nề gần một thế kỷ"[1] tiếp cận với chân lý cách mạng quả là một quá trình lâu dài, gian khổ, phức tạp.

Văn xuôi cách mạng Lào đã đề cập đến nhiều lớp người trong xã hội từng bước được giác ngộ vùng lên đấu tranh chống áp bức thực dân phong kiến. Bằng những con đường khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, họ đã tìm đường đến với cách mạng hoặc được cách mạng cưu mang, giải phóng. Đó là những người nông dân cơ cực lầm than sống dưới hai tầng áp bức đế quốc và phong kiến, là những em bé mồ côi sống "tha phương cầu thực" dưới đáy xã hội như Di trong

[1] Cay-xỏn Phôm-vi-hản, *Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào*, Nxb sự thật, H. 1986.

Con đường sống Bé Xỉ trong Xỉ-nọi, Khăm Kêng trong *Giông tố cuộc đời*, Pa trong *Bông hoa rừng*... là người phụ nữ bị vùi dập về phẩm giá, bị xã hội thực dân đày đoạ rẻ rúm như Xải-xa-mon trong *Rời Xi phăn đon*... là người thanh niên trí thức tràn đầy nhiệt huyết, tràn đầy ý thức dân tộc nhưng sống cuộc sống bế tắc không lý tưởng trong vùng địch tạm chiếm như Khăm-đi trong Tiếng mẹ... là người binh sĩ buộc phải cầm súng cho giặc chịu cảnh uất ức, nhục nhã không lối thoát như Bua Kẹo trong *Trên đường phố Viêng Chăn*, người thổ phỉ trong *Mưa rừng*...

Tiểu thuyết tự truyện *Con đường sống* (1970) của Chăn-thi Đươn-xa-vẳn được tác giả phát triển từ truyện vừa *Ánh sáng cách mạng* (1965). Nếu như *Ánh sáng cách mạng* mới chỉ có 5 chương với một bối cảnh hiện thực còn bó hẹp trong một làng quê với một gia đình thì *Con đường sống* gồm 15 chương với một dung lượng hiện thực rộng lớn hơn, nhiều tuyến nhân vật trong mối quan hệ không gian mở rộng và thời gian rộng dài hơn.

Tác phẩm miêu tả cuộc sống cơ cực lầm than, tủi nhục của những người nghèo khổ dưới ách thống trị của phong kiến thực dân, tố cáo tội ác tàn bạo của kẻ thù, khẳng định, ca ngợi ánh sáng cách mạng đã giác ngộ, cứu vớt, giải phóng người nghèo khổ khỏi ách thống trị của giai cấp bóc lột.

Cốt truyện "Con đường sống" được kể theo mạch thời gian, xung quanh đường đời của một con người, số phận của một gia đình nông dân nghèo khổ. Nhân vật chính lại chính là tác giả, người kể chuyện.

Di (người kể chuyện) có một gia đình sống hạnh phúc êm ấm ở bản Na. Sau khi bộ đội Ít-xa-la rút đi thì giặc Pháp ập đến, khủng bố người kháng chiến, cướp phá, giết chóc. Người cha của Di bị Pháp bắt đi vì nghi nuôi giấu bộ đội. Bốn mẹ con Di sống cuộc đời tôi đòi, nô lệ cho tên địa chủ Nha-xéng-khăm. Cuộc sống đói khát bệnh tật đã cướp đi 2 đứa em của Di. Hai mẹ con dắt díu nhau, rời bỏ quê hương tha phương cầu thực, lên vùng Phu Luổng, làm tôi tớ trong nhà tên chúa đất vùng cao Phìa Tông. Bọn chủ độc ác vắt kiệt sức người mẹ và khi không dùng được nữa chúng đuổi bà ra khỏi nhà và bà mẹ đã chết thê thảm. Di quyết chí đi tìm cách mạng. Anh bỏ trốn và đã gặp bộ đội Ít-xa-la ở trong rừng. Gặp cách mạng, Di như con chim nhỏ sổ lồng, tung bay trong bầu trời tự do, được làm liên lạc và sau đó Di là người dẫn đường cho bộ đội trở về giải phóng quê hương. Di được gặp lại người cha mất tích và trưởng thành trong đội ngũ cách mạng.

Qua tác phẩm, Chăn-thi kể lại chính cuộc đời mình và cũng là cuộc đời của bao người nghèo khổ Lào từng bước nhận thức, giác ngộ đi tìm ánh sáng

cách mạng, được cách mạng cứu vớt và từng bước giác ngộ, cống hiến cuộc đời cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp.

Cũng như *"Con đường sống"*, *"Xỉ-nọi"* (tập I) và *"Mười bảy năm sau"* (Tập II) của Khăm-liêng Phôn-xê-na là bộ tiểu thuyết đầu tay của tác giả và cũng là tác phẩm mở đầu cho sự ra đời của nền tiểu thuyết Lào hiện đại.

Tác phẩm được viết vào 1968, nhưng phản ánh thời kỳ lịch sử Lào những năm 1950, khi các tổ chức Ít-xa-la (Mặt trận Lào tự do) đang hoạt động ở trong rừng sâu, từng bước rọi ánh sáng cách mạng vào vùng núi non hẻo lánh.

Tác phẩm mô tả cuộc sống nghèo khổ, cơ cực của một gia đình nông dân ở thượng Lào - gia đình Pho-xa-lỳ, dưới ách áp bức bóc lột tàn bạo của tên lý trưởng Mủi (bản Phô) và Mòm chăn (em gái Mủi ở bản Hay). Đồng thời, tác phẩm phản ánh quá trình chuyển biến ý thức, từng bước giác ngộ cách mạng của quần chúng nhân dân nổi lên khởi nghĩa cướp chính quyền dưới sự lãnh đạo của các tổ chức yêu nước.

Xỉ-nọi, em bé 10 tuổi, con út Pho-xa-lỳ, mồ côi mẹ từ nhỏ. Một lần bé Xỉ ốm nặng, Pho-xa-lỳ đánh liều sang nhà lý trưởng Mủi vay tiền, đang đêm, tên Mủi thả đàn chó dữ ra cắn xé Xa-lỳ và vu cho ông là

kẻ trộm, sai người nhà bắt tống giam. Để được ra tù, Xa-lỳ buộc phải bán bé Xỉ cho Mòm chăn, bé Xỉ bị hành hạ cả thể xác lẫn tinh thần. Cô từng bước nhận ra bộ mặt ghê tởm của kẻ thù và luôn nuôi chí phục thù.

Xa-lỳ và Thít-no được giác ngộ, tham gia công tác cách mạng và đã anh dũng hy sinh vì nhiệm vụ cách mạng. Bản Phô, bản Hay được đội vũ trang Ít-xa-la giác ngộ, vùng lên làm cách mạng. Xỉ-nọi chống lại mụ chủ và được cách mạng cứu thoát, cô đi theo cách mạng và "17 năm sau" trở thành một cán bộ cách mạng.

Với *"Xỉ-nọi" và "17 năm sau"* Khăm liêng mới khái quát cuộc chiến tranh giải phóng ở Lào vào thời kỳ đầu chống Pháp xâm lược. Đó là thời kỳ vận động cách mạng, giác ngộ quần chúng vùng lên đấu tranh tự giải phóng mình.

Sau khi hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nước Lào bước vào thời kỳ cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba thập kỷ sau giải phóng, văn học hiện đại vẫn tiếp tục đề tài chiến tranh và khai phá mảng đề tài xây dựng cuộc sống mới. Phải nhận thấy rằng, văn xuôi về đề tài mới này chưa đạt được mấy kết quả. Nhà tiểu thuyết hàng đầu của Lào Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông thử nghiệm ngòi bút của ông trên chủ đề hợp tác hoá qua tác phẩm Người

con gái của Đảng nhưng không mấy thành công. Tiểu thuyết *Người con gái của Đảng* không được công chúng đón nhận bởi sự non yếu về nội dung và nghệ thuật. Một số tác giả khác viết một số truyện ngắn đã khẳng định mảng đề tài xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Lào nhưng còn nhiều hạn chế. *Khói thuốc và mồ hôi* của Xay xổm bun về phong trào thuỷ lợi, *Người giáo viên nhân dân* của Thít đa chăn về giáo dục xoá mù, *Mặt trời trên đảo Đon nang* về cải tạo các phụ nữ mất nhân phẩm vv...

Tóm lại, văn học hiện đại Lào đã kế thừa và đổi mới tư tưởng yêu nước chống xâm lược từ trong văn học thời trung đại. Sự kết hợp và nâng cao giữa chủ nghĩa yêu nước với tư tưởng giải phóng giai cấp, giải phóng nhân dân đã khẳng định nội dung tư tưởng chủ yếu của nền văn xuôi hiện đại Lào nửa cuối thế kỷ XX.

2. Từ "đi tìm cõi Phật" đến "thông hiểu bao điều ở thế gian"

2.1. Nền văn hoá Lào có màu sắc của đạo Phật

Bàn về văn hoá Lào, chính trị gia, nhà văn hoá, nhà thơ nổi tiếng của nước Lào, Phu-mi Vông-vi-chít viết: "Phật giáo gắn liền với dân tộc và Tổ quốc. Do đó, nền văn hoá Lào có màu sắc của đạo Phật"[(1)].

[(1)] Phu-mi Vông-vi-chit, "Mấy vấn đề về văn hoá Lào", Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 1, 1990, tr 16.

Quả vậy, trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước, đạo Phật ở Lào đã có những đóng góp nhất định vào việc xây dựng một nền văn hoá Lào thống nhất, đồng thời, nó có vai trò vị trí rất to lớn trong đời sống tư tưởng, tình cảm, tâm linh của nhân dân Lào.

Trước khi Phật giáo vào Lào, người dân đã có tín ngưỡng thờ thần (thử thén) và thờ ma, thờ linh hồn tổ tiên (thử phỉ). Khi đạo Phật xuất hiện người dân Lào vừa *thử phỉ* vừa *thử phụt* (thờ Phật).

Phật giáo vào Lào qua nhiều con đường và ở các thời kỳ khác nhau lại có những tác động, ảnh hưởng không đều nhau. Quãng giữa thế kỷ I sau công nguyên, Phật giáo đại thừa (Nahayama) từ Ấn Độ qua Trung Quốc vào Ai Lao. Ngành Phật giáo đại thừa tuy có mặt sớm ở Lào nhưng không phát huy ảnh hưởng mà sau đó phải nhường chỗ cho sự thống trị của đạo Phật tiểu thừa (Theravađa). Phật giáo tiểu thừa vào Lào sớm nhất cũng vào khoảng thế kỷ VII-VIII, do cư dân Môn - Khỏm từ Myanma truyền bá cho cư dân Lào trong thời kỳ ở Lào còn tồn tại các mường cổ đại.

Giữa thế kỷ XIV, Phạ Ngừm, vị anh hùng dân tộc, sau 9 năm chinh chiến đã thu giang sơn về một mối, thành lập nhà nước phong kiến độc lập đầu tiên, cũng là vị vua đầu tiên dùng Phật giáo làm công cụ tư tưởng để thống nhất đất nước. Đạo Phật tiểu thừa

từ Campuchia đã được Phạ Ngừm chuyển vào Lào cùng với cuộc chinh phạt các mường cổ đại để thống nhất đất nước. Dưới triều Phạ Ngừm, đạo Phật tiểu thừa phát huy ảnh hưởng về nghệ thuật xây chùa, đúc tượng, còn giáo lý kinh kệ thì đang trên đường mò mẫm tìm phương thức truyền bá.

Cuối thế kỷ XV đầu XVI, đạo Phật dần dần hưng thịnh, tác động đến nhiều mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là văn hoá, nghệ thuật. Vua Pho-thi-xa-lạt đưa đạo Phật trở thành tôn giáo chính khi ông ra sắc lệnh cấm thờ thần, dỡ bỏ miếu mạo. Tiếp đến, vua Vixumxalạt đã có công đưa đạo Phật lên đến cực thịnh bằng những chủ trương và việc làm thiết thực: Lập ban biên dịch sách Ấn, như dịch bộ chính kinh *Taypiđook* (Tức Tripitaka - Tam tạng kinh) và tập truyện ngụ ngôn *Phan cha tan tra* mà người Lào thường gọi là *Nang tăn tay*. Kinh truyện Xạt-vệt-xẳn đon (Jataka - truyện tiền kiếp đức Phật) được dịch và biên soạn thành thể *Con hài* dùng để "thệt" tức để tụng, thuyết pháp ở chùa và cho lưu hành rộng rãi.

Việc cho dịch bộ chính kinh từ chữ Thăm - Paly sang chữ Lào và phổ biến các sách văn học Ấn - Phật bằng chữ Lào thể hiện chủ trương Lào hoá đạo Phật, đánh dấu giai đoạn xác lập bản sắc dân tộc trên các lĩnh vực tôn giáo, ngôn ngữ, văn học nghệ thuật.

Thế kỷ XVII, đạo Phật thực sự trở thành tôn giáo gần gũi, thân thiết với người Lào. Chùa tháp mọc lên khắp nơi, nó trở thành trung tâm văn hoá, điểm kết tụ của 2 dòng văn hoá vốn trước đây có phần tách biệt nhau: văn hoá dân gian bản địa và văn hoá Phật giáo, tạo thành một nền văn hoá dân tộc thống nhất, đạt đến độ nhuần nhuyễn mà ai ít am tường văn hoá Lào thì không thể bóc tách ra được đâu là yếu tố văn hoá dân gian bản địa và đâu là nếp sống Phật đạo.

Thế kỷ XVII - XIX , nước Lào rơi vào cảnh cát cứ, nhiều lần bị phong kiến Xiêm tàn phá, chùa chiền bị phá huỷ, kinh truyện bị thiêu đốt. Đến triều vua Anụ, văn hoá dân tộc phục hưng, Phật giáo phát huy ảnh hưởng tích cực trong cuộc sống chiến tranh chống xâm lược.

Có thể nói, Phật giáo Lào đã trở thành hệ tư tưởng chính thống của quốc gia phong kiến qua nhiều thế kỷ - với tư cách là đạo của cả nước, nó có vai trò và vị trí hết sức to lớn trong đời sống của từng con người cũng như toàn thể xã hội từ vua quan cho đến người dân thường, từ trung ương cho đến địa phương.

Phật giáo vào Lào vừa đóng vai trò hệ tư tưởng chủ đạo vừa hoà nhập vào các tín ngưỡng vốn sẵn có trong nhân dân, vừa dung nạp vào nó các tàn dư của các tôn giáo ngoại lai trước nó. "Đạo Phật không phải là tôn giáo duy nhất mà còn các tín ngưỡng nguyên

thuỷ, hoặc Balamôn khác nữa... Các tín ngưỡng ấy không biểu hiện sự phủ định lẫn nhau mà còn gắn với nhau một cách tự nhiên, hài hoà"[1].

Phật giáo vào Lào đã được Lào hoá rất mạnh, rất sâu. Những học thuyết có tính chất tư biện, các tín điều khô khan, các suy tư huyền bí bị rơi rụng , hoặc giản lược đi để hoà quyện vào nó các tín ngưỡng dân gian bản địa. Bởi vì, người Lào tiếp nhận đạo Phật một cách tự nhiên, thoải mái, bình dị, thiết thực. Họ không "quá say mê với giáo lý, không ép mình trong khuôn khổ nghi lễ gò bó, không dùng quyền uy của Đức Phật để biến Vua thành Vua - thần, không quá mất nhiều công sức để xây dựng chùa tháp nguy nga..."[2]

Một biểu hiện sinh động và cụ thể nhất là vai trò của nhà chùa ở Lào. Chùa không chỉ là trung tâm về văn hoá, tôn giáo mà còn là thư viện, bệnh viện, nhà trọ, nơi hội họp và là nơi đào tạo và sáng tác văn học nghệ thuật của bản làng. Như vậy, chùa vừa là nơi thờ Phật nhưng cũng là nơi hội hè bun than, thậm chí là nơi để cúng tế ông bà tổ tiên và các vị thần ở địa phương. Cái thiêng liêng u mặc của tôn giáo huyền

---

[1] *Tìm hiểu lịch sử* văn hoá *nước Lào*, Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, H. 1978, tr 232.

[2] Sứ-lửa Pun-khăm,"Một số giá trị đặc trưng cơ bản của nền văn hoá thẩm mỹ ở Lào",Tạp chí *Văn hoá Nghệ thuật*, số 9/2000, tr 82.

bí hoà quyện một cách tự nhiên với các sinh hoạt sôi động của đời sống thế tục.

Hoạt động tôn giáo mà chủ yếu là đạo Phật ở Lào diễn ra quanh năm suốt tháng từ cộng đồng nhỏ bé ở làng bản cho đến cộng đồng rộng lớn ở cả nước. Các bun than lễ hội ở Lào đều gắn với tôn giáo, nhưng giữa hai yếu tố Đạo và đời không đối lập nhau mà luôn hoà quyện vào nhau một cách tự nhiên.

Sinh hoạt văn hoá tôn giáo và thế tục muôn màu muôn vẻ chứng tỏ vai trò to lớn của Phật giáo trong đời sống văn hoá - xã hội Lào, đồng thời, tạo nên một gương mặt đặc biệt cho Phật giáo ở Lào.

Ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn học Lào là khá toàn diện và sâu sắc. Những ảnh hưởng đó thể hiện trên nhiều bình diện từ ý thức hệ tư tưởng đến cảm hứng sáng tác, từ kiểu ý thức tư duy, triết lý, cách nhìn nhận con người và xã hội đến tổ chức kết cấu tác phẩm, quá trình xây dựng hình tượng... Kết luận bài nghiên cứu "Đạo Phật ở Lào", học giả Lào Ma-hả Khăm-phăn Vị-lạ-chít viết: "Trong hoàn cảnh lịch sử của nước Lào trước đây, đạo Phật đã từng là nơi gửi gắm niềm tin, niềm hy vọng của quần chúng nhân dân, và Phật thoại đã là một trong những chất liệu quan trọng của nền văn học nghệ thuật Lào"[1].

[1] *Tìm hiểu lịch sử văn hoá nước Lào*, Tập I, sđd, tr 210.

Trong quá trình xây dựng nền văn học viết truyền thống, bên cạnh tiếp nhận các kinh kệ, giáo lý đạo Phật, Lào đã tiếp nhận chữ viết Nam Ấn, từ đó, tiếp nhận cả đề tài, cốt truyện tác phẩm văn học Ấn - Phật. Vì vậy, văn học trung đại Lào có nhiều xu hướng, tính chất, trong đó, văn học có tính chất Phật giáo chiếm số lượng tác phẩm khá lớn - Dòng văn học nhà chùa ở Lào mang đậm tính chất Phật giáo đã trở thành một đặc điểm nổi bật mang tính đặc thù của nền văn học trung đại Lào. Giáo lý đạo Phật, cuộc đời đức Phật đã trở thành tư tưởng chủ đạo của nhiều tác phẩm văn chương. Nếu nền văn học trung đại Lào "đi tìm cõi Phật" về với đức Phật thì nền văn học hiện đại Lào lại "thông hiểu bao điều ở thế gian" từ niềm tin Phật giáo, từ tư tưởng từ bi hỉ xả của giáo lý đạo Phật. Văn học hiện đại Lào trong đó, có văn xuôi đã kế thừa và đổi mới truyền thống văn học Phật giáo thời trung đại trong hoàn cảnh lịch sử mới, thời đại mới.

2.2. Tư tưởng từ bi, loại trừ cái ác, bảo vệ cái thiện

Nói đến tôn giáo là nói đến hệ tư tưởng được biểu hiện trong giáo lý. Một tôn giáo muốn tồn tại và phát triển phải hội đủ 3 yếu tố: Người sáng lập, giáo lý và tín đồ tăng lữ. Giáo lý là một công cụ, một phương tiện rất quan trọng để truyền bá tư tưởng tôn

giáo. Giáo lý của đạo Phật cũng như các tôn giáo khác hoàn toàn không phải là chân lý khoa học nhưng nó sẽ trở thành viên ngọc quí khi nó đóng vai trò là cơ sở tư tưởng quan trọng, khi con người đặt niềm tin vào nó. Ở Lào, khi đạo Phật trở thành quốc giáo, thì Đức Phật, giáo lý của Phật và các môn đệ của Phật được nhân dân xem như là 3 viên ngọc quý (tam bảo) của mỗi người.

Tư tưởng từ bi là một trong những tư tưởng nền tảng của giáo lý đạo Phật. Từ có nghĩa là hiền hoà, độ lượng, khoan dung, ban cho niềm vui. Còn bi là cảm thương, cứu giúp cho hết khổ.

Phật tử ở Lào tích đức bằng nhiều cách, trong đó Thiện nghiệp, tức thể hiện lòng từ bi, hỉ xả, hiếu thảo là cách thông thường để tích đức cho kiếp sau. Đạo Phật kêu gọi diệt dục, xa lánh bụi đời để thoát khỏi vòng khổ ải trầm luân, đây là mặt hạn chế, tiêu cực của giáo lý. Nhưng mặt khác đạo Phật lại khuyên người ta sống phải nhân ái, hiền từ, vị tha, tu nhân tích đức, đây là mặt tích cực của giáo lý Phật giáo.

Văn học hiện đại Lào nói chung và văn xuôi nói riêng đã kế thừa yếu tố Phật giáo có trong văn học trung đại, nhưng đã biết loại bỏ dần những yếu tố tiêu cực, tiếp thu những yếu tố tích cực của giáo lý đạo Phật, từng bước đổi mới cho phù hợp với thực tiễn cuộc sống mới, thời đại mới. Đó là việc phát huy

tư tưởng từ bi trên tinh thần "loại trừ cái ác" để "bảo vệ cái thiện".

Cuộc đấu tranh giữa "thiện" và "ác", giữa "tốt" và "xấu" thực ra là một cuộc đấu tranh luôn luôn xuất hiện trong các tác phẩm văn học ở mọi thời đại từ văn học dân gian cho đến văn học hiện đại, đương đại. Nhưng ở Lào, một đất nước coi đạo Phật là tôn giáo chính thì sắc thái, mức độ, tính chất của cuộc đấu tranh thiện - ác có những biểu hiện riêng khác. Chẳng hạn, chúng ta có thể so sánh kết thúc của kiểu truyện *Tấm Cám* ở Việt Nam, Lào đủ thấy ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn học dân gian Lào đến mức nào. Nếu như kết thúc truyện *Tấm cám* (Việt Nam) Tấm trực tiếp giết Cám rồi làm mắm cho mụ gì ghẻ ăn, mụ gì ghẻ độc ác phát hiện ra đầu lâu con mình, lăn ra chết tươi, thì trong truyện *Nang tạu khăm* (Nàng rùa vàng) kết thúc cũng có tình tiết trừng phạt nhưng nhẹ hơn, đó là Chăn Tha, cô gái mồ côi lúc này đã làm Hoàng hậu, không trực tiếp giết Chăn Thi, con mụ dì ghẻ và vợ chồng phò bản mà Phạ nha sai lính giết chết Chăn Tha rồi cũng làm mắm gửi về cho mẹ nó. Vợ chồng mụ dì ghẻ bị trừng phạt do một thế lực siêu nhiên thực hiện: đất nứt ra đưa họ xuống địa ngục! Ở đây, chúng ta không bàn tới hành động trả thù hay trừng phạt, hành động có cay nghiệt hay không cay nghiệt, vì tất cả phải tuân thủ theo logic, tư duy

của người xưa "các truyện cổ tích thì vô lý và trẻ con. Nhưng chúng không vô lý thì chúng đã không hấp dẫn"[1]. Chúng ta cần giải thích cái vô lý, phát hiện ra cái hợp lý của "ngày xửa ngày xưa". Cái kết thúc truyện của người Lào có phần khác truyện Việt Nam, tất yếu có nhiều nguyên nhân về nhiều mặt nhưng người Lào theo đạo Phật với quan niệm "tích hiền thành Phật, tích dữ thành ma", "người ghét mình, mình đừng ghét lại người" đã chi phối đến cách giải thích hợp lý của truyện cổ tích Lào.

Văn xuôi hiện đại Lào tiếp nhận hệ tư tưởng Phật giáo từ kho tàng văn học truyền thống, không chỉ ở tâm thức, tư duy, cảm hứng sáng tác mà ở cả quá trình xây dựng hình tượng nhân vật. Niềm tin đức Phật, hình tượng những con người nhân từ, vị tha, một ngôi chùa bị tàn phá trong chiến tranh, một trang giáo lý kinh kệ bị thiêu đốt, một bức tượng Phật bị máy bay kẻ thù tàn phá... tất cả đều trở thành chất liệu hiện thực cụ thể và sinh động của các sáng tác văn xuôi từ truyện ký đến tiểu thuyết.

Tiểu thuyết 3 tập *Hai chị em* của Xu-năn-thon viết về hai chị em sinh đôi Vông Phết và Vông Phăn, hai người hai chiến tuyến nhưng được tôi luyện trong ngọn lửa chiến tranh, họ đều đã trưởng thành, đã góp

[1] Chu Xuân Diên, *Truyện cổ tích dưới mắt các nhà khoa học*. Trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 1989, tr 94.

phần mình vào cuộc kháng chiến chống Mỹ vĩ đại của dân tộc. Vông Phết (người chị) từ vùng địch tạm chiếm đã "chân đất" đi về với cách mạng. Quá trình đi vào khu giải phóng là cả một quá trình từng bước nhận thức, chuyển biến ý thức để đi về với cuộc đấu tranh chính nghĩa của dân tộc. Trong một lần trở về quê hương sau nhiều năm xa cách sống trong vùng địch tạm kiểm soát, chị có dịp tận mắt chứng kiến cảnh tan nát của chiến tranh. Máy bay Mỹ huỷ diệt đến cả những nơi thiêng liêng nhất, "những viên ngọc quý" của mỗi người dân Lào theo đạo Phật. Tác giả đã miêu tả cảnh chùa Vắt Phu bị bom Mỹ phá hoại rất nặng nề "Những chiêng và trống mà ngày xưa đã từng lên tiếng vang vang để ru ấm bao gia đình lúc chiều tối hay đêm khuya thì nay rơi rụng tản mát nhiều trên nền chùa. Những sách kinh kệ mà các nhà sư từng dùng để tụng kinh niệm Phật để giảng giải cho mọi người điều nhân nghĩa trước đây cũng bị bom Mỹ làm cháy nát và tang tóc khắp sân. Các bức tượng Phật to, cao, sơn son thiếp vàng sáng chói, cũng bị bom Mỹ quật đổ lỏng chỏng khỏi bệ... Những nhà sư, những kẻ tu hành, những người tu nhân tích đức cũng bị bom đạn của Mỹ là bọn ác quỉ giết hại một cách dã man. Chiếc áo cà sa của các nhà tu hành truyền từ đời này qua đời khác của Đức Phật tổ cũng nhàu nát, loang lổ những máu là máu...[1].

[1] Xu-văn-thon. *Hai chị em*, Nxb Phụ nữ, H, 1978, tr 162.

Miêu tả chết chóc, hy sinh, máu đổ, đầu rơi là không thuộc phạm trù của tư tưởng từ bi hỉ xả, thủ tiêu đấu tranh của giáo lý nhà Phật. Nhưng chiến tranh là bạo lực. Cũng như *Hai chị em, Tiểu đoàn Hai* (4 tập) của Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông viết về cuộc đấu tranh của Tiểu đoàn Hai anh hùng chống lại đế quốc Mỹ và tay sai nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân. Tiểu đoàn Hai Pa-thét Lào là lực lượng đại diện cho cái thiện, cho chính nghĩa, đấu tranh chống ách xâm lược của đế quốc, giải phóng đất nước, bảo vệ hạnh phúc của nhân dân. Vì vậy, nó không có gì mâu thuẫn với giáo lý của nhà Phật là "làm việc thiện bảo vệ nhân dân". Tác giả miêu tả cuộc đấu tranh không cân sức giữa một tiểu đoàn bộ đội cách mạng với nhiều đơn vị địch có vũ khí tối tân, đông gấp bội trong những tình huống khốc liệt nhưng vẫn cho độc giả thấy được tâm hồn của những người dân Lào lương thiện luôn hướng về Phật giáo.

Đoạn Xu-văn-thon miêu tả cuộc đối thoại của 3 ông già nông dân đang cưỡi ngựa trên đường đến thăm Tiểu đoàn hai vừa thể hiện niềm tin đức Phật của người Lào vừa bộc lộ khát vọng giải phóng, mong muốn một cuộc sống thanh bình, ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn, đời sống tâm linh của người chiến sỹ giải phóng và phê phán bọn bán nước.

"Chuyện có thật đấy hai ông ạ! Sau khi cho anh em Tiểu đoàn Hai chặt tre, vài hôm sau, từ những bụi tre đó mọc rất nhiều cây bồ đề. Tôi lấy làm ngạc nhiên và tự hỏi "tại sao lại như thế này?" từ lúc còn để chỏm đến nay, đây là lần đầu tiên tôi mới thấy hiện tượng này. Nói không ngoa, tựa như chuyện Phật Thích Ca dáng thế vậy! Có lẽ rồi đây, trên đất nước chúng ta sẽ có những đổi thay ghê gớm. Theo như lời Phật thì "trời rung đất chuyển" chứ không phải vừa.

Ông già đội mũ phớt chăm chú nghe không bỏ sót một lời nào của phò Xi Đa. Gật đầu, ông nói: - Nghiệm lời phò thậu, tôi cũng thấy như thế thật. Anh em Tiểu đoàn Hai Pa-thét Lào không phải thường đâu nhé! Họ cũng có những người tu đến chức Hoà thượng kia đấy![1]. Sau đó, ông già kể về một câu chuyện mà ông nể phục 2 chiến sỹ Tiểu đoàn Hai, ngồi trò chuyện với một vị Hoà thượng ở trong quán phở bằng tiếng Pali "đọc kinh phật làu làu xuôi như dòng nước chảy". Còn ông già thứ 3, chứng kiến anh em Tiểu đoàn hai "cũng đến chùa nghe giảng kinh Phật" không như bọn phái hữu "hễ mở mồm ra là "hê lô", "ô kê", say rượu ghẹo đàn bà, ôm con gái, đánh vợ...".

Chi tiết những cây đề mọc lên trên gốc tre bị chặt trong vườn Xi Đa là biểu hiện của sự phồn thịnh của

[1] Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông, *Tiểu đoàn Hai Pa-thét Lào* (Hùng Phi dịch), Nxb Quân đội nhân dân. H. 1984 (dịch 3 tập: 1,2,3), tr 41 - 42.

Đạo Phật, báo hiệu một sự đổi thay, một tương lai tươi sáng và hạnh phúc cho mọi người.

Tiểu thuyết *Hai bên bờ sông* (2 tập), Xu-văn-thon khai thác sự kiện "người di tản" trong bối cảnh cách mạng đã "đánh cho Mỹ cút" nhưng "nguỵ chưa nhào" nhằm ca ngợi xu thế tất thắng của cuộc chiến đấu của nhân dân Lào, tố cáo sự ngoan cố của bọn phản động tay sai Mỹ. Nhiều chi tiết trong tác phẩm, nhiều nhân vật được tác giả miêu tả dưới ánh sáng của niềm tin Phật giáo, dưới sự quy chiếu của hệ tư tưởng đạo Phật. Đại uý Nác, một sỹ quan trong chính quyền cũ vì nhẹ dạ cả tin đã cùng vợ con trốn sang Thái. Nơi đất khách quê người Nác bị một tên mật vụ là bạn cũ vu oan, nhằm chiếm đoạt vợ anh. Nác bị bắt tống ngục. Trong ngục ở trên đất Thái, anh giam chung cùng 3 giáo viên người Thái cũng bị bắt vô cớ. Họ đã tìm cách giải thoát cho Nác. Tư tưởng từ bi, hướng con người làm điều thiện, từ bỏ cái ác đã được thể hiện trong đoạn đối thoại sau đây:

"Nác căm thù nói: - Em chán đến tận cổ rồi. Cùng đi với nhau, cũng lừa dối nhau, thậm chí lại còn vu khống nhau vào tù. Toàn là bọn bất nhân, thế nào chúng cũng bị trừng phạt... Nếu em thoát ra khỏi tù, em sẽ trả thù cho mà xem!

Nác vừa nói vừa nghiến răng, còn 3 anh kia nhìn nhau im lặng. Xợt mỉm cười nói:

- Tỷ dụ có ai giúp em ra khỏi đây, em có đồng ý đi với họ không?

- Đi đâu? Nác tò mò hỏi lại. Xợt tươi cười nói:

- Tỷ dụ có người giúp em trốn tù nhưng không phải để trả thù, người anh hùng không thích trả thù, chỉ thích làm việc thiện thôi. Nếu như vậy em có đồng ý đi với họ không?

- Ôi! Nếu được như vậy đi đâu em cũng theo[1]. Trong tác phẩm, nhiều nhân vật đã dựa vào niềm tin đức Phật, dùng lý thuyết nhà Phật để bày tỏ lòng chung thuỷ trong tình yêu hay là sự chân thành trong tình bạn.

Nết và Xẻng Đươn là hai nhân vật thuộc tuyến trung lập. Họ yêu nhau tha thiết, nhưng Xẻng Đươn vì bị bọn phản động lừa gạt đang tìm cách thuyết phục người yêu của mình là Nết từ bỏ quê hương, chạy sang bên kia sông để đến "miền đất hứa". Nết đã tìm mọi cách chứng minh sự khoan hồng, độ lượng của lực lượng cách mạng, nhưng Xẻng Đươn không nghe, cuối cùng anh nói:

"Anh là người Lào chính cống theo đạo Phật.

Anh nói hết lòng với em rồi đấy!

[1] Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông, *Hai bên bờ sông*, (Tiểu thuyết 2 tập). Sdd. Tr.60-61.

Bị tác động mạnh, Xẻng Đươn không đáp lại được, cô chỉ ngồi im"[1].

Hay đoạn cô gái Khẻm Thoong đang thuyết phục Kệt, một chiến sỹ của ta cài vào hang ổ địch, cũng chạy di tản sang Thái Lan.

- "Em là con lai Tàu nhưng em theo đạo Phật. Em sẽ không bao giờ bỏ rơi anh đâu nếu anh chung thuỷ với em và em cũng sẽ chung thuỷ với anh... Em xin chết trong vòng tay của anh"[2].

Với kẻ thù thì niềm tin Phật giáo chẳng còn, cái thiện bị chà đạp và cái ác đang trỗi dậy. Đoạn Xu-văn-thon miêu tả 2 nhân vật Nết và Xổng từng là hai người của chính quyền cũ, nay đang phân hoá một người mỗi ngả. Xổng tìm cách lừa phỉnh Xẻng Đươn người yêu của Nết, trốn sang Thái Lan để bán cho nhà thổ, Nết đã phản đối quyết liệt và Xổng đã bộc lộ rõ bộ mặt đểu cáng của hắn.

"Cậu định trút điều thiện vào đầu mình sao? không được đâu. Trước đây mình đã từng làm điều thiện rồi nhưng chẳng được cái quái gì. Bây giờ mình

---

[1] Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông, *Hai bên bờ sông*, (Tiểu thuyết 2 tập), Nxb Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, tập I (1982), tập II (1984) Văn-pênh Phay-a-mát và Trần Thúc Việt dịch, sđd, tr 15.

[2] Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông, *Hai bên bờ sông*, (Tiểu thuyết 2 tập), Nxb Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, tập I (1982), tập II (1984) Văn-pênh Phay-a--mát và Trần Thúc Việt dịch, Tư liệu khoa Văn học - Đại học KHXH&NV.

sẽ tập giết người. Ai ngăn cản mình, người đó sẽ bị nát tan, cậu biết chứ![1]. Một số dẫn chứng trên đây đủ thấy tiểu thuyết chiến tranh Lào cũng có yếu tố Phật giáo. Đó cũng là một đặc điểm của tính dân tộc trong nền văn học Lào. Cũng phải nhận thấy rằng, tư tưởng từ bi thể hiện trong tác phẩm là "bảo vệ cái thiện" "loại trừ cái ác"hoàn toàn không mâu thuẫn với hành động bạo lực, đấu tranh của nhân dân Lào đánh đuổi bọn xâm lược và tay sai để giải phóng đất nước, mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn học biểu hiện ở cả hai bình diện: người sáng tác - chủ thể sáng tạo tác phẩm và độc giả - khách thể thưởng thức tác phẩm.

Nếu như thời trung đại, rất nhiều nhà thơ, nhà văn đều là những nhà sư nổi tiếng. Ma hả thếp luổng, Mahả Mung khum Xýthi, Phútxa Khôxachan, In thi Nhan, Kẹo Đuông ta... thì trong thời hiện đại lực lượng sáng tác văn học rất nhiều người trưởng thành từ trường học nhà chùa. Phu-mi Vông-vi-chít, Xôm-xỉ Đi-xa, Khăm-ma Phôm-cong, Thoong-khăm On-ma-ni-son, Khăm-pho Phuông-xạ-ba...

Văn xuôi hiện đại Lào rõ ràng được sáng tác dưới ánh sáng của hệ tư tưởng mới nhưng ít nhiều

[1] Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông, *Hai bên bờ sông*, (Tiểu thuyết 2 tập), Nxb Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, tập I (1982), tập II (1984) Văn-pênh Phay-a-mát và Trần Thúc Việt dịch, sđd, tr 20.

vẫn chịu sự quy chiếu của những yếu tố Phật giáo tích cực.

2.3. Hai loại nhân vật "Khôn xúc" và "Khôn đíp"

Văn xuôi hiện đại Lào ra đời trong ngọn lửa chiến tranh cách mạng lại do chính nền văn học cách mạng ở trong vùng giải phóng dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào xây dựng nên. Vì vậy, nhân vật trọng tâm, chính diện của nền văn xuôi là hình tượng những con người xả thân vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Đó là những nhân vật vừa mang phẩm chất anh hùng của thời đại, vừa thể hiện tính dân tộc đậm đà. Tính dân tộc của nền văn học Lào được cấu thành từ nhiều yếu tố, trong đó, yếu tố Phật giáo góp phần không nhỏ tạo nên bản sắc của nền văn học Lào. Bởi vì, "Phật giáo tiểu thừa ảnh hưởng và uốn nắn tính cách người Lào mạnh hơn bất cứ một thế lực nào khác"[(1)]. Tính cách, lối sống, kiến thức tư duy, ứng xử của người Lào chịu sự chi phối khá mạnh của Phật giáo. Lòng vị tha, nhân từ, đức kiên nhẫn, hy sinh, tính ôn hoà, hồn hậu là những phẩm chất tốt đẹp của người Lào theo đạo Phật.

Nền văn học trung đại Lào (cả dân gian và bác học) đã tập trung mô tả nhiều loại hình nhân vật,

[(1)] Đối thoại với các nền văn hoá - Lào, Nxb Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, 2003, tr 89.

trong đó, loại hình nhân vật nhân từ, vị tha theo tư tưởng nhà Phật xuất hiện khá nhiều trong dòng văn học Phật giáo. (Phạ vệt trong *Phạ vệt xẳn đon*, Xu-ly nha-khạt và Chăn-thạ-khạt trong Chăn-thạ-khạt, A-mát rat, Xu-ca-ma-rát, Phit-xa-rát, Thăm-ma-xạt và Khăm-coong trong *Chăm pa xì tộn, Phạ lắc, Phạ lam, Chăn tha trong Phạ lắc phạ lam*...).

Văn học hiện đại Lào nói chung và văn xuôi nói riêng đã kế thừa truyền thống văn học trung đại, xây dựng thành công nhiều loại nhân vật, nhiều tuyến nhân vật, nhưng hình tượng những nhân vật "Khôn xúc" và "Khôn đip" trở thành loại nhân vật đặc biệt, xuất hiện ở rất nhiều tác phẩm từ truyện ngắn cho đến tiểu thuyết. "Khôn xúc"(người chín) là lớp người đã qua tu hành, hoàn tục, đã được giáo hoá. Trong cách gọi tên những "Khôn xúc" người ta gắn tên Phật như *Xiêng*, *Thít*, *Chan* kèm theo tên cúng cơm. Người Lào đi tu "tu xong lấy danh sư là Xiêng, tu thành sư gọi là *Xabemon*, mãn tu lấy danh là *Thít*, đã thành sư khi mãn tu lấy danh tu là *Chan*"[(1)]. Họ là những người đã qua một thời gian đi tu ở chùa, được học văn hoá, đạo đức, họ hiểu biết, gương mẫu, giàu lòng nhân ái, là chỗ dựa tinh thần cho bà con dân bản.

[(1)] Nguyễn Duy Thiệu, *Cấu trúc tộc người ở Lào*, Nxb Khoa học xã hội, H, 1996, tr 123.

"Khôn đíp" (người "sống") là những người chưa qua tu hành nhưng họ là những Phật tử tin theo đạo Phật, gắng làm điều thiện và tu nhân tích đức, thực hiện "ngũ giới" (Xỉn hả) của đạo Phật. Sau khi đã được giáo hoá, "khôn đíp"sẽ trở thành "khôn xúc".

Lào là một đất nước theo đạo Phật, có số tín đồ Phật tử rất lớn. Phật tử ở Lào tích đức bằng *thiện nghiệp* (làm việc thiện). Để tích đức cho kiếp sau và tỏ lòng hiếu thảo, đa số người Lào đến tuổi trưởng thành đều phải đi tu ở chùa trong một thời gian nào đó thích hợp. Người chưa có điều kiện đi tu ở chùa cũng phải chuẩn bị tu thiện để có dịp vào chùa. Lòng nhân từ, vị tha, sẵn sàng làm việc thiện, luôn lấy việc làm phúc, "đem cho" mọi người làm niềm vui sướng của cuộc đời là phẩm chất đáng quý của người Lào.

Trong nhiều tác phẩm văn xuôi, đặc biệt là các bộ tiểu thuyết lớn của Khăm-liêng Phôn-xê-na, Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông, Đao nửa... hình ảnh những Chan, Thít, Xiêng của loại hình nhân vật "Khôn xúc" và nhiều nhân vật thuộc loại hình nhân vật "Khôn đíp" đã xuất hiện như là một sự kế thừa tất yếu truyền thống văn học dân tộc.

"Xỉ-nọi"(Bé Xỉ) của Khăm-liêng Phôn-xi-na, tiểu thuyết đánh dấu sự ra đời của nền tiểu thuyết Lào hiện đại với một dung lượng hiện thực không lớn và

một số lượng nhân vật không nhiều nhưng tác giả đã miêu tả thành công một số nhân vật là loại hình "Khôn xúc" như Chan Phệt, Thit No, Thit Xi đa, Thit Thoong...

Chan Phệt là hình ảnh tiêu biểu của người nông dân Lào theo đạo Phật sống dưới ách kìm kẹp của thực dân phong kiến. Ông là người vị tha, giàu lòng nhân ái, sẵn sàng giúp đỡ người nghèo trong bản từ bát cơm, manh áo "Ông chia thuốc lá cho người nghèo hút, lấy cơm cho người đói ăn. Những người thiếu thốn có khi ông cho mượn hoặc cho không, bởi vì, ông có tình thương yêu con người, những người cùng khổ"[(1)]. Từng là một thầy tu, Chan Phệt từ chỗ không sao giải thích nổi tại sao bọn quan nha lại giàu có, còn người nông dân lao động lại nghèo khổ đói rách đến chỗ giác ngộ cách mạng, tham gia cách mạng là cả một quá trình nhận thức, đối chiếu lý thuyết của đạo Phật với thực tế cuộc sống ở thế gian: "Tại sao trong xã hội có một lớp người không lao động, không ướt mưa cháy nắng lại có quyền có thế lực, giàu có. Trái lại, đông đảo quần chúng lao động quần quật, đầu tắt mặt tối lại gầy gò, đói khổ. Giáo lý của nhà Phật có nói đến điều này nhưng ông không tin vì xa lý. Hãy nhìn bác Chan Kột ở làng dưới, bác sống rất chân thật, hiền từ, làm theo 5 điều Phật dạy: không

(1) *Bé Xỉ*. Khăm-liêng Phôn-xê-na Chi-von Udom dịch. Tài liệu khoa văn học.

uống rượu, không ăn cắp, không cướp vợ người khác, không sát sinh đến cả con cá, bác lao động hơn cả Nha ta xẻng nhưng nghèo đói vẫn hoàn đói nghèo. Đây là sự thật"[1].

Khi được tiếp xúc với lý tưởng cách mạng qua các chiến sỹ Ít-xa-la (Mặt trận Lào tự do), Chan Phệt đã từng bước giác ngộ và trở thành chỗ dựa tinh thần của người dân bản Phô. Ông đã vận động quần chúng nhân dân vùng lên làm cách mạng để giải phóng bản mường. Lòng nhân từ, vị tha của tư tưởng đạo Phật đã gắn với đời sống thực tế, gần gũi với cuộc sống đời thường, khi gặp ông Khăm tại nhà Pho-xa-lỳ trong hoàn cảnh Xa-lỳ đang bị lý trưởng Mủi bắt, bé Xỉ ốm nặng, Chan Phệt đã thể hiện rõ nội dung tình thương của mình với một phẩm chất mới tích cực: "- Tất nhiên rồi, chúng ta phải giúp đỡ lẫn nhau. Tình đoàn kết và tình thương là sức mạnh cho phép chúng ta tự giải phóng mình, giải phóng giai cấp vô sản ra khỏi sự áp bức bóc lột".

Hình tượng nhân vật Chan Phệt có dáng dấp hình tượng nhân vật Phạ vệt trong Phạ vệt xắn đon (Vệt xẳn tra xa đoốc) nhưng đã được phát triển nâng cao đổi mới trong hoàn cảnh, thời đại mới.

Phạ vệt là người có lòng vị tha, thương người. Ông sẵn sàng cứu giúp tất cả mọi người, không tiếc

[1] *Bé Xỉ*, Sđd, tr.17

một thứ gì, kể cả bảo vật, thậm chí cả vợ con, sẵn sàng chịu đựng mọi khổ ải, không kêu ca phàn nàn... để cuối cùng đạt tới cuộc sống hạnh phúc lên ngôi hoàng đế và sum họp gia đình. Tấm lòng từ bi hỉ xả của nhân vật Phạ vệt khác xa với lòng nhân từ, đức vị tha của nhân vật Chan Phệt. Chan Phệt sẵn sàng giúp người nghèo không chỉ bằng của cải vật chất mà bằng nhận thức tư tưởng, bằng hành động đấu tranh để giải phóng giai cấp, mưu cầu hạnh phúc cho dân nghèo.

Qua tiếp xúc với Chan Phệt, một cơ sở cách mạng của lực lượng Ít-xa-la, những người nông dân nghèo khổ như Pho-xa-lỳ, Thit No, Thit Thoong, Chan Kột, Laky, Thit Xi đa... đã từng bước được giác ngộ lý tưởng cách mạng, họ đã vùng lên đấu tranh chống lại ách áp bức bóc lột của thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai. Pho-xa-lỳ từ một nông dân nghèo khổ, cam chịu kiếp tôi đòi đã trở thành một người du kích quả cảm, sẵn sàng cắt ngắn dây cháy chậm của quả mìn để phá cầu tiêu diệt địch, hy sinh anh dũng. Thit No, một thanh niên từ đấu tranh manh động, tự phát vì lòng căm thù giặc sâu sắc đến một chiến sỹ giác ngộ lý tưởng cách mạng, sẵn sàng nhận nhiệm vụ liên lạc với tổ chức Ít-xa-la, bị mật vụ theo dõi, anh đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng để bảo vệ được tài liệu bí mật không rơi vào tay giặc. Hình tượng nhân vật Thit

No, Thit Thoong, Thit Kột, Thit Xi đa... trong Xỉ-nọi đều là hình tượng nhân vật Khôn xúc, họ tiếp thu tư tưởng đạo phật ở tấm lòng hồn hậu, nhân từ nhưng họ không thủ tiêu đấu tranh, cam phận, làm phúc thụ động mà họ là hình ảnh của những con người mới, tích cực đấu tranh bảo vệ cái thiện, chống lại cái ác để mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân.

Nhà văn Khăm-liêng Phôn-xê-na trong tiểu thuyết *"Tình yêu"* của ông vẫn tiếp tục xây dựng hình ảnh những con người nhân từ từ loại hình nhân vật "Khôn xúc", ở đây ta tiếp tục gặp lại những *Chan*, những *Thít* như Chan Thoong, Chan ốp, Chan Mọc, Thit Muôn ta, Thit Pun... Họ là những người dân thường, suốt đời sống theo đạo Phật, luôn thể hiện tình tương thân tương ái, thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Trường học của họ là nhà chùa chứ không phải là trường học của Pháp. Do vậy, họ luôn mang trong mình triết lý của Phật giáo, đặc biệt là triết lý thiện - ác, dùng nó như một vũ khí đấu tranh chống lại bọn quan lại, tìm cách ngăn cản tội ác. Chính những lời cầu kinh niệm Phật của bác Chăn Thoong đã có tác dụng làm cho "hai tên lính bỏ súng nghe đọc kinh, tên xã trưởng Phăn cúi đầu xuống, lãng đi một lúc như sợ sẽ bị trừng trị nên hắn cũng làm theo bọn lính"[1]

[1] *Khoam hăc (Tình yêu)*. Khăm- liêng Phôn-xê-na.. Nxb Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, 1983, tr.39.

Còn Thit Muôn Ta đã có thời lầm đường lạc lối, đi lính cho Pháp, nhưng cuối cùng đã trở về với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân, phát huy bản tính hồn hậu, chất phác của người nông dân, Muôn Ta tận tình giúp đỡ gia đình

Chan Thoong và Thit Pun vượt qua những khó khăn, nguy hiểm. Muôn Ta đã bộc bạch tấm lòng mình trước bà con dân bản:

"Con xin lỗi các bác vì trước đây khi bà con xuất hiện ở huyện đường, con đã đối xử không tốt, con lại nói dối bà con rằng con là con trai của Utpalạt. Thật ra con chỉ là một người con của nông dân như tụi Phả, Đa, Đuông và Khừm mà thôi" Bố con là Thit Tha ở bản Noọng Khẹt"[1].

Sự phục thiện và những hành động giúp đỡ Chan Thoong (bố của Đuông) và bác Thit Pun (bố của Phả) đã tạo điều kiện cho Thit Muôn Ta gần gũi Đuông và cuối cùng khi nghe tin Phả hy sinh, Đuông đã yêu Thit Muôn Ta, người có thể thay thế Phả trong cuộc sống của hai gia đình nghèo khổ ấy.

Cuốn tiểu thuyết đầu tay *"Giông tố cuộc đời"* của Đao Nứa viết về đề tài chiến tranh, ca ngợi tinh thần bất khuất của quân và dân U Đôm Xay trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Bên cạnh xây dựng

[1] *Khoam hăc*, sđd, tr 142.

những nhân vật về người chiến sỹ giải phóng Lào như Khăm Kêng, gây xúc động cho người đọc về cuộc chiến đấu anh dũng, một mất một còn để bảo vệ Tổ quốc, tác giả cũng đã xây dựng hình ảnh những con người nhân từ thuộc loại hình Khôn Xúc như Xiêng Bun

Mi để lại những ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả về tình cảm trong sáng và tình yêu chung thuỷ, cao thượng. Khi biết mình có thể bị bắt ép đi lính, nàng Khăm Phêng có thể bị tên Đại uý Kolacăn cưỡng ép lấy hắn, Bun Mi không hề hờn giận người yêu, anh tự an ủi mình và trong lòng mang riêng một nỗi buồn vị tha: "Không đâu Khăm Phêng, anh chẳng bao giờ đổ lỗi cho người anh yêu cả. Anh luôn tin tưởng vào người mà anh đã chọn. Nhưng Khăm Phêng ơi! Anh có lỗi với em, với tình yêu vô phúc vô phận của anh... Rồi đây, anh phải xa em, không cùng em thành đôi thành lứa như nguyện ước. Đó là nỗi đau khổ nhất của đời anh..."[(1)].

Lòng vị tha độ lượng của Xiêng Bun Mi không chỉ thể hiện triết lý của Phật giáo mà còn thể hiện một đặc điểm tâm lý của những thanh niên Lào có lý tưởng cao đẹp, sẵn sàng hy sinh tình yêu và hạnh phúc của riêng mình vì người khác.

[(1)] X. Bup-pha-nu-vông. *Người con gái của Đảng (Lục xáo khỏng phặc)* Nxb Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, 1982, tr 71 -72.

Nền văn xuôi hiện đại Lào không chỉ khắc hoạ hình tượng những con người nhân từ thuộc loại hình "Khôn xúc" (những người đã qua tu hành) mà còn xây dựng những nhân vật "khôn đíp" (những người chưa qua tu hành). Họ theo đạo Phật không phải "chỉ ngồi đọc kinh, nằm chờ điều may rủi" mà thực sự là những "ông Bụt" cách mạng, dám chiến đấu chống lại cái ác, chống lại kẻ thù của dân tộc để đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Họ sẵn sàng "cởi áo cà sa, khoác chiến bào ra trận" vì nền độc lập của dân tộc.

Phả, nhân vật chính trong tiểu thuyết Tình yêu của Khăm-liêng Phôn-xi-na là hình tượng tiêu biểu của loại hình nhân vật "Khôn đíp" đồng thời cũng là một tính cách mới mẻ trong tiểu thuyết Lào. Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo khổ, mộ đạo, Phả nhận được sự giáo dục chủ yếu từ người cha luôn coi thiện tâm là điều răn cơ bản của đạo Phật khác với những người theo đạo Phật khác, chịu ảnh hưởng cả những mặt tiêu cực của giáo lý như sống nhẫn nhục, cam chịu, không dám đấu tranh, Phả tiếp thu yếu tố tích cực của Phật giáo như giàu lòng nhân đạo, thương người, ngay thẳng, trung thực và lương thiện, đồng thời anh lại biết chiến đấu không khoan nhượng trước tội ác của kẻ thù. Phả sẵn sàng bắt con chồn làm thịt mà những người theo đạo Phật thuần tuý coi đó là phạm tội sát sinh. Anh giương súng bắn

thẳng vào mặt tên tri huyện Nha Hương, tay sai của thực dân Pháp kẻ đã bắt anh vào tù để chiếm đoạt Đuông, người yêu của anh, với lòng căm thù đến tận xương tuỷ: "Mày phải 3 lần chết. Viên đạn này vì Đuông. Và viên này là vết thương lần trước mày gây ra cho tao"[1].

Phả là hình ảnh cao đẹp của con người mới, là một tính cách vừa mang nét truyền thống dân tộc vừa thể hiện cái mới mẻ, hiện đại. Cái mới mẻ của hình tượng Phả là biểu hiện của tinh thần cách mạng, của tinh thần chiến đấu bất khuất, dám xả thân vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Nền văn học trung đại Lào phát triển trong một đất nước coi đạo Phật là tôn giáo chính, lẽ đương nhiên, ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn học là hết sức sâu đậm. Dòng văn học Phật giáo là một trong những dòng văn học phát triển và có số lượng tác phẩm khá lớn. Hình tượng những con người nhân từ vị tha đều gắn với giáo lý nhà Phật, thậm chí có những nhân vật thể hiện các tiền kiếp của Phật. Do vậy, tính cách nhân vật thường cực đoan, tiêu cực, hành động nhân vật thường giản đơn, khô cứng, phát triển một chiều, thụ động trước hoàn cảnh. Nhân vật thường trải qua khổ đau, rồi chịu đựng, rồi chiến thắng các thế lực gian tà nhờ sự giúp đỡ của "lư xí"

[1] *Khoam hắc*, sđd, tr 202.

(tu sĩ), không vượt ra ngoài quan điểm tu thiện của giáo lý nhà Phật. Vì vậy mà, nhân vật Phạ Vệt trong *Phạ Vệt xẳn đon* có lòng thương người đến mức sau khi rời khỏi kinh thành để vào tu trong rừng đã cho hết của cải, báu vật, thậm chí cho cả vợ cả con mình. Chăn Thạ Khạt trong *Thạo Chăn thạ khạt* thì lại cứu sống cả ma quỷ.

Kế thừa truyền thống văn học Phật giáo thời trung đại, văn xuôi hiện đại Lào tiếp tục xây dựng hình tượng những con người vị tha, giàu lòng nhân ái, những Thít, Chan, Xiêng thuộc lớp người "Khôn xúc" và nhiều hình tượng nhân vật thuộc lớp người "Khôn đíp". Nhưng họ là lớp người mới, có niềm tin ở đức phật, thành tâm đến với Phật nhưng lại rất "thông hiểu nhiều điều ở thế gian". Họ tiếp thu đạo Phật ở mặt tích cực của giáo lý. Họ đấu tranh không khoan nhượng với cái ác, diệt trừ cái ác để bảo vệ cái thiện. Đó là hình tượng những con người mới, mang trong mình phẩm chất cách mạng, lý tưởng đấu tranh giải phóng vì lợi ích của dân tộc, của đất nước và của nhân dân lao động.

Văn xuôi hiện đại Lào đã xây dựng 2 loại nhân vật "Khôn xúc" và "Khôn đíp" vừa thể hiện sự kế thừa truyền thống văn học dân tộc vừa bộc lộ sự cách tân đổi mới những giá trị truyền thống cho phù hợp với thời đại mới.

Đặc biệt, các tác giả văn xuôi đã vượt ra ngoài giới hạn của loại hình nhân vật nhân từ, miêu tả nhiều hình tượng nhân vật có sự cách tân hết sức táo bạo, mới mẻ. Hành động của cô tiểu đội trưởng du kích Vông Phăn trong *Hai chị em* của Xu Văn Thon, một mình tay không, mưu trí, dũng cảm hạ gục tên đại uý tâm lý chiến Xỉ Xúc trong phòng xét hỏi bằng chiếc bút của kẻ thù, rồi xé váy mình để trói kẻ thù quả là một hành động thật hiếm có của một người phụ nữ sống trong đất nước theo đạo Phật. "Vông Phăn lấy bút máy của nó, đâm mạnh vào hai mắt nó, tên Xỉ Xúc chỉ kịp kêu ú một tiếng rồi lấy hai tay bưng mặt... không có gì để trói, Vông Phăn đã xé cạp váy của mình để làm dây trói"[1].

Sự chiến thắng của Vông Phăn đối với kẻ thù là sự chiến thắng của chính nghĩa đối với gian tà, của thiện đối với ác nếu nhìn theo quan điểm của giáo lý đạo Phật. Hình tượng Vông Phăn chỉ là một ví dụ tiêu biểu trong nhiều hình tượng nhân vật khác của nền văn xuôi hiện đại thể hiện sự kế thừa và cách tân truyền thống. Trong dòng văn học Phật giáo, đặc biệt là các truyện thơ ta thấy nổi lên không khí đấu tranh, nhiều khi trong các cuộc đấu tranh có cảnh đổ máu, ác liệt giữa các lực lượng đối lập. Quan điểm chiến đấu tích cực của nhân dân thể hiện qua các hình

[1] Xu-văn-thon, *Hai chị em*, Nxb Phụ nữ, H, 1978, tr 201.

tượng nhân vật đã vượt ra ngoài khuôn khổ chật hẹp, khô cứng của giáo lý tu thiện của nhà Phật. Trí thông minh, lòng dũng cảm, ý chí kiên cường bất khuất trước kẻ thù của nhân vật Vông Phăn có dáng dấp của hình tượng nhân vật Xỉn Xay (trong Xắng Xỉn Xay) và Ka-la-kết (trong tác phẩm cùng tên)

3. Từ truyện thơ đến văn xuôi hiện đại

3.1. Truyện thơ và vai trò của nó trong tiến trình lịch sử văn học dân tộc Lào

Truyện thơ là một thể loại mang tính loại hình của văn học khu vực Đông Nam Á. Đặc điểm nổi bật của thể loại truyện thơ là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa thể truyện và thơ, giữa yếu tố tự sự và trữ tình, giữa chất dân gian và bác học. Nó là dấu nối giữa văn học dân gian và văn học thành văn, giữa văn học truyền thống và văn học hiện đại. Truyện thơ nằm trong hệ thống tác phẩm phản ánh cuộc sống bằng phương thức tự sự, nghĩa là phản ánh hiện thực đời sống xã hội thông qua sự trình bày, miêu tả có tính chất hoàn chỉnh vận mệnh của một hoặc một số nhân vật chính và trên cơ sở ấy là sự phát triển có tính chất hoàn chỉnh của một số tính cách nhân vật (trong mối quan hệ với nhiều nhân vật, tính cách nhân vật khác). Tính chất hoàn chỉnh này được tạo nên bởi cốt truyện, hệ thống nhân vật, tình huống... trong một kiểu kết cấu phổ biến. Mặt khác, truyện thơ phản ánh cuộc sống

bằng việc sử dụng hình thức văn vần, bằng những thể thơ và ngôn ngữ dân tộc thấm đượm chất trữ tình với đầy đủ đặc điểm của phương thức sáng tác này.

Việc xác định thời điểm ra đời của truyện thơ Đông Nam Á nói chung và truyện thơ Lào nói riêng đang là vấn đề đặt ra mà các nhà nghiên cứu tiếp tục lý giải. Chúng ta chỉ có thể nhận xét một cách tổng quát, truyện thơ Đông Nam Á ra đời trong khoảng nửa sau của thiên niên kỷ thứ hai (từ giữa thế kỷ XV đến XIX), tức là giai đoạn các quốc gia phong kiến Đông Nam Á phát triển thịnh trị và bước vào thời kỳ suy thoái. Truyện thơ ở từng nước Đông Nam Á nảy nở và phát triển từ những tiền đề về lịch sử- chính trị- kinh tế - văn hoá ở từng quốc gia khác nhau. Nhưng sự ra đời và phát triển của nền văn minh nông nghiệp lúa nước Đông Nam Á mới là hằng số, là nền tảng quan trọng quyết định sự phát triển hết sức phong phú của thể loại truyện thơ ở khu vực.

Cũng như ở các nước khác trong khu vực, truyện thơ Lào là thể loại văn học phát triển hết sức phong phú cả về số lượng và chất lượng. Có thể kể đến hàng trăm truyện thơ trong nền văn học truyền thống Lào trong đó có những truyện thơ trở thành tác phẩm "cổ điển" đỉnh cao của nền văn học dân tộc như *Xỉn Xay, Thạo Hùng Thạo Chương*. Tác giả Võ Quang Nhơn nhận xét: *"Truyện thơ Lào sở dĩ chiếm một vị trí quan trọng trong văn học Lào vì nó là một thể loại chẳng những*

phong phú về mặt số lượng mà còn đa dạng về mặt nội dung và nghệ thuật nữa. Thực vậy, truyện thơ Lào không chỉ kể hàng chục mà còn có thể kể hàng trăm truyện[1].

Truyện thơ Lào là một thể loại văn học đặc biệt có vai trò, vị trí hết sức quan trọng trong tiến trình lịch sử văn học dân tộc. Ngay từ khi xuất hiện nó đã trở thành một thể loại trọng tâm của nền văn học viết truyền thống, nó được người dân ưa chuộng và có ảnh hưởng hết sức to lớn đối với tiến trình phát triển nền văn học dân tộc.

Ra đời và phát triển trong khu vực của nền văn minh nông nghiệp lúa nước với sự ưu ái đặc biệt dành cho phương thức trữ tình, nền văn học viết truyền thống Lào thực chất là nền thơ ca. Bất cứ thể loại thuộc dòng tự sự nào của văn học truyền thống Lào cũng gắn bó chặt chẽ với thơ ca, đặc biệt là truyện thơ. Kiểm kê di sản văn học viết truyền thống Lào với hàng trăm tác phẩm, hiện nay cơ bản chỉ có 2 tác phẩm tự sự văn xuôi tiêu biểu đó là *Nang Tăn Tay* và *Xiêu Xa Vạt*. Đây là hai truyện ngụ ngôn. *Nang Tăn Tay* bắt nguồn từ truyện ngụ ngôn nổi tiếng của Ấn Độ: *Phancha Tantra*. Với kết cấu kiểu xâu chuỗi liên hoàn nhiều truyện nhỏ độc lập, *Nang Tăn tay* có nội dung giáo huấn đạo đức phong kiến và là tác phẩm

[1] *Tìm hiểu lịch sử văn hoá nước Lào*, Tập II. Nxb Khoa học xã hội, H. 1981, tr 113.

tự sự văn xuôi cổ nhất của văn học Lào. *Xiêu Xa vạt*, tác phẩm tự sự văn xuôi dài nhất của văn học Lào thời trung đại, cũng nội dung giáo huấn, chịu ảnh hưởng của giáo lý nhà Phật, nhưng đã được Lào hoá thể hiện những phong tục, tập quán, đời sống tư tưởng, tâm lý của người Lào, thể hiện trí tuệ sắc sảo của nhân dân. Kết cấu của *Xiêu Xa Vạt* cơ bản giống kết cấu của *Nàng Tăn tay*, nhưng lời văn chủ yếu là lời trần thuật, lại xen kẽ những câu Xu-pha-xít (tục ngữ - ca dao), nên rất được người dân ưa chuộng. Ngoài 2 tác phẩm văn xuôi tự sự này, văn học viết Trung đại Lào bao gồm một kho tàng phong phú với hàng trăm truyện thơ tự sự được chia làm 2 nhóm: truyện thơ lịch sử và truyện thơ trữ tình.

Nhóm truyện thơ lịch sử hoặc là khai thác đề tài từ những truyền thuyết hoặc các anh hùng sáng tạo lịch sử, *(Truyện Khún Bu lôm; Khúm Thưng, Khúm Thương; Ulawĩng kha;, Thạo Hùng Thạo Chương...)*

Nhóm truyện thơ trữ tình có số lượng khá nhiều, đa dạng về nội dung và phong phú về nghệ thuật, có vị trí quan trọng trong nền văn học Lào. Đề tài chủ yếu của nhóm truyện thơ trữ tình là khai thác từ nguồn văn hoá Ấn Độ. Đa số tác phẩm lấy từ đề tài dân gian nhưng nhân vật thường được gắn cho một tiền kiếp của Đức Phật, chủ đề nổi bật là Thiện thắng Ác, Chính thắng Tà. Nhân vật trọng tâm của

loại truyện này thường là tầng lớp quý tộc (Hoàng tử, công chúa). Các nhân vật thường phải trải qua các kiếp khổ đau, hoạn nạn, do bị các thế lực tàn ác gây ra, rồi họ đã nhờ lòng dũng cảm và tài trí lại được các thế lực siêu nhiên phù trợ, cuối cùng họ đã chiến thắng, cái ác bị trừng trị. Sự chiến thắng của các nhân vật trung tâm trong các truyện thơ là biểu tượng tập trung cho sự chiến thắng của chính nghĩa đối với gian tà, của thiện đối với ác theo quan điểm giáo lý đạo Phật. Theo Phật giáo, để có được chiến thắng, con người phải qua tu thiện. Tuy nhiên, trong các truyện thơ Lào ta còn thấy nổi lên không khí chiến đấu, nhiều khi trong các cuộc chiến đấu đó tác giả còn miêu tả cảnh đổ máu ác liệt giữa các lực lượng đối lập. Đó chính là nét tiêu biểu thể hiện tâm lý, quan điểm chiến đấu tích cực của nhân vật, vượt ra ngoài khuôn khổ chật hẹp, cứng nhắc của quan điểm tu thiện của giáo lý nhà Phật. Đặc biệt là thái độ tán thưởng, mức độ đánh giá các truyện thơ của nhân dân càng thể hiện rõ quan điểm tích cực trên đây. "Từ trẻ cho đến già, từ trai đến gái, không có người Lào nào là không hết lời ca ngợi trí thông minh, lòng dũng cảm, ý chí kiên cường bất khuất trước kẻ thù của các chàng trai như Xỉn Xay, Ka-la-kệt...[1].

[1] *Tìm hiểu lịch sử văn hoá nước Lào*, Tập II, Nxb Khoa học Xã hội, Sđd, tr 115.

Như ở phần tiền đề của sự ra đời và phát triển văn xuôi chúng tôi đã chỉ rõ: văn xuôi hiện đại Lào ra đời bắt mạch từ truyền thống văn học dân gian, Văn học viết truyền thống Lào ra đời từ giữa thế kỷ XIV, qua các thế kỷ XV, XVI, XVII xuất hiện những truyện thơ trở thành tác phẩm cổ điển như *Xỉn Xay*, những tác phẩm tiêu biểu như *Kalakệt, Tèng on, Chăm pa xì tộn, Chăn thạ khát, Thạo xu li vông, Thạo xi thôn, Phạ lắc Phạ lam...* Thể loại truyện thơ phát triển mạnh, là hình thức văn học dân tộc đạt nhiều thành tựu hơn cả.

Tuy không phải là tiền đề trực tiếp của văn xuôi hiện đại, nhưng với thể loại "tiểu thuyết bằng thơ với tính cổ sự"(tác phẩm hàm chứa một câu chuyện có đầu có đuôi, hoàn chỉnh hoặc tương đối hoàn chỉnh) của truyện thơ đã ảnh hưởng lớn đến các thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại Lào. Văn xuôi hiện đại Lào đã kế tục và phát huy những yếu tố tự sự và trữ tình trong thể loại truyện thơ. Nói cách khác, truyện thơ Lào đã gợi ý cho văn xuôi hiện đại từ kiểu kết cấu và cốt truyện đến quá trình xây dựng tính cách nhân vật, xây dựng tình huống và xung đột, cảm hứng trữ tình phong cảnh thiên nhiên và tình cảm quê hương, đất nước...

3.2. Kế thừa và đổi mới tính tự sự

Nếu chiết tự theo các nhà Hán học, tự là kể, sự là sự kiện, sự việc thì tự sự chính là một hình thức kể chuyện trong văn học. Nếu dịch theo ngôn ngữ châu Âu từ chữ Epika (từ Hy Lạp) vốn bắt nguồn từ Epikos thì tự sự là tường thuật lại hành động. Như vậy, phương tiện chủ yếu để tác giả xây dựng một tác phẩm tự sự là cốt truyện và người kể chuyện. Người kể chuyện ở đây có chức năng môi giới giữa sự kiện được kể và người nghe chuyện (độc giả).

Truyện thơ là thể loại thuộc một trong ba phương thức tái hiện đời sống của văn học (tự sự, trữ tình, kịch). Do đó, thể loại này có khả năng tái hiện đời sống trong toàn bộ tính khách quan của nó bằng cách tạo nên một bức tranh mở rộng của đời sống không gian, thời gian của các biến cố, sự kiện và các chi tiết. Tái hiện đời sống chính xác bằng các chi tiết cụ thể là ưu thế của tự sự so với trữ tình và kịch. Trong truyện thơ Lào có nhiều đoạn được tác giả mô tả bằng các chi tiết của sự việc, sự vật và hành động hết sức kỹ lưỡng, cụ thể làm cho người đọc dễ dàng hình dung lại bối cảnh sự kiện một cách rõ ràng. Chẳng hạn, trong *Kalakệt*, khi nàng Manichăn kể lại diễn biến cho chồng nghe khi chồng bị giết thì đây rõ ràng là một đoạn mô tả sự việc tỷ mỷ, chính xác.

Vua cha phái đao phủ đến nơi lập tức

Ngay khi em đang khóc giữ xác chàng

Chúng nó lừa em: đưa xác chồng đi

Nhưng lại buộc xác chồng vào dây kéo

Em đã chửi mắng, chống cự lũ hung tàn

Chúng bỏ chạy lên tâu phụ Hoàng

Vua cha nổi giận, bừng bừng đổ lửa

Người cầm kiếm sầm sầm lao tới...[1]

Mỗi câu thơ đều sử dụng đến 2 động từ liên tiếp nhau không cần tô vẽ từ ngữ hoa mỹ, cầu kỳ đoạn thơ dựng lại hành động hết sức chi tiết, cụ thể. Hay như trong truyện thơ *Tum Tiêu* của Campuchia, phương thức tự sự tỏ rõ ưu thế của nó trong đoạn tả cảnh xa hoa giàu có, lắm sản vật trong đám cưới mà Mơn Nguôn chuẩn bị lấy Tiêu:

Không thiếu vị: gừng, cà, tỏi, ớt,

Lại càng nhiều hạt cải, ong non.

Ngó sen trắng, lạp xưởng, khô thịt

Tôm càng tươi, cá giẫy chật xuồng.

Có 11 thứ thức ăn được kể trong đoạn thơ ngắn vỏn vẹn chỉ có 4 câu. Cách liệt kê này chỉ có ở phương

[1] *Hợp tuyển Văn học Lào*, sđd, tr 283.

thức tự sự. Phương thức trữ tình với đặc trưng cô đọng, hàm súc, gợi hơn tả, thể hiện tâm trạng hơn hành động không thể có kiểu tả thực như vậy.

Nói đến tự sự là nói đến vai trò then chốt của người trần thuật, ngôn ngữ trần thuật. Chúng ta có thể căn cứ vào ngôn ngữ trần thuật mà tác giả sử dụng mô tả nhân vật để thấy được tình cảm thái độ đối với nhân vật. Truyện thơ, thường sử dụng biện pháp ước lệ, tưởng tượng (khi mô tả những vẻ đẹp của nhân vật chính diện) để bày tỏ sự yêu mến còn khi mô tả sự xấu xí của nhân vật phản diện thì sử dụng bút pháp tả thực hoặc phóng đại những yếu tố dị hình nhằm bộc lộ sự căm ghét. Khác với phương thức trữ tình, khi bình luận, đánh giá về sự việc, con người, thường tác giả đứng ngoài cốt truyện, không đóng vai trò là một nhân vật trong đó. Chính vì vậy, sự xuất hiện của những đoạn bình phẩm "trữ tình phụ đề" thể hiện rõ tính tự sự của truyện thơ.

Ngoài ra, giọng kể tự sự trong truyện thơ thể hiện rõ ở những đoạn, những câu, những từ giữ vai trò "nối ghép" giữa các trường đoạn để hoàn thiện một cốt truyện. Trong *"Xỉn Xay"*, kết thúc một chương, tác giả đều lặp lại câu thơ:

Trọn ở đây kính dâng Phật tổ.

Còn khi cần chuyển tiếp những cảnh được mô tả thì dùng những câu thơ như:

..."Nay kể chuyện Xu mun tha hồn nước"...

..."Nay kể đoạn dức vua Cut xa rạt"

..."Nay kể đoạn chàng quý Xỉn Xay..."

Tương tự, trong *Kiêm Kê* (Campuchia) tác giả thường xuyên sử dụng cụm từ "Thế rồi lúc đó... Thế rồi lúc đó..." hay trong *Tum Tiêu* (Campuchia) sử dụng nhiều lần những câu thơ chuyển tiếp:

..."Giờ nói chuyện nàng Tiêu duyên đợi"

..."Lại nói chuyện chàng Tum đa cảm"

..."Lại nói chuyện xứ này ngày ấy"...

Trên đây là những đặc trưng không thể nhầm lẫn của tính tự sự trong truyện thơ. Tính tự sự trong truyện thơ không chỉ biểu hiện trên mấy yếu tố như vậy. Tính tự sự của thể loại này bộc lộ chủ yếu ở kiểu cốt truyện và kết cấu, hệ thống nhân vật hoàn chỉnh và cách tạo tình huống, xung đột và giải quyết tình huống - những dấu hiệu mang tính bản chất của một tác phẩm tự sự.

Tất cả những đặc điểm trên được văn xuôi hiện đại Lào tiếp thu chọn lọc và đổi mới.

3.2.1. Từ kết cấu đơn tuyến đến kết cấu đa tuyến.

Truyện thơ Lào khai thác đề tài từ 3 nguồn chủ yếu: văn học dân gian, lịch sử dân tộc và văn hoá Ấn Độ, trong đó nguồn gốc từ truyện cổ dân gian chiếm số lượng đáng kể. Do vậy, truyện thơ Lào phần lớn đều dựa trên một chuỗi sự kiện, quan hệ đơn giản, kiểu kết cấu đơn tuyến, cốt truyện thường triển khai chung quanh một nhân vật chính hoặc kiểu kết cấu đối tuyến, hai nhân vật chính đối lập, kéo theo nhiều nhân vật ở hai tuyến đấu tranh với nhau. Nhiều truyện ngắn Lào vẫn sử dụng kiểu kết cấu này (các truyện ngắn của Xu-năn-thon trong tập *Đất nước chúng ta, Ánh sáng cách mạng* của Chăn-thi Đươn-xa-vẳn, *Trên đường phố Viêng Chăn* của Văn Xay và Phôm Chăn, *Một đêm ngoài tiền tuyến* của Khăm Xỉng...). Ngay cả những tiểu thuyết gia nổi tiếng như Khăm-liêng Phôn-xê-na trong trong tiểu thuyết đầu tay Xỉ-nọi cũng sử dụng một kiểu kết cấu đối tuyến. Tuy nhiên, hiện thực đời sống ngày càng phong phú đa dạng và phức tạp, đòi hỏi các nhà văn phải sử dụng kết cấu đa tuyến. Các bộ tiểu thuyết sử thi của Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông đều sử dụng kết cấu từ ba đến năm tuyến nhân vật trong một cốt truyện chứa đựng nhiều sự kiện biến cố, trong không gian và thời gian mở rộng.

Bộ tiểu thuyết sự kiện đầu tay của Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông *Hồi tưởng lại* (Tập I: 1972, Tập II: 1974) phản ánh sự phân hoá của lực lượng trung lập trong chính phủ hòa hợp 3 phái (1962-1964), lên án âm mưu của Mỹ và tay sai hòng phá hoại sự nghiệp đấu tranh thống nhất của nhân dân Lào, là bộ tiểu thuyết có kết cấu đa tuyến đầu tiên của nền văn xuôi Lào. Tác giả xây dựng 5 tuyến nhân vật: Tuyến các sĩ quan trung lập yêu nước, có tư tưởng tiến bộ đứng về phía nhân dân để chống Mỹ gồm các nhân vật Thạo Khôm, Thạo Liêng, Thạo Khăm... Tuyến các sĩ quan trung lập biến chất, ôm gót đế quốc chống lại nhân dân như Coong Le, Kệt Xa Ná... Tuyến các nhân vật CIA và tay sai Mỹ như Xả Hiêng, Quy Ly, Kẹo-ma-ni văn, tên T.O... Tuyến nhân vật chính diện là các chiến sĩ "Neo Lào hắc xạt" tiêu biểu là Khăm Xón và tuyến nhân vật lịch sử như Chủ tịch Hoàng thân Xu-pha-nu-vông, Hoàng thân Xu-văn-nạ Phu-ma...

Trong bộ tiểu thuyết sử thi dài nhất của nền văn học Lào, *Tiểu đoàn II* (4 tập) của Xu-văn-thon triển khai được một cốt truyện với quãng bốn năm mươi nhân vật hoạt động trong một khoảng không gian nghệ thuật kéo dài 7,8 năm trời của cuộc kháng chiến chống Mỹ với nhiều sự kiện biến cố lịch sử sôi động và phức tạp trên chính trường Lào. Cũng nhờ vậy mà tác phẩm phản ánh được nhiều chủ đề của hiện thực

đời sống. Dựa vào một sự kiện lịch sử có thật (cuộc rút quân thắng lợi của Tiểu đoàn Hai), nối kết với nhiều sự kiện biến động khác của cuộc chiến tranh cách mạng ở Lào từ 1957 đến 1964, tác giả xây dựng 5 tuyến nhân vật: Tuyến nhân vật chính gồm cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn Hai anh hùng như Thạo Tụ, Khăm Mắn, Khăm Đeng, Xó Pha, Chăm Niên... Tuyến lực lượng phái hữu, tay sai đế quốc Mỹ có Khăm Xúc, Khăm Coong, Kệt Xa Ná, Xỉnh Coọc... Tuyến lực lượng trung lập tiêu biểu Coong Le... Tuyến lực lượng trung gian đi theo cách mạng có Xốm Phon, Nhọt Xỉ... Và tuyến nhân vật lịch sử có Vàng Pao, Coong Le và 1 số nhà lãnh đạo Mặt trận Lào yêu nước...

Tiểu đoàn Hai là bộ tiểu thuyết sử thi nên đối tượng và phương pháp mô tả của tác giả là hành động nhân vật và các biến cố lịch sử, là một số lượng nhân vật khá nhiều với nhiều tuyến phát triển theo những con đường khác nhau. Tuy nhiên, sự phát triển của nhiều tuyến nhân vật vẫn được tổ chức chặt chẽ, cốt truyện mang tính chính thể, hữu cơ, không phân tán, rời rạc. Tuy tập trung thể hiện cảm hứng về nhân dân, về lịch sử, miêu tả chân dung một tập thể anh hùng, Xu-văn-thon vẫn xây dựng thành công những nhân vật có số phận riêng, gắn cá nhân với lịch sử (Khăm Mẳn, Khăm Đeng...).

Đến *Hai chị em* và *Hai bên bờ sông*, tuy quy mô không hoành tráng như *Tiểu đoàn Hai*, sự kiện và nhân vật không phức tạp như Hồi tưởng lại, nhưng cả hai tác phẩm này vẫn sử dụng lối kết cấu sử thi với nhiều tuyến nhân vật. *Hai chị em* (3 tập) bao gồm 3 tuyến nhân vật tập trung trong 2 tuyến xung đột mâu thuẫn chính: xung đột đối kháng, giữa Mặt trận Lào yêu nước và lực lượng trung lập yêu nước với đế quốc Mỹ và tay sai và mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân gồm lực lượng trung lập và lực lượng cách mạng, ở mâu thuẫn xung đột trong nội bộ dân tộc, tác giả xây dựng 2 tuyến nhân vật xoay quanh 2 chị em sinh đôi là Vông Phết (người chị - phóng viên đài phát thanh thuộc lực lượng trung lập ở vùng địch tạm chiếm Viêng Chăn) và Vông Phăn (người em - tiểu đội trưởng du kích ở vùng giải phóng - Xiêng Khoảng). Tuyến nhân vật đế quốc và tay sai gồm Đại uý Xỉng Thoong, Đại uý Xỉ Xúc, Thiếu tá Kít Ty (Thái Lan), trung uý Bay... Ba tuyến nhân vật được mô tả trong cốt truyện hoàn chỉnh với không gian luôn mở rộng từ Cánh đồng Chum Xiêng Khoảng đến thủ đô Viêng Chăn, trong tác phẩm có cảnh chiến đấu ác liệt, có cảnh nhà tù, tra khảo, có cảnh chạy trốn đuổi bắt hồi hộp, có cảnh hoạt động bí mật, tình báo, có cảnh đoàn viên gia đình... Các tuyến nhân vật hoạt động trong một địa bàn rộng lớn từ vùng giải phóng

đến vùng địch tạm chiếm, trong dòng chảy của các sự kiện, biến cố, trong những hoàn cảnh rộng và hẹp khác nhau nhưng không phải là sự lắp ghép rời rạc, sự phát triển của mạch truyện kể riêng biệt nhưng không tách rời nhau. Hai nhân vật chính Vông Phết và Vông Phăn ở 2 tuyến hầu như không gặp được nhau, luôn đổi chỗ cho nhau. Vông Phăn từ vùng giải phóng bị địch bắt, trốn thoát vào hoạt động bí mật ở nội thành Viêng Chăn thì Vông Phết từ Viêng Chăn "đi lạc" vào vùng giải phóng. Cứ thế 2 chị em nhiều lần thay đổi địa điểm rồi cuối cùng mới đoàn tụ ở quê nhà. Mạch truyện có vẻ độc lập phát triển theo những hướng riêng rẽ nhưng cả hai tuyến đều được tác giả sử dụng thủ pháp kể chuyện xê dịch điểm nhìn, nên trong suốt diễn biến của cốt truyện hai chị em vẫn luôn biết được tin nhau qua lời kể của nhân vật thứ 3.

Tiểu thuyết *Hai bên bờ sông* (2 tập) được Xu-văn-thon viết những năm sau chiến tranh, vẫn tiếp tục chủ đề chiến tranh cách mạng với kiểu kết cấu sử thi đa tuyến nhân vật. Dựa vào sự kiện "người di tản", bám sát hiện thực của cách mạng Lào trước sau khi hiệp định hoà hợp dân tộc lần thứ III (1973), tiểu thuyết phản ánh hiện thực cuộc sống sa đọa, ngoan cố chống phá cách mạng của bọn phản động trong chính quyền cũ ở Lào, hiện thực cuộc sống của những người "nhẹ dạ cả tin" lo âu phấp phỏng di tản đến "miền đất

hứa" và hiện thực cuộc sống mới ở Lào từ ngày chính quyền cách mạng thành lập. Ba mảng hiện thực lớn này đã tạo thành một bức tranh tương đối hoàn chỉnh, chân thực về đất nước Lào trong những ngày đầu giải phóng. Trong bối cảnh hiện thực đó, Xu-văn-thon đã xây dựng 3 tuyến nhân vật cùng song song phát triển, hỗ trợ cho nhau để bộc lộ chủ đề tư tưởng.

Tuyến nhân vật trung gian cũng là tuyến nhân vật chính trong tác phẩm là 2 vợ chồng Nác - Ma Ly. Họ là những người đi lính cho chính quyền cũ song không hẳn đã ở về phía kẻ thù của dân tộc. Họ là những người bình thường, chưa có nhận thức đúng về cách mạng nên bị bọn phản động lừa gạt lôi kéo bỏ đất nước chạy sang Thái Lan chuốc lấy cuộc sống tủi nhục nơi đất khách quê người. Nhờ có sự giúp đỡ của những người Lào yêu nước, cuối cùng họ được đoàn tụ trên chính quê hương mình.

Tuyến nhân vật kẻ thù được Xu-văn-thon mô tả khá thành công với tên tướng Thọt độc ác và thâm hiểm "ném đá giấu tay" chống phá cách mạng đến cùng, tên Hỗu Hóm, Xổng hung bạo, ngổ ngáo...

Song song với 2 tuyến nhân vật trên, trong *Hai bên bờ sông* tuyến nhân vật cách mạng hiện lên hết sức đẹp đẽ và nhân hậu. Các nhân vật như Lọt, Lâng là hình ảnh của những con người mới, những người có

giác ngộ lý tưởng cao đẹp, thông minh sáng tạo đập tan mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù.

Hai bên bờ sông cũng như các sáng tác khác, Xu-năn-thon chịu ảnh hưởng khá sâu đậm văn học truyền thống, sử dụng kết cấu biên niên, thời gian lịch sử của các sự kiện. Tuy nhiên, trong tác phẩm tác giả đã có sự cách tân đáng kể. Không gian đã được nhà văn mở rộng nhiều lớp. Các tuyến nhân vật hoạt động trong không gian - thời gian rộng dài. Khoảng cách của câu chuyện không bó hẹp trong gia đình vợ chồng đại uý Nác - Ma Ly, không chỉ ở thành phố Viêng Chăn mà tác giả còn miêu tả một số địa điểm trên đất Thái Lan làm bối cảnh cho nhân vật xuất hiện. Nhờ mở rộng không gian hoạt động cho nhân vật nên Xu-văn-thon xây dựng được nhiều tuyến nhân vật cùng một lúc, đa dạng, phong phú, thể hiện nhiều mặt của đời sống hiện thực. Đó cũng là điều kiện để Xu-văn-thon xây dựng một kết cấu mở rộng dần trong *Hai bên bờ sông*. Câu chuyện bắt đầu từ vợ chồng Nác - Ma Ly rồi được mở rộng dần tới các nhân vật khác có quan hệ với họ. Từ câu chuyện một gia đình, một cá nhân để nói về hiện thực cuộc sống một đất nước, một dân tộc.

Nhìn chung, kết cấu đa tuyến không phải là điều mới mẻ của một nền tiểu thuyết hiện đại để phản ánh những vấn đề phong phú đa dạng và phức tạp của

hiện thực đời sống. Nhưng nó vẫn là biểu hiện sự đổi mới của những nhà văn Lào sống trong một truyền thống văn học mà ưu thế của văn vần (nhất là truyện thơ) mạnh hơn văn xuôi tự sự.

3.2.2. Từ cốt truyện sự kiện đến cốt truyện tính cách.

Tác phẩm tự sự thực chất là một câu chuyện kể về ai đó hay về một sự việc nào đó, do vậy, bao giờ nó cũng phải có cốt truyện, đó là một "hệ thống sự kiện cụ thể, được tổ chức theo yêu cầu tư tưởng và nghệ thuật nhất định"[1]. Cốt truyện chính là bộ phận cơ bản quan trọng nhất trong hình thức động của tác phẩm văn học thuộc phương thức tự sự, do đó nó cũng chính là đặc điểm quan trọng nhất thể hiện tính tự sự trong truyện thơ. Truyện thơ Lào phần lớn bắt nguồn từ văn học dân gian nên chủ yếu là cốt truyện về sự kiện, hành động, tình tiết truyện phát triển trong thời gian thuận chiều, tuyến tính, kết thúc tác phẩm thường có hậu. Kho tàng văn xuôi tự sự trung đại Lào chưa có truyền thống xây dựng cốt truyện về tính cách hay số phận, cho nên, văn xuôi hiện đại Lào thường sử dụng cốt truyện sự kiện nhiều hơn kiểu cốt truyện tính cách. Một số khá lớn các truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại Lào thường tổ chức cốt truyện theo kiểu nối kết nhiều sự kiện lịch sử và sự

[1] *Từ điển thuật ngữ văn học*, Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội. 1997.tr.85

kiện thường được kể theo trật tự thời gian. Đặc biệt là một số tiểu thuyết như *Tiểu đoàn Hai*, *Hồi tưởng lại*, *Hai bên bờ sông* phản ánh những sự kiện lịch sử lớn, có quy mô hoành tráng. Ở các bộ tiểu thuyết này quả đã thể hiện được hiện thực chiến tranh qua các nhân vật nhưng chưa qua các số phận, tính cách điển hình để phản ánh thời đại. Ngoại trừ tiểu thuyết *Hồi tưởng lại* là bộ tiểu thuyết sự kiện, ngay *Tiểu đoàn Hai* bộ tiểu thuyết sử thi phản ánh hiện thực chiến tranh cách mạng Lào trong một không gian rộng lớn và thời gian khá dài với nhiều tuyến nhân vật, nhưng người ta vẫn dễ dàng nhận thấy tuyến sự kiện nhiều khi được mô tả lấn át tuyến tính cách nhân vật. Các nhân vật trôi trong dòng chảy của nhiều sự kiện biến cố lịch sử được nhà văn nối kết theo trình tự thời gian: Sự kiện ký hiệp định hoà hợp dân tộc lần I với hai phái tham gia chính phủ phái hoà hợp (1957), sự kiện tiểu đoàn Hai Pa-thét Lào về Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng; sự kiện 16 vị lãnh tụ Neo Lào hắc xạt bị giam ở ngục Phôn Khêng, sự kiện vượt ngục; tiểu đoàn Hai bị bao vây, đảo chính của đại uý dù Coong Le, ký hiệp định hoà hợp dân tộc lần II (1962)... Một chuỗi các sự kiện, biến cố và các tuyến nhân vật phát triển trong dòng chảy của cốt truyện sự kiện đó. Công bằng mà nói, Xu-văn-thon trong quá trình xây dựng tác phẩm, đã cố gắng thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa tuyến sự kiện lịch sử và tuyến tính cách nhân vật song có

lúc tuyến tính cách nhân vật bị mờ nhạt. Ở vấn đề này văn hào L.Tôn xtôi trong *Chiến tranh và hoà bình* đã giải quyết tốt mối quan hệ giữa "biện chứng phép lịch sử với biện chứng phép tâm hồn".

Từ cốt truyện về hành động. Sự kiện đến cốt truyện về tâm lý, tính cách là một bước cách tân theo hướng hiện đại hoá nền văn xuôi hiện đại. Nền văn xuôi hiện đại Lào đã xuất hiện những nhà văn xây dựng kiểu cốt truyện tính cách, tiêu biểu là Khăm-liêng Phôn-xê-na. Nếu Xu-văn-thon là nhà tiểu thuyết sự kiện, người viết lịch sử bằng tiểu thuyết thì Khăm-liêng lại là nhà tiểu thuyết tính cách. Ông chịu nhiều ảnh hưởng của văn học phương Tây, đặc biệt là Pháp, viết không nhiều, dung lượng tác phẩm không lớn nhưng sáng tác của ông bước đầu khắc hoạ được một số tính cách tương đối điển hình. Sự kiện, biến cố trong *Xỉ-nọi* không nhiều, hoàn cảnh hẹp, nhưng tác giả đã khắc hoạ được một số nhân vật có nét đặc trưng, có diễn biến tâm lý và quá trình phát triển tính cách rõ rệt. Câu chuyện xoay quanh số phận của một gia đình nông dân nghèo khổ ở vùng thượng Lào, Pho xa lỳ sống dưới ách áp bức bóc lột của bọn đế quốc phong kiến thời kỳ những năm 1950 khi Lào đang tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Bối cảnh câu chuyện chỉ xoay quanh trong 2 bản làng: Bản Pô và bản Hay, nhưng tác giả đã biết cô đặc hoàn

cảnh gắn quá trình phát triển tâm lý tính cách nhân vật với những mâu thuẫn xung đột sâu sắc. Một người nông dân như Pho-xa-lỳ, ít nói, cam chịu, nhẫn nhục lại có thể trở thành một chiến sỹ du kích anh dũng hy sinh vì cách mạng, Thit No, một thanh niên bồng bột sôi nổi, táo bạo manh động lại trở thành một chiến sỹ liên lạc mưu trí anh dũng hy sinh trước kẻ thù, một bé Xỉ mới 10 tuổi mà dám cầm dao chống lại mụ chủ khét tiếng tàn ác,... Con đường phát triển của các tính cách nhân vật đó trong cốt truyện ít thấy tác giả mô tả trong những biến cố, sự kiện lịch sử lớn mà Khăm liêng đã biết chuyển dịch những mâu thuẫn, xung đột xã hội thành những số phận, tính cách liên đới hoặc đối lập nhau. Nhà văn cố gắng miêu tả sự vận động của tính cách, chú ý phát hiện những biểu hiện tâm lý của nhân vật trong một cốt truyện có kết thúc mở, kết thúc không có hậu. Kết thúc *Xỉ-nọi* là một quang cảnh hoang tàn đổ nát sau trận chiến với bao mất mát hy sinh. Hai anh em Khăm Đẻng và *Xỉ-nọi* trở về ngôi nhà cũ của mình đã bị bọn Pháp thiêu đốt, khói vẫn bốc lên, và lúc này người cha Pho xa lỳ không còn, người anh Thít No đã mất.

Kiểu kết thúc không viên mãn này được Khăm-liêng thể hiện tiếp trong tiểu thuyết *Tình yêu*. Như tên gọi của tác phẩm, tình yêu của đôi nam nữ thanh niên ở vùng cực Nam của Tổ quốc dưới thời thực dân Pháp

xâm lược Phả và Đuông đã gặp biết bao trắc trở hy sinh vì chiến tranh. Phả và Đuông đã có những ngày thật hạnh phúc, họ yêu nhau tha thiết và chờ đợi một cuộc sống gia đình êm ấm nếu như thực dân Pháp không trở lại xâm lược Lào lần thứ 2. Pháp đến và chàng trai bị bắt đi phu rồi đi tù, rồi thoát tù đi làm cách mạng. Cô gái ở lại hậu phương, hay tin thất thiệt, bị ép làm lễ đành lấy người khác để chạy trốn một cuộc hôn nhân không như ý. Hoà bình lập lại, họ gặp nhau nhưng không còn là của nhau nữa. Họ không trách nhau, họ hiểu cội nguồn của bất hạnh là từ đâu. Phải nhận thấy rằng, lối kết thúc không có hậu này hiếm thấy trong văn xuôi Lào hiện đại. Có thể nói, nhà văn Khăm-liêng đã xây dựng được một cốt truyện số phận và tính cách, sự kiện trong tác phẩm của ông không nhiều nhưng tính cách nhân vật khá sắc nét, do đó, tác phẩm của ông phản ánh được hiện thực cuộc sống khá sâu sắc.

Tiểu thuyết Lào đang từ những cốt truyện về số phận và tính cách để vươn lên xây dựng những tác phẩm có cốt truyện tâm lý.

3.2.3. Tình huống và giải quyết tình huống

Theo Hegel "Tình huống là 1 trạng thái có tính chất riêng biệt và trở thành được quy định... Tình huống nói chung là bước trung gian giữa tình trạng

chung im lìm ở bản thân thế giới với tình trạng hoạt động cụ thể biểu lộ thành tác động và phản ứng, cho nên tình huống cần được bao hàm các tính chất của cả hai cấp độ cực đoan này và cho phép ta chuyển từ cấp độ này sang cấp độ khác"[1].

Truyện thơ Đông Nam Á nói chung và Lào nói riêng khi bất kỳ một tác phẩm nào cũng tiến triển theo mô hình khái quát quen thuộc của dòng tự sự: Thắt nút - cao trào - mở nút thì mỗi tác phẩm sẽ có ít nhất là một tình huống, tương ứng với giai đoạn thắt nút. Trong thực tế, truyện thơ Lào thường được xây dựng trải qua nhiều thử thách nối tiếp nhau, do đó, các cặp tình huống (thắt nút), giải quyết tình huống (mở nút) cũng nối tiếp nhau xuất hiện trong tác phẩm. Đặt ra tình huống rồi giải quyết tình huống đó, những cặp thao tác như vậy có thể xuất hiện lần lượt theo thứ tự trong truyện thơ và kiểu xây dựng tình huống và giải quyết các tình huống đó được văn xuôi Lào kế thừa rõ rệt. Ta thử so sánh tình huống truyện thơ *Ka-la-kệt* và *Hai chị em* thì sẽ cụ thể hơn.

Cũng như những truyện thơ khác, truyện *Ca la kệt* không có tên tác giả và niên đại ra đời. Đầu truyện có nói Ka-la-kệt là một kiếp đầu thai của Đức Phật nhưng lại không thấy ghi trong "hả xíp xạt" (50 tiền kiếp). Chủ đề chính của Ka-la-kệt là đấu tranh cho

[1] Hegel, *Mĩ học (tập I)*, Nxb Văn học, H. 1999.

tình yêu, tình yêu chân chính đã chiến thắng định mệnh. Tình huống truyện được đặt ra rồi giải quyết, rồi tình huống nữa lại đặt ra lại được giải quyết:

- Tình huống 1: Ka-la-kệt bỏ rơi 4 người vợ khi giáng trần, yêu nàng Ma-ni-chăn xinh đẹp, nhưng tình yêu của họ không được vua cha chấp thuận, Ka-la-kệt bị giết chết và bỏ trôi sông, chàng được thần linh cải tử hoàn sinh, được học phép thiêng của một đạo sĩ, trở về gặp Ma-ni-chăn, vua cha đổi ý cho lấy Ma-ni-chăn.

- Tình huống 2: Trên đường trở về quê hương, Ka-la-kệt bị 3 mụ quỷ (Nhắc) bắt làm chồng. Công chúa Ma-ni-chăn bị bỏ rơi, được một đức vua nhận làm con. Ka-la-kệt thương nhớ vợ, tìm đường cứu nàng - vợ chồng đoàn tụ.

- Tình huống 3: Ma-ni-chăn lại bị một chúa quỷ bắt đi, nhưng thần Indra đã biến nàng thành một cành hoa treo ở sau xe của chúa quỷ và báo cho Ka-la-kệt biết tin. Chàng theo đánh chúa quỷ, thắng lợi, đoàn tụ với Ma-ni-chăn...

Theo dõi cốt truyện của *Hai chị em* ta thấy Vông Phăn (nhân vật chính) cũng trải qua nhiều tình huống, rồi giải quyết tình huống và lại nảy sinh tình huống mới.

- Vông Phăn, tiểu đội trưởng du kích trong lần tải đạn cho bộ đội bị kẻ thù vây bắt, bị giam và đã nhảy qua cửa sổ vượt ngục.

- Với cái tên mới Nang Mạ, Vông Phăn vào Viêng Chăn hoạt động bí mật, gây nối cơ sở, địch vận, lại bị vây bắt lần thứ hai, bị tra khảo tù đày, cô dùng bút máy kẻ thù đâm vào mắt, xé váy trói nó rồi chạy trốn.

- Vông Phăn trở về cơ sở thì bị kẻ thù bao vây, chúng uy hiếp cả làng và lần thứ ba Vông Phăn lại phải tự ra trước đoàn người để cứu dân làng khỏi bị tàn sát. Sau đó, chiến dịch thắng lớn, Vông Phăn được giải thoát trở về quê đoàn tụ cùng mẹ, người chị Vông Phết và người yêu Bun Mi (kết thúc có hậu).

Tình huống truyện trong truyện thơ Lào, như đã nói không chỉ xuất hiện 1 lần (thắt nút) mà xuất hiện nhiều lần sau khi đã giải quyết (mở nút). Cốt truyện của truyện thơ thường hàm chứa 5 bước cơ bản: Phát đoạn (đoạn mở đầu); Triển khai (thắt nút); Nguy biến (phát triển); Đỉnh điểm (cao trào) và Kết mạt (mở nút). Nhiều tác phẩm văn xuôi Lào tiếp thu cốt truyện của thể loại truyện thơ với đủ 5 bước mở đầu, thắt nút, phát triển, cao trào và mở nút như vậy.

Nếu như truyện thơ *Xỉn Xay*, Nang Tèng on đều tuân thủ theo một cốt truyện với những tình huống trải qua 5 đoạn thì một số sáng tác của Xu-văn-thon như *Hai chị em*, *Hai bên bờ sông* cũng tuân thủ theo các bước phát triển tình huống và giải quyết tình huống như vậy. Chỉ có điều, nhân vật phát triển không chịu sự quy định chặt chẽ của cốt truyện, mà nhân vật gắn

với cốt truyện để lý giải cốt truyện. Tất nhiên cách mở nút (giải quyết tình huống) của các truyện thơ thường dựa vào một lực lượng siêu nhiên phù trợ thì cách giải quyết tình huống của văn xuôi hiện đại dựa vào sự phát triển của tính cách hợp với logic nội tại của đời sống hiện thực. Vì vậy, ta thấy cái kết thúc hết sức viên mãn của *Hai chị em* có vẻ như là sự sắp xếp từ đầu của người viết, nhưng xem xét cả quá trình của hiện thực đời sống thì đó lại là quy luật tất yếu. Cuộc đấu tranh của nhân dân Lào được thể hiện trong hai hình tượng, 2 chị em sinh đôi. Vông Phăn và Vông Phết, hai người hai chiến tuyến nhưng cuối cùng sẽ đoàn tụ, trở về trong một chiến tuyến chống ngoại xâm. Ngay cái kết thúc có hậu trong truyện thơ nổi tiếng *Xỉn Xay*, một sự mở nút để giải quyết tình huống hết sức đặc biệt: Nàng Xu-mun-tha tái hợp với quỷ Kum-phăn, Nàng Xi-đa-chăn sống cùng chúa Nok, một sự tái hợp giữa người và quỷ có thể giải thích được bằng những năm tháng sống hạnh phúc cũng như tình yêu của chúa quỷ dành cho Xu-mun-tha và chúa Nok dành cho Xi-đa-chăn. Đây là sự phân tích tinh tế, khéo léo tuân thủ logic cuộc sống đã tạo nên cách giải quyết tình huống hợp lý như vậy.

Kế thừa và đổi mới tính tự sự trong thể loại truyện thơ trên những bình diện chủ yếu như kết cấu, cốt truyện và xử lý tình huống, văn xuôi hiện đại

Lào đã thu được những thành tựu nhất định trên tiến trình dân tộc hoá và hiện đại hoá.

3.3.3. Kế thừa và đổi mới tính trữ tình

Trữ tình theo nghĩa Hán Việt là bày tỏ, bộc lộ tình cảm. Các nhà nghiên cứu văn học châu Âu coi trữ tình như một thể loại văn học phi hành động, nghĩa là không có tình tiết, cốt truyện. Hegel cho rằng: quan trọng nhất trong tự sự là sự kiện, trong thơ trữ tình là tâm trạng của chủ thể, trong kịch là hành động.

Là thể loại thuộc phương thức tự sự với đầy đủ đặc trưng của nó nhưng truyện thơ với tất cả sự kiện, chi tiết, tình huống cho đến cốt truyện đều được thể hiện bằng thơ, những lời thơ thấm đẫm chất trữ tình. Do vậy, truyện thơ thực hiện một cách đầy đủ chức năng của phương thức trữ tình là bộc lộ tâm trạng, cảm xúc bằng ngôn ngữ hàm súc và giàu hình ảnh.

Trong truyện thơ Đông Nam Á nói chung và truyện thơ Lào nói riêng đều có những đoạn trữ tình ngoại đề, thường là những đoạn mở đầu hay kết thúc tác phẩm. Mở đầu truyện thơ *Xỉn Xay*. Peng Khăm viết:

Quá tuyệt vời, uy phong lừng lẫy

Là Đức Phật đỉnh cao của lý trí

Tiêu biểu là 3 viên ngọc quý

Quỳ lễ trước pho kinh Đức Phật

Công ơn người hàng ngày thờ phụng...[1]

Văn xuôi hiện đại Lào trong một số tác phẩm tác giả đi ra ngoài cốt truyện, dừng lại bày tỏ cảm xúc bằng những đoạn trữ tình ngoại đề. Xỉ-nọi của Khăm-liêng Phôn-xê-na là một ví dụ tiêu biểu. Qua nhân vật Chan Phệt-cơ sở của các chiến sĩ Ít-xa-la, tác giả trình bày nhiều đoạn khá dài về lý luận cách mạng, về vai trò của quần chúng nghèo khổ trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Đây là một đoạn trữ tình ngoại đề phần nào làm lỏng lẻo cốt truyện:

"Cách giải quyết đúng đắn nhất, thiêng liêng nhất là phải thay đổi cả xã hội. Muốn thay đổi xã hội phải làm cách mạng giải phóng dân tộc, đem lại quyền dân chủ cho nhân dân. Trước hết phải đánh đuổi bọn thực dân Pháp ra khỏi đất nước..."

Tính trữ tình trong văn xuôi hiện đại không chỉ thể hiện khi tác giả bộc lộ tình cảm bằng những đoạn trữ tình ngoại đề mà nó thấm vào trong cốt truyện, trong sự kiện, hành động tạo nên chất men say cho người đọc. Văn xuôi, đặc biệt là tiểu thuyết phải tổng hợp vào nó yếu tố trữ tình, có nghĩa là khi miêu tả, tác giả phải đi sâu vào thế giới tâm hồn, thể hiện dấu ấn

[1] *Xỉn xay*, Bản dịch chép tay của Đinh Kim Cương, Tư liệu bộ môn Văn học phương Đông, khoa Văn học..

của cái tôi cá nhân của chủ thể nhà văn. Tính trữ tình trong văn xuôi chính là chất thơ của tác phẩm.

Tính trữ tình, tạo cho tiểu thuyết một chất men say, một thứ "mật ong óng ánh", nó đem đến cho độc giả những tình cảm tươi tắm, tha thiết đối với con người, đối với cuộc sống quê hương đất nước. Tính trữ tình làm nên chất lãng mạn, thơ mộng không chỉ để đi sâu vào tâm hồn người đọc mà còn để chắp cánh cho lý tưởng bay bổng, cho hiện thực được mô tả không khô khan mà thêm hương vị ngọt ngào.

Văn xuôi hiện đại Lào đã tiếp thu và đổi mới tính trữ tình từ truyện thơ thể hiện trên nhiều bình diện như mô tả phong cảnh thiên nhiên, ngôn ngữ thiên nhiên, mô tả đời sống hiện thực từ cảm hứng lãng mạn kết hợp với cảm hứng anh hùng ca... Nhưng nét nổi bật nhất là từ cảm hứng trữ tình phong cảnh thiên nhiên, các tác phẩm văn xuôi đã thể hiện một tình yêu quê hương đất nước sâu đậm. Truyện thơ Lào nói riêng và thơ ca Lào nói chung rất giàu chất thơ, chất trữ tình. Có lẽ tạo hoá đã ban tặng cho họ một tâm hồn tình cảm hết sức đặc biệt đối với thiên nhiên. Một đất nước với 2/3 diện tích là rừng núi lại thuộc vùng nhiệt đới gió mùa, nhiều núi cao, rừng rậm, suối sâu đã tạo ra một cảnh sắc kỳ vĩ và nên thơ cho đất nước Triệu voi. Trong truyện thơ Lào không tác phẩm nào là không miêu tả thiên nhiên, gắn thiên nhiên với

trạng huống tình cảm, tâm lý của con người. Thú đi rừng (đơn đông) của người Lào đã tạo nên một sắc thái văn hoá, một đời sống tâm hồn rất Lào, độc đáo nhất ở khu vực Đông Nam Á. Truyện thơ *Xỉn Xay* sẽ không thể trở thành một kiệt tác, một tác phẩm "cổ điển", đỉnh cao của nền văn học dân tộc nếu thiếu đi những đoạn thơ miêu tả cảnh "đơn đông". Bằng một ngôn ngữ Lào nhuần nhuyễn, với những câu thơ điêu luyện, những đoạn thơ tả cảnh đi rừng trở thành mẫu mực của thơ ca Lào: Đây là đoạn tả cảnh Xỉn Xay và con ốc Xắng Thoong trên đường trèo đèo lội suối đi cứu cô Xu-mun-tha.

Bìm bịp kêu thua hót giữa rừng Lau
Nàng vượn trẻ ngân nga tiếng hú
trời về chiều lộng gió, núi cao
Áng mây bay như ngựa phi nước đại
... Núi rừng ơi tầng tầng lớp lớp
Muôn hoa nở hương thơm ngào ngạt
Say ngắm hoa cum cái, kim na ri...

Một đoạn tả thiên nhiên khác trong *Xỉn Xay*:

Nghe gió thổi nơi đầu cành ngọn lá
Xua tan mây thấy trời sao lấp lánh
Sáng đường đi như ánh đuốc soi đường

Ánh trăng sáng tỏa khắp muôn nơi

Mờ rồi tỏ lan sang núi Xạn..."[1]

Và một đoạn tả thiên nhiên trong truyện thơ *Ca la kệt*

Rừng đại ngàn mênh mông rộng lớn

Thấy muôn hoa khoe sắc hé nụ cười

Cây chen cây rừng rậm chạy dài

Bầy chim chóc bay về đây tụ hội[2]

Các nhà văn hiện đại Lào đã kế thừa truyền thống văn học trung đại, đặc biệt là nghệ thuật tả cảnh của truyện thơ, miêu tả những cảnh thiên nhiên giàu màu sắc, âm thanh, một thiên nhiên sống động, nên thơ, giàu chất trữ tình, chất lãng mạn gắn với âm hưởng anh hùng ca của thời đại. Ở phương diện này, Khăm-liêng Phôn-xê-na là tiểu thuyết gia tỏ ra sắc sảo trong những trang viết về thiên nhiên gắn với tâm trạng của nhân vật. Trong *Tình yêu*, tác giả đã tả cảnh thiên nhiên đầy màu sắc, âm thanh khi Phả - nhân vật chính của tiểu thuyết trên đường đi công tác: "Mỗi bông hoa trang điểm cho cảnh thiên nhiên vốn nên

[1] Xay-nhạ-xản Sukhanthakhaty, Truyền thống và cách tân trong văn học hiện đại Lào, Luận án tiến sỹ ngữ văn, Đại học sư phạm Hà Nội, H. 1999, tr 34.

[2] Xay-nhạ-xản Sukhanthakhaty, Truyền thống và cách tân trong văn học hiện đại Lào, Luận án tiến sỹ ngữ văn, Đại học sư phạm Hà Nội, H. 1999, tr 34.

thơ càng nên thơ thêm. Cảnh nên thơ tươi đẹp dường như chỉ dành riêng để chào đón Phả. Phả đi trên cánh rừng đầy đá hoa cương màu đỏ, trên đầu là các loài hoa đoọc chit, đoọc hăng và đoọc canhom xòe nở khắp cả cánh rừng, hoa trắng xen hoa vàng hoà lẫn trong màu đỏ của đá hoa cương... Thiên nhiên bao la đầy sắc hoa sặc sỡ muôn màu ngào ngạt hương trong gió thoảng nhẹ, con ong làm mật tham lam bay hết hoa này đến hoa khác, vụng về đánh rơi những cánh hoa biến tấm thảm đỏ đá hoa cương thành tấm thảm hoa đỏ, trắng, vàng toả hương thơm ngát khắp rừng. Lòng Phả dạt dào niềm vui"[(1)].

Thiên nhiên xuất hiện với vẻ đẹp nên thơ, lãng mạn cùng với tâm trạng phơi phới của Phả. Thường thì phong cảnh thiên nhiên chỉ xuất hiện khi tâm trạng nhân vật có nhiều điều khó bộc lộ, trong những tình huống buồn, vui, gặp gỡ, chia ly, lo lắng, đợi chờ. Thiên nhiên nói hộ lòng người, nói lên sự thay đổi của tâm trạng, tính lưu chuyển của đời sống nội tâm con người. Nếu như đoạn văn trên, miêu tả một quang cảnh thiên nhiên đẹp, đầy màu sắc, thú vị gắn với một tâm hồn tràn đầy sức sống thì đoạn tả dưới đây của Khăm-liêng trong tiểu thuyết *Xỉ-nọi* ta bắt gặp một tâm trạng buồn thương đầy xúc động trước sự hy sinh của Thít No: "Mặt trời đã xuống ở bên kia

[(1)]*Khoam hắc*, Sđd, tr 119-120.

núi. Bóng tối đã che lấp rừng già mênh mông. Những đàn chim từ bờ hồ đã bay về tổ... Bầu trời trong xanh màu biển đầy những ngôi sao. Những con dơi, con quạ bay qua bay lại, tất cả hình như đến viếng người anh hùng này. Những bông hoa rừng đã đón những ánh nắng chiều yếu ớt đang rũ xuống đất toả mùi thơm khắp vùng, như đang đứng mặc niệm một chiến sỹ đã hy sinh vì đất nước" (tiểu thuyết Xỉ-nọi)

Thiên nhiên trong sáng tác của Khăm Liêng hiện ra như một đối tượng thẩm mỹ hết sức quan trọng. Hình tượng bông hoa "đoọc xởn" nhiều lần xuất hiện trong Xỉ-nọi gắn với những sắc thái tình cảm và dụng ý nghệ thuật khác nhau. Khi người bố Pho-xa-lỳ đến thăm đứa con út Xỉ-nọi của mình đã bị bán cho em gái của lý trưởng Mủi, hình tượng "đoọc xởn" hiện lên nói hộ tâm trạng nhân vật: "Hình như khuôn mặt của Xỉ-nọi tái xanh và héo đi. Nước mắt tràn qua gò má, Pho-xa-lỳ nhìn con lại nghĩ đến hình ảnh bông hoa "đoọc xởn" ở cạnh cầu thang nhà ông cũng đang tàn héo, ủ rũ, những cánh hoa rơi xuống khi gió thổi..."(tiểu thuyết Xỉ-nọi)

Kết thúc tiểu thuyết, lại hình tượng "đoọc xởn" xuất hiện, không phải bông hoa tàn úa hiu hắt mà là một bông hoa tươi đẹp mặc dù bị bom Pháp thiêu đốt. "Ngôi nhà tre, lá bị cháy trụi, chỉ còn sót lại một cây "đoọc xởn" mà Thít No đã trồng ở chân cầu thang,

cành lá tươi xanh cùng với bông hoa chúm chím màu trăng trắng tỏa hương thơm khi đã bị cụt đi gần hết".

Hai anh em mồ côi không còn gì ngoài một cây hoa"đoọc xởn"đang toả hương thơm như muốn chào tạm biệt họ. Khăm Đẻng cởi khăn buộc lưng, lau nước mắt cho em, cầm tay dắt em lặng lẽ đi khỏi nhà trong sắc màu và hương vị của hoa "đoọc xởn" quyện với mùi khói bom (tiểu thuyết Xỉ-nọi).

Hình tượng thiên nhiên xuất hiện khi tâm hồn con người cần thổ lộ biểu hiện mà không nói được bằng lời, có khi nhân vật nhớ về quá khứ bằng những bức tranh phong cảnh thiên nhiên thật cụ thể, sinh động. Thiên nhiên xuất hiện trong tiểu thuyết của Xu-văn-thon không nhiều, nhưng khi cần bộc lộ tính trữ tình, cảm hứng lãng mạn, tác giả đều mô tả thiên nhiên. Đây là đoạn Nang Mạ (một tên khác của Vông Phăn khi vào Viêng Chăn hoạt động bí mật): "Ánh đèn trong phòng ngủ của Nang Mạ đã tắt từ lâu nhưng cô chưa ngủ được. Cô vắt tay lên trán nghĩ đến họ hàng thân thích và các đồng chí, bạn bè ở vùng giải phóng. Cô là người sinh ra và lớn lên ở miền nông thôn. Những tiếng ru của thiên nhiên từ trên những chòi canh nương rẫy, đồng ruộng qua 4 mùa; tiếng sấm sét cùng tiếng mưa đổ dồn, tiếng ếch nhái ễnh ương trên cánh đồng, tiếng thác nước đổ, tiếng hươu nai trong đêm khuya, tiếng vượn hót trong mùa lúa

chín vàng ngập cánh đồng đều thân thuộc đối với cô. Cùng với những âm thanh đó thì phong cảnh rừng núi nở đầy các loại hoa rừng, đủ màu sắc và những cây rừng thay lá non theo từng mùa trong năm thành từng khoang xanh đậm nhạt chen lấn nhau trên sườn núi như muốn cùng hoà nhịp với nhau... Tất cả những cái đó ở quê hương cô đang nổi bồng bềnh trong trí óc cô"[1].

Từ cảm hứng trữ tình về thiên nhiên tươi đẹp và hùng vĩ, các tác phẩm văn xuôi đã thể hiện tình cảm yêu nước nồng nàn. Bun Mi - chiến sỹ giải phóng nhìn núi non trùng điệp "Cảm thấy, nơi đây giống như ở trong truyện *Xỉn Xay*, truyện cổ tích của dân tộc Lào mà mẹ đã kể cho nghe từ ngày còn bé dại.

Vông Phết sau khi vào vùng giải phóng "chân đất", lột xác trở về với chính nghĩa cảm nhận thiên nhiên vừa đẹp vừa hùng vĩ lại vừa có một sức mạnh phi thường như con người Lào không hề khuất phục trước kẻ thù". Vông Phết ngẩng lên nhìn về phía xa xăm thấy bầu trời xanh thẳm, thấy suối chảy và thác đổ ầm ầm từ trên núi cao xuống, bọt nước tung lên thành những cuộn mây trắng bay là là trên sườn núi qua những đám nương rẫy nối tiếp nhau của đồng bào Lào Thơng, Lào Xủng. Khói trắng như bông tỏa ra từ những chòi canh nương rẫy bay trên những đám

[1] Xu-văn-thon. *Hai chị em*, Nxb Phụ nữ, H, 1978, tr 170.

lúa xanh rờn. Những cảnh đẹp đẽ, hùng vĩ đó như có một sức mạnh phi thường không hề chịu khuất phục trước một sự tàn bạo nào"[1].

Một tình cảm lớn quán xuyến trong các tác phẩm văn xuôi hiện đại Lào là tình yêu quê hương đất nước. Tình cảm đó trước hết bắt nguồn từ cảm hứng về thiên nhiên. Thiên nhiên trở thành một đối tượng thẩm mỹ, xuất hiện trong văn học từ cổ chí kim, đặc biệt nổi bật trong các truyện thơ Lào.

Vào nửa cuối thế kỷ XIX, đặc biệt là khi Lào bị thực dân Pháp xâm lược (1893), thể loại truyện thơ cơ bản không còn tồn tại nữa. Những tác động và ảnh hưởng của nó đối với tiến trình văn học dân tộc Lào nói chung và thể loại văn xuôi hiện đại nói riêng thì hết sức to lớn. Tìm hiểu cội nguồn của văn xuôi hiện đại trong tiến trình phát triển, ngoài những yếu tố từ nền văn học dân gian, thì truyện thơ là yếu tố cấu thành quan trọng của sự hình thành và phát triển văn xuôi hiện đại Lào.

Nhìn chung, tiến trình phát triển của văn xuôi hiện đại cơ bản diễn ra theo xu hướng lớn sau đây: văn xuôi hiện đại đã kế thừa, tiếp thu những giá trị của văn học viết trung đại từ nội dung tư tưởng đến những vấn đề của thể loại, dần dần vượt ra khỏi thủ pháp của văn học trung đại, bám sát hiện thực đời

[1] Xu-văn-thon. *Hai chị em*, Sđd, tr 164.

sống, phản ánh những đặc điểm lớn của cuộc chiến tranh cách mạng Lào, thể hiện khát vọng giải phóng của quần chúng nhân dân. Đó là xu hướng văn học đi từ chủ nghĩa yêu nước chống ngoại xâm đến tư tưởng đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, từ tư tưởng từ bi "loại trừ cái Ác, bảo vệ cái Thiện" của đạo Phật đến cuộc đấu tranh xã hội. Văn xuôi hiện đại đã tiếp thu ở thể loại truyện thơ trên 2 bình diện cơ bản tính tự sự và trữ tình, từng bước đổi mới nội dung và hình thức của thể loại từ kết cấu đơn tuyến đến đa tuyến, từ cốt truyện sự kiện, hành động đến cốt truyện tính cách và tâm lý, từ cảm hứng trữ tình thiên nhiên đến tình yêu Tổ quốc... Đây là xu hướng vừa kế thừa có chọn lọc vừa phát huy vốn văn học truyền thống để không ngừng đổi mới, hiện đại hoá nền văn xuôi non trẻ nhưng đầy triển vọng.

Chương 4

ĐỔI MỚI THỂ LOẠI VĂN XUÔI THEO HƯỚNG DÂN TỘC HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

1. Vấn đề dân tộc hóa và hiện đại hóa trong văn học

Dân tộc và hiện đại là một cặp phạm trù không chỉ thể hiện những thuộc tính, bản chất của văn hoá nói chung mà còn thể hiện sự phát triển có tính tất yếu của văn học nói riêng.

Dân tộc hoá và hiện đại hoá là con đường xây dựng và phát triển một nền văn học nghệ thuật chân chính vừa đậm đà bản sắc dân tộc, vừa hoà nhập và tiếp biến với khu vực và thế giới. Một nền văn học, một giai đoạn, thời kỳ văn học hay một tác gia tác phẩm văn học có giá trị bao giờ cũng gắn bó hữu cơ với dân tộc, thể hiện tính dân tộc, nhưng đồng thời trong những thời đại, hoàn cảnh cụ thể, lại có ảnh hưởng ra bên ngoài, thể hiện xu thế phát triển của thời đại, do đó, nó mang tính hiện đại nhất định.

Không phải đến tận bây giờ, khi nhân loại đã bước vào thiên niên kỷ mới, thế giới là một ngôi nhà chung mà đặc điểm nổi bật của thời đại là tính chất

khu vực hoá và toàn cầu hoá đang tạo ra sự giao lưu, tiếp xúc rộng rãi giữa các nền văn hoá dân tộc, người ta mới đặt vấn đề tìm hiểu tính dân tộc và hiện đại, tìm hiểu con đường dân tộc hoá và hiện đại hoá của các nền văn hoá dân tộc. Thực ra, vấn đề dân tộc hoá và hiện đại hoá, vấn đề giao lưu và tiếp biến văn hoá - văn học đã được đặt ra từ lâu.

Từ năm 1827, Đại thi hào Đức, Goethe đã tiên đoán xu thế giao lưu, hội nhập giữa các nền văn hoá - văn học sẽ xảy ra và sẽ có một nền "Văn học toàn thế giới" xuất hiện. Đến năm 1848, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* Mác và Ăng Ghen đã có những dự báo hết sức sáng suốt chỉ rõ đặc trưng và bản chất của thời đại thế giới hoá, toàn cầu hoá đang diễn ra như hiện nay. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã khẳng định sự ra đời của một nền văn học toàn thế giới: "Thay cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và dân tộc vẫn tự cung tự cấp, ta thấy phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc. Mà sản xuất vật chất đã như thế thì sản xuất tinh thần cũng không kém như thế. Những thành quả của hoạt động tinh thần của một dân tộc trở thành tài sản chung của tất cả các dân tộc. Tính chất đơn phương và phiến diện dân tộc ngày càng không thể tồn tại được nữa. Và từ những nền văn học dân tộc và địa phương muôn hình muôn vẻ đang

nảy nở một nền văn học toàn thế giới[1]. Nền văn học toàn thế giới mà Gớt đã tiên đoán và Mác, Ăng-Ghen khẳng định hoàn toàn không phải là sự thao tác đơn giản của tổng số hàng chục nền văn học khu vực và châu lục hay hàng trăm nền văn học của các quốc gia - dân tộc mà đó là một nền văn học thế giới phát triển trong xu thế tác động, ảnh hưởng lẫn nhau, thể hiện tính cộng đồng trong giao lưu, tiếp xúc, trong sự giao thoa cộng hưởng thẩm mỹ giữa các nền văn học với nhau. Vì vậy, luận điểm về *"một nền văn học toàn thế giới"* của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác nêu ra từ giữa thế kỷ XIX là một luận điểm cực kỳ quan trọng, khẳng định một trong những thuộc tính hàng đầu của văn hoá, văn học là giao lưu và tiếp biến. Giao lưu, tiếp biến văn hoá văn học, do đó là một hiện tượng phổ biến, là một qui luật tất yếu của sự tồn tại và phát triển văn hoá văn học.

Như vậy, vấn đề dân tộc và hiện đại, con đường dân tộc hoá và hiện đại hoá như một thuộc tính thể hiện bản chất của văn học đã được đặt ra từ vài thế kỷ trước. Nhưng có điều, đến thế kỷ này, nhân loại đang sống trong thời đại toàn cầu hoá và xây dựng nền kinh tế tri thức thì nó lại trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. "Trong thời đại hiện nay, khi vấn đề toàn cầu hoá và kinh tế tri thức đã trở thành một xu thế phát

[1] C. Mác. Ph Ăngghen. *Toàn tập (Tập 4),* Nxb Chính trị quốc gia, H.1995, tr 602.

triển tất yếu của nhân loại, xuất hiện một nền văn minh mới thì vấn đề dân tộc và hiện đại được đặt ra một cách gay gắt hơn, bức thiết hơn và nhất là có sự thử thách lớn hơn bao giờ hết. Vấn đề dân tộc và hiện đại không còn là việc riêng của mỗi nền văn hoá nghệ thuật dân tộc, đã trở thành vấn đề của toàn cầu, mang ý nghĩa thời đại, tạo ra một cuộc đấu tranh mới về ý thức hệ nhằm xây dựng và phát triển nền văn hoá nghệ thuật theo hướng tiến bộ phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại"[(1)].

Như đã nói ở phần mở đầu, Lào là một quốc gia nằm sâu trong lục địa, địa hình chủ yếu là rừng núi, không có biển. Do đó, người Lào tiếp xúc và giao lưu với thế giới bên ngoài là rất khó khăn và chậm muộn. Mặt khác, tính cách người Lào lại hồn hậu, thuần phác, giản dị, chậm thay đổi. Một học giả phương Tây nhận xét về họ "... tôn trọng mọi chúng sinh, nhân từ đến mức khoan dung một cách kỳ lạ, có đức tin sâu sắc nhưng không dụ người khác vào đạo (vì tôn trọng ý kiến người khác) nhưng cũng không muốn thay đổi, có tính cá nhân chủ nghĩa (mỗi người phải tìm cho mình một con đường giải thoát) nhưng cũng thường lãnh đạm với người khác, không thiết gì, lờ

[(1)] Thành Duy, "Vấn đề dân tộc và hiện đại của văn hóa nghệ thuật trong thời đại toàn cầu hóa và phát triển kinh tế tri thức". Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, số 12-2000, tr 90-94.

đờ..."[1]. Trong câu cửa miệng, người Lào nhận xét về họ "Khôn Lao mặc muồn, khòi khòi hến, khòi khòi pay" (Người Lào thích vui, từ từ mà nhìn, từ từ mà đi) "Má hàu cò hàu, khôn pay cò pay" (chó sủa mặc chó, đoàn người cứ đi). Lối sống của người Lào cơ bản bị quy định bởi những nề nếp theo mùa vụ thông thường hàng ngày của một đời sống nông nghiệp tự cung tự cấp. Những thay đổi đột ngột, đảo lộn mau chóng tỏ ra trái với tính cách người Lào.

Những đặc điểm văn hoá trên đây lý giải vì sao nền văn xuôi hiện đại Lào lại ra đời chậm chạp nhất so với các nước trong khu vực. Cũng vì vậy, vấn đề đổi mới về thể loại văn xuôi theo hướng dân tộc hoá, hiện đại hoá là một vấn đề hết sức khó khăn đối với Lào. Tuy nhiên, về phương diện nghệ thuật, văn xuôi Lào đã bước đầu có sự đổi mới theo hướng hiện đại thể hiện trên nhiều mặt như nghệ thuật trần thuật, điểm nhìn trần thuật, giọng điệu kể chuyện, không gian thời gian nghệ thuật...

3.2. Đổi mới về nghệ thuật tự sự trên một số phương diện chủ yếu

Như đã phân tích ở các chương trên, văn xuôi hiện đại Lào đã kế tục và phát triển những vấn đề trước đây văn học truyền thống quan tâm như tinh

[1] Georges Condominas, *Không gian xã hội vùng Đông Nam Á*. Nxb Văn hóa, H.1997, tr.181-182.

thần yêu nước, chủ nghĩa nhân văn, tư tưởng nhân đạo. Đồng thời, các nhà văn đã dùng đạo đức phật giáo và triết lý dân gian để giải quyết những vấn đề mới nảy sinh của thời đại như vấn đề dân sinh, dân chủ, khát vọng đấu tranh giải phóng... Về thi pháp, văn xuôi hiện đại sử dụng nhiều yếu tố thi pháp vốn được sử dụng trong thể loại tự sự trung đại từ kết cấu, cách xây dựng nhân vật đến ngôn ngữ và giọng điệu trần thuật... Truyền thống tự sự trung đại rõ ràng là rất quý báu nhưng so với tiêu chí hiện đại nó không thể đáp ứng được đòi hỏi của một nền văn xuôi trên đường hiện đại hoá. Kiểu kết cấu đơn tuyến, cốt truyện sự kiện thời gian tuyến tính, trần thuật "thật thà như chú voi con" trở thành một nhược điểm của nghệ thuật tự sự văn xuôi hiện đại.

Văn xuôi hiện đại Lào đã tiếp nhận nhiều yếu tố (cả nội dung và nghệ thuật) từ văn học nước ngoài. Nhưng thực tế đời sống và truyền thống văn học dân tộc đã quy định và chi phối quá trình tiếp thu văn học Đông Tây. Một nền văn học truyền thống mà truyện thơ là thể loại chủ yếu, một công chúng văn học mà "miền thẩm mỹ" không phải là đô thị mà nông thôn là chủ yếu lại coi đạo Phật là quốc giáo thì vấn đề dân tộc và hiện đại trong nền văn xuôi quả là một vấn đề nan giải. Trong nền văn xuôi hiện đại Lào, ta thấy xuất hiện quá ít loại tiểu thuyết số phận và tính cách,

thời gian nghệ thuật tâm lý, nhân vật được khai thác ở nhiều chiều kích khác nhau...

Những biểu hiện đổi mới về nghệ thuật tự sự theo hướng hiện đại hoá nền văn học chỉ xảy ra trên một số phương diện ở một số tác phẩm, một số tác giả, chưa trở thành một xu hướng phổ biến đối với tất cả các nhà văn. Dù sao đây cũng là những tín hiệu đáng mừng về một nền văn xuôi non trẻ đang trên đường hoà nhập với trào lưu của văn học khu vực.

3.2.1. Chuyển dịch điểm nhìn

Với kiểu tự sự thì trần thuật là một phương diện cơ bản, đóng vai trò quan trọng ngay từ khâu tổ chức bố cục, kết cấu tác phẩm. "Bố cục của trần thuật hình thành với sự triển khai cái nhìn, đan cài, phối hợp, luân phiên các điểm nhìn". Điểm nhìn trần thuật thể hiện mức độ can thiệp của tác giả vào các sự kiện được miêu tả. Người kể chuyện cùng có thái độ khách quan thì câu chuyện càng tự nhiên, đáng tin cậy, bảo đảm tính hợp lý, gần gũi với đời sống. Trong một tác phẩm tự sự, điều quan trọng là tương quan giữa các nhân vật với chủ thể trần thuật hay nói cách khác là điểm nhìn của người trần thuật với những gì mà nhà văn miêu tả[1]. Trong lịch sử văn học thế giới, từ thế kỷ XIX trở về trước người ta thường sử dụng

[1] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi. *Từ điển thuật ngữ văn học.* Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, H.1997, tr.198.

kiểu trần thuật khách quan "là câu chuyện do một người ở ngôi thứ ba biết hết sự việc kể lại từ đầu đến cuối". Nhà văn ở địa vị "Đức chúa toàn năng biết hết tất cả". Bước sang thế kỷ XX, cùng với kiểu trần thuật "biết hết" trên, người ta bắt đầu sử dụng kiểu trần thuật phi tụ điểm, có nghĩa là câu chuyện không chỉ do một người kể mà do nhiều nhân vật kể lại. Sự thay đổi trong nghệ thuật tự sự từ thời gian hình tuyến đến thời gian đồng hiện, từ kết cấu đơn tuyến đến kết cấu đa tuyến từ cốt truyện sự kiện, hành động đến cốt truyện tính cách, tâm lý rõ ràng không thể sử dụng kiểu trần thuật do một người biết hết sự việc kể lại ngọn ngành mà phải sử dụng lối trần thuật các ngôi khác nhau do các nhân vật trong tác phẩm đảm nhiệm. Trần thuật có lúc biến thành dòng độc thoại nội tâm, hay "dòng ý thức".

Văn xuôi hiện đại Lào tuy chưa thịnh hành lối trần thuật chuyển dịch điểm nhìn nhưng những dấu hiệu của quá trình đổi mới nghệ thuật trần thuật đã xuất hiện ở một vài tác giả, một số tác phẩm.

Tiểu thuyết 3 tập *Hai chị em* của Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông là một tác phẩm tiêu biểu cho lối trần thuật này. Ở đây rõ ràng là chính Xu-văn-thon - tác giả của cuốn tiểu thuyết viết ra toàn bộ câu chuyện. Nhưng Xu-văn-thon đã sử dụng lối kể chuyện với nhiều chủ thể, có khi tác giả, với tư cách là người

dẫn chuyện tạo một khoảng cách sử thi tôn kính giữa nhân vật và chủ thể trần thuật, có khi ở ngôi thứ ba nhưng sự trần thuật có sự hoà nhập song trùng với chủ thể, khoảng cách giữa người trần thuật và nhân vật gần như bị thủ tiêu, điểm nhìn của cả hai phía hoà làm một, các nhân vật trong truyện "tiếp sức" nhau kể lại câu chuyện. Ở tập 1 của tiểu thuyết *Hai chị em*, chúng ta có thể thấy rõ lối tường thuật với nhiều chủ thể tiếp sức cùng kể lại các sự kiện, biến cố. Vào phần I, Vông Phăn (người em) cùng đội tiếp vận đi nhờ xe của Trung uý Xẻn và chiến sỹ Pheng từ chiến trường về hậu cứ. Xe bị máy bay Mỹ oanh tạc, nhưng họ đã mưu trí đánh lạc hướng máy bay về hậu cứ an toàn. Suốt trên chuyến xe, Vông Phăn đã được nghe Xẻn kể lại câu chuyện Bun Mi (người yêu) anh dũng chiến đấu có thể bị địch bắt hoặc đã bị hy sinh. Sang phần II, Vông Phết (người chị) một phóng viên đài phát thanh của lực lượng trung lập cũng trên một chuyến xe đi nhờ để nghỉ phép từ Viêng Chăn đến Kìu cạ chăn. Chiếc xe của Trung uý Tạc chỉ huy đội biệt kích địch đang chở tù binh Bun Mi. Địch vào bản Mẽo càn quét bị lực lượng quân giải phóng bắt, Vông Phết lái xe chở Bun Mi đang bị cùm chạy trốn, rồi xe chết máy, Vông Phết cởi trói cho Bun Mi chữa xe. Bun Mi đưa Vông Phết vào vùng giải phóng. Trên xe, Bun Mi đã kể cho Vông Phết nghe những câu chuyện về người em của cô là Vông Phăn. Đến phần III,

Vông Phết có ý định chạy trốn, nhưng được tiếp xúc với các chiến sĩ giải phóng cô dần dần cảm phục. Cô hồi tưởng về gia đình, sự chia ly của hai chị em sinh đôi mỗi người một ngả trong chiến tranh. Cô đang không biết được bố, mẹ và các em thế nào thì chính Bun Mi lại kể lại cho Vông Phết nghe về gương chiến đấu anh dũng quả cảm của Vông Phăn và cuộc sống của gia đình trong vùng giải phóng, đặc biệt là người bố yêu quý của cô vẫn còn sống, không như lời đồn đại của lực lượng trung lập ở Viêng Chăn. Phần IV, kể lại cuộc chiến đấu của tiểu đội nữ tiếp vận do Vông Phăn chỉ huy bị địch bao vây. Vông Phăn bị địch bắt. Vông Phăn đối mặt với tên đại uý tâm lý chiến Xỉng Thong (người tình của vông Phết). Tên Đại uý Xỉ Xúc trực tiếp lấy cung Vông Phăn. Vông Phăn được nghe về câu chuyện tình cảm của chị mình là Vông Phết với Xỉng Thong qua lời kể của các viên sĩ quan địch. Phần V, Vông Phết suy nghĩ và thầm yêu Bun Mi. Bun Mi được tin Vông Phăn bị bắt, anh đang nhớ về những kỷ niệm êm đẹp với Vông Phăn...

Câu chuyện *Hai chị em* cứ đổi chỗ cho nhau với nhiều biến cố được triển khai liên tục không do một người biết hết ngọn ngành trần thuật mà qua nhiều người kể lại. Ở đây, tác giả - người kể chuyện gần như đã di chuyển điểm nhìn trần thuật vào bên trong các nhân vật, các nhân vật trong tác phẩm "tiếp sức"

nhau kể lại diễn biến câu chuyện từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc.

Trần thuật phi tụ điểm đòi hỏi nhà văn phải "nhân vật hoá" để thực hiện vai trò người dẫn chuyện. Với hình thức trần thuật này, một mặt, tác giả thể hiện được tư tưởng, tình cảm, tôn kính ngợi ca đối với đối tượng trần thuật, mặt khác, làm cho nghệ thuật tự sự mới mẻ, sinh động, hấp dẫn người đọc.

2.2. Những biểu hiện đổi mới nhịp điệu trần thuật

Trong văn xuôi tự sự, sự luân chuyển giữa mạch kể và mạch tả phụ thuộc vào các kiểu cốt truyện khác nhau. Với những cốt truyện mà hành động bên ngoài là chủ yếu thì nhịp điệu trần thuật sẽ gấp gáp, dồn dập. Với những cốt truyện mà sự vận động tâm lý bên trong chiếm ưu thế thì nhịp điệu trần thuật sẽ chậm chạp, giãn cách.

Văn xuôi hiện đại Lào xuất hiện cả hai loại cốt truyện trên. Song cốt truyện dựa vào hành động, biến cố, sự kiện chiếm số lượng lớn, còn cốt truyện dựa vào sự vận động tâm lý, cảm xúc bên trong xuất hiện chỉ ở một số tác phẩm và ít tác giả.

Yếu tố quan trọng nhất trong mạch trần thuật của loại cốt truyện mà hành động bên ngoài chiếm ưu thế là nghệ thuật kể và tả. Tác giả phải liên tục kể các tình tiết, sự kiện, biến cố, tả các hoàn cảnh, tính

cách, do đó nhịp điệu trần thuật thường nhanh, dồn dập để theo kịp diễn biến của các sự kiện, biến cố, các hành động của các nhân vật. Dòng trần thuật của tác phẩm có thể chỉ dựa trên một biến cố, hoặc có thể trên một chuỗi biến cố liên tiếp xảy ra của hiện tại. Câu chuyện kể rất ít khi dừng lại thời gian hồi tưởng, hối cố sự việc, suy tư làm giãn cách mạch trần thuật. Hầu hết các truyện ký Lào viết về chiến tranh đều sử dụng kiểu trần thuật với nhịp điệu nhanh, dồn dập với một biến cố xảy ra trong hiện tại *(Chiến đấu bảo vệ thành phố Thà Khẹc, Sóng sông Mê Công, Xay xạ nạ, Trận mưa cuối mùa, Trên đường phố Viêng Chăn...)*

Chiến đấu bảo thành phố Thà Khẹc được Xingcapo Khốt chunnamaly trần thuật với nhịp điệu hết sức dồn dập, gấp gáp dựa vào sự kiện thực dân Pháp nổ súng tấn công thành phố Thà-khẹc, mở màn cho sự xâm lược của Pháp lần thứ 2 đối với Lào. Cuộc chiến đấu của nhân dân Thà-khẹc diễn ra hết sức khẩn trương, căng thẳng, quyết liệt với nhiều tình tiết xảy ra giữa ta và địch trong vòng một ngày. Câu chuyện được kể lại hầu như không có một thời khắc nào dừng lại để suy tưởng, mạch trần thuật không hề bị gián cách bởi sự phân tích, hay giải thích của người tường thuật.

Sóng sông Mê Công mô tả cuộc vượt sông ban đêm ở trong vùng địch kiểm soát của 2 chiến sỹ giải

phóng Lào trong một tình huống hết sức gấp gáp, khẩn trương, không thể chậm trễ: phải chuyển gấp tài liệu bí mật cho chỉ huy mặt trận trước khi trời sáng. Khăm-ma Phôm-cong đã chọn một tình huống có sức dồn nén, đặt nhân vật vào một hoàn cảnh đặc biệt và với nhịp điệu trần thuật nhanh, dồn dập, tác phẩm đã thể hiện được tinh thần anh dũng, sự mưu trí quyết đoán của các chiến sỹ giải phóng Lào quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ dù hoàn cảnh chiến đấu có gay go căng thẳng đến mức nào.

Về thể loại tiểu thuyết, hai đại diện tiêu biểu với hai phong cách khác nhau cũng thể hiện rõ quá trình vận động và đổi mới nghệ thuật trần thuật trên bình diện nhịp điệu trần thuật: Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông và Khăm-liêng Phôn-xê-na. Tiểu thuyết của Xu-năn-thon nghiêng về miêu tả sự kiện, hành động nên nhịp điệu kể thường nhanh, dồn dập. Ngược lại, sáng tác của Khăm-liêng thiên về miêu tả tính cách, sự kiện không nhiều nên giọng kể không dồn dập, nhịp điệu trần thuật chậm, có sự giãn cách.

Xu-năn-thon là nhà tiểu thuyết sự kiện, ông thường sử dụng kết cấu sử thi, tác phẩm của ông thường dựa vào một sự kiện lịch sử rồi câu chuyện được triển khai trong một chuỗi các biến cố liên tiếp xảy ra, nhân vật trôi trong dòng chảy của nhiều biến cố. Cho nên, nhịp điệu trần thuật luôn dồn dập, khẩn trương.

Tiểu thuyết *Tiểu đoàn Hai* dựa vào một sự kiện lịch sử có thật xảy ra vào thời điểm những năm 60 của thế kỷ XX ở Lào, sự kiện làm rung động lòng người "Tiểu đoàn Hai Pa-thét Lào vượt vòng vây địch thắng lợi", tác giả nối kết một loạt các biến cố dồn dập xảy ra trong quá trình triển khai cốt truyện: các lãnh tụ Neo Lào hắc xạt tham gia chính phủ hoà hợp, rồi bị bắt, rồi vượt ngục thành công, Tiểu đoàn Hai bị bao vây, rồi vượt vòng vây thành công, đảo chính của lực lượng trung lập, liên minh chiến đấu giữa Pa-thét Lào và lực lượng trung lập ở Viêng Chăn...

Tiểu thuyết *Hai bên bờ sông* dựa vào sự kiện "người di tản", thời điểm ở Lào, Mỹ đã "cút" nhưng Nguỵ chưa "nhào", rồi triển khai cốt truyện trên một chuỗi các biến cố, với nhiều tuyến nhân vật xoay quanh sự kiện chính đó...

Với cốt truyện dồn dập xảy ra các biến cố, các nhân vật luôn luôn phải hành động, lựa chọn... thì nhịp điệu kể chuyện rõ ràng không thể chậm rãi, không thể dừng lại để phân tích, triết lý, suy tư, chiêm nghiệm.

Chúng ta thử theo dõi các biến cố xảy ra với nhân vật Ma Ly - vợ của Đại uý Nác trong tiểu thuyết *Hai bên bờ sông* để thấy rõ sự dồn dập của lối trần thuật với một cốt truyện chứa đựng nhiều sự kiện, biến cố, nhân vật luôn luôn phải lựa chọn, hành động trước các

bước ngoặt của cuộc đời. Mở đầu tác phẩm là sự kiện ở Lào ký Hiệp định hoà hợp dân tộc lần thứ III (1973), đế quốc Mỹ đã bắt đầu cút khỏi Lào nhưng lực lượng nguỵ quân nguỵ quyền vẫn ngoan cố chống phá cách mạng, lôi kéo nhiều người Lào "nhẹ dạ cả tin" bỏ quê hương di tản đến "miền đất hứa" Thái Lan, vợ chồng Đại uý nguỵ Nác và Ma Ly chạy sang Thái Lan đã chuốc lấy một cuộc sống nhục nhã. Nác bị vu oan và bị bắt tống giam. Ma Ly trải qua một chuỗi các biến cố: Tên Xổm Chít (người tình cũ) tìm cách chiếm đoạt cô, Ma Ly trốn đến nhà ông cậu, bị cậu đối xử bạc bẽo, tìm đến nhà bạn được cưu mang nhưng tên Xổm Chít quyết tìm cô, cô trốn khỏi nhà bạn, Xổm Chít bị bạn mình giết chết, địch cho rằng Ma Ly giết, truy tìm bắt cô. Được sự giúp đỡ của những Lào kiều ở Thái, Ma Ly vượt sông trở về Lào. Được người giới thiệu đến gặp Bun Nho, tên sỹ quan này tìm cách chiếm đoạt Ma Ly, Ma Ly buộc phải chạy trốn, gặp xe của bộ đội cách mạng về Viêng Chăn. Về đến nhà, bất ngờ gặp Nác, hai vợ chồng đã trải qua một quãng thời gian đầy bất hạnh với biết bao biến cố xảy ra...

Với một cốt truyện chứa đựng nhiều biến cố, nhân vật trải qua nhiều hoàn cảnh, di chuyển trong một không gian rộng lớn, Xu-năn-thon đã tường thuật câu chuyện trong một giọng kể hết sức dồn dập, hầu như nhân vật không có những khoảnh khắc

để suy tư, mạch trần thuật diễn ra liên tục từ đầu cho đến khi kết thúc tác phẩm.

Khác với Xu-văn-thon, Khăm-liêng tập trung mô tả những số phận, tính cách nhân vật trong một hoàn cảnh hẹp, không ôm đồm nhiều sự kiện biến cố, Khăm-liêng cố gắng khắc họa tính cách nhân vật trong một hoàn cảnh điển hình, cho nên tiểu thuyết của Khăm-liêng thường là tiểu thuyết tính cách, cốt truyện đã phần nào dựa vào sự vận động tâm lý, khai thác những cảm xúc bên trong của nhân vật. Vì vậy, nhịp điệu trần thuật trong sáng tác của Khăm-liêng thường đan cài giữa sự dồn dập và chậm rãi, thỉnh thoảng lại có sự giãn cách. Ngoài việc kể và tả, Khăm -liêng đã giãn cách nhịp trần thuật, xen vào đó sự phân tích, đánh giá, người đọc không chỉ chứng kiến câu chuyện mà còn phải suy ngẫm về những vấn đề tác giả đặt ra trong tác phẩm.

Tiểu thuyết *Tình yêu* viết về mối tình trắc trở của đôi nam nữ Phả và Đuông ở mảnh đất cực Nam của Tổ quốc trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Chỉ mấy biến cố xảy ra với Phả: bị ép đi phu, đi tù, rồi trốn tù theo cách mạng, mấy biến cố xảy ra với Đuông: bị ép làm lẽ tên cai đội, rồi buộc phải lấy chồng để chạy trốn một cuộc hôn nhân khi nghe tin Phả hy sinh. Hai người gặp nhau trong ngày hoà bình nhưng không còn của nhau nữa. Tất cả vì chiến tranh. Cốt truyện ít

biến cố, nhân vật dằn vặt tâm lý trước các bước ngoặt của số phận, lối trần thuật chậm rãi, giãn cách, kết thúc không có hậu, tất cả các yếu tố đó buộc độc giả phải suy ngẫm, cùng tác giả khám phá chiều sâu hiện thực và những bí ẩn trong cuộc sống của mỗi số phận con người.

Tiểu thuyết *Xỉ-nọi*, mô tả một không gian hẹp (2 bản làng) một thời gian ngắn (mấy tháng) số nhân vật không nhiều (khoảng mười mấy nhân vật) rất ít sự kiện biến cố, nhưng tác giả đã khắc hoạ được một số nhân vật tương đối điển hình. Nhân vật được "đặc tả" ở cả hành động và diễn biến tâm lý, hoàn cảnh được "cô đặc" có tính điển hình tạo điều kiện cho nhân vật phát triển tính cách. Cùng với những yếu tố trên đã làm nên sự thành công của tác phẩm là một nhịp điệu trần thuật lúc chậm rãi, khi gấp gáp, có khi người kể chuyện tỏ thái độ "lạnh lùng, khách quan", có khi lại biểu hiện dạng tôn kính, thán phục, trang trọng. Đoạn tả cảnh Pho-xa-lỳ - bố Xỉ-nọi đến nhà tên lý trưởng Mủi vay tiền để cứu con đang ốm nặng, nhịp điệu trần thuật khi chậm khi nhanh, giọng điệu trần thuật khi "lạnh lùng" khi "thân thiết". Hoặc đoạn tả cảnh Xỉ-nọi một mình chống lại mụ chủ Mòm Chăn, nhịp điệu trần thuật nhanh mạnh khi kể về sự "bùng nổ" của tính cách khác thường của bé Xỉ, và lại rất chậm rãi khi bé Xỉ gặp anh trai Khăm Đẻng. Nhịp điệu nhanh, chậm, giọng điệu "lạnh lùng, khách

quan" đan cài với một bút pháp hiện thực tỉnh táo, một tấm lòng nhân hậu sâu lắng của tác giả đã làm cho tác phẩm có sức thu hút, lay động độc giả, khiến người đọc luôn luôn phải day dứt, suy ngẫm, cùng tác giả khám phá hiện thực.

Khảo sát sự vận động và đổi mới nghệ thuật trần thuật trong văn xuôi hiện đại Lào theo hướng hiện đại hoá không chỉ ở mấy phương diện điểm nhìn trần thuật, nhịp điệu trần thuật... mà nó còn biểu hiện trong giọng điệu trần thuật, ngôn ngữ trần thuật. Về phương diện ngôn ngữ và giọng điệu trần thuật quả thực văn xuôi Lào chưa có nhiều đổi mới, chưa trở thành một xu hướng ở các tác giả. Do vậy, chúng ta chưa thể khái quát bình diện này trên những tiêu chí của thi pháp học hiện đại.

3. Thời gian và không gian nghệ thuật

Thời gian và không gian là hai phạm trù triết học quy định hình thức tồn tại của thế giới. Nếu như trong hiện thực, thời gian và không gian là hình thức tồn tại của vật chất thì trong văn học, thời gian và không gian là hình thức tồn tại của thế giới nghệ thuật, là phạm trù của hình thức nghệ thuật. Không gian và thời gian trong tác phẩm nghệ thuật chính là hình tượng không gian và hình tượng thời gian được tác giả sáng tạo trong tác phẩm. Nó gắn liền với tư tưởng,

tình cảm mang tính chủ quan của chủ thể sáng tạo. Tìm hiểu những đổi mới của văn xuôi Lào trên đường hiện đại hoá không thể không khám phá những nét đặc trưng về thời gian và không gian mà nhà văn tổ chức và thể hiện trong tác phẩm dẫu đổi mới đó chưa bộc lộ hết các phương diện của thi pháp thể loại tự sự. M.Bakhơtin từng nói: thời gian - không gian là những yếu tố ấn định các dạng thể loại, chi phối cả đặc tính hoạt động con người trong văn học. Hình tượng bao giờ cũng có tính chất thời gian - không gian.

3.1. Thời gian nghệ thuật trong văn xuôi Lào hiện đại

Nếu như ở Việt Nam quan niệm về thời gian nghệ thuật, một đặc trưng cơ bản của thi pháp học không còn xa lạ thì ở Lào, thời gian nghệ thuật còn là một vấn đề mới mẻ trong nền văn học hiện đại. Tuy nhiên, trong một số tác phẩm văn xuôi chúng ta thấy đã xuất hiện một số dạng thức biểu hiện về thời gian nghệ thuật khác nhau, tạo ra những thành công bước đầu về phương diện thi pháp như nhịp độ thời gian tự sự đơn tuyến, thời gian khoảnh khắc và thời gian đồng hiện...

3.1.1. Nhịp độ thời gian tự sự đơn tuyến

Trong nhiều truyện cổ dân gian, trong truyện thơ Lào thời gian tự sự đơn tuyến thường xuất hiện theo một khuôn mẫu thường trực lặp đi lặp lại, chúng ta

có thể mô hình hoá cấu trúc của tác phẩm theo trình tự như sau:

- Mở đầu bằng một tình tiết liên quan đến một nhân vật, giới thiệu lai lịch nhân vật.

- Tiếp theo, nhiều tình tiết khác nối tiếp nhau xuất hiện, nhân vật trải qua nhiều thử thách khó khăn, những phấn đấu gian khổ chống lại các lực lượng tàn ác của thiên nhiên và xã hội, cốt truyện tiếp tục phát triển cho đến khi thắng lợi tất yếu và kết thúc có hậu cũng trên một trục thời gian thuận chiều.

Về cơ bản, thời gian bao chứa và phát triển sự kiện là thời gian vật lý, không đứt quãng và không đảo ngược, dường như chúng bảo lưu khuôn dạng cổ của truyện cổ tích. (Xỉn Xay, Ka-la-kệt đều thuộc khuôn dạng này). Như vậy, ở loại truyện cổ hay truyện thơ thời gian không đóng vai trò quan trọng với tư cách hình tượng nghệ thuật theo quan điểm của thi pháp hiện đại mà chỉ là điểm tựa cho sự kiện diễn biến. Dạng thức này rất phù hợp với thể tự sự theo tiểu sử nhân vật hay tự sự lịch sử.

Văn xuôi hiện đại Lào chịu nhiều ảnh hưởng của kiểu kết cấu thời gian tự sự đơn tuyến nhưng nhịp độ thời gian khác thường trong tác phẩm rõ ràng là một biểu hiện mới mẻ trong nghệ thuật tự sự. Chúng ta thử khảo sát hồi ký chiến đấu bảo vệ thành phố Thà

Khẹc của Xing capo - Khốt Chunna maly để làm sáng tỏ việc xây dựng một cốt truyện có cấu trúc dựa trên sự phát triển của tình tiết, sự kiện theo nhịp độ tự sự đơn tuyến. Nếu phân tích tỷ mỷ, tách từng bộ phận trong tác phẩm, có thể thấy cái mà tác giả lưu ý về thời gian nghệ thuật chính là nhịp độ thời gian. Trong hồi ký, Xing ca po tập trung mô tả cuộc chiến đấu bảo vệ thành phố Thà-khẹc của quân dân Lào - Việt diễn ra từ "tờ mờ sáng ngày hai mươi mốt" "đến xế chiều" rồi "màn đêm ập xuống bao phủ thành phố". Trong hơn 10 tiếng đồng hồ đó có biết bao tình tiết, sự kiện diễn biến phức tạp đã xảy ra: từ những trận bom do máy bay Spitpai trút xuống thành phố "mặt đất rung lên từng cơn dữ dội", quân ta và địch giành giật nhau từng tấc đất chiến hào đến việc vị chỉ huy tối cao Hoàng thân Xu-pha-nu-vông bị thương, quân ta mở đường máu vượt sông, giặc Pháp tàn sát đồng bào, máu người Lào, người Việt nhuộm đỏ sông Mê Kông... Thời gian ở đây vẫn trôi theo quỹ đạo thuận chiều từ sáng đến tối cùng ngày. Nhưng sự dồn nén của sự kiện, sự căng thẳng quyết liệt của tình thế đã tạo ra một bầu không khí khác thường. Người đọc cảm thấy một cách rõ rệt là mọi việc không thể ngưng đọng, không thể đảo ngược, không thể đứt đoạn, không thể tuỳ thuộc vào sự vô tư của thời gian vì mỗi thời khắc trôi qua hết sức gấp gáp, thiêng liêng.

Nếu như trong các tác phẩm văn học cổ trung đại Lào quan niệm thời gian nghệ thuật tương đồng với thời gian vật lý và điều này đã trở thành một dạng thức cổ điển thì khía cạnh nhịp độ thời gian tự sự khác thường trong các sáng tác văn xuôi hiện đại phải được xem là những biểu hiện cách tân trong nghệ thuật tự sự của nền văn xuôi hiện đại Lào. Sự đổi mới trong nghệ thuật thể hiện nhịp độ thời gian nói trên đã góp phần từng bước đưa nền văn học hiện đại Lào non trẻ hoà nhịp với quỹ đạo của văn học khu vực và thế giới.

3.1.2. Sử dụng thủ pháp đồng hiện thời gian

Trần thuật thời gian đồng hiện giữa quá khứ, hiện tại và tương lai đã được đặt ra từ lâu ở các nền văn học phương Tây với các tên tuổi lớn như Jame Joice, Marcal Proust, W.Faulkner, Kafka... Ở Việt Nam, từ sau 1975, các cây bút văn xuôi đã sử dụng thủ pháp đồng hiện và trở thành một hiện tượng phổ biến. Nhiều truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Quang Lập đã thoát khỏi thời gian sử biên niên, xáo trộn thời gian theo dòng độc thoại nội tâm, những giấc mơ hay dòng ý thức của nhân vật. Nhưng ở Lào, đồng hiện chưa phải là thủ pháp nghệ thuật phổ biến và nó còn rất mới mẻ. Sự xuất hiện của thời gian hai thì, đồng hiện giữa quá khứ và hiện tại có

thể được xem như là một biểu hiện đổi mới của văn xuôi hiện đại Lào. Văn học truyền thống Lào (truyện kể dân gian và truyện thơ) chủ yếu sử dụng thời gian ước lệ, không xác định như "ngày xửa ngày xưa". "thuở ấy..." "một hôm..." "dưới triều đại..." ... để dẫn truyện. Đây là thời gian phiếm định, phi nghệ thuật. Văn xuôi hiện đại ra đời tuy đã phá bỏ khuôn sáo cũ kỹ truyền thống nhưng kiểu trần thuật theo thời gian tuyến tính (câu chuyện được kể theo trình tự trước sau của thời gian vật lý) vẫn được nhiều nhà văn Lào tiếp thu, sử dụng: Tiểu thuyết tự truyện *Con đường sống* của Chăn-thi Đươn-xa-vẳn, tiểu thuyết sử thi *Tiểu đoàn Hai* của Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông, *Giông tố cuộc đời* của Đao Nứa, Vượt ngục của Thong-xới Khốt-vông-xá...

Nhưng một số cây bút văn xuôi hiện đại Lào đã bước đầu sử dụng thủ pháp trần thuật qua hồi ức, liên tưởng của nhân vật, làm cho quá khứ, hiện tại và kể cả tương lai cùng "đồng hiện" khiến cho cốt truyện vừa diễn biến liền mạch vừa cùng lúc đưa ra được nhiều thông tin trong giới hạn thời gian của tác phẩm.

Truyện ngắn *Bông hoa hồng ở Đèo Mon* của Nang Xay Vang, *Bông hoa rừng* của Xổm-bun Thạ-vị-xay, truyện vừa *Chung một dòng máu* của Khăm-phới

Luông-phạ-xí, tiểu thuyết Hai chị em của Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông... là những tác phẩm bước đầu thể nghiệm thủ pháp mô tả thời gian đồng hiện.

Bông hoa hồng ở Đèo Mon là một truyện ngắn hay, cảm động viết về tình đoàn kết chiến đấu giữa hai dân tộc Việt - Lào. Truyện ngắn này có hai lớp thời gian xáo trộn, chồng lên nhau. Hiện tại là thời gian làm nền, còn quá khứ đóng vai trò là kết cấu bên trong vừa dẫn dắt cốt truyện phát triển vừa bộc lộ chủ đề của tác phẩm. Truyện có hai lần thời gian đứng ở vị trí hiện tại của nhân vật kể chuyện. Lần thứ nhất, hiện tại chỉ là mốc thời điểm để tình tiết, sự kiện quay về quá khứ. Lần thứ 2, hiện tại là thời điểm buộc nhân vật dứt khỏi ám ảnh của quá khứ để quay về với cái hiện tại đang tiếp diễn.

Ở lần thứ nhất, chiến sỹ lái xe Xẻng Thoong có dịp trở lại thăm cô y tá Nguyễn Thị Hà tại bệnh viện tiền phương, nơi mà trước đây anh từng điều trị và được chính cô Hà chăm sóc. Xẻng Thoong gặp bác sĩ Thịnh và cô y tá Bích Vân tại bệnh viện. Anh kể cho họ nghe về quan hệ của anh với cô y tá Hà trong lần gặp trước đây. Khoảng cách giữa hiện tại và quá khứ được nối liền bằng dòng hồi tưởng trong ký ức và sự hiện hữu của 2 nhân vật chính. Qua lời kể về quá khứ gần của anh, ta còn thấy một quá khứ đã xa trong cuộc đời của anh mà anh và Hà cùng hiện diện. Đó

là thời kỳ mà chú Hùng, người chiến sĩ tình nguyện Việt Nam, cha đẻ của Hà, sống và chiến đấu ở bản làng của Xẻng Thoong. Sự hy sinh của chú Hùng làm anh tiếc thương vô hạn. Với tình huống này, tác giả đã dựng được một trục thời gian với 2 lớp thời gian chồng lên nhau: quá khứ lồng trong quá khứ xa.

Ở lần thứ hai, Xẻng Thoong đột ngột nhận được tin báo từ bác sĩ trạm trưởng "Nguyễn Thị Hà vừa mới hy sinh một tuần trước đây". Tin dữ này khiến anh dứt bỏ hoàn toàn cái quá khứ êm đẹp kia để quay về với thời gian thực tại nghiệt ngã: người anh yêu nhất trên đời không còn nữa. Anh đang ở trong bệnh viện và anh phải chấp nhận cái hiện tại đang tiếp diễn này. Từ biệt Đèo Mon, lòng anh nặng trĩu. Cái hiện tại đau buồn và cái ký ức êm đềm đẹp đẽ về quá khứ hoà trộn trong anh, chắc chắn theo anh suốt cuộc đời.

Về đề tài, nhân vật, truyện *Bông hoa hồng* ở Đèo Mon không có gì mới mẻ nhưng tác phẩm gây được sự xúc động lớn lao ở người đọc là nhờ sự đổi mới cốt truyện, một cốt truyện giàu kịch tính, trong đó sự vận dụng nghệ thuật thời gian đan chéo, chồng chất giữa quá khứ và hiện tại, giữa quá khứ và quá khứ đã góp phần làm nên sự thành công của tác phẩm.

Sự xuất hiện thời gian đồng hiện giữa quá khứ và hiện tại còn được thể hiện rõ trong Bông hoa rừng của Xổm-bun Thạ-vị-xay. Câu chuyện có nhiều nét

đồng dạng với tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài. Câu chuyện này nếu được trần thuật theo thời gian hình tuyến thì rất đơn giản: Pa, cô bé 13 tuổi phải cùng bố đi ở gạt nợ cho tên địa chủ Phìa Ly. Một hôm, thấy trước nhà có một thanh niên bị trói, đến tối cô cởi trói cho người đó trốn thoát. Mấy năm sau, cô bị ép gả làm lẽ cho Phìa Ly, cô cùng bố chạy trốn vào rừng. Bố qua đời, cô lang thang đi về phía tiếng súng nổ. Ngất xỉu, cô được Vi Xiên (người thanh niên mà cô cởi trói) cứu sống, trở thành cán bộ dân vận. Năm năm sau trong một chiến dịch cô gặp lại Vi Xiên.

Thế nhưng Xổm-bun Thạ-vị-xay đã trần thuật theo lối đồng hiện, đảo lộn và dung hợp thời gian theo sự diễn biến của tâm lý nhân vật. Cốt truyện theo kiểu truyện cổ dân gian của người Lào Xủng, kết thúc có hậu, một số yếu tố xuất hiện có vẻ ngẫu nhiên, ly kỳ nhưng thực ra đây là một truyện ngắn có lối trần thuật mới lạ mang yếu tố hiện đại.

Trong giờ nghỉ trên chặng đường hành quân vất vả, Vi Xiên đang kể lại một câu chuyện đã xảy ra trước đây ở Huội Mun cho các chiến sĩ nghe: Lần ấy anh bị bắt và bị trói trước nhà tên địa chủ Phìa Ly, rất may đã được cô bé đi ở cởi trói, anh trốn thoát... Thời gian quá khứ tạm ngừng khi đơn vị Vi Xiên tiếp tục hành quân và diễn biến hiện tại lại xảy ra.

Đơn vị Vi Xiên gặp một cô gái đang đói lả, kiệt sức. Vi Xiên lấy áo khoác của mình mặc thêm cho cô, cùng đồng đội chăm sóc, cứu sống cô và cho người đưa cô về hậu cứ: Câu chuyện lại được tiếp tục kể: nhiều năm trôi qua, Vi Xiên chỉ huy bộ đội về giải phóng Huội Mun, anh gặp một nữ cán bộ cơ sở. Qua kỷ vật là chiếc áo, anh nhận ra người phụ nữ này là cô bé Pa đã từng cứu sống mình và cũng từng được mình cứu sống. Hai người gặp nhau, dòng hồi ức về quá khứ trở về... Thời gian hiện tại quay về với thời gian quá khứ, lồng trong thời gian quá khứ... Cách trần thuật này đã tạo nên một hiệu quả nghệ thuật làm cho độc giả thích thú theo dõi câu chuyện hơn là cách kể tuyến tính như đã nêu ở trên.

Thời gian đồng hiện tỏ rõ tính năng động, thường xuất hiện cùng với thủ pháp độc thoại nội tâm, trong một cốt truyện tính cách và tâm lý. Rất tiếc trong nền văn xuôi hiện đại Lào, cả truyện ngắn và tiểu thuyết, kiểu cốt truyện tâm lý còn rất ít và thủ pháp mô tả nhân vật độc thoại nội tâm, nhân vật phát triển theo dòng ý thức... còn thưa thớt.

3.1.3. Thời gian khoảnh khắc

Thời gian khoảnh khắc chính là cái thời gian được coi là "chốc lát" "thoáng chốc" trong tác phẩm mà qua đó nhân vật có sự phát triển đột biến khiến cho cốt truyện có thể bị đảo lộn ngoài dự định của người viết

- Những tác phẩm tạo ra được khung cảnh cho thời gian khoảnh khắc xuất hiện là những tác phẩm tạo ra được tình huống, đẩy tình huống đến đỉnh điểm và sau đó lại trở về quĩ đạo vận động của cốt truyện. Việc các tác giả có ý thức tạo ra những khoảnh khắc thời gian nghệ thuật sẽ làm cho tác phẩm không có những chi tiết, sự kiện thừa trong trong cái hữu hạn, mong manh của thời gian.

Sự xuất hiện thời gian khoảnh khắc trong văn xuôi hiện đại Lào tuy chưa được nhiều nhà văn chú ý nhưng nó đánh dấu một bước phát triển về nghệ thuật xây dựng cốt truyện.

Trong *Xỉ-nọi*, nhà văn Khăm-liêng ở đoạn kết tác phẩm đã tạo ra được cái nút của cốt truyện bằng một tình tiết diễn ra trong thoáng chốc. Đó là lúc Khăm Đẻng, người anh trai của Xỉ-nọi quyết định báo cho em biết người bố Xalì và anh trai Thít No đã anh dũng hy sinh trong cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược. Thời gian diễn biến từ khi Khăm Đẻng tham gia trận đánh giải phóng bản Hay, nơi mà Xỉ-nọi làm kiếp tôi đòi trong nhà Mòm Chăn, hai anh em gặp nhau đến khi Xỉ-nọi được biết bố và anh đã hy sinh diễn ra đều đều, tuần tự theo dòng ý thức của cô bé Xỉ-nọi. Xỉ-nọi đang kể cho anh nghe về những kỷ niệm êm đẹp của em với người bố Xalì và người anh Thít No, nỗi sung sướng của em rồi đây sẽ được

gặp lại gia đình sau bao năm làm kiếp nô lệ. Nhưng đến điểm nút xuất hiện sự việc đầy bất ngờ trên là một khoảnh khắc đẩy cốt truyện phát triển qua một tình huống chứa đựng yếu tố kịch tính, buộc nhân vật dứt khoát với quá khứ và viễn cảnh quay về với thực tại, mặc dù quá khứ và viễn cảnh tươi đẹp và bây giờ là một hiện tại nghiệt ngã đầy khổ đau, mất mát. Tác giả đã tạo ra một khoảnh khắc thời gian mang tính nghệ thuật làm cho câu chuyện trở nên sinh động, tạo tình huống bùng nổ bất ngờ. Ở những chi tiết nghệ thuật này, cốt truyện giữ vai trò thứ yếu trong khi tình huống trở nên hết sức quan trọng. Tình huống gắn với một độ dài thời gian hữu hạn để tạo ra điểm nút cốt truyện.

Như vậy, việc tạo ra thời gian khoảnh khắc là một dụng ý nghệ thuật của tác giả nhằm làm cho cốt truyện sinh động, nhiều yếu tố bất ngờ, tạo dư âm trong lòng người đọc.

3.2. Không gian nghệ thuật

Cũng như thời gian nghệ thuật, không gian nghệ thuật là "hình thức bên trong của hình tượng nghệ thuật"[(1)]. Khi sáng tạo ra không gian nghệ thuật các nhà văn đã ngầm chứa đựng trong hình tượng nghệ thuật một không gian có chọn lọc và xác định không

[(1)] *Từ điển thuật ngữ văn học*, Sđd, tr 134.

gian nghệ thuật được coi như là những cấu trúc không gian hiện thực được nhà văn chiếm lĩnh, nghệ thuật hoá trong tác phẩm.

Trong văn học cổ trung đại Lào, không gian nghệ thuật xuất hiện phần lớn là không gian ước lệ, tượng trưng như một khuôn mẫu có sẵn mà qua đó tác giả tạo ra những bối cảnh cho sự xuất hiện của nhân vật (Chẳng hạn, không gian rừng núi, hang động mang tính chất ước lệ, tượng trưng trong truyện *Xỉn Xay* được Pang Khăm tạo ra nhằm tô đậm phẩm chất phi thường của nhân vật chính Xỉn Xay). Trong văn học hiện đại, nhất là dòng văn xuôi cách mạng, quan niệm về không gian nghệ thuật tượng trưng, ước lệ kiểu văn học truyền thống được thay thế bằng không gian phù hợp với sự phát triển của tính cách nhân vật hiện đại. Sự cách tân này trong văn xuôi từng bước đáp ứng xu hướng hiện đại hoá nền văn học. Dưới đây là những biểu hiện của sự đổi mới văn xuôi trên một số bình diện chủ yếu.

3.2.1. Nghệ thuật song trùng không gian đan cài quá khứ - hiện tại - tương lai

Không gian song trùng, đan cài giữa quá khứ, hiện tại, tương lai chính là điểm nhìn trần thuật của người kể chuyện ở một vị trí mà ở đó không gian vật thể hay không gian tâm tưởng từ quá khứ và viễn cảnh hiện về trong thực tại.

Trong truyện ngắn *Bông hoa rừng ở Đèo Mon* của Nang Xay Vang, bệnh viện tiền phương chính là không gian nghệ thuật đan cài giữa quá khứ và hiện tại. Hơn nữa, không gian quá khứ trùng khít với không gian hiện tại.

Trên một chuyến xe hàng đi Sầm Nưa, Xẻng Thoong dừng lại ở một trạm quân y để thăm cô y tá Nguyễn Thị Hà. Tại đây, anh kể lại những ngày bị thương, nằm điều trị và được cô y tá Hà chăm sóc, rồi những tình cảm tốt đẹp giữa anh và cô y tá Việt Nam nảy nở. Không gian tươi vui, đem đến cho đôi bạn trẻ những giây phút êm đềm hạnh phúc.

Nhưng, bây giờ, cũng tại bệnh viện này, Xẻng Thoong đột ngột nhận được tin Hà đã hy sinh. Không gian lúc này hết sức ngột ngạt, u tối nhất trong cuộc đời anh. Anh cảm thấy một sự mất mát quá lớn không gì bù đắp nổi. Nhưng rồi cũng chính tại nơi đây, anh lại ý thức được sự bừng sáng của tương lai nước Lào. Chính sự hy sinh của người chiến sỹ tình nguyện Việt Nam đã góp phần làm nên chiến thắng chung của cuộc cách mạng Lào.

Như vậy, bệnh viện, không gian quá khứ, nơi mà trước đây Xẻng Thoong được Hà chăm sóc, yêu thương đan chéo với cũng chính bệnh viện này - không gian hiện tại, nơi Xẻng Thoong nhận tin Hà không còn nữa. Một không gian của quá khứ và một

không gian hiện tại trùng khít nhưng ở đó có sự đối lập nhau về tâm trạng nhân vật. Và ở cuối tác phẩm, một không gian tương lai đang hiện ra. Đó là không gian của cả đất nước Lào đang vươn tới, xoá bỏ dấu vết của không gian cá nhân, riêng lẻ của nhân vật: "Xe của Xẻng Thoong lại lăn bánh trên con đường do đội công nhân cầu đường số 2 mở để theo kịp đoàn của đồng đội" (Truyện *Kẻ dừng lại ở giữa đường*). Chính "con đường" là "không gian mở", đưa nhân vật hướng đến một không gian quá khứ và hiện tại với nhiều đau đớn và nhức nhối.

3.2.2. Không gian dồn nén, chứa đựng những tình thế bùng nổ bất ngờ

Trong đời sống hiện thực của 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ ở Lào phần nào đã định hình một số cấu trúc không gian nghệ thuật vừa mang màu sắc văn hoá truyền thống lại vừa thể hiện những đặc thù của bối cảnh địa lý, lịch sử. Chúng ta bắt gặp trong văn xuôi không gian rừng núi, sông suối, con đường, ngôi nhà sàn, bệnh viện, trường học, bản làng, ngôi chùa tháp, chiếc cầu... Một số tác giả văn xuôi đã cụ thể hoá không gian nghệ thuật thành những cấu trúc không gian vật thể, nghĩa là miêu tả những vị trí, địa điểm cụ thể để cho nhân vật hoạt động. Nhưng việc miêu tả từ không gian rộng đến hẹp, không gian dồn

nén để tạo những tình huống hành động bất ngờ của nhân vật được xem như là một nét mới của thi pháp thể loại. Có lẽ, nhà tiểu thuyết tính cách Khăm-liêng tỏ ra có nhiều cách tân trong thủ pháp này.

Không gian trong sáng tác của Khăm-liêng không rộng, sự kiện biến cố không nhiều nhưng ông lại xây dựng được một số nhân vật có tính cách tương đối điển hình bởi ông biết "cô đặc"không gian, tạo những tình huống bùng nổ bất ngờ. Đoạn mô tả không gian cái "nhà bếp" (Xỉ-nọi), nơi cô bé Xỉ-nọi mới 10 tuổi đã phải suốt ngày đêm quần quật thức khuya dậy sớm làm kiếp nô lệ trong nhà Mòm Chăn, bất ngờ "nổi loạn", dám cầm dao chống lại mụ chủ khét tiếng độc ác là một tình huống chứa đựng sự bùng nổ bất ngờ của tính cách nhân vật. Trong hoàn cảnh cô bé Xỉ bị mụ chủ đẩy đến tận chân tường nhà bếp, tiếng súng của bộ đội giải phóng đang rền vang ngày một đến gần, không còn con đường nào khác, "Xỉ-nọi nhảy ra từ lò bếp, cầm một con dao để trên thớt, em gạt nước mắt căm thù: "vào đây, nếu mày muốn chết!". Như vậy, việc bé Xỉ "một đứa bé nhà quê", quyết liệt chống lại mụ chủ như là một sự lựa chọn sinh, tử có thể không nằm trong chủ định của tác giả khi xây dựng nhân vật. Nhưng trong tình thế dồn nén bất ngờ, người viết đã để cho nhân vật thể

hiện hết phẩm chất của mình. Đây được coi là điểm mở trong cuộc đời nhân vật. Để có được một không gian dồn nén nhân vật có hành động bất ngờ, tác giả đã mô tả từ không gian rộng đến hẹp, từ cuộc nổi dậy của đồng bào ở bản Phô đến bản Hay, từ tiếng súng vang vọng từ trong rừng xa đến gần, từ khung cảnh của ngôi nhà xã trưởng Mủi đến căn bếp tối tăm của em gái hắn, Mòm Chăn.

Cũng trong tiểu thuyết *Xỉ-nọi*, đoạn miêu tả hành động quả cảm cắt ngắn dây cháy chậm để phá cầu chặn địch của Pho-xa-lỳ chứa đựng sự bùng nổ bất ngờ trong tính cách của nhân vật. Một nông dân nghèo khổ, lầm lỳ, ít nói, cam chịu, nhẫn nhục lại có hành động hy sinh anh dũng xuất hiện trong một không gian dồn nén: xe địch sắp qua cầu, mục tiêu đã bị lộ, địch đang chĩa súng vào trụ cầu nơi ông buộc quả bộc phá, và "một tên lính đang dí súng vào ông nhưng ông kịp rút dao chặt đứt cánh tay cầm súng của nó. Bộc phá đã nổ phá sập cầu, xe chở vũ khí và lính địch tan tành rơi xuống nước, trại lính ở đầu cầu cũng bị sập một nửa..."

Không gian dồn nén, chứa đựng tình thế bùng nổ bất ngờ như trên được coi là không gian tâm trạng, trong đó hành động và tính cách nhân vật buộc phải xuất hiện.

3.2.3. Không gian chiến trận mang sắc thái sử thi, anh hùng ca kiểu mới

Trong văn học truyền thống Lào (cả văn học dân gian và văn học viết) không gian chứa đựng những mâu thuẫn đối kháng bùng nổ thành chiến trận đã xuất hiện. Đó thường là sự đối kháng giữa cái thiện và cái ác, giữa chính nghĩa và gian tà được thể hiện qua các mô típ như cứu người đẹp hay công chúa (Căm Pha Nang Ngà, Xỉn Xay) đấu tranh giữa định mệnh và tình yêu để giành giữ tình yêu (*Ka-la-kệt*), chiến đấu diệt trừ kẻ ác để giành giật ngôi báu (*Nàng Tèng on*)... Bối cảnh chiến trận được bao phủ đậm đặc chất huyền thoại, yếu tố ly kỳ bởi sự phù trợ của các lực lượng siêu nhiên với những linh khí đặc biệt. Có những tác phẩm như *Thạo Hùng Thạo Chương* lại thể hiện không gian lịch sử với cảm hứng anh hùng ca.

Văn học hiện đại ra đời, đặc biệt là sự xuất hiện của nền văn xuôi cách mạng Lào, không gian chiến trận đã hoàn toàn thay đổi. Hiện thực phong phú của các cuộc chiến tranh chống xâm lược đã được các nhà văn cảm nhận không chỉ theo chiều dài của thời gian lịch sử mà còn theo chiều rộng, chiều sâu của không gian lịch sử. Hình tượng nhân dân trực tiếp tham gia vào các biến cố lịch sử là đối tượng khám phá và phản ánh chủ yếu của nền văn học cách mạng Lào. Hầu hết các tác phẩm văn xuôi hiện đại Lào

đều tập trung phản ánh chân thực cuộc kháng chiến chống thực dân đế quốc vẻ vang và oanh liệt nhất trong lịch sử. Do vậy, không gian chiến trận được các tác giả văn xuôi khai thác với những phẩm chất mới. Không gian chiến trận không chỉ làm bối cảnh cho hành động mang sắc thái sử thi, anh hùng ca kiểu mới của thời đại, mà còn tái hiện cảm hứng lịch sử mang tính sử thi (chẳng hạn trong *Chiến tranh và Hoà bình* của L.Tônstôi, việc mô tả trận đánh Bôrôđinô thể hiện cảm hứng lịch sử, cảm hứng nhân dân). Nhiều tác phẩm ký, truyện ngắn, tiểu thuyết được người viết miêu tả không gian chiến trận như là một yếu tố quan trọng làm cơ sở cấu thành tác phẩm. *Bun Chăm Pa* của Thoong BC gồm 7 hồi ký về Tiểu đoàn Hai anh hùng, hồi ký *Chiến đấu bảo vệ thành phố Thà-Khẹc* của Xingcapo Khôtchunnạmaly, ký Người kế tục của Kẹo-ma-ni Xỉ-vông-xay, tiểu thuyết 4 tập *Tiểu đoàn HaHơ]ơp[i*, tiểu thuyết 3 tập *Hai chị em* của Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông... đều là những tác phẩm văn xuôi xây dựng thành công không gian chiến trận, ở đó phẩm chất anh hùng của nhân vật, con người mới bộc lộ rõ nét.

Cuộc chiến đấu bảo vệ thành phố Thà-Khẹc của Xingcapo kể lại trận chiến đấu ác liệt của liên quân Lào - Việt chống thực dân Pháp vào ngày 21/3/1946, với giọng kể hồi ức thận trọng, trang nghiêm, tôn

trọng tính xác thực của lịch sử, tác giả đã dựng lại không gian chiến trận căng thẳng và quyết liệt giữa hai lực lượng khác hẳn nhau: một bên là một đội quân xâm lược thiện chiến có vũ khí tối tân hiện đại nhưng không có mục tiêu, lý tưởng chiến đấu với một bên là một đội quân vũ khí thô sơ nhưng chiến đấu có mục đích, lý tưởng, yêu độc lập, tự do và sẵn sàng quyết tử cho tổ quốc quyết sinh. Cuộc chiến đấu kéo dài suốt ngày với bối cảnh chiến trận hừng hực lửa khói và hy sinh, kết thúc trận đánh là sự thất bại tạm thời của lực lượng cách mạng. Nhưng qua thiên hồi ký này, không gian chiến trận đã làm bối cảnh xuất hiện một kiểu mẫu của người anh hùng thời đại mới "Bất chấp bom đạn gầm rít, khói bụi bao phủ, từ phía sau, từng tốp người Lào có, Việt có vẫn tiếp tục tải đạn, chuyển lương ra mặt trận... Bom đạn, chết chóc không khuất phục nổi ý chí kiên cường của người dân Thà-khẹc"[1]. Sự thật thất bại phũ phàng của ngày đầu bước vào cuộc chiến tranh chống Pháp lần thứ 2 không làm người đọc nhuốm phải tâm lý thất bại hoài nghi lịch sử, mà chính sự kiện đó đã trở thành "ngày căm thù" nung nấu ý chí chiến đấu của toàn dân tộc. Không gian lịch sử, bối cảnh chiến trận đã chứa đựng sắc thái sử thi, anh hùng ca kiểu mới của thời đại mới.

[1] *Hợp tuyển văn học Lào*, Sđd, tr.384.

Ký *Người kế tục* của Kẹo-ma-ni sẽ không xây dựng được hình tượng đẹp đẽ về 2 bố con bất ngờ gặp nhau trên một chiến hào chống Mỹ nếu tác giả không xây dựng được một không gian chiến trận ác liệt trên đỉnh đồi Phu Cút anh hùng. Mở đầu tác phẩm, tác giả đã đưa độc giả đến với không gian chiến trận thật ác liệt "Hàng tháng nay, từng đàn máy bay Mỹ thay nhau ào ạt trút bom xuống Cánh đồng chum, đặc biệt là xuống ngọn đồi trọc Phu Cút... Cây cỏ bị băm nát nằm ngổn ngang. Màu xanh của rừng biến thành màu đỏ quạch. Ở đâu cũng khét lẹt mùi thuốc súng..."[1]. Đại đội trưởng Bua Lây (người bố) đang nói chuyện với chiến sỹ mới Ít-xa-la (người con) mà không nhận ra nhau thì "một trận chiến đấu mới lại bắt đầu. Phu Cút đang ầm vang tiếng hát tươi vui, bây giờ lại rung chuyển dữ dội dưới những loạt bom nổ chát chúa và những tràng pháo cao xạ nhả đạn vào lũ giặc". Rồi bộ binh địch "lò mò tiến đến 2/3 quả đồi". Cuộc chiến đấu ác liệt giữa bộ đội ta và địch giành giật nhau từng tấc đất chiến hào... Bua Lây bị thương, Ít-xa-la chặn địch cứu đại đội trưởng... không gian chiến trận đã làm nổi bật vẻ đẹp của con người mới, người anh hùng chiến trận "Ít-xa-la" trông như một tráng sỹ trong truyền thuyết tiến lên đỉnh Phu Cút gang thép[2]. Sắc thái sử thi, âm hưởng anh hùng ca

[1] *Hợp tuyển văn học Lào*, Sđd, tr.413.
[2] *Hợp tuyển văn học Lào*, Sđd, tr. 424.

được Xu-năn-thon thể hiện trong các tiểu thuyết dài hơi của ông như: *Tiểu đoàn Hai, Hai chị em, Hồi tưởng lại*. Tiểu đoàn Hai, ở một mức độ nào đó Xu-năn-thon đã mô tả được một không gian chiến trận rộng lớn, hoành tráng có qui mô sử thi. Không gian chiến trận trong bộ tiểu thuyết này được tác giả mô tả trong một hoàn cảnh rộng, không phong bế, với nhiều địa điểm khác nhau: cuộc chiến đấu ở Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, ở Viêng Chăn... Nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của cuộc chiến tranh cách mạng Lào dồn dập xảy ra như 2 lần ký Hiệp định Hoà hợp dân tộc rồi 2 lần nhân dân Lào cầm súng chiến đấu chống Mỹ và tay sai. Nhiều sự kiện biến cố nhỏ đan cài trong sự kiện biến cố lớn kế tiếp nhau trong dòng chảy của lịch sử... Bối cảnh chiến trường, biến cố lịch sử được nhà văn thể hiện bằng một cảm hứng về nhân dân, về thời đại, về lịch sử vô cùng vẻ vang và oanh liệt. Tất cả đều xuất phát từ ý đồ nghệ thuật của tác giả: miêu tả không gian, chiến trận căng thẳng, quyết liệt để tạo hoàn cảnh xuất hiện hình tượng con người mới, hình tượng nhân dân chiến đấu, hình tượng người anh hùng chiến trận; đồng thời, không gian chiến trận quy mô hoành tráng thể hiện được sắc thái anh hùng ca của cuộc chiến tranh giải phóng ở Lào.

KẾT LUẬN

Chúng ta có thể nhận diện văn xuôi hiện đại Lào trên một số đặc điểm cơ bản sau đây:

1/ Do những đặc thù về địa lý, lịch sử, văn hoá, xã hội, tôn giáo, truyền thống văn học và sự tiếp xúc với thế giới bên ngoài quy định, nền văn xuôi hiện đại Lào ra đời hết sức muộn so với các nền văn xuôi ở khu vực Đông Nam Á. Tuy xuất hiện muộn (vào những năm 60 của thế kỷ XX), nhưng nền văn xuôi hiện đại Lào đã nhanh chóng phát triển, bước đầu thực hiện được các bước tổng hợp của một nền văn xuôi hiện thực xã hội chủ nghĩa. Nền văn xuôi hiện đại Lào ra đời dường như không có sự chuẩn bị trước về đội ngũ sáng tác, về tiền đề nhận thức lý luận mà xuất phát từ nhu cầu tự thân, nội tại của chính đời sống dân tộc, lại do chính nền văn xuôi cách mạng ở trong vùng giải phóng dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào xây dựng nên. Do đó, sự hình thành và phát triển của văn xuôi hiện đại Lào vừa như là hệ quả tất yếu của quá trình phát triển lịch sử văn học dân tộc vừa như là sự thể hiện bước chuyển biến của một nền văn học dân tộc mang tính khu vực đang từng bước hoà nhập vào quỹ đạo của văn học thế giới.

2/ Giống như các nước khác ở khu vực Đông Nam Á vốn bị chi phối sâu đậm bởi nền văn minh nông nghiệp lúa nước, văn học dân gian Lào phát triển phong phú, có sức sống lâu bền. Văn học dân gian không chỉ là cội nguồn của nền văn học dân tộc mà còn là cơ sở cho sự phát triển của nền văn học viết truyền thống và nền văn học hiện đại. Văn học hiện đại Lào nói chung và văn xuôi nói riêng có sự gần gũi và quan hệ khăng khít với văn học dân gian. Vì vậy, văn xuôi hiện đại Lào hình thành và phát triển có tính chất đột biến nhảy vọt, từ một nền văn học truyền thống theo loại hình văn học khu vực với thể loại thơ ca là chủ yếu, bỏ qua bước quá độ chuyển tiếp, bắt mạch từ văn học dân gian chuyển thẳng lên xây dựng nền văn xuôi hiện đại. Điều này chứng tỏ những yếu tố của văn học dân gian sẽ chi phối hết sức mạnh mẽ nền văn xuôi hiện đại. Văn xuôi hiện đại Lào đã tiếp nhận ảnh hưởng từ văn học dân gian từ nhiều bình diện như chủ đề, đề tài, kết cấu cốt truyện, khắc hoạ nhân vật, thủ pháp miêu tả, ngôn ngữ.

Về phương diện chủ đề, đề tài các tác phẩm văn xuôi hiện đại Lào đã biết khai thác, phát triển nâng cao những chủ đề truyền thống có trong văn học dân gian, văn học cổ điển. Tuy nhiên, khi khai thác những mảng hiện thực của đời sống, văn xuôi hiện đại Lào kế thừa những chủ đề, đề tài truyền thống nhưng

chưa khắc phục được những hạn chế của truyền thống, gần với dân gian, dân tộc nhưng chưa thật hiện đại. Cái triết lý dân gian thiện thắng ác, hiền gặp lành và cái nhìn dân gian đối với các hiện tượng đời sống trong sự đối sánh, tương phản đã hạn chế đến quá trình nhận thức hiện thực một cách đơn giản mà không thấy sự đa dạng phức tạp muôn hình muôn vẻ của nó.

Về phương diện kết cấu cốt truyện, đa số các tác phẩm văn xuôi Lào hiện đại thường triển khai cốt truyện theo mạch thẳng thời gian xuôi chiều, kiểu kết cấu của một tác phẩm dân gian. Các tác giả thường miêu tả nhiều sự kiện, biến cố, kết thúc thường có hậu, viên mãn. Tuy nhiên, một số tác phẩm đã có lối kết cấu đảo lộn thời gian, thời gian đồng hiện. Đặc biệt một số tác phẩm có sự cách tân đáng kể trong việc xây dựng một cốt truyện tâm lý với kết thúc mở, không có hậu.

Về phương diện khắc hoạ nhân vật, thủ pháp miêu tả của truyện cổ dân gian đã ảnh hưởng không nhỏ đến văn xuôi hiện đại như miêu tả hành động nhiều hơn tâm lý, miêu tả ngoại hình nhiều hơn bên trong, miêu tả sự kiện nhiều hơn tính cách. Tuy nhiên, một số ít tác phẩm văn xuôi đã xây dựng được những nhân vật có cá tính, phát triển hợp logic khách quan và bước đầu miêu tả chiều sâu tâm lý.

3/ Văn học viết truyền thống Lào ra đời muộn (giữa thế kỷ XIV) lại xuất hiện cùng với sự ra đời của nhà nước phong kiến độc lập thống nhất đầu tiên trong lịch sử nước Lào. Do vậy, về mặt nội dung, văn học truyền thống phản ánh chủ nghĩa yêu nước chống xâm lược, văn học nặng tính chất Phật giáo. Về mặt thể loại, văn học trung đại Lào thể hiện tính loại hình của văn học khu vực, văn xuôi ít và không phát triển, văn vần (đặc biệt là truyện thơ) trở thành một thể loại phát triển cả về số lượng và chất lượng và có vai trò vị trí đặc biệt trong tiến trình xây dựng nền văn hoá, văn học dân tộc.

Văn xuôi hiện đại Lào đã kế thừa và đổi mới truyền thống văn học viết thời kỳ trung đại trên nhiều phương diện nhưng nổi bật trên 3 mặt: kế thừa và đổi mới tư tưởng yêu nước chống xâm lược, kế thừa và đổi mới tư tưởng từ bi - giá trị nhân bản của đạo Phật và kế thừa đổi mới thể loại truyện thơ ở tính tự sự và trữ tình.

Nhìn chung, văn xuôi hiện đại Lào đã kế thừa, tiếp thu và từng bước đổi mới truyền thống văn học viết thời trung đại từ nội dung tư tưởng đến những vấn đề thể loại, dần dần vượt ra khỏi thi pháp của văn học trung đại, bám sát hiện thực đời sống phản ánh những đặc điểm lớn của cuộc chiến tranh cách mạng Lào, thể hiện khát vọng giải phóng của quần chúng

nhân dân. Đây là xu hướng văn học đi từ chủ nghĩa yêu nước chống ngoại xâm đến tư tưởng đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, từ tư tưởng từ bi "loại trừ cái ác, bảo vệ cái thiện" của Phật giáo đến cuộc đấu tranh xã hội.

Văn xuôi hiện đại đã tiếp thu thể loại truyện thơ trên 2 bình diện cơ bản tính tự sự và trữ tình, từng bước đổi mới nội dung và hình thức của thể loại từ kết cấu đơn tuyến đến đa tuyến, từ cốt truyện hành động, sự kiện đến cốt truyện tính cách và tâm lý, từ cảm hứng trữ tình thiên nhiên đến tình cảm quê hương, tình yêu tổ quốc. Đây là xu hướng phát triển của văn xuôi hiện đại vừa kế thừa có chọn lọc vừa phát huy vốn văn học truyền thống để không ngừng đổi mới, hiện đại hoá nền văn xuôi non trẻ đang trên đà phát triển.

4/ Đổi mới thể loại văn xuôi xét từ góc độ thi pháp học hiện đại đối với nền văn xuôi hiện đại Lào quả còn nhiều vấn đề mà chúng ta chưa thể nhận xét một cách thấu đáo. Tuy nhiên, trên con đường dân tộc hoá và hiện đại hoá nền văn xuôi, ở Lào đã xuất hiện sự cách tân trên một số phương diện cơ bản của thể loại văn xuôi tự sự như nghệ thuật tự sự với kiểu trần thuật xê dịch điểm nhìn, các dạng thức của nhịp điệu trần thuật, thời gian nghệ thuật và không gian nghệ thuật.

Do sự thay đổi trong nghệ thuật tự sự từ thời gian hình tuyến đến thời gian đồng hiện, từ kết cấu đơn tuyến đến kết cấu đa tuyến, từ cốt truyện sự kiện hành động đến cốt truyện tính cách, tâm lý rõ ràng các tác giả phải sử dụng nghệ thuật trần thuật phi tụ điểm, chuyển dịch điểm nhìn của người kể chuyện, tác giả để cho các nhân vật trong tác phẩm cùng tham gia trần thuật. Từ đó, nhịp điệu trần thuật cũng không ngừng thay đổi cho phù hợp với diễn biến phát triển của cốt truyện của nhân vật. Có kiểu nhịp điệu trần thuật chậm chạp, giãn cách, có kiểu nhanh, dồn dập.

Nếu như trong các tác phẩm văn học cổ trung đại Lào quan niệm thời gian nghệ thuật tương đồng với thời gian vật lý và điều này trở thành một dạng thức cổ điển thì việc sử dụng thủ pháp thời gian đồng hiện, mô tả nhịp độ thời gian tự sự khác thường, thời gian khoảnh khắc phải được coi là những biểu hiện cách tân quan trọng của nghệ thuật tự sự văn xuôi Lào.

Cùng với thời gian, không gian nghệ thuật trong văn xuôi Lào đã trở thành hình tượng nghệ thuật với nhiều đổi thay đáng kể. Kiểu không gian ước lệ, tượng trưng, giả tưởng trong văn học truyền thống đã được thay thế bằng không gian phù hợp với sự phát triển của tính cách nhân vật hiện đại. Một số tác phẩm văn xuôi Lào đã xây dựng không gian nghệ

thuật song trùng, đan cài, quá khứ - hiện tại - tương lai, không gian dồn nén, chứa đựng tình thế bùng nổ bất ngờ, không gian chiến trận thể hiện sắc thái sử thi, anh hùng ca.

Rõ ràng văn xuôi Lào đang từng bước đổi mới thể loại theo hướng dân tộc hoá và hiện đại hoá, từng bước hoà nhập vào quỹ đạo của văn xuôi khu vực và thế giới.

5. Chúng ta có thể hình dung quá trình hình thành và đặc điểm phát triển văn xuôi Lào hiện đại từ truyền thống đến hiện đại như sau:

Xuất phát từ một nền văn học truyền thống (cả văn học dân gian và văn học viết thời trung đại) nặng tính chất dân gian với thể loại văn vần (thơ ca) là chủ yếu, văn xuôi hiện đại Lào ra đời và phát triển có tính chất đột biến, nhảy vọt, bỏ qua bước chuyển tiếp quá độ, bắt mạch từ văn học dân gian chuyển lên xây dựng nền văn xuôi hiện đại trong điều kiện và hoàn cảnh xã hội Lào phát triển có bước gián cách lịch sử (không qua Tư bản chủ nghĩa), có sự phát triển không đều giữa kinh tế và văn hoá, có sự chậm muộn trong giao lưu tiếp xúc với bên ngoài và có sự ảnh hưởng hết sức sâu đậm hệ tư tưởng Phật giáo.

Khắc phục được những điểm trên quả không dễ và càng không thể "ngày một ngày hai". Nhưng

chúng ta tin rằng, với công cuộc đổi mới văn hoá - văn nghệ đang diễn ra sâu sắc hiện nay trên đất nước Lào anh em và trong xu thế giao lưu, tiếp biến văn hoá - văn học ở khu vực Đông Nam Á và thế giới đang ngày càng mở rộng, nền văn học Lào nói chung và văn xuôi nói riêng sẽ không ngừng lớn mạnh, nhanh chóng hoà nhập vào văn mạch của khu vực và thế giới nhưng không hoà tan.

Phụ lục

TRÍCH MỘT SỐ TIỂU THUYẾT LÀO HIỆN ĐẠI

BÉ XỈ (Xỉ-nọi)

Khăm-Liêng Phôn-Xê-Na

Tóm tắt: *Xỉ-nọi (tập I) là tác phẩm đánh dấu sự ra đời của tiểu thuyết Lào hiện đại, được viết năm 1968, xuất bản lần đầu năm 1969. Cốt truyện của Xỉ-nọi triển khai theo các sự kiện xảy ra trong một gia đình nông dân nghèo khổ ở vùng thượng Lào vào những năm 50 của thế kỷ XX. Nhân vật chính của cuốn tiểu thuyết là Xỉ-nọi, một bé gái 10 tuổi, con út của Xa-lỳ, mồ côi mẹ từ nhỏ.*

Một lần bé Xỉ-nọi ốm nặng, Xa-lỳ đánh liều sang nhà lý trưởng Muội (bản Phô) để vay tiền. Đang đêm, tên lý trưởng độc ác thả đàn chó dữ ra cắn xé Xa-lỳ rồi vu cho ông là kẻ trộm, bắt bỏ tù. Lợi dụng hoàn cảnh của Xa-lỳ vừa mắc nợ vừa bị tù, lý trưởng Muội buộc ông phải bán Xỉ-nọi cho em gái hắn là Mòm Chăn ở bản Hay làm nô lệ. Sống kiếp tôi đòi ở nhà Mòm Chăn, bị hành hạ cả thể xác lẫn tinh thần, bé Xỉ-nọi dần dần nhận ra bộ mặt ghê tởm của kẻ thù và em nuôi chí phục thù.

Thời kỳ này, tổ chức Ít-xa-la (tự do) đang hoạt động rộng khắp, tuyên truyền giác ngộ nhân dân Lào vùng lên khởi nghĩa đánh đuổi thực dân Pháp và bọn phong kiến phản động. Xa-lỳ đã được giác ngộ, nhận nhiệm vụ nổ bộc phá phá cầu chặn địch và anh dũng hy sinh. Anh trai Xỉ-nọi là Thít No, nhận nhiệm vụ mang tài liệu mật cho cách mạng bị địch phục kích và cũng đã hy sinh oanh liệt.

Nhân dân bản Phô, bản Hay dưới sự lãnh đạo của mặt trận Lào Ít-xa-la đã vùng lên khởi nghĩa cướp chính quyền. Nhờ đó, Xỉ-nọi được giải phóng, thoát khỏi cuộc đời con ở cực nhục. Em cùng anh trai Khăm Đen tham gia cách mạng và trở thành một nữ y sĩ. "Mười bảy năm sau" (tập 2) tác giả miêu tả những đóng góp to lớn của người cán bộ "Xỉ-nọi" trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Các trích đoạn dưới đây bắt đầu từ khi Xa-lỳ giác ngộ cách mạng, nhận nhiệm vụ phá cầu cản địch vào làng và đã anh dũng hy sinh. Tiếp đó, là quãng đời bé Xỉ-nọi làm con ở trong nhà Mòm Chăn, đến khi bản Hay được giải phóng em gặp Khăm Đen, người anh trai lâu nay bị bọn địch bắt giam.

… Xa-lỳ quay về túp lều rách nát của mình. Ông Khăm đã chờ đợi ông từ lâu. Nhìn bộ mặt căng thẳng, đôi mắt buồn ngủ của ông Khăm, Xa-lỳ hiểu rằng những điều ông Khăm sắp nói ra sẽ rất hệ trọng. Ông ôm cổ Xa-lỳ nói nhỏ nhẹ giọng run run:

- Xa-lỳ, tốt rồi, con trở về nhà đúng lúc làng ta đang rơi vào tình hình hết sức phức tạp, căng thẳng. Thằng Phệt đã bị địch bắt, một số người bị chúng giết chết. Xa-lỳ, nhiệm vụ của chúng ta là phải tiếp tục cuộc chiến đấu để bảo vệ dân làng. Việc mà ta sắp nói ra đây là hết sức quan trọng. Con có biết con đường đến Đông Phalan, ở bên kia núi Phu khiểu không?

- Con cũng đã nhiều lần qua bên đó bằng đường tắt nhỏ luồn rừng.

- Con có biết một chiếc cầu sắt bắc qua suối để đến Phu khiểu không?

- Con biết. Ở đó có một con đường nhỏ. Bọn địch không cho ai đến gần cầu.

Ông Khăm nghiêm nghị nói từng lời rành rọt:

- Xa-lỳ, con hãy nghe thật kỹ. Bố đã già rồi, mắt không tinh, chân tay không còn nhanh nhẹn như trước nữa. Bây giờ đi đâu cũng phải vịn tay vào gậy. Bố muốn giao cho con nhiệm vụ hết sức nguy hiểm nhưng cũng hết sức vẻ vang. Nhiệm vụ của cách mạng giao cho chúng ta là nội trong đêm mai phải phá cầu sắt để cản bước tiến của địch vào làng.

Xa-lỳ rất xúc động vì ông hiểu dân làng đã tin mình. Hơn nữa đây là cơ hội để ông trả mối thù nhà mà kẻ thù đã cướp đi vĩnh viễn con trai đầu lòng của ông, bắt đi đứa con gái út vô cùng yêu dấu của ông. Xa-lỳ càng hiểu rõ hơn lời nói của bác Chan Phệt "Chỉ có làm cách mạng tự giải phóng mình khỏi ách áp bức bóc lột, xoá bỏ xã hội cũ thối nát, xây dựng xã hội mới trong sạch và đẹp đẽ mới đem lại một tương lai tươi sáng cho con gái nhỏ của ông và bao em bé, thanh thiếu niên Lào đang sống cù bất cù bơ trong xã hội thực dân phong kiến".

Xa-lỳ rất vui khi được ông Khăm giao nhiệm vụ vinh quang này. Ông sẽ được tham gia vào sự nghiệp cách mạng vẻ vang, sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc mà ông đã nghe bác Chan Phệt nói đi nói lại biết bao lần. Xa-lỳ trả lời quả quyết:

- Nhất định con sẽ đốt cầu trong đêm mai theo yêu cầu của cách mạng. Tối hôm đó, có một cán bộ Ít-xa-la vào túp lều Xa-lỳ hướng dẫn ông kỹ thuật phá cầu, đưa cho ông mấy quả mìn và chúc ông hoàn thành nhiệm vụ.

Sẩm tối hôm sau, Xa-lỳ luồn qua trại lính địch bằng đường tắt, đến khu rừng cạnh cầu thì mặt trời đã lặn từ lâu. Ánh trăng bàng bạc toả khắp dòng sông. Ông làm một cái bè, đặt tất cả mìn và dụng cụ lên đó rồi cẩn thận nguỵ trang thả cho bè trôi theo dòng nước. Chiếc bè như một đống rác đã trôi dạt vào cột cầu. Ông nhìn thấy hai đầu cầu có khoảng 10 lính hô lên: - Chú ý, có một đống rác lạ dạt vào chân cầu. Toán lính chạy xuống gầm cầu, một tên phát hiện: - Có một chiếc bè buộc vào cột cầu, Phía bên kia cầu, một đoàn xe địch chở đầy vũ khí đang ầm ầm chuẩn bị qua cầu. Xa-lỳ quyết định cắt ngắn ngòi nổ và ông phát hoả. Thấy ánh lửa, 6 tay súng địch xả đạn vào cột cầu nơi ông ẩn nấp. Một tên lính nhảy về phía Xa-lỳ, nhanh như cắt Xa-lỳ chặt đứt cánh tay cầm súng

của nó. Đúng lúc đó, bè mìn đã nổ, cầu sập, đoàn xe tải địch cùng toán lính tan tác rơi xuống nước.

- Một chiến sĩ quả cảm, một người con ưu tú của bản Phô đã anh dũng hy sinh vì Tổ quốc, vì nhân dân. Xa-lỳ, một nông dân "Khố rách áo ôm", không một tấc đất cắm dùi bị bọn địa chủ phong kiến thực dân áp bức khinh rẻ đã giác ngộ lý tưởng cách mạng, vùng lên làm cách mạng để tự giải phóng mình. Hành động quả cảm và sự hy sinh anh dũng của ông mãi mãi trường tồn trong lòng nhân dân bản Phô, sừng sững như dãy núi ở tỉnh Hủa Phăn.

……..

- Xỉ! Quân tôi đòi khốn kiếp. Để tao gọi mãi thế à? Tai điếc rồi sao, hả? Lấy khăn đến lau chân cho tao, nhanh lên. Chẳng được cái tích sự gì hết. Chết quách đi cho đỡ bẩn mắt, cái lũ quê mùa này.

Đã khuya lắm, đêm đã gần về sáng, con chó đốm cuộn mình nằm ngủ ở góc cửa ngoài nhà. Mèo I-Khăm đi bắt chuột cả đêm về cũng vào nằm co tròn cạnh cái rổ khâu. Cái đèn ham ở nhà bếp đã tắt từ lâu, chỉ có chiếc đèn dầu nhỏ đặt ở đầu giường quan bà còn rọi một ánh sáng đỏ le lói vào cái giường trải đệm khưa bọc vải trắng toát. Ở đầu giường có hai cái gối to bọc lụa hoa có thêu chỉ vàng óng ánh. Bên trong

giường phía sát tường có cái gối dài đặt dọc bằng vải căm ma nhi màu xanh non da trời. Phía cuối giường hai cái gối chân chồng lên nhau, ở trên phủ một tấm vải len dày, rồi một chiếc chăn bông gấp làm bốn lớp đặt trên cùng.

Quan bà, em gái của Tà-xẻn[1] bản Phô, ngồi lên chiếc đệm dày to, mình chênh chếch ngả về phía sau, mắt đỏ ngầu vì thiếu ngủ, sắc mặt tái nhợt, cặp lông mày đã rậm lại càng nặng hơn vì lớp thuốc màu bôi cho đậm thêm. Trông dáng mụ rất uể oải, mệt nhọc. Hôm nay mụ không được vui, vì canh bạc cả ngày đêm qua mụ bị thua tràn, chẳng kiếm được đồng lãi nào. Buồn tình, mụ giục chồng về ngủ. Quan ông bước ra khỏi sòng bạc, lại vòng sang chầu rượu, đi tán tỉnh các cô gái tơ. Ấm ức chồng từ trong sòng bạc, mụ bỏ trở về nhà một mình.

Trước đây, cứ mỗi khi mụ có điều gì giận dỗi không vừa ý như hôm nay thì anh giúp việc Thao Ly và con đốm là những kẻ phải vạ lây. Mụ kiếm những việc chẳng đâu vào đâu để chửi mắng gắt gỏng, thậm chí có lúc còn đánh đập, đạp cả chó lẫn người ở. Còn từ nay về sau, Xỉ-nọi sẽ là kẻ phải còng lưng chịu đựng tất cả sự bất hoà của gia đình này.

[1] Lý trưởng.

Hôm nay vừa bước chân vào nhà, mụ đã gắt ầm lên một mình. Tiếng mụ thét to.

- Chúng bay rủ nhau đi ngủ chết cả lũ rồi à, chẳng còn ai làm công làm việc gì cả. Chỉ có giỏi ăn với ngủ thôi.

Nói xong, mụ liền vơ cái gậy ở cạnh giường nện túi bụi vào đầu con đốm, mắng xa xả:

- Xem thử nào, con chó này cũng thế, mày sủa cho to hơn một chút không được hả?

Rồi mụ gọi Xỉ-nọi vang khắp nhà. Không nghe tiếng trả lời, mụ một tay xách chiếc gậy, vừa dùng đánh chó xong, một tay cầm đèn xồng xộc bước vào buồng Xỉ-nọi. Em đang dở tỉnh dở mê mụ gắt om lên:

- Mế mày, không phải tao mua mày về để ăn cơm với ngủ cho béo xác ra đâu. Dậy ngay, quân tôi đòi khốn kiếp, mau đi lấy nước nóng đến rửa chân cho bà đây.

Mụ ngồi phịch lên giường, dáng bệ vệ, bỏ thõng hai chân ra ngoài, chờ. Xỉ-nọi giật mình vùng dậy quờ quạng, dụi vội cặp mắt ngái ngủ, rồi lúi húi chạy đi lấy nước nóng đổ vào chậu, múc nước lã vào pha cho vừa âm ấm, giật cái khăn vắt lên vai, khệ nệ bưng nước đến rửa chân cho quan bà. Thế nhưng mụ vẫn chưa vừa lòng. Xỉ-nọi vừa đặt thau nước ấm xuống nền nhà, đưa tay đón chân mụ để đặt vào chậu ngâm,

mụ liền duỗi chân đạp thẳng vào ngực Xỉ-nọi làm em ngã ngửa ra sau, đay nghiến:

- Cho mày nhớ lấy, tao mà chưa ngủ thì mày không có quyền ngủ, nhớ chưa?

Xỉ-nọi sợ run lên, đáp:

- Dạ thưa bà nhớ rồi ạ.

Em ngồi xếp chân xuống nền nhà, khẽ ôm lấy chân mụ đặt vào chậu nước ngâm. Sau khi nhẹ tay kỳ cọ hai chân của mụ rồi, em rút chiếc khăn trên vai xuống lau thật ráo cho mụ. Rửa chân xong, mụ quay vào, duỗi mình nằm xuống giường, Xỉ-nọi vội kéo chăn, mở ra đắp cho mụ, nhưng mụ đã giơ tay lên gạt đi, nói:

- Chưa đắp vội, lên đây đấm lưng cho tao đã. Hôm nay tao mỏi lưng lắm.

Xỉ-nọi khe khẽ nhoi lên giường, quỳ gối lên đệm, đưa tay đấm bóp hết chân đến bụng, đến lưng cho mụ, chẳng biết bao giờ mới xong khắp được thân hình của mụ. Xỉ-nọi buồn ngủ quá, em gục mặt xuống đệm mà không biết. Thấy thế mụ liền quờ lấy chiếc quạt đặt ở đầu giường cứ nhắm vào đầu Xỉ-nọi mà nện rất mạnh. Xỉ-nọi giật mình tỉnh dậy, lại tiếp tục đấm bóp cho đến sáng. Bây giờ, em mới đắp chăn cho mụ, buông màn xuống, vén chăn màn kỹ lưỡng rồi mới đi ra.

Xỉ-nọi đã bị đánh đập, đè nén, chửi mắng như thế suốt từ ngày mới đến nhà mụ. Hết mụ lại đến thằng con trai lớn của mụ hành hạ. Còn lão chồng mụ thì không hay đánh chửi em, vì hắn không mấy khi có mặt ở nhà. Hai ba ngày, có khi hàng tuần hàng tháng mới thấy hắn vác mặt về nhà được một lúc.

Mụ chủ nhà là một người đàn bà ưa làm đỏm, ưa trang điểm, thích rủ rê khách đến nhà trò chuyện suốt ngày suốt đêm. Có khi mụ mở sòng bạc ngay trong nhà. Cũng có khi mụ đi đâu vắng mặt cả ngày cả đêm. Bạn bè của mụ thì nhiều lắm, cả đàn bà lẫn đàn ông. Phần lớn là bọn lái buôn to, bọn chậu cốc chậu lâu, chậu khún mun nai[1]. Bọn này đều nhất trí tán tụng mụ là người vui tính, bụng dạ hồ hởi.

Vừa rồi, có một lão khách đến nghỉ ở nhà mụ. Hắn trạc bốn mươi. Mụ chủ dặn hai cậu con trai phải gọi lão khách là quan lớn. Cứ trông người lão thì quả lão rất xứng đáng với cách gọi đó, vì lão có một thân hình béo tốt, tròn núng nính, bụng gập thành từng nếp thịt dày, cổ nổi từng ngấn, da mặt căng bóng. Còn cái đầu thì lại choi choi giống như hai cái hoa chuối. Hai cái má phính đầy thịt đã ép hai mí mắt híp vào nhau, làm cho hai con mắt giống như hai cái nhọt. Da mặt tái nhợt. Thân hình quan lớn mềm nhũn tựa như không có xương, mà chỉ toàn là mỡ với mỡ.

[1] Tù trưởng, tộc trưởng.

Quan lớn là một người biết ăn biết nói, ăn nhiều, nói to, uống lắm. Mồm vừa nhai vừa nói vừa thở hổn hển như bị nghẹn mỡ. Quan lớn ăn khoẻ ngủ cũng khoẻ. Chả là nghề nghiệp của quan lớn là bóc lột để ăn chơi chè chén mà.

Từ khi quan lớn tới đây thì sòng bạc đã mở ra ầm ĩ trong ngôi nhà này, hầu hạ phục dịch cho các quan khách cả ngày lẫn đêm. Quan lớn thì cứ chốc lại gọi nước, chốc lại đòi ăn cháo, chốc thì đòi ăn ngọt. Xỉ-nọi hết chạy đi múc nước, lại chạy đi lấy cặp lồng đến cửa hiệu bán cơm mua cháo về cho quan lớn. Cứ mỗi lần quan lớn làu bàu đòi ăn thức nọ, thì mụ chủ liền đưa mắt trừng trừng nhìn Xỉ-nọi, mụ sợ Xỉ-nọi hầu hạ phục dịch không đến nơi đến chốn không làm đẹp lòng hắn.

Quan lớn xếp bằng tròn trên một tấm chiếu mới rất êm, nhưng hình như hắn vẫn chưa vừa lòng lắm.

Thoáng thấy quan lớn hơi nhíu mắt tỏ vẻ khó chịu, mụ chủ liền vội vã gọi ngay:

- Xỉ-nọi, lấy cái Xa na[1] đến cho quan lớn ngồi!

Quan lớn đưa mấy ngón tay trắng bụ, nặng nề vì những chiếc nhẫn ngọc nhẫn vàng, cầm những lá bài lên xem rồi đánh xuống. Có lúc quan lớn rút cả nắm

[1] Cái đệm ghế.

tiền vãi xuống. Mấy con bạc đưa mắt hau háu nhìn theo số tiền của quan lớn, tỏ vẻ khoái chí lắm.

Quan lớn là một nhà buôn giàu có ở vùng này, nhưng bản thân hắn thì chưa bao giờ sờ đến cây mạ, mà thậm chí lúa cấy ra làm sao nó cũng mù tịt. Hắn chỉ biết có một điều là người ta gặt lúa vào tháng nào mà thôi. Nó có họ với quan tỉnh trưởng. Hai người thường hay đi lại biếu xén thịt cá luôn. Dựa vào quan tỉnh trưởng, hắn được quyền thu mua gạo của nhân dân theo giá chúng qui định ra. Nó quen thói mua vào cân già bán ra cân non. Hàng năm cứ đến tháng một, nó cùng bọn tay chân mang hàng đi đổi thóc của dân, chúng nói dối những dây chuyền đồng là dây mạ vàng, những chiến nhẫn nạm những viên thuỷ tinh thì bảo là nhẫn kim cương. Lão tỉnh trưởng còn cho nó được đặc quyền mua lưỡi cày nước ngoài về đổi lấy gạo của dân, rồi lại mang gạo của dân đi bán ở nước ngoài lấy hàng rồi lại mang hàng về lừa đảo nhân dân. Vì vậy, có khi người cày ruộng lại phải mua gạo của nó với giá đắt để ăn. Nó đã đi lại chơi bời thân mật và đã từng chung vốn buôn bán làm ăn với em gái Tà-xẻn Muội từ hồi còn ở Băng Cốc.

Ngày Tà-xẻn Bun ở bản Hay vốn cũng có họ hàng với mụ, trước vẫn thường đến nhà uống rượu chơi bài. Nhưng từ năm ngoái lại đây, hắn và gia đình hắn chưa hề đặt chân đến nhà mụ lần nào, chả là vì hắn

rất cay Tà-xẻn Muội, mà tên này lại là anh em ruột của mụ.

Số là năm ngoái các quan người Pháp và các quan trên người Lào ở Viêng Chăn có đánh điện về cho Tà-xẻn Muội biết trước là họ sẽ về kiểm tra tình hình dân trong sáu xã ở đây. Tà-xẻn Muội liền ra lệnh cho dân trong sáu xã phải nộp gạo và thức ăn để đón tiếp.

Ngoài ra, mỗi nhà cần phải nộp ba loại thịt thú rừng là chồn, sóc, và gà rừng, vì các quan trên Viêng Chăn chỉ thích ăn *lạp-sóc, môi chồn và ó gà rừng*[1]. Nhân dân trong sáu xã đổ nhau vào rừng tìm cho được ba loại thú đó kẻo bị tù. Bên bản Hay, Tà-xẻn Bun cũng ra sức đốc thúc dân đi tìm đủ bao loại thịt đó cốt để làm đẹp lòng các lão quan trên ở Viêng Chăn. Nó ra lệnh từng nhà phải nộp đủ số thịt. Lão Tà-xẻn Muội thấy Tà-xẻn Bun làm hăng thì đâm lo, nó sợ người bà con của mình nhân cơ hội này được các quan trên khen ngợi sẽ cho lên chức cao hơn mình, bèn tìm cách hại. Nó cố ý bào cho Tà-xẻn Bun giờ nộp các thứ thịt đó chậm lại, cho nên khi Tà-xẻn Bun dẫn dân bản gánh thịt đến thì đã muộn giờ, máy bay của các quan đã đến sân bay lâu rồi.

Vì thế Tà-xẻn Bun bị buộc tội oan là theo Ít-xa-la, không kính trọng các quan trên, rồi bị bắt trói gô lại,

[1] Các món ăn của Lào

tống giam mất ba tháng. Từ đó, gia đình này không hề đi lại chào hỏi nhau nữa.

Lão quan lớn đến chơi bời nghỉ ngơi ăn uống ở nhà mụ đã được một tuần. Một buổi sáng hắn lên xe ra đi thì cũng đúng chiều hôm đó ô tô của quan ông trở về. Quan ông có thói quen là về đến làng thì cho ô tô phóng nhanh, làm lợn gà vịt chạy tán loạn. Bọn trẻ con đang chơi đùa dọc đường cũng hớt hải chạy tránh như tránh thú dữ. Quan ông có thói quen thích phóng ô tô thật nhanh, càng về gần bản phóng càng nhanh, làm như con đường là của riêng lão, chỉ có lão mới có quyền sử dụng. Cũng vì thế, khi đi cũng như khi về, ô tô của lão hầu như bao giờ cũng chẹt chết ít nhất là một con vật nào đó. Năm ngoái đã có một em bé bị xe lão đè chết tại chỗ, nhưng rồi chuyện ấy cũng lẳng lặng trôi qua, chả là vì hắn là em rể quan Tà-xẻn Muội, lại là một người giàu có nữa.

Chiếc xe chở đầy hàng hoá đã dừng lại trước nhà. Đám trẻ con và một số dân làng vội xúm lại xung quanh xem xe, xem hàng. Xỉ-nọi và hai người ở trại vội vàng chạy ra khuân các thứ xuống. Lão quan ông nhảy phốc ra khỏi xe, giọng hách dịch:

- Thằng này bê cái sọt này xuống. Con kia từ từ vác cái hòm này ra.

Xỉ-nọi vác một cái hòm toàn cốc thuỷ tinh to và nặng gấp hai lần người em ra khỏi xe, rồi cong lưng,

cắn răng từng bước hết sức thận trọng vác vào nhà. Vừa bước chân vào đến cửa thì thằng con trai chủ nhà bỗng từ trong xồng xộc chạy ra vấp vào chân Xỉ-nọi, làm cho em ngã dúi xuống, cái hòm trên vai rơi xuống, cốc thuỷ tinh vỡ tung tóe. Nghe có tiếng đổ vỡ, mụ chủ liền chạy ra, thấy thế thằng chân đạp cổ Xỉ-nọi xuống đất quát tháo dữ dội:

- Mày làm cho nhà tao sạt nghiệp mất rồi. Cơm gạo nhồi nhét vào người mày cũng đã đẫy ra đấy, bây giờ có giết mày đi cũng chẳng oan tí nào. Quân tôi đòi, khốn kiếp thật!

Mụ vừa chửi vừa cúi xuống tát túi bụi vào mặt Xỉ-nọi còn đang ngồi dưới đất chưa gượng dậy nổi.

Khi rơi xuống, chiếc hòm đã đè lên chân Xỉ-nọi, làm cho em đau buốt. Thế nhưng mụ chủ lại còn đạp cổ em xuống, đánh đập liên hồi. Mặc dù bị đánh đập thậm tệ như vậy, Xỉ-nọi cố cắn răng nuốt nước mắt chịu đựng vì em thấy việc em vừa gây ra to lớn tày trời. Trước đây, trong lúc em thu dọn tấm khăn trải bàn ăn cơm, em vô ý đánh vỡ một chiếc cốc thôi mà mụ chủ đánh đập em không tiếc tay. Còn lần này bao nhiêu những chiếc cốc loại quý trong hòm đều rơi vỡ tan tành, thì có giết em đến mấy lần vẫn chưa xứng. Xỉ-nọi có thể cố gượng dậy được, mặc dầu chân tay mặt mũi bầm tím đau đớn, nhưng em vẫn cứ nằm

đấy mặt úp xuống đất, nước mắt giàn giụa. Em chờ họ giết.

Thấy vậy, quan ông hốt hoảng, tưởng Xỉ-nọi đã bị gãy chân, nó đến cầm tay kéo Xỉ-nọi dậy. Nhưng khi thấy em vẫn nguyên lành, nó liền đay nghiến.

- Xem kìa, cái đầu mới bằng nắm tay mà đã đóng kịch giỏi thế. Cứ nằm đấy mà giả chết.

Dứt lời, nó lại đạp Xỉ-nọi ngã gục xuống lần nữa. Xỉ-nọi sợ run lên vội vàng cà nhắc đi vào nhà. Bọn trẻ con đang đứng tò mò xem xe ở trước sân trông thấy cảnh đó phá lên cười. Có một em bé đứng tách riêng một mình, tay khoanh tròn trước ngực. Em quãng tám tuổi, khuôn mặt bầu bĩnh, tóc cắt kiểu đọt thon, mặc một chiếc quần của người lớn đã bị rách đít chắc là của bố, ống quần xắn cao lên. Em đứng yên lặng chứ không hò hét như những đứa khác. Dân làng thường gọi em là thằng Tun vì em là một cậu bé biết điều trong làng, mặt mày lại bầu bĩnh như con tun. Thấy Xỉ-nọi bị vợ chồng chủ nhà chửi mắng hành hạ đủ điều, rồi sợ hãi đi vào nhà, thằng Tun liền chạy vòng ra phía sau nhà đón Xỉ-nọi. Thằng Tun biết rất chỗ để củi đằng sau buồng ngủ của Xỉ-nọi vì nó thường trốn đến đấy chơi với Xỉ-nọi nhiều lần rồi. Nhìn trước nhìn sau không thấy ai, Tun liền chạy vào buồng tìm Xỉ-nọi. Hắn phải rất cẩn thận, dè chừng, vì mụ chủ cấm ngặt không cho trẻ con trong làng vào

nhà, mụ rất ghét bọn trẻ con vì sợ chúng xoáy đồ đạc trong nhà.

Lúc nãy, thằng Ly là đứa ở lại trong nhà rình trông thấy thằng Tun vào chơi với Xỉ-nọi ở nhà bếp đã vác gậy đánh đuổi. Xỉ-nọi đành úp mặt vào cái gối vải nhỏ khóc nức nở một mình trong căn buồng ẩm ướt tối tăm. Tun xích đến gần Xỉ-nọi, khe khẽ gọi:

- Xỉ ơi! Xỉ ơi! Tao đến chơi với mày đây, đừng khóc. Lát nữa mụ chủ đi đánh bài tao sẽ dẫn mày đi xem trứng chim nghe.

Xỉ-nọi nín khóc, đứng dậy đi đến chỗ thằng Tun, rồi lại khóc nấc lên một lần nữa. Tun thấy thương Xỉ-nọi lắm và lúc này cảm thấy mình như một người lớn vì thông thường khi khóc trẻ con cũng hay đến tìm người lớn. Tun vươn người lên một ít, ngoẹo cổ liếc xem vai bên phải của mình đã cao hơn được đến đâu rồi. Tun muốn chóng lớn để có sức đẩy con trâu Bãi Tre biết bắc cày như bố. Em lại vươn người lên, ưỡn ngực căng ra, làm ra dáng người lớn, xích dần gần Xỉ-nọi, đưa tay lên xoa tóc Xỉ-nọi, rồi đổi giọng cho giống người lớn nói:

- Xỉ-nọi, đứng khóc, tao sẽ dẫn mày đi trốn với Ít-xa-la cho mày thành người nấu cơm cho tao ăn. Tao sẽ đi làm bộ đội trở về đánh chiếm lấy ngôi nhà này.

Xỉ-nọi biết Tun là một thằng bạn rất tốt, những lúc đến chơi với Xỉ-nọi bao giờ nó cũng thích làm ra vẻ người lớn. Nghe giọng nói của Tun, Xỉ-nọi tạm quên được phần nào nỗi đau đớn cực nhục lúc bấy giờ. Em cố nén sự căm phẫn đau khổ đầy ứ trong lòng, ngước mắt nhìn Tun, nói:

- Chà, mày nói nghe cứ như bố tao không bằng.

Thằng Tun thấy xấu hổ, tủm tỉm cười, Xỉ-nọi không nhịn được cũng cười theo. Nghe tiếng cười, thằng con trai bà chủ, cái thằng đã xô vào chân làm cho Xỉ-nọi bị ngã đó, đã chạy đến dòm xem. Trông thấy thằng Tun, nó liền chạy đi mách mẹ:

- Mẹ ơi mẹ, cái thằng Tun con mụ Ta-Phăn-hắc lào lại mò đến đấy.

Thằng Tun sợ quá chạy biến vào rừng phía sau bản trốn biệt. Xỉ-nọi giật mình, nhảy thót xuống giường chạy đến gần lắng nghe. Em đinh ninh là sẽ bị một trận đòn. Nhưng mụ chủ đang khoa chân múa tay, chỉ trỏ, sai khiến người ở khuân vác đồ đạc ra khỏi xe, mụ vừa quát vừa mắng, tiếng kêu the thé vang nhà cho nên không nghe thấy tiếng đứa con đến mách. Thấy mẹ không để ý gì đến mình, thằng bé quỷ quái này càng thét to lên:

- Mẹ, thằng Tun con mụ Phăn-hắc-lào lại mò đến đấy!

Nhưng mụ vẫn không nghe thấy gì cả, vì mụ đang nổi cơn tức, gắt mắng người ở rối rít. Thằng bé ức điên người giống hệt bố nó giật lấy giật để làm cái váy tụt xuống, mồm thét lên:

- Đã bảo là thằng Tun nó lại mò lên nhà nữa đấy, tai điếc hay sao mà nói mãi chẳng nghe thấy gì cả thế?

Mụ tái mặt, vội vàng cúi xuống túm lấy váy, đương cơn tức không còn nhịn được, mụ đốp cho nó một cái vào đầu. Thằng bé ranh mãnh xấc láo này vùng vằng khóc thét lên, đưa tay quờ lấy một hòn đá ném mẹ nó, mồm chửi đủ điều tục tĩu bậy bạ. Những lời chửi mắng tục tĩu đó cũng như thái độ xấc láo, lì lợm cứng đầu này của thằng bé đều đã học được ở ngay chính mẹ nó. Những lời chửi mắng bố mẹ nó thường sử dụng đối với người ở nhà thằng bé nghe được đã tích luỹ từ lâu nay giờ nó đều mang ra để gửi trả lại cho mẹ nó cả. Cũng nhờ có chuyện này Xỉ-nọi mới tránh được một trận đòn.

Mặt trời đã lặn, bóng tối dần dần trùm lên mọi nơi. Xỉ-nọi cà nhắc bước vào bếp, đã đến lúc em phải giúp người làm bếp lau bát lau thìa, xong còn phải lên trên nhà dọn dẹp trải bàn ăn rồi trở xuống bếp mang thức ăn lên bày vào mâm trên bàn.

Chiều nay chồng mụ không được vui lắm, ngồi vào mâm cơm mà mặt cứ khó đăm đăm, lông mày

xoắn lại. Một đứa con trai của hắn cựa quậy nhỡ tay làm bát cheo nước mắm đổ vung vãi xuống khăn trải bàn, thế là hắn đứng vụt dậy cho luôn một cái tát vào mặt ngã lộn nhào. Trước đây, hai thằng con hắn còn quấy phá ghê gớm hơn thế nhiều, nhất là những lúc ăn cơm, chúng thường đùa nghịch nhau, khi thì làm đổ bát canh, khi thì làm vỡ phích nước hoặc ấm chén, khi cầm thìa vất lung tung làm thức ăn bắn tung toé khắp bàn, nhưng bố mẹ chúng chỉ nhìn nhau cười. Vậy mà lần này, thằng bé làm đổ có bát cheo thôi, đã bị một cái tát nên thân. Thấy thằng bé khóc thét lên, mụ vợ trợn tròn mắt nhìn chồng, nói kháy:

- Giết cho nó chết đi luôn thể.

Vừa lúc đó thì Xỉ-nọi mang bát ó vào, bát to lại nóng. Xỉ-nọi chân đau bước đi còn khập khiễng nên nước ó bị sóng sánh tràn ra ngoài mép bát. Sẵn cơn tức mụ ngoắt tay gọi Xỉ-nọi đến gần, bảo đặt bát ó xuống bàn rồi quát:

- Bao giờ mày mới nhớ lấy những lời tao dặn hử. Chẳng biết bao giờ mày mới thành ra một con người được. Mày nhìn bát ó thử xem nào.

Vừa nói mụ vừa kéo tai Xỉ-nọi giật mạnh, làm cho cái que nhét trong lỗ đeo hoa tai gãy nát đi, máu chảy ra, Xỉ-nọi vội ôm lấy tai đau đớn, sợ run lên. Chồng mụ chỉ tay về phía cửa, xua Xỉ-nọi:

- Đi ra, đừng đứng ở đây nữa.

Xỉ-nọi đỡ lấy tai, cúi mặt xuống, mắt đẫm lệ vội bước ra. Xỉ-nọi chưa kịp bước ra khỏi cửa thì hắn đã co chân đạp cánh cửa làm cánh cửa đánh sầm một cái vào lưng em, xô luôn em ra ngoài.

Tiếng cãi vã giữa hai vợ chồng mỗi lúc một ầm ĩ. Những người nấu ăn và phụ xe đang ăn cơm dưới bếp cũng dừng lại lắng tai nghe. Chồng mụ nện nắm đấm xuống bàn thật mạnh, quát to:

- Quan lớn, quan lớn cái mẹ mày. Chính mày làm tao mất mặt bao nhiêu lần rồi.

Mụ vợ không chịu lép vế, quát trả lại:

- Cái đầu mày đấy, nó mà mòn như chân thì đã không có cái để trả *cheo* rồi còn đâu!

Tiếng đánh nhau chan chát, tiếng bát đĩa, cốc phích xô vỡ loảng xoảng vang khắp nhà. Hai đứa bé sợ quá rú lên khóc.

Trong cái phòng tối om, Xỉ-nọi nằm vật vã một mình, một tay ôm lấy bên tai đau, một tay ôm cái bọc vải của mình vào ngực, vừa thì thầm, xót xa gọi bố:

- Bố ơi bố, bố ở đâu, bố đến đưa con về nhà với bố ơi!

Từ khi đến ở ngôi nhà này, Xỉ-nọi không biết làm ăn ra sao cả, cái gì ở đây cũng khác với nơi em đã

sinh ra, lớn lên, tuy thức ăn thức uống nhà này đầy đủ thừa thãi, nhưng em lại còn thiếu thốn cơ cực hơn trước. Mụ chủ cứ lảng vảng dưới nhà bếp luôn và thường chê trách gắt gỏng người ở, nào là hôm nay canh mặn quá, nào là hôm qua rau xào chín quá hay sống quá, nào là hôm nọ bát ăn lau không sạch, thôi thì đủ điều, đủ chuyện, không sao kể hết được. Làm như thế nào mụ cũng không vừa lòng. Giọng mụ làu bàu gắt gỏng hầu như không ngày nào là không nghe tiếng. Có những lần mụ còn đe cắt cả tiền công nữa. Mụ bịa ra đủ chuyện, vu cho người ở ăn vụng, ngồi rồi, đuôi cá mẩu thịt ăn thừa bỏ dở mụ cũng tra vấn luôn. Mụ rất chi ly, thuộc loại đếm củ dưa hành đo lọ nước mắm, hễ lúc nào thấy thiếu cọng rau một lát thịt là mồm mụ quang quác lên ngay. Bọn người giúp việc chỉ được ăn những thức ăn thừa của nhà mụ, nghĩa là những thứ mà nhà mụ không ăn được, bỏ lại. Còn Xỉ-nọi là phận tôi đòi chỉ được ăn những cơm thừa canh cặn của những người giúp việc trong nhà thôi. Vì vậy, Xỉ-nọi chẳng bao giờ được sờ đến tí thịt, tí trứng, có khi cả đến cơm cũng không có ăn, vì nhiều hôm chỉ còn vừa đủ cho con chó của mụ chủ ăn mà thôi. Thường ngày Xỉ-nọi rất đói. Một hôm Xỉ-nọi bưng một bát thịt lợn xào lên mâm, mùi thức ăn thơm phưng phức làm em nuốt nước bọt, bụng cứ sôi lên, không nhịn được, em đã ăn vụng một miếng. Mụ chủ nhà vốn là người tham lam keo kiệt đã để ý theo dõi

Xỉ-nọi từng ly từng tý, nhất là những lúc em bưng thức ăn lên mâm. Mụ thấy Xỉ-nọi bịt mồm lén nhai thịt, liền gọi em đến gần, buộc em há mồm ra xem, rồi tát mồm em, đay nghiến:

- Quân đầy tớ tôi đòi thiên hạ, mày lại tập ăn trộm ăn cắp như bố mày đấy hả. Bố mày đã ăn trộm ăn cắp ở nhà anh tao, bây giờ mày lại định đến xẻo tai cắt mũi tao đấy phải không? Đúng là cái bọn đi ăn đi ở thì có nhồi nhét vào bụng bao nhiêu cũng không đầy. Thảo nào nó chả khổ chả sở kia chứ.

Xỉ-nọi không hiểu được vì sao lão chủ, mụ chủ lại chẳng hề đi ruộng đi rẫy bao giờ mà vẫn có dưa có bí cho con cái họ ăn. Trong con mắt của em, mụ chủ cũng là một người tai to mặt lớn, có quyền hành, nhưng tại sao trước mặt cái lão già đầu nhọn bụng to mà họ quen gọi là quan lớn kia lại có thái độ lén lút sợ sệt như thế. Trong khi hầu hạ phục dịch, Xỉ-nọi có lúc cũng cũng trông thấy mụ chủ liếc mắt đưa tình, phóng ánh mắt chiêm ngưỡng quan lớn mà cả thân hình hắn không có chỗ nào dễ coi cả. Xỉ-nọi quả không thể hiểu được thái độ đó của mụ, vì thường ngày mụ vẫn chê bai người này người nọ đủ điều, khi thì chê người này béo trục béo tròn, khi thì chê người nọ cao lêu nghêu, kẻ thì bị chê mắt lác, kẻ thì bị mụ chê là mồm móm. Đối với mụ có người nào đẹp đâu.

Cả tới trong cách ăn nói trong cái xã hội này, Xỉ-nọi cũng ngơ ngác không hiểu nổi. Cách nịnh hót cũng không giống ở làng ở huyện em. Xỉ-nọi bị không biết bao nhiêu trận đòn chỉ vì em xưng hau (tôi) và tô (cậu) với người khác, với bạn bè của mụ. Người ta bắt em phải nói đôi, khả nọi (dạ, kẻ tôi đòi) khi trả lời người khác là than (ngài), là môm (bà), là át-nha (quan lớn). Khi trao cái gì cho ai phải đưa bằng hai tay. Lúc bưng nước đến cho người nào mà em quên cầm vào mép bát như thói quen ở quê nhà thì em bị mụ tát tai ngay. Xỉ-nọi không biết ăn ở ra làm sao ở cái nhà này, làm thế nào cũng không đúng ý của người khác, và vì thế mà cứ bị đánh đập chửi mắng luôn. Lúc ăn lúc ngủ, khi đi khi đứng, khi ngồi, Xỉ-nọi đều lấm lét sợ mụ chủ đứng rình đâu đó, hễ thấy em có tí sai sót nào là chộp lấy để hành hạ. Cũng vì thế, không có lúc nào em cảm thấy thư thái trong lòng, và em thường nghĩ đến bố đến anh, nghĩ tới bản làng và cây đa to ở rìa bản, nơi ngày trước em thường cùng với bạn bè đến chơi đùa ở đấy, em cũng nghĩ tới con chim của người anh cho em dạo trước, lòng em như thắt lại, em buồn khổ vô cùng. Đời sống quá thiếu thốn làm cho em đã gầy lại càng gầy yếu thêm. Xỉ-nọi rất mệt nhọc, nhiều đêm em nằm ngủ mê thấy bố, thấy anh, thấy cái túp lều nhỏ rách, nơi em đã sinh ra và lớn lên ở đấy, nó đã trở nên vô cùng thân thuộc với em. Đến khi sực tỉnh,

Xỉ-nọi lại rơi vào cuộc sống thực tế đau đớn là em đã sống xa cách bố và anh rất yêu thương của mình, là em đang ở trong ngôi nhà đầy rẫy những cảnh nặng nề khổ sở, luôn đè nén trái tim của em. Không thể chịu đựng được nữa, em ôm cái gói vải nhỏ trong đó bố em đã nhét một bộ váy áo còn lành của em, một chiếc phe-piêng màu vàng kim tuyến của mẹ em chết để lại mà khóc nức nở một mình. Em vừa khóc vừa khe khẽ gọi bố gọi anh:

- Bố ơi, bố ơi! Đến mang con về với. Anh No ơi, em đau khổ lắm, đến dẫn em trở về nhà ta đi anh ơi.

……..

Đời sống cơ cực, những nỗi đau lòng và nỗi nhớ nhà, nhớ bố nhớ anh đã thôi thúc Xỉ-nọi nghĩ đến việc tìm cách trốn khỏi ngôi nhà này. Xỉ-nọi vẫn còn nhớ lờ mờ con đường họ đã đưa em đến đây, nhưng em nghĩ nếu trốn về bằng con đường ấy, sẽ bị người ta cưỡi ngựa đuổi theo bắt được dễ dàng, chỉ quyết tâm đi tắt con đường qua rừng mới về tới bản. Nghĩ tới đường rừng, cảnh rừng sâu rú rậm, rắn rết hùm beo cũng làm cho em hơi chột dạ, nhưng nỗi nhớ nhà, nhớ bố, nhớ anh cứ như thắt chặt lòng em, cảnh sống khổ nhục ở đây và nỗi sợ hãi mụ chủ nhà này đã làm cho em quên hết mọi nguy hiểm có thể gặp trên đường đi trong rừng. Gần đến sáng, Xỉ-nọi đeo cái bọc vải nhỏ

lên vai trốn vào rừng, mặc dù không biết lối đi. Xỉ-nọi cứ cắm đầu chạy thẳng một mạch vào rừng, miễn sao tránh được ngôi nhà này. Lòng như thiêu như đốt em chạy vội chạy vàng, vấp ngã xuống lại đứng dậy lật đật chạy tiếp. Đến khi mặt trời đứng bóng, nắng gắt, Xỉ-nọi mới cảm thấy mệt nhoài, đói lả. Em lần mò xuống vực vục nước suối uống, rồi ngồi tựa vào một tảng đá nghỉ, thân hình ướt đẫm mồ hôi. Em mệt quá, hầu như không thể đứng dậy nổi, đầu gối và bàn chân vừa sưng vừa toé máu. Xỉ-nọi ngả người nằm trên tảng đá thở hổn hển như con chim nhỏ bị gãy cánh.

Bờ suối mát mẻ, cảnh vật lặng ngắt. Chim cú buồn ngủ đứng dưới chân vực, chim bói cá màu vàng pha màu quả cọ đậu yên trên cành tre bên suối không động đậy chờ bắt cá. Khi đã đỡ mệt, Xỉ-nọi cảm thấy bụng đói, bèn đi kiếm quả cây và ra rừng ven suối để ăn. Cảnh vật lặng ngắt làm em rợn người. Nỗi sợ hãi như cứ ngấm dần vào da thịt theo mỗi bước chân. Mỗi lần có tiếng con rắn mốc bò qua đám lá khô hoặc tiếng con sóc đạp gãy những cành cây khô rơi xuống kêu lạo xạo lại làm em giật mình sợ hãi. Em không còn nhận ra phương hướng, không còn nhớ lối đi nữa, ngay cả con đường để trở lại con suối lúc nãy cũng quên nốt. Xỉ-nọi hoảng hốt, không còn hi vọng gặp lại bố và anh nữa, em khóc thét lên ở giữa rừng

…….

Ở nhà mụ chủ vừa ngủ dậy, không thấy Xỉ-nọi mang nước nóng vào cho mụ rửa mặt như mọi sáng, mụ bực tức cho tìm gọi Xỉ-nọi rối rít, mồm cứ lẩm bẩm chửi mắng. Gọi mãi không thấy, mụ hiểu ngay là Xỉ-nọi đã bỏ trốn về bản rồi, mụ liền cho người đuổi theo ngay để bắt lại. Trong lúc Xỉ-nọi chạy qua cánh đồng có một em bé chăn trâu đã nhìn thấy nên mụ đoán biết ngay là em trốn vào rừng, mụ càng tức, sai một người ở cưỡi ngựa đi tìm. Người này vừa đi tới bờ suối thì nghe có tiếng khóc. Nó lần theo tiếng khóc và đã gặp Xỉ-nọi, bắt em đưa về nhà. Mụ chủ hành hạ Xỉ-nọi rất dã man cho hả cơn giận của mụ. Mụ đổ ớt khô vào lửa rồi đè cổ Xỉ-nọi xuống bắt ngửi, vừa mắng chửi vừa doạ nạt:

- Đồ chó đẻ, từ nay nhớ lấy nhé, chửa đi nhé, một lần này bà tha cho, còn trốn nữa là bà chém đầu.

Hơi ớt nồng nặc xông lên làm cho mắt mũi Xỉ-nọi cay xè không còn thở được nữa, sắp đứt hơi, em giãy giụa, đau đớn khóc thét lên, chắp tay vái:

- Chừa rồi, con xin chừa rồi.

Nói xong, Xỉ-nọi ngất luôn. Mụ đàn bà tâm địa độc ác này thấy Xỉ-nọi ngất đi cũng hoảng sợ, mụ sợ em chết đi là mất người để sai bảo, nên giục bọn người ở cả trai lẫn gái múc nước dội vào người em và xoa bóp chân tay cho em tỉnh lại. Một lúc, Xỉ-nọi mới

từ từ mở mắt tỉnh lại, em liền quờ tay tìm cái bọc vải nhỏ. Không thấy đâu cả, Xỉ-nọi lăn người vật vã trên nền nhà khóc lóc. Mụ chủ cầm chiếc khăn phe piêng màn kim tuyến giơ cho Xỉ-nọi xem, cười khảy bảo:

- Mày muốn cái này à? Mày đã ăn cắp ở đâu, thứ khăn này chỉ có các cô các bà nhà quan mới có, tao phải giữ lại.

Nghe nói người ta sẽ lấy mất cái khăn, Xỉ-nọi khóc quay cuồng, bò đến dưới chân mụ vừa vái vừa lạy van nài:

- Bà ơi, cho con xin, cái khăn này là của mẹ con, không phải con ăn cắp của ai cả.

Mụ đàn bà lòng tham dạ đá này nói thản nhiên:

- Mày có khóc đến nước mắt thành vũng thành hồ tao cũng không trả lại cho mày đâu, tao phải đi dò hỏi xem mày đã ăn cắp của ai. Cái khăn này mà của mẹ mày hả, đừng có mà dối tao, bọn nhà quê nghèo khổ chúng bay lại có được cái của này à. Xích ra, đừng ôm chân ôm cẳng tao làm gì.

Dứt lời, nó co chân đạp Xỉ-nọi văng ra. Xỉ-nọi không kìm được, cứ lăn lóc quay cuồng trên nền nhà, người co quắp lại như bị đứt hơi. Tiếng kêu khóc thảm thương của em vang xa, nhiều người trong làng kéo nhau đến đứng xem. Một bà cụ nói:

- Bà Chăn, làm gì mà quá vậy, đồ đạc của trẻ con lấy làm gì. Nó nghèo nó khó trả cho nó đi. Cứ để nó giãy giụa vật vã thế kia, lỡ ra nó đứt hơi chết do thì làng xóm người ta sẽ nói bà chẳng ra gì đâu.

Nghe lời bà cụ nói, mụ cảm thấy xấu hổ, liền cuộn chiếc khăn vo tròn lại rồi ném xuống cho Xỉ-nọi, mồm kêu lên:

- Đấy, cầm lấy, đem mà thui cái đầu mày đi cho đáng kiếp.

Xỉ-nọi vồ lấy khăn, ôm chặt vào ngực như gà mẹ che chở cho gà con của mình chống lại với diều hâu.

… Hai ba ngày sau khi quân địch đã bị tiêu diệt nặng ở đầu cầu Huột kịa, bản Phó nhận được tin bác Chan phệt và cả nhóm bác bị bắt trước đây đã trốn thoát khỏi nhà tù tỉnh cùng với một số lính gác.

Lão Tà-xẻn cùng với đám chức dịch nghe tin đó sợ run lên, chả là chúng vẫn thường bắt nạt nhân dân và chính bọn chúng đã bàn mưu tính kế bắt Chan phệt và cả nhóm của bác. Bọn đại bợm này hốt hoảng sợ hãi cũng là điều dễ hiểu thôi, vì ngay đêm hôm đó, tiếng súng đã nổ ra ở rìa bản. Ngay sau đó, tiếng súng ở đồn lính gần nhà lão Tà-xẻn cũng nổ vang trời. Bác Phăn đã tổ chức một số thanh niên nam nữ trong làng tiến đánh vào đồn lính này. Nhân dân bản Phô cả lớn bé già trẻ trai gái đều cùng nhau nổi dậy, người vác

rìu, người cầm cuốc, kẻ mang thuổng mang xẻng ầm ầm kéo đến vây nhà Tà-xẻn. Họ hét ầm lên:

- Bắt lấy nó, lấy đầu nó ra đây, thằng bợm, thằng hút máu, hút tuỷ của nhân dân.

Cùng lúc đó tiếng hát những bài ca cách mạng của đội vũ trang Ít-xa-la cũng vang lên khắp mường khắp bản. Tiếng người già, trẻ con, thanh niên, phụ nữ hát theo vang lừng từ đầu bản đến cuối bản. Tiếng hô khẩu hiệu vang lên từng đợt:

- Hoàng thân Xu-pha-na-vông mặn nhơn![1]

Tiếng lựu đạn, tiếng mìn đã nổ lên thành từng tràng tiếng lựu đạn lẫn với tiếng súng vang trời. Chẳng bao lâu nhân dân bản Phô đã vào chiếm được cả hai đồn lính phía Bắc và Nam trong bản. Quan Cuôn-tha đã bị nhân dân bắt trói mang ra xử tội. Hắn đã phải đền tội một cách xứng đáng. Mọi người đều căm tức tìm kiếm lục soát để bắt tên Tà-xẻn Muội nhưng nó đã biến mất. Hắn bỏ nhà và bốn vợ chạy trốn rồi.

Ngay đêm hôm đó hầu như những người trong bản đều tụ họp lại đây bàn bạc xem Tà-xẻn Muội hiện đang ở đâu, làm sao bắt được nó, lấy được đầu nó về.

Khi vào chiếm nhà, người ta chỉ thấy có vợ con nó. Tà-xẻn Muội đã biến mất rồi. Người nào cũng tức

[1] Hoàng thân Xu-pha-na-vông muôn năm!

là không tóm được nó. Họ bàn cãi trách móc nhau rất dữ. Người này chê trách người nọ là không bảo vệ được cửa ngõ cho chắc. Người này đổ tội cho người khác là trông giữ cửa ngõ cho cẩn thận. Cảnh cãi vã chê trách nhau, đổ tội cho nhau căng thẳng đến mức gay gắt, thậm chí họ giơ cả nắm đấm cho nhau nữa. Bác Phăn đứng yên không nhúc nhích, bác không biết giải quyết thế nào là vì cùng một lúc hàng trăm người cãi cọ, ồn ào chẳng ai chịu nghe ai. Bác Phăn lo lắng đi tìm bà La-ki là vợ bác để giải quyết khó khăn này vì bà La-ki là người biết ăn biết nói, cả giọng nói của bà cũng vang to hơn. Tìm gọi mãi vẫn không thấy trả lời, nên bác đâm lo, chỉ sợ bà yếu chân yếu tay đã ngã quỵ ở chân đồn đầu bản không biết chừng.

Chỉ một lát sau, người ta nhìn thấy có ảnh lửa cà-boong le lói từ xa đến. Hai thanh niên đứng gác ở đấy liền bồng súng chạy đến hô:

- Dừng lại, dừng lại, không được vào!

Vừa dứt lời thì người cầm cà-boong đã mắng trở lại:

- Bọn mày định bảo dừng, dừng cái gì, muốn bắt bà lão già này hẳn, có mau chúc mũi súng của bọn bay xuống đất đi không? Chà chà, cái lũ ranh con này.

Nghe tiếng nói họ nhận ra bà cụ La-ki. Mọi người cười reo lên, nói này nói nọ để chọc tức bà. Bà La-ki

xốc váy lên, một tay cầm cà-boong, một tay cầm kiếm ấn vào lưng của tên tù binh, bước chân dài và khoẻ, trông bà nghiêm nghị như một chiến sĩ gan góc, tác phong quân chính qui như đã ăn sâu trong xương trong máu của bà cụ La-ki vốn hay bị hen này. Cả đám người đang tụ họp ở đây nhất là đám thanh niên thấy thế phá lên cười rũ rượi. Đồng thời cũng có tiếng vỗ tay ủng hộ bà lão. Nhưng khi ánh lửa cà-boong soi sáng mặt tên tù binh, chẳng phải ai khác chính là Tà-xẻn Muội, mặt mũi tái xanh tái mét, sợ run cầm cập thì mọi người bỗng yên lặng một lát rồi đột nhiên tiếng vỗ tay hoan hô bà cụ La-ki vang lên không ngớt. Mọi người đều cảm thấy hả lòng hả dạ, họ bá cổ nhau nhảy nhót, giậm chân, hò reo sung sướng. Bọn trẻ hô vang trời, xô nhau đến tung bê bà cụ La-ki lên. Bị quấy phá quá đỗi, bà cụ La-ki vừa tức vừa buồn cười quát:

- Chúng mày điên đấy à. Có bỏ tao xuống không, xương tao sắp gãy ra rồi đây này.

Bọn trẻ liền đặt bà cụ xuống đất. Bà húng hắng ho một thôi, đưa hai tay ôm lấy sườn, lẩm bẩm:

- Ôi, ta chết vì cơn ho này mất.

Tiếng reo hò vui vẻ bỗng chốc đã biến thành tiếng gào thét tra vấn tên Tà-xẻn Muội với tất cả lòng căm thù ghê gớm. Mọi người, kẻ thì giơ nắm đấm

lên, kẻ cầm dao, người cầm kiếm xúm lại về phía Tà-xẻn Muội đang ngồi co ro ở sát chân váy bà cụ La-ki. Trước đây Tà-xẻn Muội coi bà cụ La-ki không bằng con sâu con kiến, thế mà bây giờ ngồi sụp xuống đất, chắp tay vái lấy vái để bà cụ La-ki:

- Cụ ơi, cứu con với.

Bà cụ trả lời thản nhiên:

- Tà-xẻn Muội, tôi đây là người làm việc cho dân, không có quyền cứu ông được, Tà-xẻn đã mắc nợ đối với dân thì bây giờ phải do dân quyết định.

Thế là tiếng hò reo lẫn với tiếng đe doạ vang lên dữ dội:

- Giết nó đi, giết nó đi, thằng bợm!

Rồi hàng trăm hàng nghìn tiếng thét tràn đầy căm phẫn:

- Chính mày đã giết con tao!

- Chính mày đã giết chồng tao!

- Giết nó đi, giết nó đi, thằng bợm!

Hàng chục nắm đấm, hàng trăm nắm đấm, cả đao to, đao nhỏ, cả cuốc thuổng đều lao vào Tà-xẻn Muội. Bác Chan-phệt vội chạy tới can, nhưng không kịp. Tà-xẻn Muội đã bị giết, suýt tí nữa là mất xác. Nhân dân bản Phô cũng như những người dân cày

ở đây đều xúm xung quanh bác Chan-phệt. Hàng chục thanh niên chạy lại đến cồng kênh cụ La-ki nâng bổng lên khỏi mặt đất. Bà lại lên một cơn ho. Người nào cũng đòi bà La-ki kể lại chuyện bắt Tà-xẻn Muội cho họ nghe. Bà cụ gắt lên:

- Bỏ tao xuống đã. Chân tao lơ lửng giữa trời thế này bảo tao kể chuyện cho chúng mày nghe thế nào được.

Rồi tiếng đùa nghịch lại vang lên. Vừa lúc đó một thanh niên tóc dài, mặt xinh xắn, thân hình tầm vóc chạy đến nắm tay bà cụ. Bà cụ La-ki ngẩng mặt lên nhìn, rồi chạy đến túm lấy cổ anh thanh niên đó, mừng quá, hỏi rối rít:

- Chao, thằng cháu của bà, thằng cháu nhỏ, thằng Khăm Đen của bà, khoẻ không con, cháu tới bao giờ?

Bà cụ mừng quá, líu cả lưỡi, khi gọi con, khi gọi cháu. Thật ra, bà La-ki được hầu hết bọn thanh niên trong bản yêu quý.

Nhưng chúng cũng thích trêu đùa bà. Trong đám thanh niên bà thương thằng Khăm Đen con Xa-lỳ hơn cả, vì bà thấy anh là người biết điều và chăm làm.

Do xung đột và cãi nhau gay gắt với quan úp-pá-hạt [1], không chịu để cho bọn quan chức áp bức, nên quan úp-pá-hạt càng căm ghét Khăm Đen, nó

[1] Quan coi ngựa.

nói chuyện không đâu rồi bàn tính với bọn chức dịch trong bản cho bắt Khăm Đen giam ở nhà tù ở tỉnh một năm. Được sự giáo dục từ trước của bác Chan-phệt, trong thời gian ở tù Khăm Đen đã ra sức vận động tuyên truyền những người trong tù và cả viên quan Thăm-ma-hong nữa. Do đó, khi Bác Chan-phệt bị bắt vào tù, những người tù và quan thăm-ma-hong trước đây được Khăm Đen giác ngộ ít nhiều đã tạo điều kiện thuận lợi cho bác Chan-phệt trốn một cách dễ dàng. Khăm Đen đã trốn ra ngoài với bác Chan-phệt và một số người tù khác cũng với một lính gác mang theo cả súng. Ra khỏi tù, bác Chan-phệt liền vào rừng bắt liên lạc với bộ phận Lào Ít-xa-la vùng đấy, cùng nhau vạch kế hoạch đánh đồn bản Phô sau khi đã đánh sập cầu suối Huội để cắt con đường tiếp viện của địch. Khăm Đen rất sung sướng được trở về bản cũ gặp lại bà con bè bạn, thấy mặt bà cụ La-ki là người anh quý trọng. Dân bản thấy Khăm Đen trở về mừng rỡ vây quanh anh hỏi han tíu tít. Vừa lúc đó bác Chan-phệt bước vào giữa đám đông, dõng dạc nói:

- Tôi xin hoan nghênh bà con dân bản đã góp phần vào cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, cũng như đã giúp đội vũ trang Ít-xa-la một cách thật sự.

Bác Chan-phệt đồng thời cũng chỉ ra rằng kẻ thù của nhân dân chẳng có gì đáng sợ cả, không có lực lượng nào có thể chống lại sức mạnh của nhân dân.

Bác Chan-phệt cũng đã nhấn mạnh rằng các giai cấp bị bóc lột cần phải giúp đỡ lẫn nhau.

Bác Chan-phệt vừa dứt lời thì tiếng hát những bài ca cách mạng của đội vũ trang Lào Ít-xa-la liền vang lên mạnh mẽ. Tiếng hô khẩu hiệu vang lên dồn dập:

- Hoàng thân Xu-pha-nu-vông mặn nhơn!

- Cách mạng Lào nhất định thành công!

- Nhân dân các dân tộc Lào đoàn kết chiến thắng!

Chờ cho tiếng ồn ào lặng xuống một chút, bác Chan-phệt lại nói tiếp, bác khuyên dân bản phải cảnh giác vì bọn địch có thể trở lại trả thù. Trong khi cầu suối Huội kịa chưa kịp sửa chữa, bọn chúng có thể dùng máy bay thả bom, bắn phá nhà cửa, kho thóc, giết hại dân bản. Là người nhìn xa thấy rộng, lúc nào cũng lo lắng đến đời sống của nhân dân, bác khuyên dân bản nên đưa một số đồ đạc, thóc gạo vào giấu trong rừng ở hốc suối, hốc rãnh để chuẩn bị cho những cuộc chiến đấu sắp tới.Tin thất bại đau đớn của địch ở bản Phô chưa tới bản Hay nơi Xỉ-nọi đang ở. Đêm hôm sau, dân bản Hay cũng nổi dậy lật đổ chính quyền của Tà-xẻn, chiếm đồn địch, đã trừng trị xứng đáng bọn phản động trong tiếng súng vừa nổ, hai vợ chồng mụ chủ mắt la mày lét hối hả bế lấy hai thằng con và các thứ lên xe định chạy trốn. Xe nổ

máy chuẩn bị chạy thì mụ sực nhớ ra là chưa thấy Xỉ-nọi lên xe, không chịu bỏ quên em vì sợ không có người hầu hạ rửa chân, mụ liền nhảy xuống xe, chạy vào nhà, lôi Xỉ-nọi lên xe, nhưng Xỉ-nọi giật một cái thật mạnh ra khỏi tay mụ rồi chạy vụt xuống nhà bếp trốn. Mụ giận dữ chạy theo xuống tận bếp cố bắt cho được. Xỉ-nọi co người trốn trong một góc nhà bếp, mụ chạy vào quờ quạng tìm Xỉ-nọi, Xỉ-nọi liền nhảy ra khỏi nhà bếp, vớ lấy con dao nhọn trên mặt đất, vừa lau nước mắt vừa thét:

- Vào đây, nếu mày muốn chết. Trước khi bắt được tao, tao phải đâm cho mày chết đã.

Mụ lạnh cả người, không ngờ một "đứa bé nhà quê" mới mười tuổi đầu lại dám trả lời mình một cách táo bạo như thế. Mụ cảm thấy sợ hãi trước thái độ hung dữ của Xỉ-nọi, đành dừng chân lại, không dám nhúc nhích thêm một bước nào về phía Xỉ-nọi.

Bên ngoài tiếng súng và tiếng lựu đạn đã nổ ầm ầm, và mỗi lúc nghe một gần, sợ quá, mụ hớt hải chạy ra khỏi nhà bếp, nhảy tót lên xe. Xỉ-nọi vất chiếc dao xuống đất chạy vội vào phòng lấy bọc vải mà em giữ kỹ như là giữ con người của mình, ôm chặt vào ngực vội vã chạy ra khỏi nhà. Chưa biết sẽ đi về đâu, mặc, em chỉ cần thoát cho nhanh ra khỏi ngôi nhà đã hành hạ em cả về thể xác lẫn tinh thần này. Vừa chạy ra

khỏi rào, Xỉ-nọi đã lọt vào giữa tiếng reo hò gầm thét của dân bản. Ngay lúc đó một thanh niên chạy vụt ra bế lấy em né tránh luồng đạn. Xỉ-nọi thảng thốt ngẩng mặt lên nhìn em kinh ngạc kêu lên:

- Anh Khăm Đen, anh Khăm Đen!

Xỉ-nọi bá chặt lấy cổ anh, khóc nấc lên. Bây giờ em mới biết sợ tiếng súng, sợ cả thái độ cương quyết trước đây của mình đã dám cầm dao đe doạ mụ chủ, người trước đây em vẫn rất sợ sệt. Chả lo rồi đây mụ chủ sẽ trở lại trả thù, Xỉ-nọi cứ khóc nức nở và sợ run cả người van xin người anh làm sao giúp đỡ che chở cho:

- Anh ơi, anh, đưa em ra khỏi nơi này với, nếu họ bắt được em, họ nhất định sẽ giết em chứ không tha đâu, anh đưa em về nhà ở với bố mẹ anh nhé.

Khăm Đen xiết chặt em vào lòng an ủi:

- Em ơi, đừng sợ nữa, từ nay trở đi không còn ai dám bắt nạt em nữa đâu. Anh sẽ đưa em về nhà, đừng sợ nữa, em.

Sau khi giải phóng được bản Phô, Khăm Đen không chịu nghỉ, anh tình nguyện tham gia đi giải phóng bản Hay. Vừa đến trước ngôi nhà này, anh nhìn thấy em gái của mình ở trong chạy ra. Một số dân bản đã bao vây và đánh vào nhà Tà-xẻn Bun và

cả bọn chức dịch phản động thường hay hạnh hoẹ bắt nạt dân. Up-bá-hạt là tên quan đã bắt Khăm Đen bỏ tù trước đây cũng đã bị bắt trói cùng với Tà-xẻn Bun và đồng bọn.

Tiếng reo hò của dân bản vang lên khắp làng. Bọn thanh niên hát những bài ca cách mạng. Họ xúm quanh bác Phăn, bố thằng Tun, tung bác lên, sôi nổi hoan hô bác, người chiến sĩ anh dũng của bản. Bác Phăn vốn là một nông dân nghèo trong bản, vẫn bị bọn chậu cốc chậu lâu, chậu khúm mun nai khinh miệt, bọn chúng gọi là "thằng Phăn hắc lào". Chính người nông dân nghèo khổ bị bọn chúng chà đạp này đã dẫn đầu thanh niên trong bản đi đánh đồn địch một cứ điểm quan trọng trong xã cho sụp đổ tan tành. Hôm nay "thằng Phăn hắc lào" đã trở thành một anh hùng, thành tấm gương sáng của dân bản cũng như của mọi người dân Lào, còn bọn quan lại thì phải cuốn vó chạy tháo thân, tai cụp xuống như tai chó bị đòn. Thằng Tun, bạn của Xỉ-nọi cũng đã cầm gậy chạy theo bố góp phần vào việc giải phóng bản Hay.

Sau khi làm tròn nhiệm vụ rồi, Khăm Đen chào bà con bản Hay ra về. Dân bản Hay vỗ tay khen ngợi anh. Anh đưa Xỉ-nọi cùng về bản. Thằng Tun chạy đuổi theo, nắm tay Xỉ-nọi vừa chảy nước mắt vừa nói:

- Xỉ, mày nhớ đến chơi với tao nhé, tao sẽ lùi khoai cho mày ăn.

Trên đường về, được anh cõng trên lưng, Xỉ-nọi sung sướng thủ thỉ với anh:

- Anh Khăm Đen chúng mình về sẽ gặp lại bố, anh No sẽ dẫn em đi rẫy, hái dưa hấu chín cho em ăn. Em sẽ nói với anh No cho em đi theo.

Chi-von U-đôm, Võ Quang Nhơn
và Trần Thúc Việt dịch

CON ĐƯỜNG SỐNG
(Xển thang hèng xi vít)

Chăn-thi Đươn-Xa-Vẳn

Tóm tắt:*"Con đường sống" là một tác phẩm văn xuôi tự sự đầu tay của Chăn-thi Đươn-xa-vẳn và cũng là một trong những tác phẩm đánh dấu sự ra đời của thể loại tiểu thuyết hiện đại trong nền văn học Lào. Xuất bản lần thứ nhất (năm 1965) với tiêu đề "Ánh sáng cách mạng", tác phẩm là một truyện vừa chỉ có 5 chương với một dung lượng hiện thực còn bó hẹp, một bối cảnh xã hội chưa rộng lớn. Lần xuất bản thứ hai (năm 1970) tác giả đổi tên truyện thành "Con đường sống", lần này tác phẩm gồm 15 chương với một dung lượng hiện thực phong phú hơn và một bối cảnh xã hội rộng lớn hơn. Giờ đây, không còn là câu chuyện đường đời của một con người hay một gia đình mà đã mở rộng ra trong các mối quan hệ xã hội, trong một hoàn cảnh đa dạng.*

Cốt truyện của "Con đường sống" được kể theo mạch thẳng thời gian, xoay quanh đường đời của một con người, số phận của một gia đình nông dân nghèo khổ. Nhân vật chính trong truyện (nhân vật Di) lại chính là nhân vật người kể chuyện (tác giả). Điều này đã làm cho tác phẩm trở thành một tự truyện. Tác giả xúc động kể lại đường đời của mình từ trong cuộc sống tủi nhục, cô đơn dưới

ách áp bức của giai cấp thống trị, tìm gặp ánh sáng cách mạng và được cách mạng cứu vớt, giải phóng. Cách mạng đến với bản Na của Di như ánh sáng lóe lên, tưng bừng hân hoan rồi nhanh chóng xẹp xuống. Tiếng hát của bộ đội Ít-xa-la vừa tan xa thì kẻ thù đã ập vào làng cướp bóc, đốt phá, chém giết. Chính quyền cách mạng bản Na rơi vào tay bọn phản động. Người cha của Di bị giặc bắt vì bị tình nghi nuôi dấu bộ đội Ít-xa-la. Bốn mẹ con Di, sống cuộc đời hết sức cơ cực phải đi làm thuê cuốc mướn cho tên lý trưởng Nha xẻng khăm. Rồi sự đói nghèo, bệnh tật đã cướp đi cuộc sống của 2 đứa con. Không còn con đường nào khác, 2 mẹ con Di dắt díu nhau rời bỏ quê hương, sống tha phương cầu thực, trôi dạt lên vùng Phu Luổng, làm tôi tớ trong nhà tên Phìa Tông, một chúa đất khét tiếng gian ác ở Bắc Lào. Người mẹ già làm lụng quá sức, khi lâm bệnh nặng bị chủ đuổi ra ở một túp lều nhỏ ngoài cánh đồng hiu quạnh. Trước khi qua đời còn kịp dặn con cố đi tìm gặp các chú Ít-xa-la và tìm gặp người bố kính yêu. Di tiếp tục sống cuộc đời con ở côi cút, bị áp bức thậm tệ cả thể xác lẫn tinh thần. Dần dần trong Di hình thành ý chí quyết tâm trốn đi tìm bộ đội Ít-xa-la. Vào một đêm tối trời, Di từ bỏ ngôi nhà Phìa Tông, đi miết vào rừng sâu và bị kiệt sức, ngất xỉu. Các chú bộ đội Ít-xa-la đã kịp cứu Di thoát chết và thu nhận cậu bé vào làm liên lạc. Di như con chim nhỏ sổ lồng, bay lượn trong bầu trời tự do, tham gia công tác

cách mạng, dẫn đường cho bộ đội trở về giải phóng làng quê và một niềm vui lớn nhất là Di được gặp lại người bố sau mười mấy năm xa cách.

Dưới đây trích dịch các chương: Giặc vào làng, Lưu lạc, Phìa Tông, Trốn đi, Trưởng thành trong đội ngũ:

GIẶC VÀO LÀNG

Phía đầu làng tiếng chó sủa ngày càng dữ. Thời gian qua không hề nghe tiếng sủa kỳ lạ này. Nhất là từ ngày các chú bộ đội Ít-xa-la ra đi, bản Na chỉ lặng im và buồn bã. Tiếng hát của các chú vang vọng đêm đêm đã tan xa rồi. Tôi cố tìm nguyên do nào mà các chú lại ra đi đột ngột như vậy.

Tiếng chó sủa trong đêm càng làm cho tôi nhớ tới các chú. Lúc này, bố mẹ tôi thức dậy kéo chăn đắp cho ba anh em tôi rồi ra đứng ở con đường ngoài nhà. Tôi cũng thức dậy và ra đứng ở cổng, còn hai em tôi vẫn ngủ say trên dường. Lúc này, tuy mới lên 10 nhưng tôi cũng đã hiểu được điều lành điều dữ như thế nào rồi. Tôi đã nghe tin quân Pháp đã tới vùng này và chẳng bao lâu nữa, chúng sẽ đến bản Na chúng tôi. Tin này không những làm cho dân bản hoảng sợ mà đến như gia đình tôi cũng phải kinh hoàng. Mấy đêm nay, bố mẹ tôi không ngủ được mấy, đêm nào cũng phải thức dậy để theo dõi tình hình, có đêm bố tôi còn phải đi tới các nhà để thu thập tình hình và trao đổi công việc với dân bản.

Gà gáy đầu, tiếng súng vang lên ở đầu bản và rồi tản ra bốn phía, đạn bắn chíu chíu qua mái nhà, bố mẹ tôi vội chạy tìm chúng tôi, mẹ ẵm em út và lôi tôi chạy ra cổng, còn bố tôi bế thằng Lun - em kề tôi, một tay bố cầm một con dao. Bố tôi gọi mẹ tôi:

- Xuống nhà nhanh đi!

Chỉ một loáng, năm bố con chúng tôi đã xuống dưới gầm sàn. Tiếng súng địch bắn xối xả như mưa vào bản và ánh lửa chớp chớp sáng loé cả bầu trời. Một lúc sau, ở phía đầu bản đã bùng lên ngọn lửa như lửa cháy nhà. Bố tôi giật mình kêu lên:

- Chết rồi! Chúng nó đốt kho lúa của dân bản hết. Trông kìa! Nhà của bác Chan Tan cũng bị cháy rồi...!

Bầu trời dần sáng rực lên, lúc này tiếng giày đinh tiến vào bản vang lên dồn dập. Tiếng giày đi đến đâu là nghe tiếng rên khóc đến đó. Và tiếng giày của quân lính đã lộp cộp trên con đường ở gần nhà chúng tôi. Quân lính mũ đỏ không nói gì mà chỉ bước rầm rập đến cạnh nhà tôi, lưỡi lê chĩa thẳng vào chúng tôi. Còn bốn năm tên điên cuồng nhảy lên nhà, nói cho đúng ra như những con thú khát máu. Tiếng giày của bọn chúng nện xuống sàn nhà răng rắc, tưởng như sàn nhà muốn sập xuống. Lúc này, một tên có thân hình cao bước khệnh khạng đến trước mặt chúng tôi nó nhấc gậy lên gõ vào đầu bố tôi rồi cười ặc ặc như tiếng một con quỉ, nhìn kỹ chẳng khác gì con quỉ Cum phăn trong truyện dân gian Xỉn Xay. Mắt nó vằn đỏ, mũi lõ, đỏ như máu chó, râu đen kịt trông như một con yêu tinh. Nó mặc bộ quần áo ca ky cộc tay càng làm cho lông lá ở tay nó giống như lông khỉ. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi thấy một loại người kỳ lạ.

Bố tôi và các chú Ít-xa-la vẫn thường gọi "thằng Tây mũi lõ". Ồ! Pháp là loại người như thế này đây. Nó không hề giống người Lào ta một chút nào. Bọn lính cầm súng theo nó cũng chẳng có ai giống nó, nhưng làm sao mà bọn lính râu he lại coi trọng và nghe lời nó được?

Thằng Pháp đảo mắt vênh mặt nhìn bố tôi, mẹ tôi và ba anh em tôi rồi nó lên giọng: "…". Nó nói tiếng gì mà tôi nghe chẳng hiểu, chỉ nghe được 1 từ "It chạ la... It chạ la…". Nó vừa dứt lời, một tên quan mũi lọ bước đến nói với bố tôi bằng tiếng Lào:

- Nhà anh nuôi giấu bộ đội Ít-xa-la phải không? Bây giờ Ít-xa-la trốn đâu rồi chỉ nhanh ra, nếu không khai sẽ bị cắt cổ!

- Chúng tôi không nuôi giấu Ít-xa-la, từ trước đến nay chúng tôi chỉ làm nương, làm rẫy để nuôi vợ con tôi - Bố tôi trả lời chúng nó.

- Thôi! thằng mũi lõ thét lên rồi vội dịch cho chúng nó nghe. Thằng Pháp cứ hừm hừm rồi nhíp một mắt ra hiệu cho bọn tay sai nhảy vào trói bố tôi rồi dùng báng súng đánh bố tôi một cách dã man - Mẹ tôi lao vào trước mặt chúng khóc van vỉ:

- Xin các quan, chồng con không có tội gì... sao các quan lại đánh chồng con như vậy, xin các quan thả chồng con ra... Thấy thế, thằng Pháp tiến vào

dùng mũi dày gạt mẹ tôi ra. Nhưng mẹ tôi vẫn cứ hiên ngang ôm lấy bố tôi, thấy thế, thằng Pháp co chân đá mạnh vào đầu mẹ tôi rồi máu trào ra khắp mặt mũi. Lúc đó 3 anh em chúng tôi chỉ biết khóc oà lên.

Bên cạnh tiếng đánh đập tra khảo bố tôi, tiếng khóc của mẹ tôi và của chúng tôi thì bà con dân bản cũng đang ở trong tình trạng thê thảm như gia đình tôi. Ở phía nhà bác Chan Tan và Chan Đi cũng đang có tiếng rên khóc nức nở của trẻ con và phụ nữ. Một số cụ già đang giành giữ những đồ đạc từ tay kẻ địch. Bà Khăm Xúc vừa giật lại một gói đồ từ tay hai tên lính mặt rỗ vừa kêu lên.

- Bỏ cho tôi... trời đất ơi, cả nhà tôi cũng chỉ có một gói đồ này thôi, nếu các ông cướp đi thì chúng tôi ăn ở thế nào... thằng lính dùng súng thúc vào tay bà làm cho bà ngã dúi dụi xuống đất.

Một cảnh khác làm cho tôi khó hiểu: Nha-xen-khăm, trước đây sợ sệt đến vậy nhưng bây giờ nó lại đi cặp kè giao thiệp với người nước ngoài và sáng nay chính nó đã kéo bọn sỹ quan nguỵ về nhà nó nghỉ ngơi và nhậu nhẹt. Ngoài đường một số tên lính đang rủ nhau đi chòng ghẹo gái. Tay cầm rượu, tay cầm súng, chúng nó vừa đi vừa nốc rượu. Một số tên khác đi giết trâu, bò, sáng nay chúng nó đã bắn chết năm con. Trông cảnh tượng này, dân bản vô cùng uất

ức, nhưng không ai dám hé miệng chống lại chúng vì bao quanh họ chỉ thấy toàn là sự chết chóc.

Trưa hôm đó, địch đột nhiên rút lui khỏi bản và chúng đưa những người bị bắt từ sáng cùng đi, trong đó có bố tôi, bác Chan Tan và hơn 10 người trong làng. Trước khi lê bước chân nặng nề ra khỏi nhà, bố tôi đã nhìn mẹ con tôi khắp lượt, ánh mắt như muốn nói một điều gì nhưng đã bị mũi súng của chúng nó thúc đi. Họ đi trong tiếng khóc xé ruột xé lòng của chúng tôi và dân bản.

Chúng tôi đứng ngây người nhìn bố tôi đang khuất dần giữa cánh đồng ven bản rồi mới chịu trở về nhà, trở về trong ánh lửa đang thiêu đốt nhà cửa và kho lúa ở đầu làng. Trong làng, lúc này mọi người đang quây quanh những người bị chúng hãm hại trong lần tấn công này. Họ khóc lóc thảm thiết. Trong số những người đã mất có vợ chồng cụ Ma và hai đứa trẻ khác nữa.

LƯU LẠC

Mẹ con tôi ở bản Na một thời gian, điều bất hạnh đột ngột xảy ra! Hai em tôi lâm bệnh nặng, mẹ tôi đã phải chạy ngược chạy xuôi kiếm thuốc điều trị cho hai em tôi, nhưng cơn bệnh không hề giảm, mà ngày một nặng thêm, hơn nữa gạo thóc cũng chẳng có, đi vay nơi nào cũng không được, mà lúa ngoài đồng đang trổ hạt và gần chín thì lại bị nước lũ cuốn trôi hết. Nạn đói này không chỉ ở gia đình tôi mà ở cả làng bản, bởi vì đến giữa tháng chín mà mưa to kéo dài ba ngày ba đêm. Hàng ngày dân làng chỉ biết đi đào khoai rừng về ăn thay gạo.

Rồi một ngày, mẹ tôi bế em út tôi than khóc:

- Con! Con ơi. Con của mẹ làm sao vậy! Mẹ ghé sát tai con van la thảm thiết. Tôi thức giấc và biết rằng em trai út yêu quí của tôi đã chết rồi. Lúc đó nó mới tròn hai tuổi. Suốt ngày đêm chúng tôi sống trong tình cảnh rầu rĩ, chỉ nghe tiếng khóc đau đớn của mẹ, tiếng nói ấm áp của dân bản ngồi quanh chúng tôi trông thi thể em tôi.

Mấy ngày sau khi chôn cất em tôi, nỗi bất hạnh của chúng tôi vẫn chưa hết, linh hồn của em Lun đã đi theo em út. Hai em tôi đã qua đời, đã làm cho tôi than khóc đau đớn và lòng dạ xót xa. Từ đó trở đi tôi không còn ai để kết bạn cùng vui chơi nữa. Ngày em

Lun chết, buổi sáng nó còn bảo tôi đi hái quả "mạc bã"[1] về cất ở dưới gầm nhà cho nó. Thấy vậy tôi liền ngăn em:

- Em còn ốm đừng vội đi chơi, khi nào khoẻ rồi anh sẽ đi lấy về cho em chơi! Em Lun nói quả quyết:

- Không, em muốn lấy về xếp ở chỗ nằm này. Nghe em van nài như vậy tôi vội đi lấy ba quả "Mạc bã" về cho nó chơi. Thấy mạc bã nó cười một cách mệt nhọc, lát sau nó gọi mẹ:

- Mẹ đi đâu rồi… em muốn ăn cơm lắm…

- Mẹ còn đi đào khoai ở ngoài rừng, nói rồi tôi đi tìm khoai trong nồi đút cho em ăn. Nhưng mới ăn được vài miếng, nó kéo tay tôi ra:

- Em mệt lắm - Rồi nó ôm quả mạc bã vào ngực và nói yếu ớt:

- Bữa nào em khoẻ, anh phải đưa em đi hái quả "mạc xí đa" nhé!

- Được, anh sẽ dẫn em đi ăn những quả "mạc xí đa" chín vàng.

Nhưng giấc mơ của em tôi không được thực hiện. Tối hôm đó em tôi đã đi xa rồi.

Từ đó trở đi, tôi không nhớ nổi mẹ tôi đã than khóc bao nhiêu đêm, không biết mẹ có ăn khoai với

[1] Quả tròn, dẹt, giống dây leo, không ăn được (N.d).

tôi hay không. Mẹ như người mất hồn khóc rồi cười, cười rồi lại khóc và chửi bới lung tung, ngày nào cũng chỉ nghe mẹ chửi "Trời đất ơi, vì sao mà cuộc sống của chúng tôi lại cực khổ thế này".

Rồi sau đó mẹ tôi cũng lâm bệnh. Mẹ đau không dậy ăn uống được, tôi không biết làm gì mà chỉ ngồi trông nom mẹ. Hàng ngày chỉ có bác Phon và một số bà con dân bản đến thăm mẹ tôi. Bác Phon đã kiếm được ít thuốc và cho mẹ tôi uống. Bác còn kiếm được gạo ở bản bên nấu cháo cho mẹ tôi. Lúc này, ở nhà bác Phon gạo cũng chẳng còn một hạt, mà bác Chan Đi thì bị Xén Khăm bắt đi bây giờ cũng không biết sống hay chết. Vào một đêm sau khi mẹ tôi đã đỡ đau, Bác Phon nói với mẹ tôi rằng:

- Mẹ thằng Xun ơi, từ nay tôi không được đến chơi đây được nữa rồi - có khi tháng sau tôi phải trốn đi. Bác ngừng một lát rồi nói tiếp - Tôi nghĩ là phải đi Mương Xén vì ở đó tôi có một người cháu trai và hơn nữa ở đó quân địch không thể tới được. Tôi muốn hỏi bác có thể đi với tôi không?

Mẹ tôi hỏi lại:

- Vậy còn bác trai Chan Đi thì bác nghĩ thế nào?

- Tôi nghe tin đồn là ông bị giải đi giam ở Xiêng Khoảng rồi! Nói đến đây, bác quệt nước mắt, mẹ tôi cũng ứa nước mắt nói!

- Cháu cũng muốn đi với bác thật nhưng ở Mương Xén cũng đói lắm, hơn nữa cháu còn phải thăm hỏi tình hình bố thằng Lun sống chết thế nào rồi.

- Như vậy thì rủ nhau đi đường nào? - bác Phon hỏi.

- Hai mẹ con cháu sẽ đi Xiêng Khoảng, ở đây có thể biết thêm tin tức về bố cháu Lun.

Sau đó 5 ngày, mẹ tôi dắt tôi trốn khỏi bản Na và từ ngày đó trở đi hai mẹ con tôi trở thành những người tha phương, không có quê hương làng xóm, không còn bè bạn anh em. Vừa đi vừa xin ăn thì cũng không đúng, vì mẹ tôi phải đổ mồ hôi để đi kiếm củi, gánh nước, giã gạo thuê để kiếm sống. Có lần mẹ tôi phải gửi tôi lại cho chủ nhà để đi làm nương làm rẫy cho họ. Trở về nhìn tôi, mẹ không cầm nổi nước mắt, tôi dụi đầu vào ngực mẹ khóc nức nở. Mẹ lau nước mắt cho tôi rồi hỏi:

- Con, làm sao vậy, mẹ đã về đây với con rồi!

Tôi mếu máo:

- Mẹ ơi, con đói lắm rồi, hôm nay họ không cho con ăn gì cả. Tôi vừa nói vừa ngoảnh mặt vào nhà. Lúc này, bọn chủ đang ngồi quanh mâm cơm đầy ụ thức ăn: canh cá, chẹo cá, cá rán, vv… cơm nếp... quanh mâm cơm có 4 người và ngồi cạnh có một con chó đen. Họ ăn uống chè chén một cách ngon lành.

Thằng con trai của gia chủ ngồi há miệng ăn những nắm xôi và cá rán mẹ nó lấy cho, rồi nó vứt xôi và thịt, cá cho chó rồi nói:

- Cho con chó đen của con ăn đấy. Ôi! lúc đó, tôi chỉ muốn trở thành con chó để được ngồi ăn những nắm xôi và khúc cá rán của thằng bé.

Chúng nó cứ ăn thoả thích xem như không có hai mẹ con tôi ở đó. Bỗng nhiên, có giọt nước chảy trên má tôi. Tôi ngẩng mặt lên thì những giọt nước mắt của mẹ tôi đang trào ra trên hai gò má của người. Mẹ không nói năng gì, rồi mẹ dắt tôi ra khỏi ngôi nhà đó. Từ đó, chúng tôi phiêu bạt, nay ở bản này mai ở bản nọ, không một nơi cố định.

Chúng tôi đã đi khá lâu, con đường của chúng tôi ngày càng xa quê hương làng xóm, bây giờ bao quanh chỉ là rừng núi và đèo cao. Càng lên cao, khí hậu càng lạnh lẽo. Sương mù bao phủ mịt mù. Chim kêu chĩu chão trong rừng.

Một buổi trưa, đầu xuân năm tiếp dó, hai mẹ con tôi đã đi đến một ngọn núi phía Tây bắc tỉnh Xiêng Khoảng - Ngước xa xa chỉ thấy rừng núi sừng sững vây quanh, nương rẫy kéo từng dãy quanh núi quanh đồi. Những đám rẫy giống như những miếng vá trên quần áo của chúng tôi. Chốc chốc lại nghe vang tiếng nói từ những đám rẫy đó. Nhưng tôi không hiểu vì

không biết tiếng địa phương này. Chỉ mẹ tôi biết được đó là người dân tộc Mẹo.

Trưa hôm đó, hai mẹ con tôi đã tới một bản ở vùng Phu Luông và tôi cũng không ngờ mảnh đất này lại là nơi ở tạm thời của hai mẹ con tôi.

PHÌA TÔNG

Vừa bước chân đến vìa làng, lập tức một đàn chó hàng chục con sủa ăng ẳng từ một ngôi nhà lớn. Đàn chó bâu vào chỗ mẹ con tôi. Mẹ tôi vội đẩy tôi ra phí sau nhưng không kịp, lúc đó một con chó đen đang rình đớp vào chân mẹ tôi. Những con khác ào ra sủa dữ dội. Mẹ tôi vớ được một cái gậy đập vào con chó đen rất mạnh làm cho nó kêu ăng ẳng rồi chạy đi. Những con khác chạy tán loạn. Chúng tôi đang ngơ ngác đứng ở đó thì thấy mấy người trong ngôi nhà lớn đi ra. Họ vận những bộ quần áo màu đen, quần rộng mà áo thì chật. Ngoài ra, còn có những người đàn bà quấn vải màu đen, chỉ có khác một tý là ở quanh bụng họ quấn một dải vải màu đỏ. Trên đầu cũng vấn một tấm khăn màu đen, cổ đeo những vòng bạc lủng lẳng, trong đoàn người đang nhìn chúng tôi có một người tóc để búi to, một tay cầm một cái điếu "cu lu"[1]. Hình như nó vừa từ rẫy thuốc phiện ra. Nó nhìn chúng tôi rồi nói bằng tiếng của nó:

- "O nia tụ bò đáy nho kho từ tụa nu hú lo dây no"[2]. Hai mẹ con chúng tôi đã vào trong ngôi nhà đó. Họ dẫn chúng tôi vào ở trong một túp lều nhỏ - cách nhà lớn độ 4,5 bước. Túp lều này là chỗ để cỏ

[1] Điếu hút thuốc phiện (N.D)
[2] Hai mẹ con nhà này từ đâu đến đây. (T.G)

ngựa của chúng - vách được chắn bằng cây lồ ô và lợp bằng lá cọ.

Khi mới nhìn căn phòng chẳng có gì, có vẻ sạch sẽ, nhưng không biết bao nhiêu là phân lợn, phân dê và lá cây... ở trong góc đầy cỏ rác. Chiếu họ cho chúng tôi là một tấm da bò khô dài khoảng sải rưỡi. Bữa ăn chiều hôm đó, họ đón tiếp chúng tôi bằng một giỏ ngô. Chúng tôi chuẩn bị ăn, một phụ nữ vào phòng chúng tôi, mang theo một cái gáo bầu và hai cái môi đưa cho chúng tôi - ăn ngô phải có nước mới dễ nuốt - cô ta chỉ tay vào quả "nặm tạu".

- Nước ở trong đấy rồi cô vội đi về. Và sau đó chúng tôi được biết cô là vợ ba của quan lớn Phìa Tông, tên cô là Chia.

Đó là lần đầu tiên trong đời chúng tôi được chứng kiến ngày đầu ở vùng này. Buổi đầu, còn nhiều bỡ ngỡ và chúng tôi chưa quen với phong tục tập quán địa phương, ngay bữa ăn đầu tiên cũng là câu chuyện mới mẻ đối với chúng tôi. Nhưng rồi dần dần chúng tôi đã làm quen tất cả.

Đời sống hai mẹ con tôi bắt đầu từ đó và làm tôi tớ trong gia đình họ. Người mà tóc búi chỏm ở trên đầu là chủ nhà Nha Phìa Luổng, Phìa Tông người cao gầy, tuy nó ăn uống đủ đầy vẫn không làm cho bộ mặt vàng vọt của nó hồng lên được. Hai mắt của nó

lúc nào cũng sưng húp. Điều đặc biệt là lúc ăn cơm, làm việc hay tiếp khách, mắt nó cứ lờ đờ như mắt gà rù, chỉ vì nó là người nghiện thuốc phiện. Ngày ngày, những người làm thuê phải chạy làm thuốc phiện cho nó hút, nó hút không biết chán. Trong buồng ngủ của nó đầy khói thuốc, có thể nói nó chỉ nghỉ hút thuốc lúc ăn cơm và có việc cần thiết, có lần đang lúc ăn cơm cũng phải chuẩn bị điếu cho nó hút. Người bạn đời sớm tối bên nó là Ỳ-nai-lau-xua- Vợ cả của Phìa Tông. Ỳ-nai-lau-xua hơn 30 tuổi nhưng hút thuốc phiện không hề kém chồng. Chồng hút ba điếu thì nó cũng phải hút được hai điếu. Lau xua, không những hút thuốc khoẻ như chồng, mà là loại người to mồm hạng nhất - giỏi doạ nạt người, làm cho người ở và các vợ lẽ cũng phải sợ như sợ quỉ sứ. Hơn nữa, gần đây Lau xua mới sinh được một đứa con, càng làm cho mọi người phải khổ sở vì nó. Sáng sáng, chưa mở mắt ra đã nghe tiếng nó chửi rủa như tát nước.

Tiếng tăm của Phìa Tông càng làm cho dân Mẹo ở vùng này sợ sệt và coi nó như ông trời. Cho nên khi có điều gì đó xảy ra không hay như trời mưa to gió lớn, có người đau ốm, hay bản nào muốn cầu cúng ma bản, ma mường là phải đến mời Phìa Tông. Bởi vì dân bản ai ai cũng coi Nha Luổng Phìa Tông là người có phép trừ quỉ diệt ma.

Mỗi lần đi cúng về là nó làm cho người hầu phải mang nặng nào thủ lợn, giò lợn, thuốc phiện và bạc vàng vô kể. Nhưng trên thực tế, nhiều người đau yếu được Phìa Tông cúng tế mà cuối cùng vẫn bị chết.

Người chết rồi vẫn chưa xong, lại còn làm khổ người sống vì họ phải giết biết bao là trâu, bò, lợn, gà để cúng tế.

Trên bàn thờ của nhà Phìa Tông treo đầy những vòng vàng bạc, 4 đôi sừng dê và xương lợn treo đầy như cờ lông công - kết quả của cả một năm đi cúng ma cho dân bản. Ai muốn biết thì chỉ cần đếm những xương thủ lợn ở bàn thờ. Có lần, tôi tò mò vào xem và đếm được 37 chiếc. Đó mới chỉ là 3 tháng đầu năm nay thôi. Thỉnh thoảng có đêm chúng tôi không thể ngủ được vì Phìa Tông 2, 3 ngày lại lầm rầm khấn vái một lần. Nó ngồi xuống khấn vái lầm rầm, đều đều như nhịp ngựa chạy, lâu lâu nó lại hét lên một tiếng thật to.

Khi có hiện tượng xích mích hoặc kiện cáo giữa các làng với nhau, giữa các gia đình với nhau, cuối cùng rồi cũng phải mời Phìa Tông giải quyết. Nói thực cách xét xử của Phìa Tông chẳng có gì là khó khăn và phức tạp. Bên nào có nhiều của đút lót cho nó thì bên ấy sẽ giành được phần thắng trăm phần trăm. Trái lại, bên nào không có vàng bạc chìa ra cho nó, dẫu có đúng, có phải cũng bị coi là sai trái.

Câu nói trong ngày đầu tiên của Phìa Tông là cho mẹ con tôi làm việc trong gia đình nó. Sáng nào, trước khi địu làn vào lưng lên rẫy là mẹ tôi phải dậy từ lúc gà gáy đầu để kịp làm các công việc như nấu nướng, dọn dẹp chuồng lợn, té nước và cứ đến tối mịt thì mẹ và các dân bản mới địu củi từ rẫy về. Còn tôi cũng chẳng được ngồi không. Việc chính chủ nhà giao cho tôi là: ngày nào cũng phải vào buồng ngủ của Phìa Tông để xoa bóp cho nó, lần nào vào buồng ngủ của nó tôi đều cảm thấy khó chịu vì khói thuốc phiện. Sáng sáng tôi phải dậy rất sớm để nấu nước nóng cho hai vợ chồng Phìa Tông rửa mặt, có ngày chúng nó dậy muộn, nước để lạnh đi, thấy vậy chúng nó quát tôi phải đi nấu lại. Công việc nhẹ hơn là quét dọn nhà cửa, buồng ngủ. Phìa Tông cứ độ ba tháng mới tắm một lần, người nó tanh hôi, móng tay thì dài và lại đen kịt, thế mà nó lại sai người hầu phải cọ rửa điếu thuốc phiện và quét dọn nhà cửa sạch sẽ. Điều này khiến tôi cảm thấy thật khó hiểu. Nhưng công việc mà tôi thấy khổ tâm nhất là phải cõng đứa con của ỳ nai lau xua.

Một đêm, đã khuya lắm rồi, có tiếng trẻ con khóc trong phòng Ỳ-nai-lau-xua, tôi phải dậy một lát để nghe tiếng quát mà đã làm cho đàn chó nằm giữ nhà ở cổng lớn cũng phải sủa ầm ĩ. Thực ra, đó là tiếng quát của Ỳ-nai-lau-xua đang gọi tôi.

- Thằng ôn con!

Nghe nó gọi, tôi cảm thấy như có mũi kim chích vào người, nhưng không chờ nó gọi lần thứ hai tôi vội chạy vào ngay, vì tôi biết rằng, nếu chậm chân một chút hoặc để nó phải gọi lần thứ hai là nó sẽ bớp tai ngay. Tôi đến, nó không ngước mặt nhìn rồi ra lệnh:

- Đi nấu nước nóng rồi bế em đi tắm... nghe rõ chưa?

Trước khi lui ra, tôi liếc nhìn đứa con của Ỳ-nai-lau-xua: thằng bé đầy cứt, chăn chiếu đầy cứt "khổ thân tôi rồi, ngày mai lại phải đi giặt giũ cho nó nữa rồi".

- Đi đi chứ thằng hổ vồ kia!

Một lúc sau, nồi nước cũng đã nóng đủ để cho đứa bé tắm. Tôi mang nước đi vào bế đứa bé của Lau Xua mới được 5 tháng. Cứt đứa bé dính đầy tôi khi tôi tắm cho nó. Tôi thả đứa bé vào trong chậu nước ấm, lập tức nó khóc như đứt ruột, tôi vội nhấc nó lên, nhưng nó vẫn cứ khóc mãi, trong nháy mắt, đã nghe tiếng bước chân của mẹ nó ở phía sau bế nó đi đặt ở bên cạnh. Tôi đang nghĩ Lau Xua sẽ làm gì, lập tức nó cúi xuống bê cả chậu nước lên đầu tôi rồi vớ 1 cây gậy đánh vào mặt mũi tôi túi bụi. Lúc này tôi vừa bị ướt vừa đau, tôi lấy tay che mặt cũng không tránh

được cơn giận dữ của Ỳ-nai-lau-xua. Nó vừa đánh vừa chửi:

- Thằng hổ nhai, mày muốn giết con tao hở thằng nhãi ranh!

Tuy bị đánh đau nhưng tôi không khóc. Khóc cũng không có ai đến cứu tôi vì mẹ tôi không có nhà, mẹ còn đi rẫy.

Khi về nằm một mình trong túp lều, tôi nhớ mẹ tôi quá mà nước mắt chảy ra lúc nào không biết. Tôi nghĩ "Tại sao họ lại đánh mình kinh khủng như vậy, mình cũng là người như họ, cũng có da có thịt, có mặt mũi như họ... vì lẽ gì mà họ không nghĩ tới sự đau đớn của mình..."

Sau đó, tôi kể chuyện này cho mẹ tôi nghe, tôi vừa nói vừa cúi mặt khóc nức nở, mẹ không nói năng gì mà chỉ xoa xoa vào má tôi, đầu tôi, rồi nước mắt mẹ trào ra trên khuôn mặt gầy gò của mẹ. Hồi lâu mẹ nói nghẹn ngào.

- Con ơi! Gậy ở trong tay họ, họ muốn đánh ta, giết ta lúc nào cũng được...vì họ là những chúa đất, là ông trời...

- Cứ để cho họ tiếp tục đánh chúng ta như vậy con không chịu được nữa đâu.

Mẹ cúi mặt xuống đầu tôi rồi nghẹn ngào:

- Không! Mẹ đâu muốn để họ đánh chúng ra. Đâu muốn để họ đánh con của mẹ, nhưng biết làm sao bây giờ hở con. Mẹ ngừng một lát rồi nói tiếp - không lâu nữa mẹ sẽ đưa con trở về làng cũ.

Nói đến đây mẹ ngước mặt lên và nhìn về phía mặt trời mọc, vui vẻ nói:

- Mẹ đã nghe tin hiện nay ở bản Na của chúng ta, các chú bộ độ Lào Itxalạ đã trở về đầy bản.

- Thật thế hở mẹ, bây giờ về thôi, con muốn về gặp chú Chăn Tha và các chú bộ đội để dẫn các chú đến giết chết gia đình Phìa Tông. Tôi nói chưa hết lời thì mẹ tôi đã vội lấy tay bịt miệng tôi:

- Chết! Chớ nói như vậy con. Họ mà nghe thì đứt cổ con ơi!

Khí hậu trên núi cao rét kinh khủng. Hai tai như bị dao cắt. Bàn tay bàn chân nứt nẻ ứa máu chỉ chạm vào cỏ cũng đau điếng, thấy rát như sát muối. Lộng gió núi thổi qua cuốn theo sương muối phủ kín lên mặt rẫy một lớp trắng xoá như bông. Mỗi khi tay tôi cầm búi cỏ, sương muối thấm vào tay, đau buốt như hàng nghìn mũi kim châm vào da thịt. Ban đêm ngủ không chăn chiếu, tôi phải khuân hàng đống củi để sưởi. Tôi càng cảm thấy cuộc đời tôi lạnh lẽo cô đơn quá. Trên toàn thân tôi chỉ có mảnh áo rách tươm như chân chài. Còn cái quần, gọi là quần nhưng nó chỉ là mấy mảnh giẻ rách bao quanh mình.

TRỐN ĐI

Mùa Đông đã qua và mùa Xuân đã đến.

Ngày đó, lần đầu tiên tôi và dân bản Phu Luổng nghe tiếng súng vang rền từ phía Tây Nam. Bọn địch trong bản Phu Luổng cũng lo âu hốt hoảng. Chính Phìa Tông cũng không yên lòng - Còn thằng Chông Di luôn ở trong thế chuẩn bị tẩu thoát. Tôi thấy nó sai bảo người hầu chuẩn bị đồ đạc, rồi nó khuyên dân bản tập trung trước nhà Phìa Tông để tuyên truyền:

- Hiện nay, những người rừng Ít-xa-la sẽ tới vùng này, dân bản phải chuẩn bị để trốn vào rừng, nếu không, Ít-xa-la đến sẽ giết hết.

Trưa hôm đó, Ba-tua chạy tới kéo tôi ra ngoài rồi sốt sắng nói:

- Mày ơi!... Mày biết không, hiện nay bộ đội Lào Ít-xa-la đã tới bản dưới rồi!

- Mày biết từ đâu tới? Tôi vội vàng hỏi

- Tao đã được nghe các cụ già kẻ bây giờ bộ đội Ít-xa-la đang truy quét quân Pháp ở vùng núi Phu Khun - Ba-tua vừa nói vừa chỉ tay về phía đang rền vang tiếng súng.

Niềm vui tới, tôi không nghĩ gì nữa, lời nói của Ba-tua cũng gần như không được nghe lại nữa. Tôi chỉ mong sao cho các chú Ít-xa-la nhanh chóng tới đây, để giết chết bọn Mắc Ky và Phìa Tông. Tôi luôn

hướng về phía Đông, vì tôi tin chắc thế nào bộ đội ta cũng sẽ tới từ phía đó.

Những giấc mơ của tôi đã không trở thành hiện thực. Tôi chờ hai ngày hai đêm, mà không thấy một bóng dáng của anh em mình. Lúc này một số tên Mắc Ky trong bản đã chuồn đi rồi. Thằng Chông Di trốn đi từ đêm qua, chỉ còn Phìa Tông và vợ của nó còn ở lại. Thấy tình hình này, tôi nghĩ, mình cũng có thể trốn khỏi nhà Phìa Tông để đi tìm anh em bộ đội ở bản dưới. Tôi nghĩ mông lung và không biết kế hoạch có trót lọt không? nên đi một mình hay rủ Ba-tua cùng đi? Có thể mẹ Ba-tua sẽ không cho nó đi vì bà chỉ có một mình nó. Cuối cùng tôi quyết định đêm sau đó sẽ trốn khỏi nhà Phìa Tông độc ác. Tôi nhớ hai mẹ con Ba-tua lắm. Tôi xăm xăm đi về hướng có các chú It xalạ. Hành trang của tôi chẳng có gì đặc biệt, chỉ có một tấm quần rách, một miếng cơm cháy tôi vừa cạo ra ở nồi trong bữa cơm chiều.

Đây là lần đầu tiên tôi đi đường một mình, ban đêm lúc mẹ tôi còn sống, tôi chưa hề đi một mình trong đêm như thế này. Nhưng hôm nay, không hiểu sao tôi lại dũng cảm và không sợ sệt gì hết. Thậm chí, con đường mà tôi đang đi đã nghe dân bản kể có một con hổ đen thường rình bắt ngựa. Nhưng điều đó cũng không làm cho tôi sợ bằng cây gậy của Ỳ-nai Lau-xua và con trai hắn. Lúc này tôi chỉ nghĩ một điều: "Làm thế nào để tìm cho được các chú Ít-xa-

la". Nghĩ tới hình ảnh của các chú Ít-xa-la là tôi lại có thêm quyết tâm và can đảm.

Gà gáy đầu thì tôi tới bản dưới, một số người đã dậy nấu nướng và giã gạo. Tôi đi vào một ngôi nhà sáng ánh lửa nhất để hỏi tìm các chú Ít-xa-la. Nhưng lời đáp của ông già nằm trên giường đang hút thuốc phiện làm cho tôi thất vọng: các chú bộ đội đã chuyển đi từ tối qua rồi. Tôi nghĩ: phải đuổi theo cho kịp, nhưng biết đi đường nào? Hiện giờ họ ở đâu? Nếu không đi có ai biết được rằng, nguy hiểm sẽ đến với mình như thế nào? Tôi tiếp tục lên đường trong ánh mắt lo lắng của dân bản. Tôi vội vàng vừa đi vừa chạy.

Bầu trời phía Đông ửng sáng. Đến trưa tôi cảm thấy đói và mệt lắm. Tôi nhớ tới nắm cơm cháy trong túi. Tôi cúi mặt xuống lục túi xem thì bỗng giật mình vì tất cả đồ đạc trong túi đã rơi mất hết. Một lần nữa tôi lại đứng ngây người nhìn cái túi đen của mình. Sau đó tôi lại tiếp tục đi trong đói khát và mệt nhọc. Tôi cảm thấy rất tủi thân, nghĩ mà muốn khóc lên thật to để những người tốt bụng sẽ đến giúp đỡ tôi lúc này. Bỗng tôi nghe tiếng trái cây rơi ngay trước mặt. Ngước cổ lên, thấy nhiều quả chín to như trứng vịt. Cái mệt của tôi chẳng hiểu sao đã tan biến hết. Tôi vội trèo lên một cành cây lớn bò ra một cành nhỏ để hái quả "mạc khai". Được một quả tôi không dừng lại vội hái tiếp nữa. Nhưng mất cảnh giác, một chân tôi trượt khỏi cành cây và tôi bị rơi xuống đất. Lúc đó tôi ngất đi và không biết gì nữa cả.

Nhắm mắt lại, hình như tôi thấy lờ mờ có bóng người trước mặt mình và có tiếng gọi bên tai:

Nhỏ ơi! nhỏ!.. .! Hồi lâu tôi mới nhìn rõ bóng người. Ô! Tại sao mình lại ở đây nhỉ... Hình như mình đang ăn quả Mạc khai kia mà". Tôi mở mắt ngạc nhiên nhìn mọi người ngồi, đứng quanh tôi. Họ đều tỏ vẻ lo lắng cho tôi. Nhìn kỹ hầu lâu tôi mới vui vẻ thốt lên!

- Anh!... Các anh là... bộ đội Lào Ít-xa-la phải không? Mọi người gật đầu và nét mặt tươi cười. Bao quanh khu vực này là cây cối trùng điệp, lúc này tôi mới biết ở đây không phải là làng bản mà là rừng núi.

Tôi cảm thấy đau đớn toàn thân. Nhất là đau đầu và ù tai. Tôi đưa tay gãi đầu, có một miếng vải băng qua trán. Có một người cho tôi ăn một cái gì như cháo. Người đó nói với tôi:

- Em đã ngất đi hơn một giờ rồi. Anh vừa nói vừa đút cháo cho tôi ăn và anh rất lo lắng - Các anh tưởng rằng em sẽ không thể sống được - Vậy mà may mắn cho em lắm. Sáng nay các anh đi gặp em nằm ở dưới gốc Mạc khai kia, anh chỉ tay về phía ngược lại. Bây giờ tôi mới biết rõ chuyện của mình và sau đó ba ngày, sau khi vết thương của tôi đã đỡ rồi. Mọi người chuẩn bị đồ ăn thức uống cho tôi và nói:

- Bây giờ em đã đỡ rồi, hôm nay em chuẩn bị trở về nhà nhé. Có lẽ bố mẹ, gia đình em đang mong chờ

em lắm. Lời nói nhẹ nhàng tình cảm của anh bộ đội đó làm cho tôi xúc động, tôi đáp:

- Em không về đâu... e.. .m... đến ... đây là để tìm gặp các chú và chú Chăn Tha! Tôi vừa nói vừa khóc:

- Chú Chăn Tha của em ở đâu và người thế nào? Tôi cố gắng trả lời:

- Chú Chăn Tha là đại đội trưởng đại đội tuyên truyền vũ trang. Trước đây hoạt động ở vùng Nặm nơn và bản Na là bản của em.

- Ồ! Nếu như vậy thì các anh cũng xin chịu em ơi! Vì bộ đội Lào Ít-xa-la có biết bao nhiêu đại đội mà kể, có biết bao nhiêu người là đại đội trưởng, có đi khắp cả nước... Chú Chăn Tha của em không có ở đây đâu. Em hãy trở về nhà đã, rồi các chú sẽ tìm hiểu cho nhé!

Lúc này, tôi không muốn nói gì nữa, chỉ cúi mặt xuống và hai hàng nước mắt nhỏ giọt xuống chân, tôi nói thành tiếng đứt đoạn:

- Nếu không có chú Chăn Tha ở đây, em xin đi với các anh cũng được. Trở về, em không biết sẽ về ở với ai, vì ở vùng này không phải bản của em... Tôi nói chưa dứt lời, một chú nói xen vào:

- Em đi với bọn anh không được đâu, các anh đi đánh Pháp chứ đâu phải đi trẩy hội. Anh vừa nói vừa xoa đầu tôi, anh nói tiếp - Em còn nhỏ - Không theo kịp các anh được, trở về rồi lần sau sẽ đi nhé! Lúc này

tôi khóc to hơn, một lát sau có tiếng người đi tới và đứng trước mặt tôi , hỏi:

- Vì sao em lại khóc... các anh đánh hở...?

Tôi ngước mặt lên - đó là một người lực lưỡng, cao lớn, mặt rộng râu đầy cằm.

Thấy vậy tôi cảm thấy sợ và vội trả lời:

- Không có ai đánh em cả, vì họ không cho em cùng theo đi…

- Em ở bản nào, bố mẹ ở đâu, làm sao em lại lạc vào khu rừng này?

Tôi biết chắc rằng anh là sỹ quan của đơn vị bộ đội này, cho nên đây là cơ hội để tôi kể về cuộc đời từ nhỏ đến lớn của mình cho anh nghe. Kể xong, mọi người đều đứng lặng, không ai nói và hỏi gì nữa. Người chỉ huy nói với anh em đang vây quanh:

- Hãy tiếp nhận em này cùng đi với chúng ta! anh quay lại phía tôi, cử chỉ âu yếm như người bố nói với con:

- Đi với các anh vất vả lắm đấy em trai út ạ!

Từ ngày đó trở đi, toàn bộ đời tôi đã trở thành Ít-xa-la, không có ai áp bức chửi rủa tôi như trước nữa. Không còn nghe tiếng chửi rủa của hai vợ chồng Phìa Tông và các con trai của nó nữa. Bây giờ đời sống tinh thần và thể xác của tôi đã dược tự do không khác gì

con chim nhỏ sổ lồng tung bay trên bầu trời xanh, bay cao và bay xa trên bầu trời tự do.

Ở đây mọi người thương yêu đùm bọc lấy nhau, tuy họ không phải là anh em ruột thịt với tôi, không phải cùng làng, cùng bản nhưng họ đều trìu mến thương yêu tôi, nói cho đúng hơn, họ coi tôi như em trai ruột thịt và tôi cũng coi họ như bố như anh trai ruột thịt của mình. Họ cắt tóc, tắm rửa cho tôi, cho tôi ăn cơm cùng mâm, nhất là ăn và ngủ cùng anh Bun Nhăng - người có bộ râu rậm, người đã đón nhận tôi vào trong đội ngũ này. Từ đó tôi mới biết anh Bun Nhăng là người chỉ huy đại đội hoạt động độc lập. Lúc đầu tôi sợ và ngưỡng mộ anh lắm, nhất là khi anh kéo tay tôi vào ngực lực lưỡng của anh, càng làm cho tôi sợ không nói được, thậm chí mồ hôi tôi toát ra, ngày đó tôi gọi anh là "bố" anh cười rồi nói lớn vào tai tôi:

- Cha nội ơi! bạn ơi!... Tôi già lắm rồi đến em trai này gọi tôi là "bố" ha ha... Chết, từ này trở đi tôi sẽ là bố của các anh rồi. Anh Bun Nhăng và mọi người cười vang. Lúc này tôi mới cảm thấy xấu hổ vì không biết gọi anh thế nào cho đúng. Nhưng rồi chẳng bao lâu, tôi mới biết anh Bun Nhăng mới 27 tuổi và từ đó tôi quyết tâm gọi "anh thay chú" thực tình anh chính là người anh trong cuộc đời của tôi.

TRƯỞNG THÀNH TRONG ĐỘI NGŨ

Tính từ ngày tôi xa anh Bun Nhăng và đơn vị bộ đội Lào Ít-xa-la đến nay đã mười tám năm rồi. Ôi! Mười tám năm đối với tôi quả là vĩ đại thật. Mười tám năm qua, cách mạng đã nuôi dưỡng và rèn luyện tôi trưởng thành trong ngọn lửa đấu tranh amh dũng và quyết liệt chống Pháp và chống Mỹ. Mười tám năm cách mạng đã đổi đời cho tôi, đưa tôi từ bóng tối ra ánh sáng. Bây giờ tôi đâu phải là một đứa trẻ mồ côi bị xã hội cũ chà đạp. Tôi đã hoàn toàn được tự do và làm chủ cuộc đời mình. Mỗi khi tôi nghĩ tới cuộc đời xưa và nay của mình, tôi càng hiểu cách mạng thật là vĩ đại. Tôi nhớ tới ngày cách mạng cho tôi đi học văn hoá, đi học nghề, nhớ tới ngày bắt đầu mình làm cách mạng, phục vụ Tổ quốc phục vụ nhân dân. Đó là hạnh phúc và vinh dự nhất của tôi hiện nay. Công ơn của cách mạng vô cùng cao cả và to lớn. Không riêng gì tôi được cách mạng che chở nuôi dưỡng mà hàng ngàn hàng vạn những người nghèo khổ đã được giải phóng.

Cuối tháng 12 năm 1960, trên đường từ Viêng Chăn về giải phóng Xiêng Khoảng - Cánh đồng Chum, bất ngờ tôi gặp Ba Tua trong một tiểu đoàn pháo ở ngã ba núi Phu Khum. Mặc dầu gặp nhau được rất ít thời gian, nhưng chúng tôi cũng đã kịp thời kể tóm tắt quãng đời qua cho nhau nghe. Rồi tôi mới biết Ba Tua là một xạ thủ rất xuất sắc, khẩu pháo của anh đã lập công to lớn trong chiến dịch, đã tiêu

diệt nhiều kẻ thù, Ba Tua còn cho biết ở Phu Luổng hiện nay đã đổi thay lắm rồi. Nhân dân đã xây dựng cuộc sống mới trên mảnh đất 2/3 lãnh thổ đã được giải phóng, dưới sự lãnh đạo của chính quyền mới tốt đẹp, của Mặt trận Lào yêu nước và lực lượng trung lập yêu nước. Một chuyện nữa làm tôi xúc động hơn cả là: cô Chia còn sống và nay cô là cán bộ phụ nữ của Mặt trận Lào yêu nước vùng Phu Luổng.

Nghĩ tới sự đổi mới ở Phu Luổng, thấy được cuộc sống và những đổi thay của Ba Tua và Nang Chia tôi càng nhớ ơn cách mạng, nhớ ơn Hoàng thân Xu-Pha Nu-vông. Bắt tay tạm biệt Ba Tua tôi nói:

- Tuy chúng ta đã trưởng thành như hiện nay, nhưng đường ta đi còn dài, những người cực khổ sống dưới ách thống trị của kẻ thù còn nhiều, vì vậy, nhiệm vụ của chúng ta còn nặng nề lắm Tua ạ!

Tôi nói và nhìn Ba Tua không chớp mắt, những đồng đội của anh đang vươn những họng súng về phía Cìu-cạ-chăm, Tôi tạm biệt Ba Tua trong tiếng súng ca nông 105 nổ vang trời, tiêu diệt kẻ thù đang xâm phạm vùng Luông Pha Bang và Viêng Chăn.

Sau đó một thời gian tôi gặp lại anh Thoong Pan, chính trị viên đại đội, bộ đội Lào Ít-xa-la mà đại đội trưởng là anh Bun Nhăng. Khi gặp nhau, anh không nhớ tôi, nhưng tôi chủ động hỏi han và kể chuyện cũ cho anh nghe, anh cảm động nắm chặt hai tay tôi, tôi

nghẹn ngào vì khi gặp anh tôi cảm thấy như mình đang gặp anh Bun Nhăng kính yêu. Tôi hỏi vội:

- Anh Bun Nhăng của em không có đây hả anh? Nghe câu hỏi đó, từ khuôn mặt vui tươi anh buồn bã và trả lời rầu rĩ:

- Em ạ! Đồng chí Bun Nhăng của chúng ta không còn nữa!

- Anh Bun Nhăng! Tôi hét lên như mình bị mất một cái gì quí giá nhất của cộc đời.

- Phải, anh Bun Nhăng mất rồi - Anh Thoong Pan nói rồi xoa đầu tôi như chính anh Bun Nhăng đã làm trước đây đối với tôi - Anh đã hy sinh anh dũng trong chiến dịch phía Bắc.

Lúc này tôi không nói thêm gì nữa, chỉ nghe lời khuyên của anh Thoong Pan:

- Đừng khóc nữa em! Phải vững lòng như anh Bun Nhăng của em... làm cách mạng vì Tổ quốc, vì độc lập thì nhất định phải có hy sinh mất mát và thời gian qua cũng đã có biết bao những cán bộ chiến sỹ ưu tú của chúng ta ngã xuống, hiến dâng xương máu của mình cho mảnh đất yêu quí này.

Viết tại vùng giải phóng tỉnh Sầm Nưa

Ngày 13 tháng 8 năm 1970

Trần Thúc Việt dịch

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG VIỆT

1. Đinh Việt Anh,"Người phụ nữ Lào qua một số truyện và ký cách mạng", Tạp chí *Văn học*, số 4-1984, tr 6-15.
2. Đinh Việt Anh,"Nhìn lại văn xuôi hiện đại Lào từ 1965 đến 1985", Thông báo khoa học, Trường Đại học sư phạm Hà Nội 1, số 1, 1994, tr 98-104.
3. Đinh Việt Anh,"Vài nhận xét về chất anh hùng trong truyện cổ tích Lào", Tạp chí *Văn học*, số 5 -1994, tr. 116-125.
4. Đinh Việt Anh,"Một hiện tượng đồng dạng trong văn học qua 3 tác phẩm Trạng Quỳnh (Việt Nam) Thmênh Chây (Cămpuchia) và Xiêng Miểng (Lào)", Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2, 1995, tr. 84-86.
5. Trần Lê Bảo,"Bản sắc dân tộc trong truyện cổ dân gian Lào", Tạp chí *Văn hoá dân gian*, Số 2, 1990, tr. 70-72.
6. M. Bakhtin,"Lý luận và thi pháp tiểu thuyết". Trường viết văn Nguyễn Du, H. 1992.

7. *Bé Xỉ*, Tiểu thuyết của Khăm-liêng Phôn-xê-na. Người dịch: Chi-von U-đôm - Võ Quang Nhơn - Trần Thúc Việt, Tư liệu khoa Văn học.

8. Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông, *Tiểu đoàn Hai Pa thét Lào* (Hùng Phi dịch), Nxb Quân đội nhân dân. H. 1984 (dịch 3 tập: 1,2,3)

9. Xu-văn-thon Bup-pha-nu-vông, *Hai bên bờ sông*, (Tiểu thuyết 2 tập), Nxb Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, tập I (1982), tập II (1984) Văn-pênh Phay-a-mát và Trần Thúc Việt dịch, Tư liệu khoa Văn học - Đại học KHXH&NV

10. Thoong B.C. *Bun Chămpa*, Nxb Quân đội nhân dân, H. 1978

11. Georges Condominas. *Không gian xã hội vùng Đông Nam Á*, Nxb Văn hoá, H,1997.

12. Nông Quốc Chấn, "Mối quan hệ đặc biệt giữa hai nền văn hoá Việt Nam và Lào", Tạp chí *Văn hoá nghệ thuật*, Số 10, 1978.

13. Mai Ngọc Chừ, *Văn hoá Đông Nam Á*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, H. 1998.

14. *Chiến sĩ Phu Cút*, Nxb Quân đội nhân dân. H. 1968 (Văn Linh dịch).

15. *Chiến đấu bảo vệ Thà Khẹc*, Nxb Quân đội nhân dân, H. 1980

16. *Chàng Xiêu Xa Vạt*, Nxb Văn hoá dân tộc, H. 1988.

17. Xôm-xỉ Chang-xay-vang, "Tiểu thuyết Lào 10 năm qua". Tạp chí *Văn học*, số 1, 1986, tr. 96-102.

18. Chang-xay-vang Xôm-xỉ, Văn xuôi hiện đại Lào và một số vấn đề lý luận về chủ nghĩa hiện thực XHCN. Luận án PTS ngữ văn. Trường đại học Tổng hợp Hà Nội, 1988.

19. *Con đường sống*, Tiểu thuyết của Chăn-thi Đươn-xa-vẳn, Trần Thúc Việt dịch, Tư liệu bộ môn Văn học Phương Đông, khoa Văn học.

20. *Các vấn đề của khoa học văn học*, Nxb Khoa học xã hội, H. 1990.

21. Chu Xuân Diên, *Truyện cổ tích dưới mắt các nhà khoa học*, Trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 1989.

22. Phạm Đức Dương, "Đôi điều cảm nhận về văn hoá Lào", Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 4. 1996, tr 56 -63.

23. Phạm Đức Dương, "Giải mã truyện cổ Lào theo phương pháp tiếp cận văn hoá học". Tạp chí *Văn học*, số 1, 1998, tr 52 - 58, 82.

24. Thành Duy, "Vấn đề dân tộc và hiện đại của văn hoá - nghệ thuật trong thời đại toàn cầu hoá và phát triển kinh tế tri thức". Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, số 12, 2000, tr 90-94.

25. *Đối thoại với các nền văn hoá - Lào*, Nxb Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, 2003.

26. Phan Cự Đệ, *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại*. Tập I. Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H. 1975.

27. Phan Cự Đệ, *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại*. Tập II, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H. 1975.

28. Hà Minh Đức, *C Mác, Ph Ăngghen, V.I. lênin và một số vấn đề lý luận văn nghệ*, Nxb Sự thật, H, 1982.

29. Hà Minh Đức (chủ biên), *Lý luận văn học*, Nxb Giáo dục, H. 1996

30. Nguyến Tấn Đắc (chủ biên) V*ăn học các nước Đông Nam Á*, Viện Đông Nam Á xuất bản, H. 1983.

31. Nguyến Tấn Đắc,"Mối giao lưu và tương tác văn hoá giữa các dân tộc ở Đông Nam Á qua kiểu truyện kể Tấm Cám", Tạp chí *Văn học*, số 6, 1996. tr. 19 - 23.

32. Nguyến Tấn Đắc, "Về các nền văn học dân tộc ở Đông Nam Á", Tạp chí *Văn học*, số 8, 1995, tr. 2 - 4.

33. *Đại hội IV Đảng Nhân dân Cách mạng Lào*, Nxb Sự thật, H, 1987.

34. Nguyễn Kim Đính, Hoàng Ngọc Hiến, Huy Liên, *Lịch sử văn học Xô viết*, Tập I (quyển 1), Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H. 1982.

35. Nguyễn Kim Đính, *Lịch sử văn học Xô viết*, Tập II, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H. 1985.

36. Trần Đình Hượu, *Đến hiện đại từ truyền thống*, Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước KX07, H. 1994.

37. Hoàng Ngọc Hiến, *Tập bài giảng nghiên cứu văn học*, Nxb Giáo dục, H. 1997.

38. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H. 1997.

39. Hegel, *Mĩ học* (tập I), Nxb Văn học, H. 1999.

40. Trương Duy Hoà, "Mấy nét khái quát về văn học cách mạng Lào 1955-1975", Tạp chí *Văn học*, số 5-1990, tr 63-67.

41. Võ Đình Hường, "Về mối quan hệ văn học dân gian văn học thành văn trong văn học và văn học Lào". Tạp chí *Văn học*, số 8, 1999, tr 57-62.

42. Nguyễn Thị Thanh Hương, Bun Lột Manichăn,"Tính dân tộc và tính hiện đại trong tiểu thuyết Tiểu đoàn hai của Xu-văn-thonBu-pha-nu-vông". Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4-1995, tr.86-90.

43. Lại Phi Hùng, "So sánh một số kiểu truyện cổ dân gian ở Lào và Việt Nam", Luận án PTS Ngữ văn. Trường đại học KHXH và Nhân văn, H.1996.

44. Lại Phi Hùng, "Cảm nhận về văn học hiện đại Lào từ cái nhìn thực tế", Hội thảo khoa học phòng Đông Dương, viện Đông Nam Á, 1988.

45. *Hợp tuyển văn học Lào*, Nxb văn học, H.1981.

46. *Hoàng hậu Tăn Tay*, Nxb Đà Nẵng, 1987.

47. Minh Hoạch, "Văn hoá Lào - một nền văn hoá cội rễ sâu xa trong đời sống dân tộc", Tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 3+4-1983.

48. Vi-lay Kẹo-ma-ni, "Văn học Lào hôm qua và hôm nay". Tạp chí *Văn học*, số 5-1971, tr 87-100.

49. Lê Khâm, "Mấy nét về văn hoá dân gian Lào". Tạp chí *Văn học*, số 5-1971, tr 3-15.

50. Kon rát, *Phương Đông và Phương Tây* (Trịnh Bá Đĩnh dịch), Nxb Giáo dục, H-1997.

51. *Kẻ dừng lại giữa đường*, Tập truyện (Xôm xỉ, Đinh Việt Anh, Đinh Kim Cương dịch), Nxb Tác phẩm mới, H.1987.

52. Phương Lựu, Nguyễn Xuân Nam, Thành Thế Thái Bình, *Lý Luận văn học*, Tập III, Nxb Giáo dục, H.1988.

53. Phương Lựu, *Tìm hiểu một nguyên lý văn chương*, Nxb Khoa học xã hội, H.1983.

54. Phương Lựu, Trần Đình Sử, Lê Ngọc Trà, *Lý luận văn học*, tập I, Nxb Giáo dục, H.1987.

55. Trần Chí Lương, *Đối thoại với tiên triết về văn hoá Phương Đông thế kỷ XXI*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H.1999.

56. Lê Duy Lương,*Văn học Lào xưa và nay*, Tư liệu văn học Lào, số 1-1974, Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật, tr9-43.

57. Phong Lê, *Mấy vấn đề văn xuôi Việt Nam 1945 -1970*, Nxb Khoa học xã hội, H, 1972.

59. Phan Huy Lê, "Vài suy nghĩ và thể nghiệm về mặt phương pháp luận khi nghiên cứu vấn đề truyền thống và hiện đại", Kỷ yếu hội thảo Con người Việt Nam và công cuộc đổi mới chương trình KX07, H.1993, tr 23 -28.

60. Phan Ngọc Liên (chủ biên), *Lược sử Đông Nam Á*, Nxb Giáo dục 1997.

61. Quế Lai, Ngô Văn Doanh, Nguyễn Đức Ninh, *Tìm hiểu văn hoá Lào*, Nxb văn hoá, H. 1985.

62. Vũ Tuyết Loan, *Riêm kê và Tum Tiêu trong văn học Cămpuchia*, Nxb văn học, H, 1994.

63. Lịch sử Lào, *Viện Đông Nam Á*, Nxb Khoa học xã hội, H. 1997.

64. *Lược sử nước Lào*, Nxb Khoa học xã hội, H,1978.

65. C.Mác. Ph. Ăngghen, V.I.Lênin, *Về văn học và nghệ thuật*, Nxb sự thật, H.1977.

66. C.Mác. Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, tập IV,Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995.

67. Nguyễn Đăng Mạnh,"Quá trình hiện đại hoá của văn học Việt Nam nửa đầu XX", Tạp chí *Văn học*, số 5 -1997, tr 16 - 24.

68. Nguyễn Đăng Mạnh, *Nhà văn tư tưởng và phong cách*, Nxb Văn học, H. 1983.

69. Nguyễn Năm, "Về nhân vật Phu nhơ Nha nhơ trong thần thoại Lào", *Tạp chí Dân tộc học*, số 3, 1976. tr 67 - 77.

70. Nguyễn Năm, "Vài nét về văn học yêu nước cách mạng Lào", Tạp chí *Văn học*, số 4, 1971, tr 75 - 90.

71. Nguyễn Năm, "Truyện Quả bầu ở Lào". Tạp chí *Văn học*, số 2, 1976, tr 86 - 96.

72. Nguyễn Năm, *Những chặng đường lớn của văn học Lào*, Lời giới thiệu "Hợp tuyển văn học Lào", Nxb Văn học, H. 1981, tr 5 - 43.

73. Đức Ninh, "Thử dựng lại tiến trình phát triển của văn học cận hiện đại Lào". Tạp chí *Văn học*, số 3 -1987, tr 100 - 107.

74. Đức Ninh, *Văn học Lào*, trong "Tìm hiểu văn hoá Lào (Nhiều tác giả)", Nxb Văn hoá, H. 1985.

75. Đức Ninh (chủ biên), Đỗ Thu Hà, Trần Thúc Việt, Võ Đình Hường, *Văn học các nước Đông Nam Á*. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, H. 1999.

76. Đức Ninh, *Nghiên cứu văn học Đông Nam Á*, Nxb KHXH, H. 2004.

77. Đức Ninh, "Những đặc điểm của văn hoá ASEAN, truyền thống và hiện đại *Văn học các nước ASEAN*, Viện thông tin khoa học xã hội, H, 1996, tr. 1- 20.

78. Đức Ninh, (Chủ biên), *Từ điển văn học Đông Nam Á*, Nxb KHXH, H. 2004.

79. Lương Ninh (chủ biên), *Đất nước Lào, lịch sử văn hoá*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1996.

80. Võ Quang Nhơn,"Nền văn học truyền thống Lào", Tạp chí *Văn học*, số 5, 1972, tr . 91 - 104.

81. Võ Quang Nhơn "Truyện thơ với sự hình thành và phát triển của văn hoá dân tộc Lào. *Tìm hiểu lịch sử văn hoá nước Lào*, Tập I, Nxb Khoa học xã hội, H. 1981, tr. 107 - 130.

82. *Những vấn đề văn học và ngôn ngữ* (30 năm thông tin các khoa học Ngữ văn) Nxb Khoa học xã hội, H. 2003.

83. N.I. Niculin, "Vai trò mới của cốt truyện cổ", Tạp chí *Văn học*, số 1- 1996.

84. I.U.M. Ôxipop,*Văn học Đông dương*, Bản dịch phòng tư liệu, Viện Đông Nam Á.

85. Lê Trường Phát, "Về mô hình cốt truyện của truyện thơ các dân tộc thiểu số", Tạp chí *Văn học*, số 7 - 1997.

86. Sứ-lửa Pun-khăm, "Một số giá trị đặc trưng cơ bản của nền văn hoá thẩm mỹ ở Lào", Tạp chí *Văn hoá Nghệ thuật*, số 9/2000, tr 80-83.

87. Nguyễn Đình Phúc, *Xuphaxít và lời nói giao duyên Lào*, Nxb Khoa học xã hội, H, 1976.

88. Cay-xỏn Phôm-vi-hản, *Một vài kinh nghiệm chính và một số vấn đề về phương hướng mới của cách mạng Lào*, Nxb sự thật, H. 1979.

89. Cay-xỏn Phôm-vi-hản, *Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào*, Nxb sự thật, H. 1986

90. Lê Vinh Quốc (chủ biên). *Các nhân vật lịch sử trung đại*, Tập I: Đông Nam Á, Nxb Giáo dục, H. 1997.

91. Trần Đình Sử, *Lý luận phê bình văn học*, Nxb Hội Nhà văn, H, 1996.

92. Su-văn-thon, *Hai chị em*, Nxb Phụ nữ, H, 1978.

93. Xay-nhạ-xản Su-khan-tha-kha-ty, "Những điểm cách tân về nghệ thuật tự sự trong văn xuôi hiện đại Lào", Tạp chí *Văn học*, Số 11, 1997, tr. 64 - 69.

94. Xay-nhạ-xản Su-khan-tha-kha-ty, "Truyền thống và cách tân trong văn học hiện đại Lào", Luận án tiến sỹ ngữ văn, Đại học sư phạm Hà Nội, H. 1999.

95. Đào Văn Tiến, Quế Lai, *Truyện cổ Lào*, Nxb Văn hoá, H. 1984.

96. Lưu Đức Trung, Đinh Việt Anh, *Văn học Ấn Độ*, Lào, Campuchia, Nxb Giáo dục, H. 1989.

97. Lưu Đức Trung (chủ biên), *Văn học Đông Nam Á*, Nxb Giáo dục, H. 1998.

98. Lưu Đức Trung, *Văn học Ấn độ*, Nxb Giáo dục, H. 1998.

99. Lương Duy Thứ (chủ biên) *Đại cương văn hoá Phương Đông*, Nxb Giáo dục, H. 1997.

100. Nguyễn Duy Thiệu, *Cấu trúc tộc người ở Lào*, Nxb Khoa học xã hội, H, 1996.

101. Nguyễn Lệ Thi, *Đạo Phật trong tiến trình lịch sử Lào*, "Những vấn đề lịch sử văn hoá 3 nước Đông dương", Nxb Khoa học xã hội, H. tr. 289 - 322.

102. Nguyễn Lệ Thi, *Vai trò của Phật giáo trong đời sống chính trị, văn hoá xã hội Lào từ 1975 đến nay*, "Tìm hiểu lịch sử văn hoá nước Lào", Tập III, Nxb Khoa học xã hội, H. 1994, tr 136 - 145.

103. Phan Lạc Tuyên, "Truyền thống, hiện đại, cách mạng. Nền tảng nội lực quốc gia trong văn hoá và phát triển", Kỷ yếu hội thảo khoa học, chương trình KX07, H, 1994. tr 34 - 38.

104. *Tác giả văn xuôi Việt Nam hiện đại* (từ sau 1945), Nxb khoa học xã hội, H, 1977.

105. *Tìm hiểu lịch sử văn hoá nước Lào*, Tập I, Nxb Khoa học xã hội, H. 1978.

106. *Tìm hiểu lịch sử văn hoá nước Lào*, Tập II, Nxb Khoa học xã hội, H. 1981.

107. *Tìm hiểu lịch sử văn hoá nước Lào*, Tập III, Nxb Khoa học xã hội, H. 1994.

108. *Tư liệu văn học Lào*, Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, Số 1, 1974.

109. *Tuyển tập văn học Campuchia*, Nxb Văn học. H, 1986.

110. *Truyện cổ dân gian Lào*, Người dịch: Xúc-xổm-chay Phôm-mạ-hả-xay và Trần Thúc Việt, Tư liệu khoa Văn học

111. Hồ Sỹ Vịnh (chủ biên), *Tìm về bản sắc dân tộc của văn hoá*, Nxb Văn hoá và Tạp chí Văn hoá nghệ thuật. H, 1993.

112. Trần Ngọc Vương, *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung*, Nxb Giáo dục, H, 1997.

113. Trần Thúc Việt, "Mối quan hệ giữa yếu tố truyền thống và cách tân trong tiểu thuyết Lào hiện đại", Tạp chí *Khoa học*, Đại học Tổng hợp Hà Nội, Số 2, 1994. tr 1 - 6.

114. Trần Thúc Việt, "Vị trí của đạo Phật trong đời sống văn hoá xã hội Lào". Tạp chí *Văn hoá nghệ thuật*, Số 1, 1998, tr 73 - 75.

115. Trần Thúc Việt, "Mấy đặc điểm lớn của nền văn học một số nước Đông Nam Á", Tạp chí *Khoa học*. Đại học quốc gia Hà Nội. Số 3, 1997. tr 5 -9.

116. Trần Thúc Việt, "Ba đặc trưng chủ yếu của nền văn học viết truyền thống Lào (từ giữa thế kỷ XIV đến cuối thế kỷ XIX)", Tạp chí *Khoa học xã hội*, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 4, 1998, tr 10-16.

117. Trần Thúc Việt, "Nhận diện văn học Đông Nam Á qua một số đặc trưng cơ bản", Tạp chí *Văn học nước ngoài*, số 6, 1998. tr 196 - 204.

118. Trần Thúc Việt, "Vấn đề dân tộc hoá và hiện đại hoá trong nền văn học một số nước Đông Nam Á". Tạp chí *Văn học*, số 7/2001, tr 43-48.

119. Trần Thúc Việt, "Ảnh hưởng của văn học dân gian đối với văn xuôi Lào hiện đại", Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 5/2004, tr 41-55.

120. Phu-mi Vông-vi-chit, "Mấy vấn đề về văn hoá Lào", Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 1, 1990, tr 15 - 20.

121. *Vượt ngục*, (Xôm-xỉ Xay-vang trích dịch), Văn nghệ quân đội, số 12, 1983.

122. *Văn học các nước ASEAN*, Viện thông tin, Khoa học xã hội, H, 1996.

123. Xu-pha-nu-vông, "Trách nhiệm vẻ vang của văn nghệ sỹ Lào", Tạp chí *Văn hoá nghệ thuật*, số 12, 1971.

124. *Xỉn xay*, Bản dịch chép tay của Đinh Kim Cương, Tư liệu bộ môn Văn học phương Đông. Khoa Văn học.

TIẾNG LÀO

125. Kẹo-ma-ny, *Người kế tục* (Phụ xựp thọt). Lào yêu nước, Sầm Nưa, 1971.

126. Thong-xới Khốt-vông-xá, *Vượt ngục (Hẹc khúc)*, Nxb Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Viêng Chăn, 1982.

127. Bua-kẹo Chạ-lơn-lăng-xỉ, *Cách mạng Lào và văn học cách mạng (Kan pạ ty vắt Lao lẹ văn nạ khạ đì pạ ty vắt)*, Nxb Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Viêng Chăn, 1993.

128. Xu-văn-thon, *Hồi tưởng lại (Huốn khưn lắng)*, Lào yêu nước, Tập I (1972), tập II (1974).

129. Đao Nửa, *Dông tố cuộc đời (Phạ nhụ xi vít)*, Nxb Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Viêng Chăn, 1997 (In lần 3).

130. Chăn-thi Đươn-xa-vẳn, *Con đường sống (Xển thang hèng xi vít)*, Lào yêu nước, Sầm Nưa, 1970.

131. *Mặt trời trên đảo Đon nang (Ta vên khửn thì Đon nang),* Tập truyện ngắn, Nxb Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào - 1983.

132. X. Bup-pha-nu-vông. *Tiểu đoàn Hai (Kong phăn thì xóng)* 4 tập, Nxb Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Viêng Chăn, 1984.

133. X. Bup-pha-nu-vông. *Người con gái của Đảng* (Lục xáo khỏng phặc) Nxb Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, 1982.

134. X..Bup-pha-nu-vông, *Hai bên bờ sông (Xóng phạc phằng),* 2 tập, Nxb Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, 1984.

135. Khăm-liêng Phôn-xê-na, *Bé Xỉ (Xỉ-nọi)*. Nxb Cộng hoà Dân chủ nhân Dân Lào, 1984 (In lần 2).

136. Khăm-liêng Phôn-xê-na, *Tình yêu (Khoam hắc)*, Nxb Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, 1983 (In lần 3).

137. Viêng Hương, *Rời Xi phăn đon (Phắt phạc chạc Xi-phăn-đon)*, Lào yêu nước, 1969.

138. *Văn học Lào khái quát* (Văn nạ khạ đì Lao đôi xắng khệp), Bộ Giáo dục, Viêng Chăn, 1985.

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung
Giám đốc - Tổng biên tập:
TRẦN CHÍ ĐẠT
Chịu trách nhiệm bản thảo
Phó Giám đốc - Phó Tổng biên tập:
NGÔ THỊ MỸ HẠNH
Biên tập nội dung:
NGUYỄN THỊ LÊ - BÙI THỊ NGA
Biên tập sách điện tử:
NGUYỄN TIẾN PHÁT - PHẠM THỊ THANH
Trình bày:
NGUYỄN TUẤN ĐẠT
Thiết kế bìa:
TRẦN HỒNG MINH

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 4923-2020/CXBIPH/2-182/TTTT
Số quyết định xuất bản: 245QĐ-NXB TTTT
ngày 24 tháng 12 năm 2020
Nộp lưu chiểu Quý I năm 2021

DIỆN MẠO
VĂN HỌC
CẬN HIỆN ĐẠI
LÀO

(TẬP 2)

ISBN: 978-604-80-5063-4

SÁCH KHÔNG BÁN